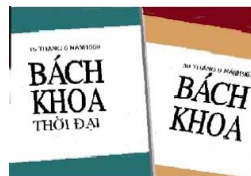


# Thư Quán Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ đề: Viết về tạp chí



- Trởng nhớ nhà thơ Triều Uyên Phượng (1948-2011)



tranh Du Tử Lê

**Số 48** tháng 9-2011

Ấn bản đặc biệt của chủ đề tạp chí  
Bách Khoa.

# TRẦN HOÀI THU'



Thư Ấn Quán 2011

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

***Sống và Viết / 4:***

Khoa Hữu (4)

Trần Bang Thạch: *Tượng Phật* (7)

Lê thị Kim Tiến: *Lời tâm tình cùng tác giả Cao Xuân Huy* (15)

Lê Sa: *Một đời trắng* (18)

Trần Hoài Thư: *Rong bút* (20)

***Viết về Tạp Chí Bách Khoa /24***

Nguyễn Hiến Lê (28) • Võ Phiến (33) • Nguyễn Vy Khanh (36) • Huỳnh văn Lang (52)

Người thủ hòm: *Chủ bút Bách Khoa* (53)

***duyên nợ Bách Khoa /60***

Trần Hoài Thư (60) • Nguyễn Mộng Giác (62) • Lê Tất Điều (62) • Trùng Dương (63) • Nguyễn thị Thụy Vũ: *Những dòng mực cuối năm* (66) • Võ Quang Yến: *Thương nhớ anh Lê Ngô Châu* (74) • Phan Du: *Văn đàn tình thoại* (77) •

Trần Trung Sáng: *Ký ức về ông Bách Khoa Lê Ngô Châu* (89)

Võ thị Diệu Hằng: *Hai mươi năm!* (92)

***Trích đăng một số truyện ngắn đầu tay trên Bách Khoa /95***

Nguyễn thị Thụy Vũ: *Một buổi chiều* (95)

Đào Trường Phúc: *Tạ từ* (104)

Tần Hoa: *Con nai nhỏ trên đoạn đường gian nan* (123),

Trần Quý Sách: *Nước mắt tuổi thơ* (129)

***Tưởng nhớ nhà thơ vừa năm xuống: Triều Uyên Phụng***  
(137)

Trần Bang Thạch: *Thêm 1 Tiếng động đã tắt* (138)

Ngô Nguyên Nghiễm: *TUP, máu đi rời rạc một đời tồn sinh* (142)

Nguyễn Lê La Sơn: *Một chiều ghé thăm TUP* (146)

Thơ Triều Uyên Phương (149)

### ***Phản thường lệ***

#### ***Truyện***

Trang Luân (158), Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh (173), Phạm văn Nhân (185), Sâm Thương (189), Nguyễn Lệ Uyên (201)

#### ***Truyện dài***

Khuất Đầu: *Người tử tù* (207)

#### ***Thơ***

Lê Sa (181), Trần Phù Thế (182), Lâm Hào Khôi (183)

### **Điểm sách, giới thiệu sách báo**

Phạm văn Nhân giới thiệu (225)

Thân hữu và tòa soạn / 227

### ***Tranh bìa của Du Tử Lê:***

Đời ngồi như dấu hỏi

"*Biển ngồi như nếp nhăn*"

"*Đời ngồi như dấu hỏi*" dtl

Tòa soạn:

P.O Box 58

South Bound Brook

NJ 08880

Email: tranhoaitu@verizon.net

## THƯ TÒA SOẠN

*Xin được đặt vào trang đầu của tạp chí TQBT số 48 này với tất cả niềm thành kính và tri ân: Những giòong lục bát màu xanh, như màu của biển cả, của mây trời, của Hoàng Sa năm 1974 mà anh đã bảo vệ, gìn giữ, và gục ngã bên pháo tháp. Mười năm về sau, bóng đảo đã bị xóa mờ. Nhưng chính là lúc bóng anh, một thi sĩ của miền Nam, một người lính của miền Nam càng đậm nét hùng vĩ và bất khuất.*

So với một số báo trước đây, cứ ba tháng ra một kỳ, lần này, số báo 48 được phát hành chỉ sau hai tháng. Điều này đã nói lên tính chất "bất định kỳ" của tạp chí. Bất định kỳ không có nghĩa là dấu hiệu của bi quan. Trái lại việc mau hay chậm là tùy thuộc vào những yếu tố như sức khỏe tuổi tác của người chủ trương kiêm thợ ấn công duy nhất..

Ngoài những mục thường lệ như Sống và Viết, Suu Tập Di Sản văn chương miền Nam, giới thiệu sách báo, những sáng tác văn chương mới nhất của các tác giả quen thuộc, chúng tôi dành nhiều trang cho chủ đề giới thiệu tạp chí Bách Khoa. Đặc biệt chúng tôi cũng đăng lại 4 truyện ngắn đầu tay của 4 tác giả trên tạp chí này do chúng tôi dày công sưu tầm.

Về phần giới thiệu văn thi sĩ miền Nam trước 1975, kỳ này chúng tôi giới thiệu nhà thơ Triều Uyên Phụng. Nhà thơ TUP đã bỏ trần gian đi vào cõi miên viễn vào tháng 6-2011. Để tưởng nhớ một nhà thơ tài hoa của thế hệ chiến tranh, chúng tôi sưu tầm một số bài thơ đã xuất hiện trên một số tạp chí, và đăng lại, như nén hương lòng của anh em chúng tôi về người đã khuất.

Cùng với kỳ phát hành tạp chí TQBT này, chúng tôi cũng thực hiện một phụ ấn bản đặc biệt. Đó là **Truyện Từ Bách Khoa** của Trần Hoài Thư, gồm khoảng 16 truyện ngắn được đăng rải rác trên tạp chí BK. Sách không bán, chỉ dành tặng bạn đọc.

Quý bạn nào thích xin liên lạc với tòa soạn, chúng tôi rất vui để biếu tặng. Nếu quý bạn cảm thấy áy náy, cứ tùy tâm bỏ tem thư

cước phí vào phong bì là đủ.

Thật ra, chính quý bạn là những người mà chúng tôi phải cảm ơn. Quý bạn đã mang niềm vui cho chúng tôi, giúp chúng tôi biết con đường chúng tôi đi, và việc chúng tôi làm.

Cuối thư, xin được cảm ơn các thân hữu đã nhiệt tình đóng góp bài vở. Kính chúc quý bạn và gia đình những mùa vui, bình an bất tận...

Trân trọng  
Tạp chí TQBT

# SÔNG & VIẾT

## Khoa Hữu

• Giữa năm 1966 tại Ngã tư Xoài Đôi có một quán bia và café. Chủ quán là cô gái trẻ, đẹp tên Thảo. Thảo làm giao liên, lấy tin tức từ sĩ quan Ban 2, Ban 3 của Tiểu Đoàn.

Ám hiệu báo tin là ngọn đèn dầu để trên bệ cao hướng ra đồng trống: có lính để hé ra, không lính kéo khuất vào.

Một đêm kích, Thảo từ buồng trở về, khi đi ngang lính nổ súng, tôi kịp đẩy mũi súng lên, nghĩ chắc là Thảo, cô chạy loạng choạng để rút lại chiếc khăn tay thêu chữ UYÊN.

Một lần nghỉ quân, Thảo mang đến một chai bia. "Trung úy mời trung sĩ đấy!" Tôi buột miệng cảm ơn UYÊN. Cô giật mình.

Vậy là cô biết người lính không giết cô đêm ấy, và một tình cảm xót xa bắt đầu. Sau này Tiểu đoàn giao lại cho Địa phương quân, đi chiến trường khác, ra Vạn Kiếp, sang Campuchia. Và trong một lần về thăm muôn màng, tôi biết tin cô đã bị giết vì tội phản bội. Quê nhà cô ở đâu? Nắm mộ đất ở đâu?

Tôi viết bài thơ này tưởng nhớ Uyên, một số phận.

## Hoa hồng trắng

Bị mất, trối tay bức tranh vẽ  
viên đạn, mũi dao bản án truyền  
ngày mưa lạ đồng không thành bể  
đêm mỗi nhữ tiếng cú kêu khan.

Tiếng bước động trên từng ngọn cỏ  
đất đen như đất đã đổi màu

ngọn đèn thức, em chừng chưa ngủ  
ngóng ta về như thửa còn nhau.

Uyên ơi Uyên sống như tra khảo  
tội trăm năm, tội đã theo người  
tả áo khuyết vạt trắng thay áo  
xõa ngàn mây một mái tóc phơi.

Em chết trẻ, ta già vội thế  
tiếc hồng nhan gió đến quạt mờ  
xấp thơ xếp bìa bong niên kỷ  
tấm da này ta thuộc, đã dư.

Hạ chớp bể Đông lùa gió bắc  
lá Thu phong Xuân trắng biên thù  
em có đủ bốn mùa hôn ước  
cõi vuông tròn một lẽ vu quy.

Ngôi mộ không, tình yêu ta thấp  
lâm khói hương buổi ấy ta về  
ta không khóc nghĩa là chưa khóc  
quê người xa tận cánh đồng mê.

● Vào năm 1968, đơn vị hành quân và liên tục chạm súng trên đất Cầu nối, Gò Công. Vào đêm trung thu lại có mưa nhỏ, đóng quân trên một đồi cao có cây lớn. Nửa đêm tôi gõ cửa một ngôi nhà cổ kính xin nước mưa, gặp Suong, cô là sinh viên Đại Học Văn Khoa, về thăm bà nội bệnh nặng. Ba cô là Đại tá ở bộ TTM. Cô cho nước và bánh trung thu, và một chút tình cảm ấm áp. Ba tháng sau hành quân trở lại, biết tin Suong bị giết, chẳng biết cô đã phạm tội gì?

## Trâm cỏ-thi

Cỏ xưa đất cũ tìm trâm  
cỏ thi trăm bụi trâm cầm trên tay  
trâm xưa đâu phải cỏ này  
tình như trăm nhánh cỏ gãy sắt son  
còn xanh cỏ bóng hồng nhan

còn xanh trâm ấy áo lam xanh trời  
tìm trong cỏ chiếc trâm rơi  
cỏ trâm tuyệt tích nhớ người tìm đâu  
tủi nhân gian mấy giọt châu  
buồn như thơ chuyện bể dâu cõi lòng.

*\* Nhà thơ Khoa Hữu hiện ở VN.*



TRẦN BANG THẠCH

---

TƯỢNG PHẬT



¶Áp tượng Phật vào tim mình, tôi nghe hơi ấm của má. Tôi chợt hiểu rằng vĩnh viễn người mẹ luôn áp ủ con cái của mình dù mẹ có đi tới đâu, dù con đang ở một chân trời góc biển nào.¶

Khi người học trò cũ từ quê nhà trở lại Houston trao cho tôi một bao thơ, trong có lá thơ thật dài của em gái tôi và một

tượng Phật Bà Quan Thế Âm, tôi thấy mình choáng váng, muốn ngã quỵ. Đó là ngày gia đình chúng tôi làm cái thất thứ hai cho má tôi, tức là mười bốn ngày sau khi má tôi mất. Từ ngàn trùng tôi đã âm thầm khóc và cầu nguyện cho vong linh má tôi được sớm về cõi phúc. Bất ngờ nhận được tượng Phật, tôi nghĩ ngay rằng má tôi chưa đi đâu hết mà đang đến với tôi. Má muốn đem tượng Phật, đem cái may mắn đến cho tôi dù má đã xa đời. Trời ơi, người con bất hiếu là tôi đang biện biệt phương nào trong những giờ phút cuối đời của má, để vong linh má phải đi tìm tôi tận nơi này. Còn nhớ hồi năm 2000 chúng tôi về thăm má tại quê nhà, má đã lẫn nặng, lúc nhớ lúc quên, nói năng khó khăn, thiếu đầu thiếu đuôi. Nhưng có một câu mà má tôi cứ hỏi tôi hoài: “Không biết đến lúc má già con có về được không?”. Mỗi lần nghe câu hỏi đó tôi đã vuốt đôi vai gầy của má, thế cho câu trả lời, vì nghĩ rằng xa xôi quá chỉ sợ về không kịp. Quả thật là không kịp. Má tôi ngã bệnh nhanh quá, ra đi nhanh quá và chôn cất cũng nhanh trước khi một năm mới sắp đến. Cũng là lỗi của tôi, cứ nghĩ má còn ở với con cháu lâu hơn nữa, cứ nghĩ vài tuần lễ nữa sẽ về, như lịch trình đã xin phép ở sở làm, chắc còn kịp. Tôi đã không về kịp thì hôm nay, qua tượng Phật, má tôi đã đến với tôi. Má bao dung của tôi chắc không trách, nhưng tôi thấy cái lỗi của mình quá nặng.

Trên mười trang giấy đầy chữ em gái tôi kể lẽ từng chi tiết một kể từ ngày má trở bệnh cho đến giờ má nhắm mắt. Dòng cuối, em tôi viết: “Đúng 8 giờ 15 tối ngày 28 Tết má đã bỏ anh em mình mà ra đi!”. Tôi biết em gái tôi đã không cầm được nước mắt khi viết câu này nên bức thư phải chấm dứt ở đó, cũng như nước mắt tôi chảy nhiều hơn mỗi lần tôi đọc câu ấy. Từ nhỏ cho tới giờ em gái tôi chưa hề sống xa mẹ, cho nên bên này tôi buồn một thì bên kia em gái tôi phải buồn mười. Mỗi lần nói chuyện với tôi trên điện thoại, em tôi chỉ khóc và khóc. Trên một tờ giấy nhỏ khác em tôi cho hay đã tìm thấy trong mớ tập vở cũ của tôi cái tượng Phật đã được để trong bao thơ với tên người nhận là tôi, nên em gởi sang cho tôi. Bị run tay và mất trí nhớ từ vài năm nay, má tôi chắc phải khó khăn lắm mới nhớ được và viết ra được tên tôi với nét chữ ngoằn ngoèo và dán thơ bằng com nguội. Chút com nguội khô còn dính trên bao thơ cho biết lá thơ này má dán không bao lâu trước ngày má mất. Má tôi trí óc đã lú lẫn mà ở những ngày cuối đời vẫn

còn nhớ tới đứa con ở xa. Còn đứa con xa xôi này có bao nhiêu lần tưởng nghĩ tới má? Áp tượng Phật vào tim mình, tôi nghe hơi ấm của má. Tôi chợt hiểu rằng vĩnh viễn người mẹ luôn ấp ủ con cái của mình dù mẹ có đi tới đâu, dù con đang ở một chân trời góc biển nào. Và tôi cũng chợt nhớ rằng đã từ thật lâu tôi đã quên hết những cử chỉ, lời nói thương yêu đối với má. Bây giờ cầm tượng Phật trên tay, tôi như đang thấy má, muốn nói “má ơi con thương má” thì còn má đâu để mà nghe!

Tượng Phật Bà Quan Thế Âm bằng đồng chỉ nhỏ bằng ngón tay út nhưng đối với má tôi nó trọng đại vô cùng. Tượng đã ở trên cổ má từ những ngày má mới chào đời. Má là đứa em gái út của 8 anh trai. Bà ngoại sanh má khi ngoại đã 49 tuổi, sau 12 năm ngưng sanh nở và sau bao nhiêu lần vào ra các chùa chiền, lặn miếu xin phật trời ban cho một đứa con gái. Má thuật lại chuyện bà ngoại cùng với hai người hầu gái một buổi chiều chạng vạng ghé cái miếu hoang nằm bên bờ rạch nhỏ của con sông Kế Sách, sau khi cắm 3 nén nhang vào kệ hờ ba cục đá trong miếu, ngoại thấy một vật sáng trước mặt, ngoại cầm lên coi thì thấy đó là tượng Phật Bà Quan Thế Âm nhỏ xíu. Hai người hầu gái trước đó cũng làm như ngoại nhưng họ không thấy một đốm sáng nào. Những miếu trong thôn ấp thường được dựng lên sơ sài để thờ mấy cục đá coi như là thổ địa. Nhưng miếu này lại có tượng Phật là điều lạ, ngoại không dám lấy về dù trong thâm tâm rất muốn. Đêm đó về nhà ngoại nằm mơ thấy có con bướm vàng bay vào bụng ngoại rồi bay lộn trở ra. Ba đêm liên tiếp như vậy. Chuyện ấy rồi cũng qua đi cho tới ba tháng sau thì mọi người bỗng nhớ lại cái tượng Phật và con bướm vàng khi ngoại thổ huyết nặng, ngoại ọc ra từng bùm máu tươi. Ông ngoại nghĩ tới tượng Phật và cái bào thai không thành nên khuyên mọi người nên trở lại cái miếu hoang ở Kế Sách để cầu nguyện. Sau khi cắm 3 nén nhang vào kệ hờ 3 cục đá như lần trước, bà ngoại và những người tháp tùng chờ một nguồn sáng từ đâu đó trong miếu. Không có một vệt sáng nào hết. Chờ một hồi lâu cũng không có gì mọi người phải rời khỏi miếu vì đã quá khuya. Khi mọi người đã an vị trong khoang ghe bầu thì ông ngoại mới nhớ là đã để quên cây đèn dưới gốc cây mù u bên miếu. Đi chưa tới gốc mù u thì ông ngoại đã thấy một đốm sáng thật nhỏ ở đoạn đường ngắn chừng xấp xỉ tay giữa gốc mù u và cái miếu. Tưởng là con đom đóm, thoát đầu ông ngoại không chú ý; khi đến thật gần, đốm

sáng vẫn còn, nhìn kỹ thì đó là tượng Phật Bà. Ông ngoại trở lại ghe kêu bà ngoại trở lên bờ thỉnh cái tượng Phật. Bà ngoại không muốn lấy, ông ngoại bảo đó là vật trời phật cho mình, không lấy thì ban ngày ban mặt người trong làng cũng thấy và họ sẽ lấy thôi. Dem về nhà, ngoại đeo tượng Phật vào cổ. Ba tháng sau thì ngoại có mang. Đúng 10 tháng 10 ngày sau thì má mới ra đời. Ngoại nói má là đứa con cầu tự. Ngoài cái tên cúng cơm, ông ngoại còn gọi con gái là Trích Tiên, nàng tiên bị đọa xuống dương trần để làm con nhà họ Lê của ngoại. Về sau tôi cứ nghĩ cái tên Trích Tiên này đã vận vào má suốt đời để má trở thành nàng tiên mắc đọa quanh năm sâu khổ. Từ ngày có đứa con gái út, ông ngoại tôi không còn cái tật rượu chè, trai gái. Trong hai năm liền, ngoại tôi miễn hẳn việc thuê lúa ruộng của cả mấy chục tá điền ở rải rác khắp vùng đồng ruộng ở Bãi Xàu, Kế Sách, Vũng Thơm... thuộc tỉnh Sóc Trăng. Còn bà ngoại thì đi khắp chùa chiền đình miếu đem tiền bạc thóc gạo bố thí. Má tôi trở thành con gái rượu của ông ngoại, được cưng chiều như trứng mỏng, tối ngày không ngồi trên lưng ngoại thì cũng cõng trên vai 8 ông anh. Lúc bốn tuổi má tôi đã ngồi ghe bầu hay ngồi ngựa với ông ngoại đi thăm các sở ruộng mênh mông. Ngoài chuyện làng nước, tối ngày ông ngoại lân quần ở nhà chơi với con gái. Lúc má tôi được hơn 5 tuổi thì bà ngoại tôi trở bệnh nặng rồi mất. Ông ngoại tôi buồn bã trở lại rượu chè và mất sau đó không lâu. Trước khi mất ông ngoại tôi nhờ vợ chồng người bạn đồng liêu làm hương chủ ở Cần Thơ đem má tôi về làm con nuôi. Đi đưa má tôi về làm con nhà họ Nguyễn có bầu đoàn thê tử của cả 8 ông anh ngồi chật cả chiếc ghe chài mấy trăm gia có mui và có giàn hát máy hát suốt đoạn đường sông. Đi kèm theo ghe lớn còn có hàng chục ghe nhỏ của những tá điền, làm rộn rã những khúc sông đoàn ghe đi qua. Má tôi được đưa về làng Thường Đông, cách quận Cái Răng hơn một giờ chèo ghe cùng với bốn cái rương gỗ to cần xa cừ và tượng Phật Bà trên cổ. Hôm đó ông bà ngoại nuôi mở đại tiệc mừng có đứa con gái nuôi. Gian nhà khách to lớn cùng cái rạp che lá dựa trên sân phơi lúa rộng hàng trăm chiếc đệm chật ních người, có cả quan cai tổng và quan bổ chánh về dự. Đờn ca hát xướng 2 đêm 3 ngày liền. Một con lân trắng, một con lân đen và bốn ông địa thay nhau múa suốt buổi. Trống lân vang dội tới cuối làng. Xác pháo đỏ ngập sân. Sau này má nói tuy mới 6 tuổi nhưng hôm đó má

buồn khóc như mưa, mấy ông lân và mấy ông địa làm đủ trò cho má cười, nhưng má chỉ có khóc, má chỉ muốn theo các ông anh trở về nhà cũ. Trước đó hai năm, Cậu Hai tôi cũng được đem về làm con nuôi từ một gia đình ở Cái Côn vì ông bà ngoại nuôi tôi có nhiều ruộng đất mà không có mụn con nào. Sau đó cũng nhờ có cậu Hai lúc nào cũng chơi đùa bầu bạn nên má cũng nguôi ngoai. Rồi má cùng cậu Hai đi học trường làng rồi trường quận. Khi cậu Hai đi học ở chợ Cần Thơ thì má ở nhà để ngoại dạy công dung ngôn hạnh, chờ đến khi lấy chồng. Má nói má bớt cô đơn cũng nhờ cái tượng Phật, má như thấy mẹ ruột lúc nào cũng ở bên cạnh mình, vỗ về, an ủi. Má nói đó là vị thần hộ mạng của má. Còn tôi thì từ ngày còn nhỏ đã coi tượng Phật chính là má tôi. Tôi nhớ khi đã sáu bảy tuổi rồi mà tôi vẫn thích nằm trong lòng má, tay mân mê tượng Phật má lúc nào cũng đeo trên cổ, gọi má là Phật Bà. Má tôi thì gọi tôi là Na Tra bởi lúc nhỏ tôi là thằng bé mũm mĩm, đầu chừa ba vá cho tới khi biết mặc cỡ khi tắm sông ở trường. Năm tôi lên chín tuổi thì ba tôi có vợ hai. Vào một ngày mưa giông tầm tã, sau lần nói chuyện với ba tôi mà trong đó má tôi khóc nhiều hơn là nói, má tôi rời nhà chồng ở Xẻo Môn cùng với hai anh em tôi, đem theo mấy bộ đồ và món nữ trang duy nhất là cái tượng Phật Bà. Trước khi rời nhà chồng, má tôi bắt tôi cùng với má vào nhà từ đường lạy khắp nơi có bàn thờ, rồi lạy ông bà nội mỗi người bốn lạy coi như là mẹ con tôi xin được ông bà tha cho tội bất hiếu, đã không thể ở đây để thờ phụng ông bà. Tôi không quên được con đường đất trơn trượt từ Rạch Xẻo Môn dẫn tới chợ Bang Thạch nằm trên liên tỉnh lộ 4. Người đàn bà yếu ớt vừa mới sanh con hơn hai tháng, từ nhỏ chỉ biết may vá thêu thùa, bánh mứt, chưa một lần rời khỏi đôi guốc, đôi dép; bây giờ phải bồng con nhỏ vừa khóc vừa đi như chạy dưới mưa, chân trần bám từng tấc đất để khỏi bị té. Lúc bắt đầu học làm thơ hồi 14 tuổi, bài thơ đầu tiên của tôi nói về suối nước mắt của má đã đổ xuống nhiều gấp trăm ngàn lần nước mưa của cả bầu trời quê nội hôm đó, suối nước mắt để khóc cho thân phận mình. Hôm ấy tuy còn nhỏ, té lên té xuống, mà tôi đã biết diu má và biết nhìn tượng Phật trên cổ má khẩn thãm cho trời đất thương mẹ con tôi mà chấm dứt cơn mưa để mẹ con tôi bớt khổ. Tới quốc lộ, bên trái là về Cần Thơ với cha mẹ nuôi, bên phải là về Sóc Trăng với các anh ruột, má tôi cuối cùng lên xe về hướng Sóc Trăng, rồi dừng lại nửa đường.

Sau này tôi mới biết là má không muốn bắt cứ người thân nào của hai bên ngoại biết hoàn cảnh gia đình bất hạnh của má, số phần của má thì chỉ có má là người nhận chịu, nên khi xe đồ Cosara ghé trạm kiểm soát ở ngã ba An Trạch thì má bỗng con xuống xe, đón xe bò đi rẽ vào một sóc Miên cách quốc lộ vài cây số.

Vào một ngày mưa gió, với một đứa con đỏ hỏn trên tay và một đứa lúp xúp vừa chạy vừa té, má đã can đảm chấp nhận ngã rẽ cho duyên phận của mình, thì từ đây con đường đời của má cũng đầy đầy những ngã rẽ, những khúc quanh, những ghềnh thác mà má một đời phải chịu đựng. Khúc quanh lớn nhứt trong đời má chắc chắn phải là việc ly hôn khi tuổi đời chưa tới ba mươi, ở cái thời buổi xã hội coi đó là một điều không chấp nhận được, nhứt là miệng đời chỉ kết tội cho người đàn bà. Họ có thói quen cho rằng người đàn ông có thể năm thê bảy thiếp, còn gái chính chuyên thì chỉ một chồng. Trước mắt nhiều người, thời buổi đó mà má tôi không chịu cho chồng mình có vợ bé mới là điều kỳ cục! Nhưng khi má tôi đã dắt con rẽ vào một sóc Miên toàn là người xa lạ thì người đàn bà tiểu thư bất hạnh ấy đã có một quyết định cho đời mình. Đó là tham gia phong trào kháng chiến đang rầm rộ nổi lên ở khắp vùng Nam bộ. Người ta nói tới việc đuổi Pháp, việc chống xâm lăng, nói tới tự do, độc lập, dân chủ, hòa bình, cơm ăn áo mặc; nhứt là khẩu hiệu giải phóng người phụ nữ khỏi áp bức, giải phóng người nông dân khỏi bóc lột bởi nạn cường hào ác bá. Chánh trị hay chủ nghĩa này nọ thì má tôi đâu có hiểu gì, nhưng má nghĩ tới mình rồi nghĩ tới hàng ngàn những phụ nữ như má, nghĩ tới cả trăm ngàn những thân phận đàn bà hẩm hiu trong những góc tối gia đình phong kiến. Cách mạng đối với má chỉ đơn giản như vậy, không dài dòng Engel Karl Marx Đề Tứ Đề Tam hay Nam Tào Bắc Đẩu gì hết. Má hăm hở tham gia hội Phụ nữ Cứu quốc vì chính cái ý nghĩa cao đẹp của các từ ngữ này, hơn là những gì khác nằm sau lưng của nó. Má tôi không phải là cán bộ cốt cán vì có gốc là thành phần tiểu tư sản, nên lúc nào cũng làm phò và cho đến ngày ngưng bắn tháng 7 năm 1954 má vẫn là dự bị đảng viên. Má tôi không màng chuyện đó. Chánh yếu là trong kháng chiến má tôi đã dạy hàng ngàn người đàn bà, trẻ con, người lớn nơi các vùng sâu biết đọc biết viết, biết địa vị con người của mình dù phải sống dưới bất kỳ hoàn cảnh nào; đặc biệt đi đến đâu má tôi cũng nói với người

phụ nữ về quyền bình đẳng đối với nam giới, quyền làm vợ, quyền làm người. Má tôi không ra mặt trận, nhưng những thương binh bình ở cả hai bên từ mặt trận đưa về, má tôi đều săn sóc chu đáo. Không ai tưởng tượng được tại vùng giải phóng ở Trà Lồng có người nữ cán bộ vừa băng bó vết thương cho thằng Tây Ma-Rốc rách mặt, vừa nói chuyện với nó bằng tiếng Tây. Có những thằng Tây tù binh non choẹt kể cho má tôi nghe nỗi nhớ mẹ, nhớ cha, nhớ nhà, nhớ người yêu. Nó khóc, má tôi dỗ nó như đứa con nít. Mẹ con chúng tôi theo cơ quan đi khắp khu 9 miền Tây Nam bộ. Bao nhiêu nguy hiểm như có mặt hằng ngày với má, nhứt là khi má đi công tác vùng ven. Một lần trốn dưới một bầu bông súng ngay sát con lộ đám lính Tây đang ruồng bố, má tôi ngâm tượng Phật Bà và thề nguyện Phật Bà cứu độ. Nhiều lần như vậy, má tôi đều thoát. Chuyện này khi người nữ thủ trưởng của má tôi biết được, bà bắt má tôi phải không được tin những điều nhảm nhí như vậy. Còn cái tượng Phật mà má tôi đeo, theo họ, chỉ làm mất bản chất của người cách mạng, cũng không được đeo. Má tôi nhứt quyết không nghe. Sau đó má tôi nhiều lần bị hạ từng công tác, cuối cùng chỉ còn nhiệm vụ là lo cơm nước, lo nuôi heo, gà cho cơ quan. May mắn là mỗi tối dưới ánh đèn mù u má tôi còn được dạy mấy lớp binh dân học vụ mà đa số học viên là trẻ con chăn trâu mướn và phụ nữ quần thô áo vá. Má tôi làm được như vậy là đã quá đủ cho cái gọi là lý tưởng của má rồi. Rất đơn giản, má tôi nói cách mạng là làm cho các trẻ chăn trâu ngồi trên chính con trâu của mình và biết ê a đọc sách; là làm cái áo cái quần của người đàn bà lành lặn để ngược mặt mà đi tham gia việc làng việc xã. Tôi nhớ lúc phong trào chống Bảo Đại trong vùng kháng chiến, với bức tranh vẽ Vua Bảo Đại mắc câu, có một ông gì lớn lắm nghe nói từ trung ương ghé qua cơ quan mở hội nghị với các cán bộ cốt cán toàn khu Tây Nam Bộ. Xong hội nghị, ông ra tận sân nước dưới bến sông, nơi má tôi đang rửa một đồng nồi ơ, chén bát, nói chuyện với má thật lâu, rồi bỗng nhiên tôi thấy má quảy quả bỏ đi, người đại cán đứng ngăn người một lúc, vỗ mạnh vào cái xác cốt bằng da bò láng bóng mang bên hông, rồi mới hậm hực bước xuống xuống chèo, rời khỏi cơ quan. Sau đó tôi có hỏi, má nói vẫn là chuyện cái tượng Phật và những lời đe dọa của một người có tánh lẳng nhăng mèo mả gà đồng. Má nói má ghét cay ghét đắng những người như vậy, nhứt là những ai

đụng chạm tới cái tượng Phật của má.

Cái tượng Phật nhỏ xíu như vậy mà đã làm cho má xác bất xang bang suốt mấy năm trong vùng kháng chiến. Cho tới một ngày sau Hiệp Định Genève 1954 má trở về làng Thường Đồng nuôi bệnh mẹ thì tai nạn mới hết.

Những năm tháng còn sống trong gia đình, cứ mỗi lần sắp đưa ông táo về trời là tôi có bốn phận đánh bóng tất cả mấy bộ lư đồng, thích nhất là được tỉ mỉ đánh bóng tượng Phật trên sợi dây chuyền của má. Tôi tần mẩn dùng bông gòn hay sợi chỉ thấm dầu bóng lau từ những kẽ ngón tay nhỏ bằng sợi tóc cho tới từng nếp áo, từng giọt nước cam lồ chảy ra từ cái bình nhỏ bằng hột gạo. Mỗi khi đánh bóng xong, tôi muốn được má khen và muốn tự mình đeo tượng Phật vào cổ má, để thừa dịp má không để ý, hun má một cái chụt rồi chạy mất. Còn nhớ năm đầu vào đại học trên Sài Gòn, má tôi đeo tượng Phật vào cổ tôi, nói là để được may mắn. Tới năm sau thì tự nhiên tôi cảm thấy mắc cỡ với đám bạn bè sinh viên của Sài Gòn hoa lệ, vì nghĩ rằng đàn ông con trai mà mang dây chuyền dây cổ với cái tượng Phật sao có vẻ quê mùa tỉnh lẻ quá, nên tôi trả về cho má. Càng lớn, đi học xa, rồi đi làm xa, tôi càng ít nghĩ tới tượng Phật. Tôi không nhớ là đã bao nhiêu năm tôi không còn nghĩ tới tượng Phật nhỏ xíu ấy nữa. Hai mươi bốn năm ở xứ người, hình như tôi đã quên phứt cái tượng Phật mà hồi nhỏ tôi gọi là Má. Cũng quên luôn mình đã từng được má thương yêu gọi là Na Tra. Có lẽ tôi cũng ít khi nghĩ tới sẽ có một ngày rất gần mình phải mồ côi mẹ.

Hôm nay thì tượng Phật đang áp sát trên ngực trái của tôi, ướt sũng những giọt nước mắt.

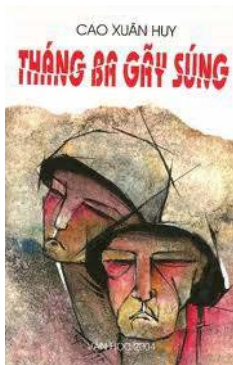


LÊ THỊ KIM TIỀN

## Lời tâm tình cùng tác giả Cao Xuân Huy

¶...Những trần trụi của đời thường bỗng dung rạng ngời và bay bổng từ cái thật.. ¶

Đọc xong tập hồi ký ngắn gọn “**Tháng Ba Gãy Súng**” và tập “**Vài Mẫu Chuyện**” của tác giả Cao Xuân Huy, lòng tôi chấn thờ. Có một điều gì đấy đang chạm vào làn da tôi, nham nhám. Càng lúc càng đau, bỏng rát. Giá mà ông còn sống, tôi đã tìm đủ mọi cách để nói lời cảm ơn trực tiếp đến ông. Nhưng có muộn quá chăng? Tôi không muốn làm một người phê bình văn học nghệ thuật, mà thật ra, nếu muốn tôi cũng không thể làm được. Nó ngoài tầm tay với của tôi, nhưng tôi muốn làm một người chia sẻ nỗi đau của ông.



Cả nước hay dân Sài Gòn là tháng tư gãy súng nhưng *tháng ba gãy súng* của ông cũng là *tháng ba gãy súng* của tôi dù tôi chưa bao giờ cầm súng như ông. Tháng ba tôi bỏ học, nhọc nhằn trên những chuyến xe di tản khỏi thành phố Qui Nhơn, tạm dừng chân ở Nha Trang và tiếp tục đến điểm cuối là Sài Gòn.

Tôi không biết tác phẩm này sẽ được các nhà phê bình văn học nghệ thuật đánh giá như thế nào, và độc giả có quý mến và xem nó như là một tác phẩm có giá trị lâu dài hay không? Có lẽ điều này nên để cho thời gian trả lời, nhưng với tôi, đây là một tác phẩm viết về đời lính đã làm trái tim tôi đau đớn nhất. Nó cấu xé, hạch sách tôi. Nó đánh ngã gục tôi bởi cách hành văn quá thật, bạt mạng và trần trụi của chính đời lính ông và chính đồng đội của ông.

Tôi rất ít thích đọc những lời lẽ mạnh bạo với nhiều câu chữ thê hay những tào bạo về đề tài tình dục. Bởi vì đề tài này không dễ viết để chúng ta thấy được cái ý nghĩa tuyệt vời mà Thượng Đế đã ban tặng cho muôn loài. Tôi không dám phán xét. Tôi chỉ biết là tôi rất dị ứng với nó. Thế nhưng với hai quyển này, những từ ngữ ông dùng đã cho tôi thấy được con người ông nói riêng và đời lính nói chung. Những trần trụi của đời thường bỗng dựng rạng ngời và bay bổng từ cái thật của ông, cái thật chính con người ông, cái thật của đời lính dù là người lính binh nhì hay cao hơn là những cấp tướng, tá. Những mong muốn thềm khát vọng đời thường, những hèn nhát, những sợ sệt, những vui những buồn của một đời người đã bày biện ra dưới ngòi viết rất thật của ông đã làm tôi hết ngưỡng ngùng. Họ chữ thê, họ ăn nói bạt mạng. Có người có lúc hèn lúc không, có kẻ suốt đời hèn, cũng có kẻ suốt đời anh hùng. Dù như thế nào, tác giả cũng đã không làm tôi thất vọng. Tôi đã không thấy ghê bởi những điều trần trụi. Đã lâu lắm rồi tôi sợ đọc những điều đau đớn, nhưng hai tác phẩm này đã làm tôi bớt sợ hãi, phải chăng vì nó thật quá, đau quá, đau đến tê buốt nên không còn đau hơn được nữa!

Đọc đoạn ông tả từng cá nhân tách ra, tách ra ngời thành vòng tròn và sau đó là quả lựu đạn đặt ở giữa và ầm, bao nhiêu mạng người nằm xuống. Không biết là bao nhiêu vòng tròn như thế đã hình thành trên đường tháo chạy từ khắp mặt trận. Rồi đến đoạn ông tả về con tàu, không hiểu vì lý do gì mà con tàu quay vòng nên chân vịt đã quét lấy đi biết bao mạng người còn lờm còm dưới nước đang cố leo lên tàu ở cửa biển miền Trung. Những đoạn ông tả quá sống động, quá thật trong từng chi tiết, đã làm tôi nhớ lại cảnh tượng ghê sợ buồn đau này dù rằng tôi không phải là nhân chứng. Những vòng tròn này, tôi cũng

được nghe từ một người anh quen thân với gia đình tôi kể lại. Lần nào nghe cũng đau nhói trong tim. Nghe anh ấy kể mà không dám nhìn vào mặt người kể!

Gia đình anh ấy chạy vào Đà Nẵng và anh mất liên lạc với người bạn gái, thế nên anh chạy tìm kiếm khắp các bến tàu. Dòng người đến Đà Nẵng càng đông, bến tàu chật ních, máu và nước mắt. Anh kể. Nhưng bất tin. Thế rồi, Đà Nẵng mất, gia đình anh quyết định không đi tiếp vì không có tiền và vì không có ai quen ở những thành phố phía nam. Anh quay trở lại Huế, anh kể, có lẽ anh là một trong những người trở lại Huế sớm nhất. Trên đường đi, anh đã nhìn thấy nhiều vòng tròn mà tác giả đã tả trong tác phẩm của ông. Chính vì thế tôi không xa lạ với những vòng tròn này. Đây là lần thứ nhất tôi đọc về những vòng tròn đau đớn, nhưng không nhớ đó là lần thứ mấy tôi nghe về những vòng tròn khép lại cuộc đời này. Xe chạy trên đèo Hải Vân, nhìn xuống biển, anh kể, xác người trôi lênh bênh. Nhìn hai bên đường, thân xác sinh chương, từng vòng tròn với những mặt nạ màu đen phủ che mặt mũi. Anh cứ thắc mắc hoài sao chết mà phải che mặt, với cái tuổi mới lớn của anh. Và đó là những vòng tròn mà anh không thể nào quên được. Những vòng tròn đau đớn. Những vòng tròn tủi hờn. Những vòng tròn anh dừng. Những vòng tròn không bao giờ được gấn bội tinh. Anh bảo: “Anh đã nhìn thấy địa ngục rồi, anh đã sống trong địa ngục rồi, nên anh không sợ bị đẩy dưới địa ngục sau khi anh chết đâu. Địa ngục sau khi chết chắc không dễ sợ bằng!”

Và bài “Trước Giờ Ngưng Bắn” trong tập “Vài Mẩu Chuyện” của ông, ông tả cảnh giành cờ chiếm đất giữa hai bên, tôi biết thêm rõ hơn vì sao anh tôi chết. Anh tôi cũng giành cờ chiếm đất như ông và đêm 30 tết năm 1973, anh đã giành được lá cờ phủ lên chính quan tài anh. Những đoạn văn tả về cảnh này lại khơi dậy trong tôi nỗi buồn tưởng đã nằm yên. Bài nào cũng mang đến cho tôi những suy gẫm về nỗi đau mà ông gánh chịu, chứng kiến, những giây vò mà ông cảm nhận. Đã gần 40 năm mà tưởng như mới hôm qua. Nóng quá, rất quá, đau quá!

Tôi xin gửi đến tác giả lòng biết ơn vì ông đã nói quá thật về ông, về đồng đội của ông. Ông bảo rằng, ông không có một

chút hư cấu nào, dù là chút chi tiết nhỏ nhoi. Tôi tin ông và tôi rất trân trọng nỗi giày vò ray rứt, dằn dằn của ông. Tôi biết là ông không còn có thể đọc được những dòng chữ này, nhưng tôi tin rằng ông đã sống và chết như một con người.

19 tháng 5 năm 2011



## Một đời trắng

Lê Sa

**¶Hôm nay trở về. Những tưởng lòng vô ưu vô ngại,  
những tưởng tìm được bóng trắng xưa – Không còn  
gì nữa! Tất cả chỉ còn là cổ tích.¶**

Lạ lắm! Cứ vào mỗi ngày đầu thu. Vừa chớm 5 tuổi, tôi đã thích gác đầu lên vế ngoại mà ngóng tìm mây trắng, ngó màu xanh da trời vời vọi trên cao... Và trắng nữa.

Trắng luênh loang rót mật vàng lên tàu chuối lựa tợ, trắng sột soạt cựa mình ngoài bờ tre rịn gió. Tôi vịn trắng mà đi, bước đi lẫm chẫm như trẻ thôi nôi.

Không hiểu sao trắng có sức huyền dụ tôi lạ lùng đến thế! Trắng ảo nhuộm tôi một thời quê quã. Tôi thêm được nghe lại tiếng ai đó đang gọi dò trên bến sông trắng giữa mùa lúa chín. Từng ngọn nam non đầy trắng trôi dập dềnh qua sóng lúa, thơm dâng mùa nẩy hạt.

Sương khói của bao ngày thơ ấu cũ, những tưởng sẽ tan đi theo từng cơn gió chướng thổi rất qua đời, khóa lấp cho bao vết cày hoang hoải còn mãi in hằn trên vàng trán nẻ khô, giữa pháp phù cơm áo, những trốn chạy bi hèn... Nhưng không! Vết cày

cắt hần ấy mỗi ngày mỗi thâm đậm hơn, khi chợt thấy tóc mình đã điểm bạc.

Giữa càn khôn vũ trụ bao la, trăng thì chỉ có một vàng trắng – Nhưng mỗi người có một vàng trắng riêng lẻ. Ai cũng có thể cười theo cái cười của kẻ khác, nhưng khóc phải khóc bằng nước mắt của riêng mình. Và tôi cũng có một vàng trắng của riêng tôi.

Mấy mươi năm trời xa xứ. Kể tha phương những đêm không ngủ, tôi ngồi nhìn qua cửa sổ lòng đau đáu một vàng trắng – vàng trắng chất chiu từ tâm thức. Giữa phường phố với những nhà tầng lầu nghe với bao ánh đèn nhấp nháy, không gian bị cắt xén, và trăng cũng bị cắt ra từng lát mỏng đỏ ngầu. Tôi rờn rợn và cảm thấy mình như đang đứng trong một ngôi mộ tập thể, thực tình, tôi không dám đem vàng trắng của mình để nghĩ về vàng trắng viên tròn của Hàn Mặc Tử, của một thần thi thánh thi Lý Bạch.

Tôi búi lấy trăng, tôi ân tình với trăng, để rồi khóc cùng trăng. Nhớ lúc nhỏ, cũng vì một lần mê trăng mà bị ngoại gạt – Vào một đêm trăng sáng, hoa lý hoa ngâu nhà ngoại dâng hương ngan ngát. Ngoại ngồi trầm ngâm bên sách thuốc, tôi níu áo ngoại vò vĩnh mau chấp sáo khêu trăng cho... Ngoại lấy chiếc thau đồng, đổ đầy nước đặt ngoài sân. Ngoại giang chân với tay làm điệu như thể cố ghì trăng xuống. Trăng xuống thật! Trăng nằm thờ nhim nhịp trong thau nước. Thích quá! Tôi hồn hển, tôi len lén xò tay mình chạm vào ngực trăng. Ôi trời!... Trăng chao đảo, trăng vỡ vụn. Tôi giậm chân khóc ư ừ. Ngoại vuốt bụng tôi cười: “Bậy nào bậy nào, trăng rót cả vào cái bụng tròn trĩnh của con rồi đấy!”



Hôm nay trở về. Những tường lòng vô ưu vô ngại, những tường tìm được bóng trăng xưa – Không còn gì nữa! Tất cả chỉ còn là cổ tích. Người đã khác xưa nhiều lắm và trời cũng khác xưa nhiều lắm, thành thị hóa, công nghiệp hóa nông thôn cho ao đình san lấp, cho cánh đồng phì nhiêu thuở nào giờ ngập tràn cỏ dại (dự án treo). Những nhà tầng, mái bằng khắp khênh lô xô đan cài như những chiếc răng bừa cùn, cái cao đè cái thấp.

Người nông bao đời vốn mù về con số, ít tính toán thiệt hơn,

bỗng dưng có chút tiền gọi là bồi thường. Làm gì bây giờ? - Thôi thì xây nhà, mua xe... Rồi cũng Rock cũng Ráp, cũng quần bò áo lửng phong phanh, cũng đầu vàng đầu đỏ đầu đinh, cũng hú cũng hét, để đêm đêm lén lén lút lút theo chuồng gà chuồng vịt nhà người. Ôi! Cái sản phẩm của thứ văn minh tạp kỹ và cả sự đồng hóa lưu manh. Những hương ước, tộc ước mà bao đời cha ông ta đã chất chiu gạn lọc, thôi cứ để nó bay đi, bay đi theo tàn tro cám bụi.

Tôi lằm lũi trên con đường ngày xưa mà tôi đã từng đi qua, với ngòm ngợp mùa hoa bướm bướm nở, giờ chỉ còn là giấc mơ xa - Chỉ mỗi bóng ta đi bên bờ trắng gầy ốm./.

\* Tác giả hiện làm rẫy ở Phan Rang.



## TRẦN HOÀI THU

### Rong bút

### Đêm New York

Có ở một nơi mà thời tiết khắc nghiệt như ở vùng đông bắc Mỹ, với mùa đông lạnh giá, với những trận bão tuyết thường xuyên thổi qua, mới hiểu được niềm ân sủng diệu kỳ của những ngày nắng ấm.

Đêm ấy, không biết trời có trăng hay sao không, bởi vì những vách lầu, những tòa cao ốc sừng sững chọc trời đã che khuất phần lớn bầu trời đêm, nhưng tôi thấy có rất nhiều đốm sao long lanh. Những đốm sao từ đôi mắt của những người con gái đi bên người tình. Những đốm sao từ những ô cửa của những cao ốc sừng sững. Và muôn ngàn đốm sao rục rịch, dưới cánh con tàu khi người phi công cho biết, tàu đã bay trên không phận thành phố New York. Dưới cánh tàu nghiêng để chuẩn bị

cho lần đáp xuống phi đạo, cả một thành phố như thể tắm trong một biển màu hoàng kim, có chỗ như một vương miện kim cương ngà ngọc. Đó là những đỉnh tòa nhà chọc trời. Hay có chỗ thì lốm đốm những đốm sao lẻ loi. Đó là giòng sông Hudson với những con tàu bỏ neo ngoài cảng.

Thời tiết lý tưởng. Trời mát dịu. Lại ngày cuối tuần. Từ ngã tư đại lộ số 6 và 33, tôi hòa nhập với cả một khối người xuống phố. *Đưa em xuống phố đêm nay...* Dòng người như một giòng suối khi chảy khi ngừng. Ngừng để chờ đèn báo hiệu cho phép băng qua đường. Rồi sau đó con suối ấy lại tiếp tục chảy, Đám đông tiếp tục bước đi. Những triệu sóng người nhấp nhô, giữa hai hàng lầu cao cùng với hàng hàng ngọn đèn xe quét sáng cả mặt lộ. Thỉnh thoảng có tiếng còi từ một xe cứu thương chớp đèn xanh đỏ chạy vút qua, làm tăng thêm phần sinh động của một thành phố về đêm.

Giữa hai hàng lầu cao ốc, những ô cửa đã mở đèn, như những con mắt mời gọi kẻ lãng du...Dựa vào vách tường chim khuất trong màu mờ mờ của ánh đèn chưa lần áp, là một đôi nam nữ. Họ hôn nhau nồng nàn.

● Khi qua một góc đường thiếu ánh điện, tôi lại gặp thêm hai đốm sáng nữa. Đôi mắt của một người homeless. Tôi biết ông ta đang vui vì từ ánh mắt ấy đã toát ra một cái nhìn say đắm người qua kẻ lại. Lưng dựa vào vách tường, hai chân duỗi thẳng bên cạnh những tấm bìa cứng, và vài lon bia, ông cười khi tôi nhìn ông. Tôi cũng cười lại. Như cùng nói với nhau một ý nghĩ: Đêm nay chúng ta là hai kẻ hạnh phúc. Chúng ta phải cảm tạ NY. Nó là tặng vật của trần gian. Nó cho không, biểu không., không phân biệt giàu nghèo sang hay hèn. Có phải vậy không?

Tự nhiên tôi nhớ đến những câu thơ của Hoài Khanh trong bài *Ngồi Lại Bên Cầu*:  
Người con gái trở về đây một bận  
Con đường câm và ánh sáng diệu kỳ

Đối với tôi bây giờ không phải là con đường cảm mà là con đường vui. Và không phải người con gái chỉ về một bạn. Mà trái lại, rất nhiều người con gái. Người nào cũng xinh, cũng đẹp. Có nàng mặc áo dạ hội. Có nàng quần ngắn, áo hở ngực. Trên cái áo shirt đầy trẻ trung có quả táo cùng hàng chữ I love N.Y....



● Không phải riêng tôi đâu. Đêm nay, một nhóm 8 người chúng tôi đã xé lẻ ra thành những nhóm nhỏ. Nhóm trẻ trung thanh niên có lý do để đi riêng. Nhóm phụ nữ trong đó có người chị bà con 84 tuổi cũng đã đi riêng. Còn lại tôi, Gout đã bắt tôi ngồi nhìn phố qua cửa kính của quán cà phê Starbucks. Tôi bỗng nhớ đến tấm tranh *Đời ngồi như dấu hỏi* của nhà thơ Du Tử Lê mà ông đã có nhà ý tặng cho TQBT. Với dấu hỏi to tướng trên hai chiếc ghế bỏ trống.. Đối với tôi, thứ nhất, chúng tượng trưng cho tình thân. *Ta về quán ấy đôi chân mỗi/Thương ghế thương bàn thương tách li*. Chỗ ngồi trống làm tôi nhớ da diết những đứa bạn mới gặp, rồi ra đi, đi mãi không về. Thứ hai, nó tượng trưng cho một chỗ cuối cùng, có phải. Không dám nghĩ đến những ngôi mộ lẻ loi ở nghĩa trang, nhưng khi nhìn chúng, thấy mình muốn rung rung. Ôi đời quả thật buồn và cô độc thế sao ?

Nhưng đêm nay thì khác. Câu hỏi ấy và những chỗ ngồi trống vắng ấy sẽ không đến với tôi.

Bởi vì NY đã quyến dụ tôi như một người đàn bà đang ra sức mời mọc khiêu gợi một chàng trai ngây thơ. Thật vậy, tôi đã vào Starbucks, đã gọi cốc cà phê, đã ngồi ở chiếc ghế sát vào cửa kính, để dễ dàng nhìn NY bên ngoài. Nhưng cuối cùng, tôi chịu không nổi vì sự quyến dụ bên ngoài. Đánh phải lao ra ngoài đêm, để quên đau mà bước.

Không phải riêng tôi đâu. Xin được lập lại một lần nữa. Bởi vì bà chị thân mến của tôi, đã qua mặt tôi. Không thể ngờ chị, dù tuổi đã 84, bước đi rất chậm, khi lên hay xuống bậc thềm, phải có người đỡ hoặc dìu dẫn. Vậy mà đêm ấy chị đã lội bộ đến 17 *block* từ đường 33 đến đường 50 !

Tôi bắt tay chị bày tỏ lòng ngưỡng phục. Chị hết lời ca ngợi NY, về những ngôi lầu cao ốc vĩ đại, về xe và người đông đúc như kiến cỏ. Gương mặt chị tươi rói. Chúng tôi cũng vui theo.

Chị làm sao biết là tôi cần phải cảm ơn chị. Nhờ chị tôi mới càng yêu NY.

Tưởng tượng một ngày phải bỏ NY mà đi, để lại chỗ trống như bức tranh của Du Tử Lê, chắc buồn lắm. Phải không?

# VIẾT VỀ TẠP CHÍ BÁCH KHOA

Để giúp quý bạn dễ dàng hơn trong việc chọn đọc những tài liệu bài vở do chúng tôi sưu tập, chúng tôi sắp xếp những bài vở, tư liệu theo thứ tự sau đây:

- Viết về Bách Khoa bởi hai cây bút nòng cốt: Nguyễn Hiến Lê và Võ Phiến
- Tạp chí Bách Khoa và văn học miền Nam của Nguyễn Vy Khanh.
- Thư lên tiếng của Huỳnh văn Lang nhằm bổ túc thêm những người có công trong việc hình thành và xây dựng tạp chí Bách Khoa trong giai đoạn đầu.
- Chủ bút Bách Khoa, sưu tập nhiều nguồn tài liệu của *người thủ hằm*, trong đó có thư riêng của ông Lê Ngộ Châu gửi nhà văn Võ Hồng.
- Các tác giả của một thời BK viết về duyên nợ Bách Khoa: Trần Hoài Thư, Nguyễn Mộng Giác, Lê Tất Điều, Trùng Dương, Nguyễn thị Thụy Vũ, Phan Du, Trần Trung Sáng, Võ Quang Yến cùng một hội ký của ái nữ nhà văn Võ Hồng viết về Bác Lê Châu.
- Sưu tập một số truyện đầu tay của một số tác giả khởi đi từ BK: Đào Trường Phúc, Tần Hoa, Trần Quý Sách (Trần Hoài Thư), và Nguyễn thị Thụy Vũ...

## **Chú ý:**

Vì số trang có hạn, chúng tôi không thể đăng lại những bài có liên quan đến tạp chí Bách Khoa được tìm thấy trên Internet. Xin được liệt kê những tựa bài cùng địa chỉ sau đây để giúp

quí bạn dễ dàng trong việc tham khảo tài liệu:

**Nguyễn Thụy Hình**

(nguồn: namkyluctinh.org)

- Từ Huỳnh Văn Lang đến Lê Ngô Châu đến các tác giả viết cho Bách Khoa
- Nhìn lại một số vấn đề của tờ Bách Khoa

**Đặng Tiến**

Ông Lê Ngô Châu, Chủ nhiệm Bách Khoa  
(Nguồn: damau.org)

**Nguyễn văn Trung:** Một kinh nghiệm sống.  
*<http://www.gio-o.com/NguyenVanTrung1.html>*

# Vài nét về tạp chí Bách Khoa

Chủ nhiệm, chủ bút:

1957 - 1963: Huỳnh văn Lang

1963 - 1975: Lê Ngộ Châu

Tòa soạn: 160 Phan Đình Phùng Saigon

Năm Số báo

1957: 1-23

1958: 24-47

1959: 48-71

1960: 72-95

1961: 96-119

1962: 120-143

1963: 144-167

1964: 168-191

1965: 192-215

1966: 216-239

1967: 240-263

1968: 264-287

1969: 288-311

1970: 312-335

1971: 336-359

1972: 360-384

1973: 385-401

1974: 402-419

1975: 420-426

Tạp chí nhắm vào hai phần chính yếu sau đây::

1. Phần **Biên khảo Nghị luận** gồm những đề tài như Chính trị,

Dân Tộc Học, Giáo Dục, Khoa Học, Nghệ Thuật, Ngôn Ngữ Học, Sử Địa, Tiểu Sử Danh Nhân, Tôn Giáo, Văn Học & Văn Hóa v.v...

2. Phần **Văn Nghệ** gồm: Đàm Thọa Phòng Vần. Tùy Bút - Hồi Ký - Bút Ký, Truyện ngắn, Thơ, truyện dài....

Riêng về bộ môn sáng tác, theo như nhà văn Nguyễn Hiến Lê nhận xét:

"Từ trước tới sau, *Bách Khoa* giữ được trọn tình cảm của hạng độc giả đứng tuổi; còn giới trẻ thì chê là khô khan, nặng về biên khảo mà nhẹ về sáng tác (thơ, tiểu thuyết). Lẽ đó dễ hiểu." (trích hồi ký NHL)

Có lẽ cụ Nguyễn nghĩ về diện tích đất vườn bị giới hạn cho phần văn nghệ chẳng. Tuy nhiên, nếu bảo sự khô khan nặng nề bao gồm luôn cả lãnh vực sáng tác thì có lẽ không đúng. Kể từ sau năm Mậu Thân, chúng ta thấy có sự chuyển hướng rõ rệt: Những tên tuổi thường xuyên như Võ Phiến, Vũ Hạnh, Võ Hồng, Nguyễn văn Xuân, Phan Du, Bình Nguyên Lộc v.v.. đã thừa thốt dần. Thay vào đó, là sự góp mặt rất đông đảo của những cây bút trẻ sông và viết ngoài vòng đai SG.

Ví dụ, qua bảng Mục Lục từ số 373 tới số 384 (\*) , (từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1972) về bộ môn sáng tác ( truyện ) , chúng tôi chỉ đọc được những tên của những cây bút trẻ có bài như Mùng Mán (1 số) , Ngụ Ngữ ( 1 số ) , Phạm văn Bình (1 số), Đào Trường Phúc (1 số) , Hồ thị Dur Tâm (1 số) , Trần Hoài Thư(3 số) và Nguyễn Mộng Giác (truyện dài) bên cạnh nhà thơ Vũ Hoàng Chương (hai bài tùy bút)...

(\*) *đăng trên BK số 384. Đây là bản mục lục cuối cùng (?) chúng tôi tìm thấy. Sau số báo này, không thấy xuất hiện phụ trang Mục Lục nữa.*

*Viết về tạp chí Bách Khoa*

## **NGUYỄN HIỂN LÊ** (*Cộng tác viên nòng cốt*)

Năm 1957, tạp chí *Bách Khoa* ra được hai số thì nhà văn Nguyễn Hữu Ngự (Ngu Í) dắt bà Phạm Ngọc Thảo lại giới thiệu với tôi để nhờ tôi viết giúp tờ *Bách Khoa* mà chồng bà có chân trong tòa soạn.

Tôi không hề quen bà Thảo, chỉ do Nguyễn Hữu Ngự mà biết bà là em ruột giáo sư Phạm Thiều hồi đó đã tập kết ra Bắc, còn ông là một nhân viên khá quan trọng trong Kháng chiến miền Nam. Tôi cũng không biết người sáng lập tờ *Bách Khoa* là ai, tòa soạn gồm những ai, chỉ thấy bà Thảo nhã nhặn, có học thức, mà tạp chí đó bài vở cũng đứng đắn, nên tôi góp với họ bài *Quan niệm sáng tác của Edgar Poe*, bài *The Raven* mà tôi đã viết từ trước.

Bài đó được đăng ngay trong số 4 (tạp chí ra mỗi tháng hai kỳ). Tiếp theo tôi cũng gởi cho họ ba bài nữa cũng về văn học, bài *Tiếng Việt ngày nay*, *Vấn đề dịch văn*, *Phép dịch thơ*, cũng được tòa soạn cho đăng ngay trên các số 5, 6, 7, 8. Từ đó, lâu lâu tôi gởi thêm một bài về Nho giáo, về danh nhân hay về văn học..., toàn là do bà Thảo hay ông Ngự làm trung gian, chứ tôi vẫn chưa lại tòa soạn. Hợp tác với báo nào tôi vẫn giữ tư cách một độc giả góp bài chứ không dự gì vào đường lối, công việc của tòa soạn. Tôi không nhớ là mấy tháng sau, có dịp đi qua số 160 đường Phan Đình Phùng<sup>[3]</sup> mới ghé tòa soạn *Bách Khoa* cách nhà tôi khoảng 1 cây số, gặp ông Hoàng Minh Tuynh và vài anh em nữa. Tôi cũng không nhớ bao lâu sau tôi mới gặp ông Phạm Ngọc Thảo<sup>[4]</sup>, một người thấp nhỏ, rất hoạt động, có tư tưởng tiến bộ, viết một số bài về quân sự, tỏ ra có kinh nghiệm và biết suy nghĩ. Hai ông Tuynh và Thảo có vẻ mến tôi cả. Từ đó tôi hợp tác đều đều với tạp chí cho tới khi đình bản (5-1975).

Trong lịch sử báo chí nước nhà, tờ *Bách Khoa* có một địa vị đặc biệt. Không nhận trợ cấp của chính quyền, không ủng hộ chính quyền mà sống được mười tám năm, từ 1957 đến 1975, bằng tờ *Nam Phong*; có uy tín, tập hợp được nhiều cây bút giá trị như *Nam Phong*, trước sau các cộng tác viên được khoảng một trăm.

Mới đầu chỉ là một nhóm công chức cao cấp nghiên cứu về kinh tế, tài chính, quân sự do Huỳnh Văn Lang thành lập. Họ xin được nhân báo của tờ *Bách Khoa bình dân* đã chết từ số 2, cắt hai chữ “bình dân” đi; rồi hùn nhau để tục bản. Họ đa số là những người đã tham gia kháng chiến chống Pháp trở về, không hoạt động cho kháng chiến nữa, mặc dầu là công chức nhưng không ưa Pháp.

Năm đầu đăng nhiều bài về kinh tế và một số bài về công giáo, nên có tính chất nặng nề, nhưng báo sống nổi nhờ chủ nhiệm Huỳnh Văn Lang làm Giám đốc Viện Hồi Đoái, tờ báo thu được nhiều quảng cáo.

Đến năm 1959, một phần nhờ ông Lê Ngô Châu (đã hồi theo kháng chiến rồi về Hà Nội dạy tư), được Huỳnh Văn Lang giao cho nhiệm vụ tựa như thư ký tòa soạn, mà tờ báo khởi sắc, có một đường lối rõ rệt, đường lối thứ ba, không theo Cộng mà cũng không theo Mỹ, và tập hợp được một số cây bút có kinh nghiệm làm nòng cốt như Võ Phiến, Vũ Hạnh, Nguyễn Văn Xuân, Phan Du, Võ Hồng, Bình Nguyên Lộc...

Khi báo có uy tín rồi (từ 1960) ông Châu tập hợp thêm được một số cây viết trẻ, từ đó báo đăng nhiều bài có giá trị cả về biên khảo, lẫn sáng tác; và chính nhờ hợp tác với *Bách Khoa* mà những cây viết đó nổi tiếng, như: Vũ Hạnh, Võ Phiến, Lê Tất Điều, Cô Liêu, Ngu Í, Phạm Việt Châu, Phan Văn Tạo, Đoàn Thêm (hai người sau là nhân viên cao cấp trong chính quyền Ngô Đình Diệm)... , nhất là các nữ tiểu thuyết gia Nguyễn Thị Hoàng, Trùng Dương, Thụy Vũ, Túy Hồng...

Ngu Í chuyên về phỏng vấn, từng trải, có nhiều nhiệt tâm, văn có duyên.

Võ Phiến còn ký tên là Trảng Thiên, Thu Thủy, viết tiểu thuyết nhưng thành công nhất về tạp bút, ý sâu sắc và lời dí dỏm. Ông có tài phân tích tâm lý, tả cảnh vật rất linh động.

Phan Văn Tạo, bút hiệu Vũ Bảo, viết về hồi ký và thời sự.

Phạm Việt Châu chuyên về chính trị quốc tế và nhận định thời cuộc.

Có tinh thần đồng đội giữa những cây viết chính. Trong mười năm đầu, họ thường họp nhau ở tòa soạn 160 Phan Đình Phùng, hội ý trước về các đề tài, góp ý về nội dung các bài phê bình, đả kích. Tôi không khi nào dự cả, nhưng thỉnh thoảng ông Châu cũng nhờ tôi cho ý kiến về một bài gửi đăng mà đề tài tôi biết rõ hơn ông, như Văn học, Triết học Trung Quốc.

Tư tưởng chính trị của những cây viết nòng cốt có khi trái ngược nhau. Vũ Hạnh thiên Cộng, sau theo Cộng; Võ Phiến chống Cộng; Đoàn Thêm và Phan Văn Tạo không ưa Cộng cũng không đả, không thích Mỹ nhưng cũng không nói ra; tôi, có lẽ cả Ngũ Í và Lê Ngộ Châu, có cảm tình với kháng chiến, nhưng khác hai ông ấy, càng về sau, từ 1965 trở đi, khi Mỹ đổ nửa triệu quân vào miền Nam, tôi càng đả mạnh Mỹ và chính phủ Thiệu, bù nhìn của Mỹ. Mặc dầu vậy, các anh em trong tòa soạn vẫn giữ tinh hòa hảo với nhau. Xu hướng trái ngược với nhau như Vũ Hạnh và Võ Phiến mà vẫn trọng tư tưởng của nhau (ít nhất là trong mười năm đầu)<sup>[5]</sup> và gặp nhau tránh nói về chính trị. Đó là điểm tôi quý nhất.

Nhờ anh em ai cũng có tinh thần đó nên buổi họp nào ở tòa soạn cũng đông, vui như Phan Du đã tả trong bài *Văn đàn tình thời* (*Bách Khoa* số 361, tr. 62): “Bất luận là trẻ già, là mới cũ, là duy vật duy tâm, là Phật giáo hay Công giáo, khuynh hướng chính trị, văn chương như thế nào, đều được đón nhận với sự cảm thông và được chung đụng trong cái thể hòa đồng, cởi mở”.

Tờ báo có chủ trương đăng tất cả các sáng kiến cá nhân dù đúng hay sai, miễn là thành thực, có tinh thần xây dựng về bất

cứ vấn đề gì: từ chính trị đến kinh tế, văn học, khoa học... mà “không giới hạn ở lập trường chính trị nào, phe nhóm nào”. Dĩ nhiên bị kiểm duyệt gắt, nhất là trong bảy tám năm cuối, nên không một cây viết nào có thể trình bày hết ý mình được; mặc dầu vậy *Bách Khoa* vẫn được độc giả khen là “dám nói”. Sau ngày 30-4-1975, nhiều học giả Bắc nhận là một tờ báo “ngghiêm chỉnh”, tuy chống đối cả Cộng sản lẫn Tư bản, nhưng có lập trường đứng đắn, lý luận vững, ngôn ngữ đàng hoàng; họ thích đọc *Bách Khoa* để hiểu miền Nam và hiện nay các số báo *Bách Khoa* cũ càng ngày càng có giá trị: một bộ cũ rách, từ đầu đến cuối, thiếu độ mười số, bán được gần 800đ (400.000đ cũ) (1)

*Bách Khoa* thịnh nhất trong những năm 1959-63 bán được 4.500-5.000 số; độc giả dài hạn được trên 1.000 mà khoảng 100 ở ngoại quốc, tờ *Văn* bán chạy hơn, còn các tờ định kỳ khác thì trung bình được 3.000 số.

Sau cuộc đảo chánh 1963, chủ nhiệm Huỳnh Văn Lang bị bắt giam, rồi tờ báo bị đe dọa đóng cửa, phải đổi giấy phép – Lê Ngô Châu làm chủ nhiệm thay Huỳnh Văn Lang – đổi tên là *Bách Khoa thời đại*; từ đó suy giảm về tài chánh (vì mất nhiều quảng cáo) nhưng nội dung và nhóm biên tập vẫn như cũ. Từ vụ Tết Mậu Thân (1968), tờ báo mất một số lớn độc giả miền Trung – mà độc giả đó là phân nửa độc giả *Bách Khoa* – giá giấy và công in lại cao, nên lỗ. Ông Lê Ngô Châu ráng giảm mọi chi phí – cả toà soạn chỉ có ông và hai người giúp việc - và duy trì tờ báo tới đầu 1975. Một nhà văn theo kháng chiến, ra Bắc về phải ngạc nhiên về sự làm việc của toà soạn vì theo ông thì ở Bắc, một tờ định kỳ như vậy phải dùng ba chục nhân viên là ít.

Từ trước tới sau, *Bách Khoa* giữ được trọn tình cảm của hạng độc giả đứng tuổi; còn giới trẻ thì chê là khô khan, nặng về biên khảo mà nhẹ về sáng tác (thơ, tiểu thuyết). Lẽ đó dễ hiểu.

Tuy nhiên phải nhận rằng *Bách Khoa* không có ảnh hưởng lớn như *Nam Phong*, *Phong Hoá*, *Ngày Nay* trong dân chúng.

*Nam Phong* ra đời ở buổi giao thời, văn hóa cũ bắt đầu chuyển

mạnh qua văn hóa mới của phương Tây, số người viết ít mà số người đọc cũng ít, bao nhiêu cây viết có giá trị đều dồn cả vào tờ đó, nên không một tờ nào khác có nhiều bài đáng đọc và có nhiều độc giả như *Nam Phong*, lại được trợ cấp nên đứng vững được, những tờ khác có ra cũng chỉ được mươi số là chết. Có thể nói *Nam Phong* một mình một chợ, do đó có ảnh hưởng, uy tín lớn.

*Bách Khoa* sinh sau bốn chục năm, vào thời mà số người viết đông, số độc giả cũng đông, gồm nhiều khuynh hướng, nên bị nhiều báo định kỳ (có lẽ đến non chục) chia bớt độc giả và *Bách Khoa* chỉ nhắm vào độc giả đứng tuổi, số này bao giờ cũng ít, ảnh hưởng do đó kém.

Lại thêm *Bách Khoa* không có một chủ trương mới mẻ, mạnh mẽ cải cách cả về tư tưởng lẫn sự trình bày như tờ *Phong Hóa*, tờ *Ngày Nay*, trước sau vẫn giữ lập trường ôn hòa, đứng giữa, không theo Cộng, không theo Mỹ, như vậy làm sao gây nổi một phong trào mà ảnh hưởng lớn tới quốc dân được như nhóm *Tự Lực*?

Thời đó có một nhóm nhà văn trẻ ở Bắc di cư vào, lập nhóm *Sáng Tạo* muốn làm một cuộc cải cách, nhưng họ không đủ kiên thức, tài năng, chỉ hô hào chống Cộng - điểm này không có gì mới cả - mà cũng không sâu sắc, vì họ ít đọc sách báo ngoại quốc; và đã đảo lộn viết của nhóm *Tự lực văn đoàn*, mà người cầm đầu *Sáng Tạo* – Mai Thảo – lại có bút pháp cầu kỳ, “làm duyên làm dáng”, không hợp thời chút nào, chính bọn họ cũng không theo. Rốt cuộc chẳng gây được tiếng vang nào cả.

...

Vì tôi cộng tác đều đều với *Bách Khoa*, từ đầu đến cuối, lại viết nhiều về nhiều vấn đề, nên độc giả có người cho tôi là cây viết cốt cán của tạp chí, tưởng tôi là một nhân viên quan trọng trong tòa soạn nên có bài muốn gởi đăng thì gởi cho tôi nhờ tôi giới thiệu với ông chủ nhiệm Lê Ngọc Châu. Tôi đọc rất kỹ bài họ viết rồi cũng đưa ý kiến với ông Châu, nhưng cũng cho họ biết sự quyết định đăng hay không ở cả ông Châu. Ông Châu làm việc rất siêng, đọc hết mọi bài nhận được, đăng hay không ông đều báo cho tác giả biết. Ông nhận rằng ông đã bỏ lắm

một số bài rất khá. Tôi mến ông vì ông có tinh thần trách nhiệm, làm việc đàng hoàng, biết cương quyết giữ vững chủ trương cả khi báo suy, biết xét người, xét văn và có tình với người cộng tác: ai gặp nạn gì thì ông lại nhà thăm, tìm mọi cách giúp đỡ; nhất là sau vụ Mậu Thân, ông rất băn khoăn lo lắng về các anh em bị kẹt trong vòng máu lửa.

(trích từ Nguyễn Hiến Lê – **Đời Viết văn của tôi**. – Chương *Hai mươi năm làm việc tích cực* )

(1) Trong *Hồi ký* ghi: bán được gần 5.000đ (năm 1983), (đủ bộ mà tốt: 10.000đ).

---

## **VÕ PHIẾN** (*Cộng tác viên nông cốt*)

... Giữa khoảng thời gian ra đời của Sáng Tạo (1956) và Văn Hóa Ngày Nay (1958), tờ Bách Khoa xuất bản số đầu vào tháng 1-1957. Thoạt tiên là tờ báo của hai nhân vật trong chính quyền: các ông Huỳnh Văn Lang và Hoàng Minh Tuynh. Về sau các ông này rút lui ra khỏi chính quyền, rồi tờ Bách Khoa cũng dần dần chuyển về ông Lê Ngô Châu.

Các ông Huỳnh và Hoàng là những chuyên viên trong giới ngân hàng, rồi ngay ông Lê cũng không phải là một văn gia. Ấy vậy mà Bách Khoa phải kể là một trong những tờ báo thành công nhất ở Miền Nam trong ngót hai mươi năm. Đó là chỗ lý thú trong tình hình sinh hoạt của thời kỳ văn học này.

Thật vậy, bao nhiêu tạp chí văn nghệ do chính các văn nghệ sĩ, các nhóm văn nghệ, các cây bút hoặc trẻ trung đầy nhiệt huyết hoặc kỳ cựu đầy kinh nghiệm đều vắn số, thất bại. Văn Nghệ, Thế Kỷ Hai Mươi, Gió Mới, Hiện Đại, Sáng Tạo, Vui Sống,

Vấn Đề, Nghệ Thuật, Khởi Hành, Thời Tập, Văn Hóa Ngày Nay, Tân Phong, Đông Phương v.v... có sống được bao lâu đâu. Đã không thọ thì dù có hay ho xuất sắc đến bao nhiêu cũng không kịp có một ảnh hưởng rộng lớn. Trái lại vững vàng nhất là những tạp chí do các nhân vật ngoài văn giới chủ trương: tờ Bách Khoa như đã nói trên, tờ Văn của Nguyễn Đình Vượng (tòa soạn do Trần Phong Giao trông coi, về sau chuyển lại cho Mai Thảo). Ngoài ra, tờ Văn Học cũng lèo đèo sống được mười hai mươi ba năm, do Phan Kim Thịnh là một người không viết được mấy.

Như thế phải chăng lúc bấy giờ trong hoạt động văn học chuyện quản trị đã thành một yếu tố quan trọng hơn xưa? Hơn cái thời Tân Đà làm báo Hữu Thanh, Phạm Quỳnh làm báo Nam Phong, Nhất Linh làm báo Ngày Nay v.v...

Bảo tờ Bách Khoa thành công là không phải chỉ nghĩ đến cái tuổi thọ của nó mà thôi. Tuổi thọ dất theo một số ưu điểm khác. Người ta nhận thấy Bách Khoa qui tụ được đông đảo cây bút thuộc nhiều thế hệ kế tiếp nhau; nó phản ánh các chuyển biến của văn học qua nhiều giai đoạn; nó lưu lại một khối lượng bài vở lớn lao và giá trị, một kho tài liệu cho việc tìm hiểu cuộc sống của Miền Nam trên nhiều phương diện: kinh tế, văn hóa, chính trị v.v... Trên Bách Khoa không phải chỉ có thơ văn, mà có cả những khảo luận về văn học, sử học, ngữ học, triết học, tôn giáo, hội họa, âm nhạc...; như thế không những trên Bách Khoa có những tìm tòi về nguồn gốc dân tộc, về các vấn đề của văn học cổ điển nước nhà chẳng hạn, mà còn liên tiếp có những giới thiệu các trào lưu tư tưởng Âu Tây mới nhất lúc bấy giờ: tiểu thuyết mới, hiện tượng học, cơ cấu luận v.v...

Cũng như tờ Văn, Bách Khoa là một tạp chí dung hòa rộng rãi mọi khuynh hướng. Không có chủ trương “văn nghệ cách mạng” cũng không chủ trương “vượt thời gian”, nó đăng bài của các lão thi sĩ tiền bối Đông Hồ, Quách Tấn, Vũ Hoàng Chương, lẫn truyện của Thanh Tâm Tuyền, Trùng Dương... Về mặt chính trị, sức dung hòa của nó khiến có lần Nguyễn Sa nói đùa: Bách Khoa là một vùng xôi đậu. Nó đón nhận cả Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Vũ Hạnh, lẫn Võ Phiến, Vũ Bảo...

Tuy vậy kể là cây bút chủ yếu của Bách Khoa từ trước đến sau vẫn là hai người: Võ Phiến và Nguyễn Hiến Lê (xem hồi ký Đồi viết văn của tôi của Nguyễn Hiến Lê). Võ Phiến khước từ

cộng sản ngay từ đầu, có thái độ chính trị dứt khoát, vừa sáng tác vừa khảo luận, và dần dần đưa thêm vào Bách Khoa một số khuôn mặt trẻ; Nguyễn Hiến Lê thì không đề cập đến một lập trường chính trị nào, chuyên về khảo luận. Các vị khác, có người có mặt vào giai đoạn đầu, về sau thưa dần như: Nguyễn Ngu Í, Cô Liêu, Vũ Hạnh (Vũ Hạnh sau chủ trương tờ Tin Văn cùng với Nguyễn Nguyên, Lữ Phương, dưới sự chỉ đạo của văn sĩ cộng sản Nguyễn Văn Bổng); có những người mới lần lượt đến vào giai đoạn sau: Lê Tất Điều, Trần Thái Đình, Nguyễn Thị Hoàng, Hoàng Ngọc Tuấn, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Y Uyên, Vô Ưu, Nguyễn Mộng Giác v.v...  
(trích *VĂN HỌC MIỀN NAM: TỔNG QUAN* [15. Giai đoạn 1954-1963: Văn học] )

---

## **Tạp-chí Bách Khoa và văn-học miền Nam**

*Nguyễn Vy Khanh*

Trong nghiên cứu về thời bình minh của văn-học chữ quốc-ngữ, chúng tôi đã khẳng định vai-trò quan-trọng của báo chí trong quá trình hình thành và phát triển của nền văn-học đó. Khác với thời lịch triều trước, từ năm 1865, mối liên hệ báo chí – văn-học ngày càng mật thiết. Sự hình thành của nền văn-học mới chữ quốc-ngữ đã cho thấy có ảnh-hưởng và liên hệ giữa sự phổ biến dễ dàng với phương-tiện in ấn theo Tây phương với "tiến bộ" hiện đại hóa của văn-học và báo chí. Ảnh-hưởng đó không chỉ đơn thuần văn-hóa mà cả trong đời sống chính-trị Nam-kỳ lục-tinh rồi cả nước và còn ảnh-hưởng qua đến thế-kỷ sau, thế-kỷ XX. Từ *Gia-Định Báo*, *Lục-Tỉnh Tân Văn*, *Nam-Kỳ Địa-Phận*,... đến *Đăng Cổ Tùng Báo*, *Đông Dương tạp-chí*, *Nam Phong tạp-chí*, *Phụ Nữ Tân Văn*,... rồi *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, ..., báo chí đã tích cực đồng hành với nền văn-học mới, hiện đại và cập nhật theo con người và thời đại.

Sau khi hiệp định Genève 20-7-1954 chia đôi đất nước, một cuộc di cư từ Bắc vào Nam đưa theo nhiều nhân-tố quốc-gia (và cả nầm vùng) sẽ giúp mạnh thêm nền văn-học của miền Nam tự do 1954-1975. Những năm đầu sau 1954, ở trong Nam và nhất là Sài-gòn hết còn nóng lửa chiến tranh, nhưng cuộc chiến vẫn âm ỉ, thời lập thuyết đấu tranh ý thức hệ bắt đầu, với những mặt trận văn-hóa, những Phạm Thái, Thiếu Sơn, Hồ Hữu Tường, Ngô Đình Nhu, ... Cũng là thời của các tạp-chí *Đời Mới*, *Nhân Loại*, *Mùa Lúa Mới*, ... - thời của những người quốc-gia đa nguyên đa dạng! Nhưng thất bại của những hợp tác và khó khăn của đồng thuận chính-trị khiến chính quyền đê

nhất cộng hòa quyết liệt vạch một lối đi văn-hóa để thu phục nhân tâm của miền Nam và tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa cộng-sản ngoại lai cũng là để những kẻ *đứng núi này trông núi nọ* phải nhận chân và dứt khoát con đường phục vụ đất nước.

Trong chiều hướng đó, tạp-chí *Xã Hội* của ông Ngô Đình Nhu đình bản cuối năm 1956 có thể do nội-dung quá lý thuyết không đến được với cán bộ và quần chúng. Rồi sau hai tạp-chí *Sáng Tạo* và *Chỉ-Đạo* cũng ra mắt cùng tháng 10 năm 1956, là tạp chí *Bách Khoa* số 1 ra mắt ngày 15 tháng 1 năm 1957 và số cuối 426 ra ngày 20 tháng 4 năm 1975. Tòa soạn đặt ở số 160 đường Phan Đình Phùng, Sài-Gòn. Năm 1957 là năm có nhiều biến cố văn-hóa và chính-trị quan-trọng: Đại hội Văn-hóa diễn ra ở Huế do chỉ đạo của cố vấn Ngô Đình Nhu từ ngày 6-1-1957. Viện đại học Huế cũng được mở cùng năm (khánh thành ngày 12-11) và Văn Bút cũng được thành lập ngày 21-10. 1957, năm của một khởi đầu văn-hóa miền Nam tự do!

Tạp-chí *Bách Khoa* xuất thân từ Hội Văn-hóa Bình-dân (có trường Bách khoa bình dân) và theo Nguyễn Hiến Lê, nhóm chủ trương “xin được nhân báo (manchette) của tờ *Bách Khoa bình dân* đã chết từ số 2, cắt hai chữ “Bình dân” đi; rồi hùn nhau để tục bản”(1). *Bách Khoa* trong Thay Lời Phi Lộ số ra mắt 15-1-1957 xác định mục đích của tạp chí: “*quy tụ mọi người không cần cùng một tôn giáo, một quan điểm chính trị, một tổ chức chính trị chặt chẽ mới có thể trở thành bạn đường trong lúc tìm kiếm bất chấp đến dĩ vãng nếu hiện thời đi cùng một con đường*” đồng thời cho biết bài vở “*không cứ phải cao siêu, vì trải nghiệm của người lao động cũng quan trọng như lý thuyết của học giả*” mà cũng không nhất thiết “*chỉ nói về một tôn giáo, vì đạo đức của Phật giáo cũng đáng để ta tôn trọng như lòng nhân ái của Chúa Jesus*”. Trong số đầu tiên này Phan Mai (Nguyễn Văn Trung) giới thiệu 'người' trong tác phẩm của Saint-Exupery, Huệ Châu nói đến địa vị của nhạc Jazz trong nghệ thuật hiện đại, Văn Quỳ viết về văn chương nước Mỹ; ngoài ra Huỳnh Văn Lang và Bùi Văn Thịnh nói đến kinh tế, thương mại, Phạm Ngọc Thảo cho biết thế nào là quân đội mạnh, v.v... Hoa-Kỳ đã để lại dấu ấn ngay từ những số đầu – một cuộc chiến văn-hóa tranh với ảnh-hưởng Pháp!

Tạp-chí *Bách Khoa* do Huỳnh Văn Lang điều khiển và viết bài về kinh tế; Phạm Ngọc Thảo viết về quân sự, chính trị, ... Năm 1958, Lê Ngô Châu điều hành khi ông Lang đi tu nghiệp ở Mỹ, nhưng báo vẫn đứng tên Huỳnh Văn Lang cho đến tháng 2-1965 dù sau đảo chánh 1-11-1963, ông Lang bị đảo chánh bắt vì tội ... Cần Lao. *Bách Khoa* cũng từ tháng 2-1965 phải đổi thành *Bách Khoa Thời Đại*, Lê Ngô Châu đứng tên chủ nhiệm, và đến tháng 1-1970, lấy lại tên *Bách Khoa*. Thời đầu tạp-chí được tài trợ và nhận quảng cáo liên tục từ các công ty lớn, về sau một số các cơ quan, công ty vẫn tiếp tục đăng quảng cáo cùng được sự hỗ trợ của các viên chức cao cấp và cuối cùng là do độc giả ở Sài-Gòn và miền Trung ủng hộ. Tuy nhiên sau vụ Tết Mậu Thân 1968, độc giả miền Trung bị giảm, mà vì giấy báo, nhân công nhà in theo đà vật giá gia tăng do đó *Bách Khoa* phải giảm số in; thời 1959-1963 mỗi số bán được từ 4500 đến 5000 trong đó 1000 độc giả mua dài hạn 100 ở ngoài nước (2), sau 1968 xuống còn phân nửa và nhân viên tòa soạn chỉ còn hai người, cho đến ngày đình bản, cuối tháng 4-1975. Và hình như *Bách Khoa* là tạp-chí duy nhất của miền Nam thời này mà các số đầu phải in lại theo nhu cầu của độc giả!

Xét chung trong số các tạp-chí đã thật sự có ảnh-hưởng, vai-trò đối với văn-học miền Nam thời 1954-1975, thì *Bách Khoa* là một trường hợp đặc biệt. Được sáng lập để thực hiện chính sách văn-hóa và chính-trị của chính quyền đệ nhất cộng hòa muốn xiển dương thuyết cần lao, nhân vị (Huỳnh Văn Lang lúc đó là Giám Đốc Viện Hồi Đoái và là bí thư Liên Kỳ Nam Bắc Việt Nam của đảng Cần Lao Nhân Vị, điều khiển Hội Văn-hóa bình-dân), tạp-chí *Bách Khoa* đã chuyển hướng đi sâu hơn vào văn-chương học thuật, dĩ nhiên chính-trị vẫn bao trùm vì không thể làm khác trong thời buổi phải đương đầu và chiến-tranh với một ý thức hệ ngược hẳn. Dù ý hướng nhân bản, khai phóng và đa nguyên đã bị một số người len lỏi xâm nhập, viết bài có lợi cho kẻ thù - một số lộ ngay, một số sau này mới rõ.

**Lê Ngô Châu** là linh hồn của tạp-chí, từ năm thứ nhì đến số cuối; ông mất ngày 24-9-2006 tại Sài-Gòn. Lê Ngô Châu (1922-2006) đã là một chủ nhiệm điều hành giỏi và được sự quý mến, tôn trọng của nhiều người, cộng tác viên cũng như

tác-giả và người đọc. Ông có cảm tình với kháng chiến, như Nguyễn Ngu Í và Nguyễn Hiến Lê (2), có thể nhờ vậy nên không bị làm khó dễ gì sau ngày 30-4-1975, nhưng tòa soạn *Bách Khoa* phải hạ bệ ông và cả nhân ông bị phá sản (và theo Châu Hải Kỳ, ông đã từ chối sự giúp đỡ của bạn thân như Nguyễn Hiến Lê (3)). Cũng theo Nguyễn Hiến Lê, ông Châu “có tinh thần trách nhiệm, làm việc đáng hoàng, biết cương quyết giữ vững chủ trương cả khi tờ báo suy, biết xét người, xét văn và có tình với người cộng tác. Ai gặp tai nạn gì thì lại nhà thăm, tìm cách giúp đỡ”(4). Trong một bài viết, ông Nguyễn Thụy Hình đã vinh danh: “*Ông Lê Ngô Châu: Kẻ thừa kế làm nên sự nghiệp* - Không phải đợi đến năm 1963, ông Lê Ngô Châu mới chính thức được giao vai trò chủ nhiệm *Bách Khoa*. Thực ra, thời gian ông Huỳnh Văn Lang đi du học từ năm 1958 đến tháng 5/1959 ở Mỹ, mọi công việc tòa soạn, bài vở đều do ông Lê Ngô Châu một mình quyết đoán cả. Theo ông Huỳnh Văn Lang thì cuối năm 1955, bộ Tài Chánh giới thiệu ông Hoàng Minh Tuynh làm phó cho ông ở Viện Hối Đoái. Lúc đó ông HVL đang cần một thư ký tòa soạn. Ông Tuynh bèn giới thiệu ông Lê Ngô Châu. Cứ như lời xác nhận này của ông HVL thì tôi có cảm tưởng ông Lê Ngô Châu làm thư ký tòa soạn *Bách Khoa* có thể là ngay từ đầu? Và sau này, có thể nói, không có bất cứ nhà văn nào mà không có lời lẽ trân trọng đối với ông LNC. Khen và trân trọng hết lời. Theo Nguyễn Văn Trung, (bài báo đầu tiên đăng trên BK là bài Tự tử, ký biệt hiệu Hoàng Thái Linh), thì ông Lê Ngô Châu có thể đọc bài, sửa bài rồi đề nghị cắt hay thay đổi một đoạn. Mặc dầu không viết bao giờ, ông có khả năng thuyết phục cao, có bon sens, hiểu biết từng nhà văn, nắm được tất cả. Cuối cùng thì ai ai cũng đồng ý để ông sửa và cắt bài. (...). Theo ông Nguyễn Hiến Lê, trong *Hồi ký* của ông, trang 545 thì: «*Khi báo có uy tín rồi, từ 1960 trở đi, Ông Châu tập hợp thêm được một số cây viết trẻ, từ đó báo đăng nhiều bài có giá trị cả biên khảo lẫn sáng tác và chính nhờ hợp tác với Bách Khoa mà những cây viết đó nổi tiếng như Vũ Hạnh, Võ Phiến, Lê Tấn Điều, Cô Liêu, Ngu Í, Phạm Việt Châu, Phan Văn Tạo, Đoàn Thêm (hai người sau là những nhân viên cao cấp trong chính quyền Ngô Đình Diệm), nhất là các nữ tiểu thuyết gia Nguyễn Thị Hoàng, Trùng Dương, Thụy Vũ, Túy Hồng*» (5).

Về vai-trò chủ bút/thư ký tòa soạn *Bách Khoa*, ông Huỳnh Văn Lang đã đính chính về bài báo trên báo *Tân Văn* (CA, số 6, 1-2008): “Khi nói về tiến trình hình thành BK, TV đã bỏ qua một giai đoạn mà có 2 người đã đóng một vai trò thiết yếu không thua gì người sáng lập. Tôi muốn nói đến chị Phạm Ngọc Thảo hay Phạm thị Nhiệm, em gái của giáo sư Phạm Thiều, trường Pétrus Ký, Saigon. Người đầu tiên giữ chức vụ thư ký tòa soạn và giới thiệu, nếu không nói là đem vào BK, những nhà văn Nguyễn Hiến Lê, BS Nguyễn văn Ba, BS Dương Quỳnh Hoa... và nhất là anh Nguyễn Hữu Ngư (Nguyễn Ngu Í), chính anh này là em nuôi của GS Phạm Thiều, đã giới thiệu thêm Bùi Giáng, Nguyễn thị Hoàng v.v... Chị Thảo còn viết bài cho BK bút hiệu Minh Phong. Và người thay mặt tôi trực tiếp làm việc với chị Thảo là anh Hoàng Minh Tuynh, lúc bấy giờ còn là phó Giám đốc Viện Hối Đoái cho tôi. Lúc tôi vắng mặt, chính anh Tuynh đã thay mặt tôi như là chủ nhiệm chủ bút làm việc với anh Châu, lúc không còn có chị Thảo nữa. Cho nên nói rằng anh Châu làm từ lúc đầu là sai hoàn toàn. (Chị Thảo hiện sống ở Cali, nếu thấy cần xác nhận điều tôi nói trên, chắc chắn chị Thảo sẽ vui lòng trả lời, chị đang ngồi xe lăn và yếu lắm, nhưng còn minh mẫn và nói chuyện điện thoại được)” (6). Đặng Văn Nhâm, một cộng tác viên của *Bách Khoa* từ những số đầu, cũng xác nhận sự việc này: “... Huỳnh Văn Lang bận công vụ, nên ngay từ đầu đã trao việc tổ chức biên tập, chọn lọc bài vở, trông coi việc ấn loát và phát hành tờ *Bách Khoa* cho bà Phạm Ngọc Thảo, khuê danh Phạm thị Nhiệm, bút hiệu Thái Hoa Phong, em của giáo-sư Phạm Thiều. Cộng tác mật thiết với bà Thảo (...) còn có nhà văn Nguyễn Ngu Í, tên thật Nguyễn Hữu Ngư, với tác-giả sách này (tức Đặng Văn Nhâm) ...”(7).

\*

Khi viết về văn-học miền Nam thời này, Võ Phiến nói đúng nhưng không đủ, có thể vì ông ở trong cuộc – Võ Phiến xem ông và Nguyễn Hiến Lê là hai cây bút chính của tạp-chí *Bách Khoa* (8), khi cho rằng : “ ... *Bách Khoa* là một tạp chí dung hòa rộng rãi mọi khuynh hướng. Không có chủ trương “văn nghệ cách mạng” cũng không chủ trương “vượt thời gian”, nó đăng bài của các lão thi sĩ tiền bối Đông Hồ, Quách Tấn, Vũ Hoàng Chương, lẫn truyện của Thanh Tâm Tuyền,

Trùng Dương... Về mặt chính trị, sức dung hòa của nó khiến có lần Nguyễn Sa nói đùa: *Bách Khoa* là một vùng xôi đậu. Nó đón nhận cả Nguyễn văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Vũ Hạnh, lẫn Võ Phiến, Vũ Bảo..."(9). Võ Phiến viết như vậy vì ông đã không đánh giá đúng khi cho rằng chính quyền đệ nhất cộng hòa không có chính sách văn-hóa! Ai cũng đã rõ rằng tạp-chí *Bách Khoa* được hình thành chính vì một chính sách văn-hóa nhân vị, cần lao và hồi chánh - tiếp thu và tạo cơ hội cho những người kháng chiến cũ, nhất là những người chưa thật sự tinh thức hoặc hết ... kháng chiến!

Nguyễn Hiến Lê (1912-1984), một cộng tác viên của *Bách Khoa* có số bài nhiều nhất đã ghi nhận về tạp-chí: "Trong lịch sử báo chí của nước nhà, tờ *Bách Khoa* có một vị trí đặc biệt. Không nhận trợ cấp của chính quyền, không ủng hộ chính quyền mà sống được mười tám năm, từ 1957 đến năm 1975, bằng tờ *Nam Phong*, có uy tín, tập hợp được nhiều cây bút giá trị như tờ *Nam Phong*, trước sau các cộng tác viên được khoảng một trăm. (...) Tuy nhiên phải nhận rằng *Bách Khoa* không có ảnh hưởng lớn như *Nam Phong*, *Phong Hóa Ngày Nay* trong dân chúng. (...) Lại thêm *Bách Khoa* không có một chủ trương mới mẻ, mạnh mẽ cải cách cả về tư tưởng lẫn sự trình bày như tờ *Phong Hóa - Ngày Nay*, trước sau vẫn giữ lập trường ôn hòa, đứng giữa, không theo Cộng, không theo Mỹ, như vậy làm sao nói nó như một phong trào mà ảnh hưởng tới quốc dân được như *Tự Lực*? Thời đó có một nhóm nhà văn trẻ ở Bắc di cư vào lập nhóm *Sáng Tạo*, muốn làm một cuộc cải cách, nhưng họ không đủ kiến thức tài năng, chỉ hô hào chống Cộng, điểm này không có gì mới cả - mà cũng không sâu sắc, vì họ ít đọc sách báo ngoại quốc; và đã đảo lộn viết của nhóm *Tự Lực* trước kia, mà người cầm đầu *Sáng Tạo* - Mai Thảo - lại có bút pháp cầu kỳ "làm duyên, làm dáng" - không hợp thời chút nào, chính bọn họ cũng không theo. Rốt cuộc chẳng được tiếng vang nào cả"(10).

Trong hơn 18 năm, *Bách Khoa* xuất-hiện đều đặn ngay cả những năm cuối phải đổi thành *giai phẩm* tuân theo luật 007 gắt gao hơn của Bộ Thông tin vì hoàn cảnh chiến-tranh và đấu tranh chính-trị. Độc giả của *Bách Khoa* do nội-dung và nguồn gốc xuất xứ thuộc về những thành phần chọn lọc hơn những tạp-chí văn-ngệ khác.

Bán nguyệt san *Bách khoa* ban đầu qui tụ các trí thức và chuyên viên cao cấp liên hệ xa gần với đảng Cần Lao hoặc chính quyền. **Huỳnh Văn Lang** chủ nhiệm với tinh thần bình dân học vụ và văn-hóa cần lao nhân-vị. Phạm Ngọc Thảo, Lê Ngô Châu, Võ Phiến, Nguyễn Ngu Í,... là những người cự kháng chiến. **Phạm Ngọc Thảo** đã đóng góp trong những năm đầu khoảng 20 bài báo nói về các vấn đề chiến lược, chiến thuật, nghệ thuật chỉ huy, quân sự, chiến-tranh không đổ máu, đánh giặc không giết người, du kích chiến, Trần Hưng Đạo, binh pháp Tôn Tử, ...

**Nguyễn Ngu Í** (Nguyễn Hữu Ngự, 1921-1979) đã chứng tỏ là một nhà báo chuyên nghiệp, nhiều công tâm và tài năng. Ông còn có những bút hiệu khác: Ngê Bá Lí, Tân Fong Hiệp, Phạm Hoàn Mĩ, ... Từ những số *Bách Khoa* đầu ông đã có nhiều đóng góp đáng kể. Trước hết là hai cuộc phỏng vấn về truyện ngắn Việt và ngoại quốc hay nhất, bắt đầu từ ngày 15-11-1958, và cuộc phỏng vấn thứ nhì về quan niệm sáng-tác của các nhà văn, từ số 101 (11-3-1961). Sau đó, là phỏng vấn các nghệ sĩ nhạc, họa,... và từ giữa năm 1964, nhà văn Nguyễn Ngu Í tiếp tục cuộc phỏng vấn cá nhân một số nhà văn thơ. Sau xuất-bản trong tuyển tập *Sống Và Viết Với...* Nếu Lê Phương Chi một sân một chiếu về phỏng vấn trên tờ *Tin Sách* của Hội Bút Việt thì Nguyễn Ngu Í đã tỏ ra nhiều tài năng về nghệ thuật phỏng vấn, phần lớn “tam cổ thảo luận”, có tài gợi chuyện, hỏi chuyện rồi hỏi lại cho chắc ý, ghi nhận rồi đưa cho người được phỏng vấn xem lại, khiến cho nhiều bài hết mang hình-thức cổ điển 'hỏi-đáp' mà trở thành một loại bút ký - không như ở hải-ngoại sau 1975, phỏng vấn là để người phỏng vấn được ... thơm lây, mà phương tiện cũng dễ dàng hơn, bằng điện thoại, điện thư, phần lớn như cắt/dán từ những trả lời. Nguyễn Ngu Í còn phỏng vấn và đàm thoại về một số phong trào, biến cố chính-trị như về “Đại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ qua 2 giờ nói chuyện với giáo-sư Lê Tuyên (BK 171-172, 15-2 & 1-3-1964), các phỏng vấn và “đàm thoại” với các tác-giả như với Ngô Thế Vinh (BK 370, 15-6-1972), v.v... Ông chủ trương một lối viết tiếng Việt hợp lý hơn (theo ông) nhưng đã không được đáp ứng (ngoại trừ vài người như Nguyễn Hiền Lê có vẻ theo lối viết *i* ngắn thay *y* trong nhiều trường hợp, nếu không

phải đổi phát âm và phần nào đã khiến độc giả đọc khó hơn (nguyên nhân, nguẩn, ngèi xanh, i tể, ...).

**Võ Phiến** từng ở Khu 5 kháng chiến, cộng tác với *Bách Khoa* từ năm 1960, với nhiều bút hiệu: Võ Phiến, Trảng Thiên và Thu Thủy (lúc đầu là 2 biệt hiệu dùng chung với các cộng tác viên khác), qua nhiều thể loại: truyện, tùy bút, phê bình sách, tổng kết văn-học, giới thiệu văn-học nước ngoài, dịch truyện, ... Võ Phiến viết nhiều thứ nhì thứ ba nhưng không bao giờ đóng vai chủ biên của tạp-chí *Bách Khoa*. Huỳnh Văn Lang, chủ nhiệm tờ *Bách Khoa* trong hồi ký *Nhân Chứng Một Chế Độ* đã cho biết lịch-sử xuất-bản tờ *Bách Khoa* và vai trò của Võ Phiến: "Võ Phiến chỉ là cây bút viết đều, viết nhiều cho *Bách Khoa*, không hề giữ vai trò quy tụ, điều hành nào của tờ báo này" (11).

**Nguyễn Hiến Lê**, cũng như Lê Ngô Châu là những người cần mẫn, có văn-hóa và tin người, nhưng cố chấp về thể nào là yêu nước và xây dựng miền Nam dân chủ tự do. Riêng Nguyễn Hiến Lê vì tự tin đã tẩy chay giới cầm quyền chính trị văn-hóa thời cộng-hòa và có cảm tình với những người cộng-sản dưới áo khoác bảo vệ văn-hóa dân-tộc kiểu Vũ Hạnh, Lữ Phương, Nguyễn Ngọc Lương, ... cộng tác với *Tin Văn* ("Văn-chương và dân-tộc tính", số 10, 1966). Sau 1975 thì Nguyễn Hiến Lê đã thức tỉnh và nhẹ nhàng phê bình chế độ cộng-sản phớt qua trong *Hồi Ký* (vẫn bị kiểm duyệt ấn bản in trong nước). Theo ông Nguyễn Thụy Hình, "có lẽ không ai viết nhiều hơn Nguyễn Hiến Lê. *Bách Khoa* ra cả thấy được 426 số thì trong đó có 242 số đã có bài của Nguyễn Hiến Lê. Bài cuối cùng ông đăng trên *Bách Khoa* số cuối 424." Cho nên, nói đến truyện ai là *linh hồn* của tờ *Bách Khoa* thì phải nói ai bây giờ? Phần Nguyễn Hiến Lê, tự ông đã trả lời như sau: "*Vì tôi cộng tác đều đều với *Bách Khoa*, từ đầu tới cuối, lại viết nhiều về nhiều vấn đề, nên độc giả có người cho tôi là cây viết cốt cán của tạp chí, tưởng tôi là một nhân viên quan trọng trong tòa soạn nên có bài muốn gửi đăng thì gửi cho tôi nhờ tôi giới thiệu với ông chủ nhiệm Lê Ngô Châu. Tôi đọc kỹ những bài họ viết rồi cũng đưa ý kiến với ông Châu, nhưng cũng cho họ biết sự quyết định đăng hay không là ở cả ông Châu..*(Trích *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê*, trang 553)"(12).

*Bách Khoa* còn là đất vẫy vùng của những nhà văn nằm vùng hoặc cảm tình viên Việt cộng (Mặt trận giải phóng miền Nam và Bắc Việt) như Thủy Thủ, Đông Trinh, Vũ Hạnh, Vân Trang, Thiếu Sơn, Trần Thúc Linh, Hợp Phố, Lưu Nghi, Nguyễn Huy Khánh,... Người cộng-sản cũng như quốc gia và yêu nước không tả không hữu đều đã dùng người khác làm bình phong để thao túng, như với *Bách Khoa*, hay với *Sinh Lực*, *Mai* (Hoàng Minh Tuynh), v.v... hoặc đã dùng những chủ trương bình phong lành mạnh hóa xã hội, bảo vệ thuần phong mỹ tục, bình dân học vụ, hội Khổng học, ... Nhưng chúng tôi không đồng ý với nhận xét cho rằng những nhà văn trẻ của thời cuộc chiến và văn thơ ca nhạc chống chiến-tranh cao độ nhất như Trần Hoài Thư, Kinh Dương Vương, Hồ Minh Dũng, Ngô Thế Vinh, ... bị cộng-sản lèo lái đưa vô tròng. Dĩ nhiên những người khác hoặc có kẻ hở, ngây thơ, háo thắng hoặc mạng nhện tình lý đã bị dùng như con cò; đó là những Thế Nguyên, Ngụy Ngữ, Nguyễn Trọng Văn, Trần Hữu Lục, Bảo Cự, Trần Vàng Sao, ... bên văn thơ, và những Trịnh Công Sơn, Miên Đức Thắng, Nguyễn Đức Quang, Phạm Thế Mỹ, ... bên nhạc.

**Vũ Hạnh** cộng tác viên thứ tư, thứ năm có nhiều bài trên *Bách Khoa*, và viết cho nhiều tờ báo dưới nhiều bút hiệu Nguyên Phủ, Minh Hữu, Hoàng Thanh Kỳ, cô Phương Thảo, hoạt động trong Văn Bút Việt-Nam, tổng thư ký Hội Bảo vệ Văn-hóa Dân-tộc, một tổ chức ngoại vi của Việt cộng, viết phê bình, điểm sách và lý luận, tranh luận văn-ngệ (*Tìm Hiểu Văn Nghệ* 1970, ...) trước sau một ý cưỡng ép văn-ngệ vị nhân sinh và làm chính-trị một chiều, ý đồ lèo lái những người làm văn-hóa 'dân tộc'; ông dùng cả biệt hiệu tác-giả A. Pazzi lẫn dịch giả Hồng Cúc (cùng tên với người phụ trách tòa soạn *Tin Văn*) dịch cuốn *Người Việt Cao Quý* để lừa người đọc (thật ra chẳng có nguyên tác tiếng Ý nào cả!), cuối cùng bị bắt ở tòa báo *Bách Khoa* (7-1967) - nhưng được chế độ pháp quyền và nhân đạo miền Nam buông thả (cùng áp lực của LM Thanh Lăng chủ tịch Văn Bút tin người và "ngây thơ" về cộng-sản!). Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, Vũ Hạnh đã từng bị cơ quan an ninh bắt vì y là cán bộ cộng-sản. "Tổng hội Giáo giới đã đề nghị tha, và nhận bảo lãnh giáo viên tên Dũng có bút hiệu là Vũ Hạnh" (13), như Nguyên Sa đã ghi lại trong tập *Hồi Ký* xuất-bản năm 1998. Nguyên Sa cũng cho biết chính Vũ Hạnh đã

báo cáo với Hoàng Hà, người phụ trách Tuyên Nghiêm Huấn của Thành đoàn thanh niên Sài Gòn-Chợ Lớn, ra lệnh cho nhóm Đặc công quyết tử Thành Đoàn “Bắn chết Chu Tử để trả thù cho Vũ Hạnh” (nhưng ám sát hụt) sau khi Chu Tử viết bài phản ứng lại bài Vũ Hạnh phê bình đánh phá tiểu-thuyết *Yêu* của Chu Tử, thứ phê bình một chiều “không phải cứ tác-phẩm đề cao giai cấp công nông, ngợi ca căm thù giai cấp, tung hô vô sản chuyên chính, giang hồ trường trị đương nhiên là tác-phẩm có giá trị và những văn thơ khác đều là đồ bỏ” (Sdd. Tr. 33). Nguyên Sa đã gọi thứ phê bình của Vũ Hạnh (và của Lữ Phương, Nguyễn Ngọc Lương) là “sa đích”: “phê bình hiện thực xã hội của Vũ Hạnh là cộng-sản trong hình thức thô bạo và bán khai nhất, kiểu văn thơ nào không đúng với đường lối là tiểu tư sản, là phản động, là “văn-hóa Bolsa”, là cánh cửa Lý Bá Sơ đã hé mở”. Thứ phê bình đề cao người cùng phe phái, tập đoàn của mình mà bôi đen, xóa bỏ người khác này Nguyên Sa đã gọi đích danh là “sa đích văn-nghệ”: “sa đích là tên bị bệnh cuồng dâm, biết mình yếu kém, bất tài vô tướng ... trở thành những tên thù hận nhan sắc, giết chết người đẹp, bằm vào khuôn mặt giai nhân rồi hăm hiếp, để tìm thấy trong hành động man rợ cả quyền uy lẫn thỏa mãn dục tính. Phê bình hiện thực xã hội là đỉnh cao của phê bình “sa đích” văn-nghệ” (Tr. 221).

\*

Các nhà văn và cộng tác viên khác thuộc nhiều thế hệ, nhiều người đã bắt đầu trước khi viết cho *Bách Khoa*, có thể kể: Á Nam Trần Tuấn Khải, Bùi Giáng, Bình Nguyên Lộc, Bùi Vĩ Xuyên, Châu Hải Kỳ, Cung Giũ Nguyên, Đặng Trần Huân, Đặng Văn Nhâm, Đoàn Thêm, Đông Hồ, Đông Xuyên, Đỗ Trọng Huê, Dohamide, Giản Chi, Hoàng Xuân Hãn, Hoàng Minh Tuynh, Hồ Hữu Tường, Hư Chu, Huy Lực, Huỳnh Đức Quang, Lê Phương Chi, Lê Hương, Lê Văn (Vĩnh Điền), Mặc Thu, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Sung, Nguyễn Anh Linh, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Xuân Lan, Lm Nguyễn Huy Lịch, Nguyễn Đồng, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Minh Hoàng, Nguyễn Tạo Lâm, Nguyễn Sinh Duy, Nguyễn Xuân Quang, Như Phong, Phạm Trọng Nhân, Phạm Việt Châu (*Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh*), Phạm Long Điền, Phan Văn Trí, Phan Văn Tạo (Vũ

Bảo), Phan Lạc Tuyên, Quách Tấn, Trần Văn Khê, Trần Hà, Tạ Ký, Thái Tuấn, Thiên Giang, Thiệu Sơn, Thuận Phong, Trần Thúc Linh, Tường Linh, Võ Quang Yến, Vi Huyền Đắc, Việt Phương, Cô Liêu Vũ Đình Lưu, Văn Quang, Vương Hòa Đức, Võ Hồng, Võ Ưu, Vũ Ký, Vũ Tam Tư, Vương Hồng Sển, các giáo-sư Đoàn Nhật Tấn, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Quý Bảo, Lm Nguyễn Phương (*Việt Nam thời khai sinh*), Nguyễn Văn Trung (Hoàng Thái Linh), Phạm Hoàng Hộ, Phan Khoang, Lm Trần Thái Đình (Trần Hương Tử), Trần Kim Thạch, Trần Trung Lương, ... các BS Nguyễn Văn Ba, Trần Ngọc Ninh, Trần Văn Tích,...

Trong số có những tác-giả xuất hiện lần đầu với văn giới và người đọc hoặc những cây bút *trẻ* đã đăng bài trên *Bách Khoa* như về **thơ** là Nguyễn Nho Sa Mạc, Thành Tôn, Hoàng Lộc, Đynh Hoàng Sa, Tân-Hoài Dạ-Vũ; ... về **văn**, đó là những Lê Tất Điều, Trần Hoài Thư (với truyện ngắn đầu tay *Nước Mất Tuổi Thơ*), Kinh Dương Vương, Hồ Minh Dũng, Đỗ Tiến Đức, Nguyễn Mộng Giác, Túy Hồng, Hoàng Đông Phương (Nguyễn Thị Hoàng), Thế Uyên (*Tiến Đôn*), Y Uyên, Hoàng Ngọc Tuấn, Lữ Quỳnh, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trùng Dương, Minh Quân, Phạm Công Thiện (từ năm 13 tuổi!), v.v...

*Bách Khoa* cũng từng là đất xác định sự nghiệp của Võ Phiến, Nguyễn Văn Xuân, Phan Du, Võ Hồng, Vũ Hạnh, cũng như Đoàn Thêm, Mộng Trung, Tường Linh, Minh Đức Hoài Trinh, v.v... Những năm cuối trước 1975 là thời của Nguyễn Mộng Giác, Trần Hoài Thư, Hoàng Ngọc Tuấn, Phạm Long Điền, ... Các tác-giả có bài đăng nhiều nhất - nhiều tựa hoặc nhiều trang báo, theo thứ tự có thể ghi nhận: Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngu Í, Võ Phiến, Vũ Hạnh, ...

\*

Về **nội-dung** các bài viết, như tên báo hay nói như nhà văn Nguyễn Ngu Í, “đã mang cái nghiệp ... bách khoa” (BK 121, tr. 163), bao gồm nhiều lãnh vực. Lúc đầu chính-trị, kinh tế, xã hội, pháp luật, lịch-sử, triết học và văn-học nhiều hơn văn-chương, về sau văn-học, văn-chương nặng và chiếm nhiều số trang hơn các lãnh vực kia. Nhưng nói chung đường lối chủ trương có tính thuần nhất, một phần nhờ người chủ nhiệm

kiêm quản lý Lê Ngô Châu, phần khác nhờ uy tín chính-trị và văn-hóa tích lũy bên cạnh những tờ khác đoán số hoặc đường lối không bền. Phần nữa nhờ sự cộng tác của nhiều giáo-sư và chuyên viên trong nhiều lãnh vực, gây thêm uy tín. Ngay cả khi có những tranh luận hay bút chiến thì tương đối ôn hòa, trí thức hơn là nếu xảy ra ở những tờ báo khác. Như bút chiến về vụ “Ngọc Hân đầu độc vua Quang Trung” năm 1963 giữa giáo-sư Bửu Kế với tạp-chí *Phổ Thông* của Nguyễn Vỹ. Vụ bút chiến về Trương Vĩnh Ký giữa Hồ Hữu Tường với Phạm Long Điền và Nguyễn Sinh Duy năm 1974 (BK 404,406, 408) – vụ sau này sôi nổi nhưng thời đó tranh luận gay gắt nhưng có văn-hóa, không như sau này ở hải-ngoại!

Trong 18 năm đó, *Bách Khoa* đã có những công trình văn-học đáng ghi nhận. Trước hết là hai cuộc phỏng vấn của nhà báo Nguyễn Ngu Í: cuộc phỏng vấn thứ nhất về truyện ngắn Việt và ngoại quốc hay nhất, bắt đầu từ ngày 15-11-1958, và cuộc phỏng vấn thứ nhì về quan niệm sáng-tác của các nhà văn, từ số 101 (11-3-1961). Cuộc phỏng vấn sau đã giúp người đọc và các nhà văn-học sử lúc bấy giờ cũng như sau này hiểu các nhà văn thơ hơn về quan niệm sáng-tác, mục-đích sáng-tác và cả những chuyện bên lề (cũng như scandale) về văn nghiệp mỗi người (khoảng 70 nhà văn đã trả lời phỏng vấn). Nhà báo Nguyễn Ngu Í đã cho biết ý định của cuộc phỏng vấn là “muốn tìm hiểu mục-đích của các nhà văn khi viết, vì mục-đích sẽ soi sáng nguyên nhân; và lại công trình sáng-tác chỉ có giá trị trọn vẹn khi nó đã gây được ảnh-hưởng gì đối với người xem, kẻ đọc, chứ không phải vì cái có đã thúc đẩy người nghệ sĩ bắt tay vào việc” (14). Tổng kết cuộc phỏng vấn cũng cho biết “đa số nhà văn viết cho mình trước, mà trong cái 'cho mình' cũng có cái 'cho thiên hạ' phần nào, một số ít nhà văn không rõ mình viết cho ai, một số vừa viết cho mình vừa viết cho người”. Và “phần nhiều là viết cho bây giờ, không muốn nghĩ hoặc không dám nghĩ đến mai sau; một số ít không đặt thành vấn-đề” (Bđd tr. 169). Nhà báo Nguyễn Ngu Í kết luận rằng: “Nhà văn nước ta phần đông viết vì một sự ngẫu nhiên nào đó và để thỏa mãn 'cái tôi' hơn là vì xã hội. (...) Viết để thỏa mãn mình, viết để nói đến 'cái tôi' là một điều chánh đáng. Nhưng chúng tôi e rằng nếu chỉ viết mãi về mình, chỉ khai thác bản ngã mình thì sau rồi sẽ đưa đến nghèo nàn vì “*Quanh quẩn mãi giữa vài ba*

*dáng điệu,/ Tôi hay lui vẫn chừng ấy mặt người./ Vì quá thân  
nên quá đổi buồn cười,/Môi nhắc lại chỉ có ngần ấy chuyện”*  
(Huy Cận, Lửa Thiêng) sẽ đưa đến sự bất lợi cho tác-giả và  
người đọc (nhà văn viết cho riêng mình, không cần người khác  
hiểu, dễ trở thành tối tăm, bí hiểm.

Cho nên chúng ta sung sướng được biết một số nhà văn  
trước viết vì mình, sau vì người, một số nhà văn cố đánh dấu  
thời đại đặc biệt của chúng ta, cố nói lên những điều bất  
khoản, rạo rực, những nỗi chua xót, bất bình cùng những đòi  
hỏi khẩn thiết của thể hệ hiện thời, thể hệ chúng ta. Nhưng  
theo chúng tôi, kết quả quan-trọng nhất của cuộc phỏng vấn  
này, là chúng ta được một số tiêu chuẩn để định đoạt giá trị của  
một công trình sáng-tác văn-nghệ, điều rất có ích cho người  
viết cũng như người đọc. Nhờ bảy chục nhà văn, nhà thơ, nhà  
soạn kịch đã vui lòng cho biết quan niệm và kinh-nghiệm của  
mình mà giờ chúng ta có thể nói: *“muốn dựng một công trình  
văn-nghệ có giá trị, người cầm bút trước hết phải chân thành,  
thiết tha, rồi hiểu hoàn cảnh mình định gọi, thấu rõ nhân-vật  
mình tạo, sao cho chất Sống của cuộc đời linh động bàng bạc  
trong tác-phẩm; sau đó, diễn tả cho trung thực, và tránh việc  
“làm văn-chương””(15).*

Nhiều bài viết có giá trị đã xuất hiện trên *Bách Khoa*  
như về ngữ học Việt Nam, cải tổ nền giáo dục và chương trình  
giáo dục, dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ ở các đại học, v.v...  
(Nguyễn Hiến Lê), về tư tưởng Việt Nam, cơ cấu Việt ngữ, ý  
nghĩa và cơ cấu Truyện Kiều (Trần Ngọc Ninh), quan niệm  
mới về tiểu thuyết: chữ đề ra chữ (Bùi Hữu Sung), thơ văn  
miền Nam (Nguyễn Văn Hầu), v.v... Ngoài ra nhiều bài vờ về  
một số vấn-đề, biến cố như tranh luận về nguồn gốc dân-tộc  
Việt Nam, về ngữ học, v.v... *Bách Khoa* còn là đất thử mùa  
của chủ nghĩa hiện sinh, với những bài viết về trào lưu văn-học  
và triết học cũng như một số tác giả, triết gia. Giáo-sư Nguyễn  
Văn Trung với bút hiệu Phan Mai, Hoàng Thái Linh đã giới thiệu  
các triết thuyết và triết gia hiện sinh ngay từ những năm đầu của  
*Bách Khoa* và tiếp tục đến những số báo cuối ( “Vũ trụ” chữ  
nghĩa của JP Sartre, rồi cả Sartre trong đời tôi, về Luân lý trong  
tiểu-thuyết của F. Sagan,...). Giáo-sư Trần Thái Đình (bút hiệu  
Trần Hương Tử) viết một loạt bài về chủ nghĩa hiện sinh (từ 10-  
1961 đến 9-1962, sau xuất-bản thành tập *Triết học hiện sinh*

(1967), từ bộ mặt thực, hai ngành chính, các đề tài của triết học này cũng như các chủ thuyết của như K. Jaspers, Jean-Paul Sartre, F. Nietzsche, Kierkegaard, Husserl, Martin Heidegger. Hai ông cùng với các tác-giả khác như Trần Quý Thành, Nguyễn Anh Linh cũng đóng góp bài về Ludwig Feuerbach, Marleau-Ponty, Cơ cấu luận, Claude Lévi-Strauss, v.v. Các tác-giả và trào lưu văn-học mới như kịch và “tiểu-thuyết mới” cũng được *Bách Khoa* giới thiệu: Nguyễn Văn Trung (hoặc Hoàng Thái Linh) về kịch Bertolt Brecht, tiểu-thuyết Nathalie Sarraute, Michel Butor, Alain-Robbe Grillet, v.v... hoặc về vai-trò và sứ mạng của nhà văn, cái chết của Marilyn Monroe, người quán rượu, triết lý về cái nhìn, hối hận, thông cảm, e lệ, tự tử, về tâm ca Phạm Duy, v.v... Trảng Thiên thiên về tiểu-thuyết hiện đại, về một số tác-giả Tây phương,... Miền Nam tự do tư tưởng, do đó trên *Bách Khoa* đã có những bài viết về chủ nghĩa Lênin (BK 321, 15-5-1970), v.v.

Người đọc cũng không thể quên những bài về sinh hoạt văn-nghệ và xuất bản, như các tổng kết cuối năm do Nguyễn Hiến Lê, Vũ Hạnh (*cô Phương Thảo*), Nguyễn Ngu Í, Võ Phiến (*Thu Thủy*), rồi Nguyễn Mộng Giác, các bài điểm sách của Đặng Tiến, Nguyễn Hiến Lê, Vũ Hạnh, Cô Liêu, Thế Nhân, Nguyễn Văn Trung (Frantz Fanon, Nghiêm Xuân Hồng,... ), v.v... Một số bài thuyết trình, nói chuyện ở hội Bút Việt và các câu lạc bộ văn-hóa cũng được đăng lại trên *Bách Khoa*. Và những mục liên tiếp nhiều kỳ và đặc biệt như “Nếp sống hôm nay của văn-nghệ sĩ”, v.v.

\*

Về sáng-tác, thơ xuất hiện trên *Bách Khoa* thật đa dạng, từ thơ Đường đến thơ mới, thơ tự do, *Bách Khoa* từ giữa thập niên 1960 đến số cuối số nào cũng có thơ của các nhà thơ trẻ miền Trung (mà độc giả *Bách Khoa* ở miền Trung cũng chiếm đa số nếu so với dân số miền Nam).

Văn-chương phản kháng và phản chiến cũng chiếm phần quan-trọng trên *Bách Khoa* nhất là vào những năm cuối với những Kinh Dương Vương (Tai Ương,...), Thế Uyên (Tiền Đồn, Ông Thầy Tội Nghiệp, ...), Trần Hoài Thư (Một ngày cuối năm trên cao nguyên, ...), Hồ Minh Dũng (Người Đền Nợ

Nước, ...), v.v... Chúng tôi đã và sẽ trở lại đề tài này một dịp khác.

Hình-thức *Bách Khoa* trang trọng, khô khan dù nội-dung nhiều bài học lựa, nóng bỏng. Từ những số đầu, họa sĩ Phạm Tăng vẽ bìa và trình bày vừa dân-tộc vừa cổ điển, đã góp phần tạo thêm tính đứng đắn. Những năm sau cùng, họa sĩ Văn Thanh điểm thêm vẽ hào nhoáng và hiện đại hơn với những phối hợp hình chụp với minh họa nhất là bìa những số đặc biệt và Tết.

\*

Nếu miền Nam cộng-hòa không bị Hiệp định Paris 1973 dẫn đến thua trận, tạp-chí *Bách Khoa* có thể sẽ tiếp tục xuất-bản trong một sinh hoạt văn-nghệ bình thường của một quốc-gia và hôm nay sẽ được một thế hệ đã được chuẩn bị để tiếp nối sứ mạng văn-hóa theo định luật *tre già măng mọc* và cũng sẽ theo khuynh hướng toàn cầu hóa văn-chương học thuật. Nhưng biến cố ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã xảy ra, *Bách Khoa* đã phải đình bản, nhóm thực hiện cũng như các tác-giả và cộng tác viên phần lớn đã phải *tan nhà nát cửa*, nhân thân bị đày đoạ, tử vong và lưu xứ. Toàn bộ của hơn 18 năm *Bách Khoa* dù vẫn là gia tài văn-hóa dân-tộc, nhưng nay tiếc thay vẫn phải xem là *di sản văn-hóa văn-học* của miền Nam và cả nước Việt Nam!

*Chú-thích:*

16. Nguyễn Hiến Lê. *Hồi Ký* (TpHCM: NXB Văn Học, 1993). Tr. 415.
17. Nguyễn Hiến Lê. Sdd. Tr. 416-7.
18. Theo Châu Hải Kỳ. *Nguyễn Hiến Lê, Cuộc Đời và Sự Nghiệp* (TpHCM: NXB Văn Học, 1993). Tr. 328.
19. Theo Châu Hải Kỳ. Sdd. Tr. 324.
20. Nguyễn Thụy Hình. “Từ Huỳnh Văn Lang đến Lê Ngộ Châu đến các tác-giả viết cho *Bách Khoa*”. <http://namkyluctinh.org/>
21. Huỳnh văn Lang. “Viết về Tạp chí *Bách Khoa* (1957–1975)” (05-01-2008). <http://namkyluctinh.org/>
22. Đặng Văn Nhâm. *Lịch-sử Báo Chí Việt Nam Từ Khởi*

*Thủy Đền Hiện Tại (1861-1999)* (Calif.: Việt Nam Văn Hiến, 1999). Tr. 493.

23. Võ Phiến. *Văn học Miền Nam Tổng Quan*. Westminster CA: Văn Nghệ, 2000, tr. 11 và 240 (Xuất-bản lần đầu năm 1986 với tựa *Hai mươi năm văn học miền Nam 1954-1975*). Nguyên Sa đã đơn giản hóa nhân buổi vinh danh “Ngày Võ Phiến” nói rằng “nhóm Bách Khoa của Võ Phiến” là một trong bốn “khối lớn” của văn-chương miền Nam. Võ Phiến đã ghi lại nhận xét đó từ tờ *Đời* số tháng 10-1985 (Trích theo Võ Phiến. Sdd. tr. 243). Khác với thời sau 1975, tháng 4-1965, khi trả lời phỏng vấn của Lê Phương Chi trên *Tin Sách*, thì Võ Phiến cho biết “hiện tôi đang còn cộng tác (với *Bách Khoa*) như anh đã biết”.

24. Võ Phiến. Sdd. tr. 239.

25. Nguyễn Hiến Lê. Sdd. Tr. 415, 418-419.

26. Huỳnh Văn Lang. *Nhân Chứng Một Chế Độ* (Tập 1. Tác giả xuất-bản, 2000), tr. 420.

27. Nguyễn Thụy Hình. “Nhìn lại một số vấn-đề của tờ Bách Khoa”. <http://namkyluctinh.org/>

28. Nguyên Sa. *Hồi Ký* (Irvine CA: Đời, 1998). Tr. 221-3.

29. Nguyễn Ngu Í. “Tổng kết cuộc phỏng vấn về quan niệm sáng-tác của các nhà văn”. *Bách Khoa* 121, 15-1-1962, tr. 165.

30. Bdd. Tr. 175.

*Nguyễn Vy Khanh*

Ngày song bát 2011

## ■ **Viết về Bách Khoa**

***Huỳnh văn Lang (chủ nhiệm BK từ 1957-1963)***

**bổ túc thêm về Tạp chí Bách khoa**

LTS:

*Lá thư sau đây được chúng tôi sưu tầm trên Internet của cụ Huỳnh văn Lang, gởi cho Tòa soạn nguyệt san Tân Văn (Nam Cali) (1) nhằm bổ túc thêm những người nòng cốt trong giai đoạn Bách Khoa mới phối thai thành hình.*

*Xin được đăng lên hầu giúp những ai quan tâm đến lịch sử một tạp chí kỳ cựu và có tầm cỡ có thêm tài liệu.*

Trước tiên tôi, Huỳnh văn Lang, sáng lập và cựu Chủ nhiệm Chủ bút Bách khoa, xin thành thật cảm ơn Tân Văn đã có những bài viết về BK kể là hoàn toàn trung thực. Âu cũng là một nhiệm vụ của TV đối với văn học miền Nam, một nền văn học mà CS cố tình đã phá, xuyên tạc mà một số nhà văn **gọi là quốc gia** lại nhiều khi vô tình hay hữu ý đã hòa theo.

Tại sao tôi phải nói là “kê ra”? Thật sự ở đời này, như là khi viết về văn hóa văn học đã qua thì làm gì có hoàn toàn. Tuy nhiên tôi cũng muốn ghi thêm về một vài tiểu tiết, nhưng quan trọng, để bổ túc cho TV số 6, tháng 1, 2008, chuyên đề Tạp chí Bách khoa.

Khi nói về tiến trình hình thành BK, TV đã bỏ qua một giai đoạn mà có hai người đã đóng một vai trò thiết yếu không thua gì người sáng lập. Tôi muốn nói đến chị Phạm Ngọc Thảo hay Phạm thị Nhiệm, em gái của giáo sư Phạm Thiều, trường Pétrus Ký, Saigon, người đầu tiên giữ chức vụ thư ký tòa soạn và giới thiệu, nếu không nói là đem vào BK, những nhà văn Nguyễn Hiến Lê, BS Nguyễn văn Ba, BS Dương Quỳnh Hoa... và như là anh Nguyễn Hữu Ngự (Nguyễn Ngu Í). Chính anh này là em nuôi của GS Phạm Thiều, đã giới thiệu thêm Bùi Giáng, Nguyễn thị Hoàng v.v... Chị Thảo còn viết bài cho BK bút hiệu Minh Phong. Và người thay mặt tôi trực tiếp làm việc với chị Thảo là anh Hoàng Minh Tuynh, lúc bấy giờ còn là phó Giám đốc Viện Hối Đoái cho tôi. Lúc tôi vắng mặt, chính anh Tuynh đã thay mặt tôi như là chủ nhiệm chủ bút làm việc với

anh Châu, lúc không còn có chị Thảo nữa. Cho nên nói rằng anh Châu làm từ lúc đầu là sai hoàn toàn. (Chị Thảo hiện sống ở Cali, nếu thấy cần xác nhận điều tôi nói trên, chắc chắn chị Thảo sẽ vui lòng trả lời. Chị đang ngồi xe lăn và yếu lắm, nhưng còn minh mẫn và nói chuyện điện thoại được).

Kết: Viết về giai đoạn hình thành Bách Khoa mà không nhắc đến tên anh Hoàng Minh Tuynh và chị Phạm thị Nhiệm là một điều thiếu sót không nhỏ vậy.

Huỳnh văn Lang

05-01-08

(2) *Tạp chí Tân Văn mà tác giả nhắc trong thư có chủ nhiệm là Hoàng Dược Thảo, và chủ bút Nguyễn văn Lục. Sau này bà Hoàng Dược Thảo vừa làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Quý bạn cần tài liệu tham khảo xin liên lạc địa chỉ điện thư:*

[tapchitanvan@gmail.com](mailto:tapchitanvan@gmail.com)

## ■ **Viết về Bách Khoa**

# **Chủ bút Bách Khoa**

Người thủ hãm sưu tập

Nhà văn Hồ Trường An, trong cuốn hồi ký Giai Thoại Hồng, kể vài chi tiết khá lý thú về việc chị ông - Nguyễn thị Thụy Vũ - đến với Bách Khoa như sau:

*"Gặp ông Võ Phiến, tôi (Hồ Trường An - tòa soạn chủ thích) nói ngay ý định của chị tôi, nhờ ông đỡ đầu cho chị trong bước*

*đầu viết lách... Chị tôi chìa bản thảo mà chị đã chép lại một đoạn trong quyển nhật ký của mình... Một Buổi Chiều là cái chìa khóa để một cô giáo làng mở một cánh cửa bước vào văn đàn.*

...

*Vào hôm đi yết kiến ông Võ Phiến, chị đem nước xá xị thoa lên môi, đợi môi khô chị mới thoa một lượt son màu hương tươi. Chúng tôi đến cổng Bộ Thông Tin, và tôi căn dặn:*

*- Võ Phiến là bút hiệu của một ông công chức viết văn. Có hỏi ông gác cổng thì chị nên báo là: "Xin cho tôi gặp ông Đoàn Thế Nhơn, nghe chưa?"*

*Tự dưng, khi nghĩ đến lúc phải hội kiến một nhà văn lớn, chị tôi đâm ra khộp. Cái trâng tráo, nghịch ngợm cố hữu của chị bay biến đi đâu mất. Mặt chị xanh như đàn bà sảo thai, lời nói chị khó khăn, đứt quãng như sản phụ đẻ ngược:*

*- Dạ, dạ, xin cho tui gặp ông... (chị quên cái tên cúng cơm của ông Võ Phiến mà tôi đã căn dặn)... Dạ tui muốn gặp ông... ông gì vậy cả? Dạ, ông Võ... Tài Nhơn.*

Đến giờ này, tôi vẫn còn thắc mắc tại sao ông Hồ Trường An lại không chọn ông Lê Ngộ Châu - một chủ nhiệm chủ bút thật sự - mà lại chọn nhà văn Võ Phiến làm người đỡ đầu cho chị ông?

Vì sao?

Có lẽ vì cái tên tuổi ông Châu trên văn đàn bị lu mờ. Ông không có tác phẩm. Ông cũng chẳng có một thành tích gì để nổi bật như Mai Thảo, Viên Linh, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn văn Trung, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Vỹ hay Võ Phiến?

Hay người ta nghĩ lầm ông Võ Phiến là một nhân viên có thẩm quyền trong tòa soạn như họ đã nghĩ về nhà văn Nguyễn Hiến Lê, đến nỗi nhà văn này phải cải chính:

*"Vì tôi cộng tác đều đều với Bách Khoa, từ đầu tới cuối, lại viết nhiều về nhiều vấn đề, nên độc giả có người cho tôi là cây viết cốt cán của tạp chí, tưởng tôi là một nhân viên quan trọng trong tòa soạn nên có bài muốn gửi đăng thì gửi cho tôi nhờ tôi giới thiệu với ông chủ nhiệm Lê Ngộ Châu. Tôi đọc kỹ những bài họ viết rồi cũng đưa ý kiến với ông Châu, nhưng*

*cũng cho họ biết sự quyết định đăng hay không là ở cả ông Châu... (Trích Hồi ký Nguyễn Hiến Lê, trang 553).*

\*\*\*

Có lẽ một trong những cái hay nhất của ông Châu, theo ý kể này, là ông có công trong việc biến tòa soạn BK thành một mái nhà như nhà văn Phan Du đã viết:

"Tòa soạn Bách-Khoa quả đã khéo tạo được cái không khí phù hợp với chủ trương của Bách-Khoa. Nơi đây thực đúng là thứ *"quán tha hồ muôn khách đến"*, là loại *"vườn chim nhả hạt mười phương"*. Bất luận là trẻ, là già, là mới, là cũ, là duy vật hay duy tâm, là Phật giáo hay Công giáo, là cấp tiến hay bảo thủ, quan niệm, khuynh hướng, chính trị, nghệ thuật, văn chương như thế nào đều được đón nhận với sự cảm thông và được chung đụng trong cái thể hòa đồng cởi mở. Từng được nghe có người gọi là nhóm Bách-Khoa, nhưng theo tôi thiên nghĩ, gọi như vậy thì không được ổn. Nói riêng về sáng tác, người ta không thể sắp xếp Võ Phiến cùng Vũ Hạnh chẳng hạn vào cùng một nhóm. Còn về quan điểm, khuynh hướng, lập trường, chính trị lại càng không thể nhốt tất cả các anh em nòng cốt trong ban biên tập vào cùng một cái khung duy nhất." (trích từ bài viết *Văn đàn tình thoại* đăng trong số này)

Dưới cái mái nhà ấy, ai cũng cảm thấy có trách nhiệm tinh thần trong việc xây dựng và bồi đắp nền móng BK. Dưới mái nhà ấy là một gia đình. Nói như Vũ Hạnh, họ là anh em:

*"... Gởi thêm sáng tác vào. Truyện "Á Xú" được anh em tán thưởng nhiều, cho là có lời bố cục rất ngộ. Riêng tôi, tôi lại khoái truyện "Chiếc quạt tím" hơn. Nên cộng tác với Bách Khoa vì anh em trong này là những người đứng đắn, có nhận thức, có khả năng thẩm định giá trị văn chương. Chúng tôi vừa đi một chuyến Đà Lạt về. Cố gắng vào chơi. Anh em mong chờ."*

(thư nhà văn Vũ Hạnh gởi nhà văn Phan Du vào năm 1960)

Qua hồi ức của nhà văn Trùng Dương, Nguyễn thị Thụy Vũ, Lê Tất Điều, họ dành tri ân đến nhà văn Võ Phiến đã giúp họ đến với Bách Khoa. Qua nhà văn Nguyễn Mộng Giác thì dành cho nhà văn Nguyễn Hiến Lê.

Điều này thật dĩ nhiên. Nhưng xét cho cùng, nhìn lại, phải cảm ơn ông Lê Ngộ Châu , người giữ chìa khóa 160 Phan Đình Phùng,.. Cảm ơn vì ông là người biết nghe. Ông không phải là người cô chấp. Nhưng coi chừng. Ông không phải là kẻ dễ bị sai bảo, hay dễ bị áp lực của người khác !

\*\*\*

Để nói rõ hơn về cái uy quyền của ông Châu mà nhà văn Nguyễn Hiến Lê đã viết trong hồi ký, chúng tôi xin được trích lại những đoạn trong lá thư của ông Châu gửi cho nhà văn Võ Hồng vào ngày 5-3-1963. Qua đó, ông đã thẳng thắn phê bình và đề nghị thay đổi tựa đề một truyện ngắn của nhà văn Võ Hồng! Thư có đoạn viết:

*... "Nỗi khổ tự tạo lấy" tôi định đăng vào số 1/4 để gần vào mùa thi cho vui, anh có đồng ý không? Nhưng cái tên tôi vẫn thấy chưa ổn. Nó có vẻ trúc trắc, khắc khổ mà tôi tưởng chưa hợp với truyện. Nỗi khổ của nhân vật trong truyện có phải tự hấn muốn tạo lấy đâu, anh nghĩ sao? Tôi góp ý với anh như vậy chứ tôi cũng chẳng nghĩ gì khác đâu.*  
(thư gửi Võ Hồng) (1)

Nhà văn nữ Túy Hồng cũng đã kể về "lời dạy đời" của ông Châu, không sợ làm mất lòng ai, ngay cả những nhà văn phái nữ :

"..Trước năm 1975, nguyệt san Bách Khoa có một tòa soạn với ghế xa-lông bọc nệm lót và trong phòng trị sự còn kê thêm một máy may Singer. Nhà phê bình Lê Châu tức chủ bút Lê Ngộ Châu, theo Lê Tất Điều, là người đọc bài vở để chọn đăng, kỹ hơn các báo khác.

Các tác giả đến tòa soạn đưa bài nghe được những câu như: *"Về phía các tác giả nữ, Nguyễn Thị Vinh viết "tới", gần sự thật hơn, các nhân vật, nhất là các vai đàn bà trong truyện được ghi đậm nét hơn, nói lên được lòng tốt và đức tính hiền lành của họ."* ... *"Các nhà văn nữ tiếp theo ... có lối viết mới hơn, kêu hơn, vào sâu hơn trong vấn đề tình dục, nhưng vấp phải cái hỏng ở phần xây dựng nhân vật: họ không vẽ được cái mặt và cái chân tướng của người đàn ông, nghĩa là không hiểu tâm lý đàn ông. Trùng Dương khá nhất trong đám, tả người đàn ông ra đàn ông khi đi đứng, lúc nói cười, lúc đưa điều thuốc lên môi ... Trong cách mô tả này, Trùng Dương làm được việc hơn Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thụy Vũ ... Những người này đã chỉ cố nặn ra những hình người với những đường nét mờ, những chân dung xa lạ ngay cả với chính họ. Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thụy Vũ và v.v. ... đã tự thuật, đã ca tụng cái "ta" nhiều quá nên trong tác phẩm của họ âm thịnh dương suy."*

Lê Châu nói thêm : *"Đối đề tài đi chứ! Tại sao nhân vật của Túy Hồng cứ phải là cô giáo? Tại sao Thụy Vũ cứ chuyên viết về những cô gái bán snack bar" (2)*

Nhưng không phải vì thế, mà ông lại độc đoán như một số chủ bút khác. Trái lại ở đây, ông Châu là một người chủ bút biết lắng nghe, và mong muốn được lắng nghe:

*"Anh thấy các truyện trên BK thế nào, xin cứ phê bình thẳng cánh nhé. Anh cứ cho biết ý kiến anh về các nhận xét mà anh thu lượm được. Tôi sẽ đăng 1 truyện nữa của Y Uyên "Con muỗi đêm nay" trên BK 156 và truyện của Võ Phiến "Buổi chiều" vào số BK 157 (15/7) .*

*Anh cho biết ý kiến nhé."*

*(Thư gửi Võ Hồng) (1)*

Chúng tôi xin ghi lại ý kiến của nhà văn Nguyễn Hiến Lê về vai trò và con người của ông Châu, đề hiểu tại sao một tờ báo có tiếng là khô khan, lại là tờ báo sống lâu nhất, phát hiện

nhieu cây viết nữ của miền Nam nhất. Đó là cái công có thật, đáng để chúng ta kính nể và khâm phục, dù vị ấy chỉ là người luôn luôn ở trong bóng tối:

*"ông Châu làm việc rất siêng, đọc hết mọi bài đã nhận được, đăng được hay không đều báo cho tác giả biết. Ông nhận rằng, ông đã bỏ làm một số bài rất khá. Tôi mến ông, vì ông có tinh thần trách nhiệm, làm việc đàng hoàng, biết cương quyết giữ vững chủ trương cả khi tờ báo suy, biết xét người, xét văn và có tình với người cộng tác: ai gặp tai nạn gì thì ông lại nhà thăm, tìm mọi cách giúp đỡ". (Trích Hồi ký Nguyễn Hiến Lê, trang 553).*

---

(1) (trích thư gửi nhà văn Võ Hồng ngày 5-3-1963)

*...Trả lời anh trễ quá, vì đã lười rồi cứ lười thêm mãi, nên hôm nay mới viết thư cho anh được đây.*

*"Nỗi khổ tự tạo lấy" tôi định đăng vào số 1/4 để gần vào mùa thi cho vui, anh có đồng ý không? Nhưng cái tên tôi vẫn thấy chưa ổn. Nó có vẻ trúc trắc, khắc khổ mà tôi tưởng chưa hợp với truyện. Nỗi khổ của nhân vật trong truyện có phải tự hấn muốn tạo lấy đâu, anh nghĩ sao? Tôi góp ý với anh như vậy chứ tôi cũng chẳng nghĩ gì khác đâu.*

*Các truyện của anh đăng trên BK, tôi chỉ thấy "Xuất hành đầu năm" là thực cảm động và chính tôi đọc lần đầu cũng "rưng rưng nước mắt". Có lẽ vì tôi cũng có mấy đứa nhỏ như trong truyện của anh chăng ?*

.....

*"Mùa hoa soạn" của anh tôi đã rao trên BK số 156 này. Truyện anh viết, tôi thấy thú lắm. Vui nhẹ hay buồn nhẹ nhẹ. Có người không thích anh, cho là anh "classique" hoặc "chùng mực" quá, nhưng bọn trên dưới 40 như bọn tôi thì đọc anh như đọc Romain Gary, thấy truyện nào cũng ám áp như nắng đầu hè này.*

*Anh thấy các truyện trên BK thế nào, xin cứ phê bình thẳng cánh nhé. Anh cứ cho biết ý kiến anh về các nhận xét mà anh thu lượm được. Tôi sẽ đăng 1 truyện nữa của Y Uyên "Con*

muối đêm nay" trên BK 156 và truyện của Võ Phiến "Buổi chiều" vào số BK 157 (15/7). Anh cho biết ý kiến nhé.

Li-Chau  
Tangay 5/3/63

Chức Vụ Hộ Vệ,  
Thủ Đức và Thủ Đức, Việt -  
liệt và có liệt trên mái, nên  
điều này mới viết theo cho mà  
điều này.

"Thật là từ từ lại" tôi viết  
thứ này vào 1/4 thì lần này  
mới biết cho rồi, và có thấy  
không. Nhưng có thể có cũng  
không. Tôi là vì thế này, khi  
khi mà tôi thấy chưa hợp với  
trung. Tôi biết có một từ này  
trung ~~không~~ có phải là biết này  
đây, đây, đây, đây. Tôi gọi  
ý này và mới này chỉ từ này  
chỉ này này này ở đây này.

Cái này này và đây này  
thì này chỉ này này này này  
lì này này này này này này  
đây này này này này này này

2006-10-16

[illegible]

(Nguồn sưu tập: <http://vietsciences.free.fr>)

(2) Trang mạng [www.gio-o.com](http://www.gio-o.com): *Phỏng vấn nhà văn Túy Hồng - Phụ nữ và văn chương*

# Nhà văn viết về "duyên nợ" Bách Khoa

## Trần Hoài Thư

Có thể nói, bước đầu của hành trình đi vào thế giới văn chương của tôi, tôi nghĩ mình là một kẻ may mắn nhất.

Bài văn "Nước Mắt Tuổi Thơ" của tôi chỉ một tháng sau khi gửi từ Bru điện Huế, lại được chọn đăng. Đó là bài văn đầu đời của tôi, một bài văn mang nhiều thương tích vì có quá nhiều chỗ bị đục bỏ. Nhưng là một bài văn định mệnh.

Nó trình làng một tên tuổi vô danh, dưới bút hiệu Trần Quý Sách - tên thật của tôi. Để rồi từ đó, nó theo tôi như một nghiệp nợ nổi trôi. Chỉ cần một xấp giấy, một cây viết. Bàn viết là ba-lô, là cái bàn trong một quán bên đường hay trong còi tối đen ghê rợn, ngồi trùm hai ba lớp poncho, phủ thêm cái mền nhà binh và bật đèn pin quân đội mà viết....

Nói như nhà văn Mai Thảo, sự thành công của tác giả nhiều khi bắt nguồn từ duyên may. Vâng duyên may đã khiến nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn chọn tuần san Khởi Hành để đăng những bài thơ trong tập *Chiến Tranh Việt Nam và tôi* của ông. Những bài thơ mà dưới con mắt của một số người hay Sở Phổi Hợp được xem là cực kỳ phản chiến, bêu xấu hàng ngũ, nhưng đối với đám lính đánh giặc chúng tôi, là những bài thơ để đời trong thời chiến.

Vì sao? Tôi nghĩ rằng, vì tờ Khởi Hành là tờ báo của "cơ quan của Hội Văn Nghệ Sĩ quân đội". Chính cái "nhân" quân đội mà chủ nhiệm là một đại tá đã khiến những ngài "hốt cắt đục" phải "ngán" chẳng?(1).

Tôi nghĩ nếu nhà thơ NBS gửi những bài thơ trong tập *Chiến Tranh VN và tôi* cho những tờ báo khác, chưa chắc các vị chủ bút ấy lại dám đăng.

Chính tôi, thời ấy, nếu có bài gì mà tôi nghĩ khó qua mặt cái lưỡi kéo của Sở Kiểm Duyệt thuộc Bộ Thông Tin Chiêu Hồi, thì tôi nghĩ ngay đến tờ Khởi Hành.

Giống như NBS đã chọn Khởi Hành, duyên may đã khiến tôi chọn Bách Khoa là tạp chí để tôi gửi bài đầu tiên. Nhờ duyên may, tôi mới được gặp một vị chủ bút âm thầm tận tình giúp đỡ tôi trên cuộc hành trình cùng văn chương chữ nghĩa.

Vâng, nếu nhà văn nữ Nguyễn thị Thụy Vũ và Trùng Dương cảm ơn nhà văn Võ Phiến (mời đọc bài viết của hai người trong số này) hay nhà văn Nguyễn Mộng Giác phải cảm ơn nhà văn lão thành Nguyễn Hiến Lê vì đã ân cần tiến dẫn ông cho ông Lê Ngọc Châu, thì tôi phải trực tiếp cảm ơn ông Châu.

Tại sao tôi biết chính ông Châu đọc và chọn bài của tôi? Bởi vì có một lần, ông than trong dịp tôi về phép ghé thăm tòa soạn: “Chữ anh viết quá xấu, rất khó đọc, tôi phải dùng kính lúp.”

Cảm ơn khi tôi không hề núp bóng, hay không hề có ai đỡ đầu. Trong khi bản thảo của tôi đáng lẽ phải bị vất vào sọt rác vì chữ viết tay thì khó đọc, chánh tả thì bất cần, viết thì hối hả, không đọc lại, giấy viết thì bám bụi và mồ hôi nhòe nhạt nét chữ. Đó là nói về kỹ thuật. Còn nội dung thì truyện nào cũng bị đục bị cắt, thỉnh thoảng bắt tòa soạn phải nổi khùng vì lệnh tịch thu (như truyện ngắn hai kỳ nhan đề Bóng Tháp). Như vậy mà tôi vẫn được mở cánh cửa của tòa soạn 160 Phan Đình Phùng kia mà bước vào!

Đề từ đó, tôi được chấp cánh bay lên, bay lên, và hãnh diện khi có thể nói rằng: “Tôi xuất thân từ lò Bách Khoa!”

---

(1): Chủ nhiệm: Đại tá Anh Việt Trần văn Trọng. Chủ bút: Viên Linh

## Nhà văn Nguyễn Mộng Giác:

*Trong bài "phỏng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác" của Nguyễn Mạnh Trinh, nhà văn NMG đã trả lời về tác phẩm đầu tay cũng như về "duyên nợ" của ông với BK như sau:*

... Nếu hiểu “viết” có nghĩa là “viết và phổ biến bằng chữ in”, thì tôi khởi viết từ 1971, nhiều nhất, đều đặn nhất là trên tạp chí Bách Khoa.

... Tác phẩm đầu tay của tôi không phải là tiểu thuyết, mà là một tập tiểu luận về truyện chương Kim Dung, in năm 1972. Tôi rất mê Kim Dung. Ngoài Dostoyevsky, Kim Dung là nhà văn ngoại quốc có nhiều ảnh hưởng đến cách suy nghĩ của tôi. Hồi đó, tôi đang dạy học tại trường trung học Cường Để. Trong số đồng nghiệp, có anh Châu văn Thuận là một thành viên của tạp chí Ý Thức. Qua Châu văn Thuận, tôi quen với Lữ Quỳnh, một thành viên Ý Thức khác. Các anh ấy xin bài cho Ý Thức. Tôi viết bài đầu tiên về Kim Dung, được nhiều người mê Kim Dung thích lắm. Có khích lệ, tôi viết một bài khác gửi cho Bách Khoa và gửi một bản cho nhà văn Nguyễn Hiến Lê. Ông Lê mang bài đó đến Bách Khoa bảo đăng đăng. Tôi có duyên nợ với Bách Khoa từ đó.

(nguồn: <http://nguyenmonggiac.info>)

## Nhà văn Lê Tất Điều:

"Từ khoảng 15, 16 tuổi tôi đã bắt đầu viết một số truyện cho các báo hàng ngày như là viết "Mỗi ngày một chuyện" cho báo Ngôn Luận của ông Hồ Anh. Viết một số truyện cho bà Bút Trà trong phụ trương đặc biệt của báo Sài Gòn Mới. Viết một cách nghiêm chỉnh là sau khi có một truyện ngắn đăng trên tạp chí Bách Khoa (\*), sau đó có dịp gặp các nhà văn như là ông Võ Phiến, ông chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ Bách

Khoa là ông Lê Châu. Được sự khuyến khích của họ và bắt đầu quen thuộc với không khí văn chương, và lúc này là lúc bắt đầu vào khoảng 17, 18 tuổi gì đó..."

(\*) Truyện ngắn đầu tiên mang tên Cỏ Hoang  
(**Nguồn: Internet**)

---

## TRÙNG DƯƠNG

### Bách Khoa, nơi từ đó...

Nếu bây giờ có ai hỏi tôi “xuất thân” từ đâu, tôi sẽ không ngần ngại mà trả lời: “Từ lò Bách Khoa.”

Tôi nói lên điều trên không phải vì đây là bài viết đặc biệt cho Bách Khoa hay vì anh chị C. vốn có một đặc tính hiếu khách rất đáng phen nân đôi khi, vì ai đã thường lui tới Bách-Khoa đều cảm thấy những thăm hỏi mà anh chị C. dành cho người nào cũng như người nào, rằng mình không phải là thứ gì đặc biệt cả, song cũng chính vì vậy mà mỗi người tới Bách-Khoa đều cảm thấy nơi đó có một không khí gia đình đặc biệt. Tôi viết vì cảm thấy có bốn phận, cái bốn phận của một phần tử trong gia đình, nhân ngày giỗ kỷ niệm, không thể không trở về họp mặt với một món quà để góp mặt, bù vào những ngày lo làm ăn buôn bán, ở phương xa. . .

Thình thoảng có dịp ghé qua tòa soạn Bách-Khoa, khi vui miệng kể về sinh hoạt hiện tại của mình, về những dự án tương lai, tôi thường bắt gặp trong đôi mắt của anh chị C. một tia lóe lên thích thú. Rồi nhân lúc câu chuyện tạm ngưng, thường là chị vừa cười vừa nói:

“Chóng thật. Mới ngày nào, hồi cô mới tới chơi với chúng tôi cách đây bảy tám năm, tôi còn nhớ cô mặc cái áo dài hàng Nilfrane màu rêu, tay cầm cái bóp nhỏ bằng bàn tay, tóc cắt ngắn không uốn và cô cũng không cả dùng phấn son . . . trông đến là thơ ngây.”

Đang huênh hoang nói cười về những dự án tương lai, nghe nhắc lại cái thừa “khi ấy em còn thơ ngây”, tôi không khỏi hơi

thấy gương, nói chữ:

- Thì chị thấy bây giờ tôi cũng đâu có dùng son phấn và cũng đâu có thay đổi bao nhiêu đâu . . .

Cách đây bảy, tám năm. Lần đầu tiên xuất hiện dưới bút hiệu Trùng-Dương với truyện ngắn “Sao Rụng” đăng làm hai kỳ trên tạp chí Bách-Khoa với số tiền nhuận bút là một ngàn bảy trăm đồng và đó là lần đầu tiên tôi ăn một cái Tết hết sức là sang trọng, cái sang trọng đối với một sinh viên nghèo thường đến trường bằng một cái xe đạp cọc cạch như tôi.

Hồi đó tôi đang theo học năm thứ hai ở Luật. Tôi đến với Bách-Khoa qua lời giới thiệu của anh V.P. Tôi cũng không nhớ là trông tôi ngây thơ ở cái chỗ nào khi mà tâm hồn tôi lúc đó đang phải chịu đựng những khủng hoảng nặng nề của tuổi mới lớn – những khủng hoảng đến từ mọi phía dồn ép tôi vào một góc: bản thân, gia đình, học đường, xã hội. . . . (Cho đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi là sao hồi đó tôi chưa tự tử, dù ý tưởng đó đã đến với tôi hơn một lần). Cũng trong thời kỳ này tôi rất muốn có cơ hội tìm hiểu về nguyên nhân đã đưa đến sự thất bại của phe quốc gia vào những năm 45-54. Vì thế, sau khi đọc cuốn “Giã Từ” của anh V.P., tôi nảy ra ý định viết thư làm quen với anh. Trong thư có một đoạn như vậy:

*“Tôi thêm khát cái kinh nghiệm của các ông hồi kháng chiến.”*

Lá thư hồi âm của anh V.P. có một đoạn như sau (vì tôi ký tên thật và bỏ chữ “thị” mà tôi vẫn chê là yếu ở giữa đi, nên anh V.P. đã ngỡ tôi thuộc phái nam) “. . . Còn tôi, tôi lại tiếc là không còn đủ hăng say để tham dự vào thời đại của các anh”. Chúng tôi quen nhau từ đó. Tôi đưa cho anh V.P. đọc một vài truyện ngắn của tôi viết và anh đã chọn “Sao Rụng” để làm quà ra mắt của tôi với Bách Khoa nói riêng, và giới văn nghệ nói chung.

Tuy thế, dù cơ hội đã đến với tôi từ năm 1965, nhưng tôi không thể sử dụng nó triệt để vì lý do: tôi vẫn còn đắm mình trong những cơn khủng hoảng nội tâm triền miên nên chưa có bao nhiêu bình tĩnh cũng như kinh nghiệm sống cần thiết cho sáng tác. Đó là nguyên do tại sao trong khi có nhiều cây bút đồng lứa và cùng đến với Bách Khoa đồng thời với tôi đã rời BK để tung mình ra ngoài và liên tiếp xuất hiện trên nhiều tạp chí quen thuộc với tâm trạng của một kẻ tảo bôn kinh niên về văn chương. Đã thế, lâu lâu viết được một truyện đưa đến BK còn bị từ chối vì lý do thiếu hấp dẫn như hai truyện khác đăng

trên tạp chí này tạp chí nọ chẳng hạn. Thú thực những lúc đó, tôi hận anh C. thế không thèm viết cho BK nữa. Nhưng dần dần, tôi thấy là anh cũng có lý khi phải đọc kỹ truyện của tôi trước khi đăng, và sự thận trọng mà anh có là cho tôi chứ không phải cho anh. Về sau này, lẫn lộn trong báo giới, tôi càng cảm mến anh C. hơn nữa ở chỗ mặc dù tình trạng vật chất hiện đang mỗi ngày một sa sút, nhưng anh vẫn cố gắng duy trì tờ Bách Khoa thay vì khai tử nó cho rồi. Thành ra, một khi nhận viết cho Bách Khoa tức là hoàn toàn vì lý do tình cảm mà viết. Đã có lần tôi đề nghị anh để cho tôi viết cho BK một cái truyện dài, nhưng anh từ chối không rõ vì sao. Nhưng điều tôi biết chắc là tính anh cẩn thận lắm: anh chỉ đăng một cái truyện dài khi nào anh đã nắm trong tay phân nửa bản thảo. Trong lúc này, viết được phân nửa bản thảo thì thả là viết hết rồi đưa in thành sách cho được việc. Tuy nhiên, tôi tự nhủ sang năm sẽ gắng đưa cho anh phân nửa bản thảo xem anh còn từ chối vào đâu được nữa!?

Nói đến gia đình Bách Khoa mà không nói tới các anh em khác ngoài anh chị C. thì quả là một thiếu sót.

Phải nhìn nhận rằng những anh chị em trong gia đình BK vẫn có một thứ tình đặc biệt dành cho nhau, dù chưa một lần gặp mặt. Tôi xin đan cử một trường hợp.

Hôm đó, tôi được cử đem tiền ra cho nhóm HTN để chi phí vào buổi lễ đặt tên Công trường HTN ở Nha Trang. Tôi lên đường với lời cam đoan là sẽ có người ra đón ở sân bay. Tới nơi, tôi chờ nửa tiếng ở ngoài phi trường, rồi gần một tiếng ở trạm hàng không trong thành phố cũng chẳng có ma nào ra đón. Tôi nặn óc nghĩ ra một người quen ở thành phố cát trắng này để khỏi phải thuê phòng khách sạn và biết đâu lại chẳng dò ra chỗ của anh em trong nhóm. Người duy nhất mà tôi nhớ ra là anh V.H. với một cái địa chỉ hết sức lờ mờ mà tôi tình cờ biết được địa chỉ khi đọc nơi một cái bì thư ở tòa soạn BK cách đó cũng đã mấy năm. Thuê xích lô tới cái địa chỉ nhớ mãi mãi đó thì được biết tất cả các số nhà trong thành phố đã được đổi lại cách đây mấy tháng. Nhưng rồi tôi cũng dò ra được nhà anh V.H. Sau khi gõ cửa và đứng đợi người ta trả lời, tôi bần khoản tự hỏi liệu sẽ được tiếp đón ra sao. Rồi một người đàn ông cao gầy đầu sói ra tiếp tôi với đôi mắt dò xét. Nhưng khi nghe tôi xưng tên (bút hiệu) thì đôi mắt ấy không còn vẻ dò xét e dè nữa mà chợt sáng lên với một nụ cười rạng rỡ: “Té ra chị.

Nghe danh hoài mà giờ mới gặp!” Tôi thở ra thoát nạn: “Tôi cũng nghe danh anh hoài mà giờ mới gặp.” Và ngay tối hôm đó, mặc dù đang bị cúm, anh V. H. nghe tôi trình bày khó khăn của tôi vì mất liên lạc với anh em trong nhóm HTN, đã xách vê-lô đi hỏi thăm giùm tôi nơi tụ họp của họ và nhờ đó công việc của chúng tôi đỡ bị kẹt phần nào.

Dĩ nhiên, những hội ngộ kiểu lỡ độ đường đáng cảm động như vậy không chỉ xảy đến những người trong gia đình BK mà thôi. Nhưng dầu sao, phải thành thực mà nhận rằng trong cái tình của những người BK với nhau nó vẫn có một vẻ gì đơn sơ mộc mạc làm người cho cũng như kẻ nhận cảm thấy thoải mái dễ chịu. Và một khi bước chân vào BK, mỗi người chỉ còn là một người trong gia đình với những kinh nghiệm đem về kể lại cho mọi người cùng nghe.

Những nhãn hiệu, chức vụ, cả đến tuổi tác v.v... đã được ai nấy cời ra bỏ ngoài cửa, để sẵn sàng đón nhận nụ cười và lời hỏi thăm với giọng nói lấp suýt soa đặc biệt của anh chàng môn, người mà anh em mệnh danh là chưa làm phật lòng một ai, hay nếu có thì đó là sự phật lòng vì đã “bị” anh đối xử . . . đồng cân đồng lượng với mọi người khác.

TRUNG DƯƠNG

*Tòa Soạn Sóng Thần*

*18-12-1971*

***(nguồn: tạp chí Bách Khoa số 361&362 15-1 và 1-2-1972)***



## **Nguyễn thị Thụy Vũ** **Những Dòng Mực Cuối Năm**

Lật bật mà cái năm Quý Sửu sắp qua đi. Chữ nghĩa vẫn

chương vì nạn khan hiếm giấy mà thiếu môi trường hoạt động. Hiệp định Ba Lê, tình trạng phi hòa phi chiến, vụ si-căng-dan Watergate, cuộc chiến tranh bùng nổ ở Trung Đông vẫn chưa làm tôi ngao ngán bằng tình trạng khan hiếm giấy. Đường và gạo dù có trục trặc, thuế T.V.A dù có thiết lập ra với bao điều giải thích nhưng rồi cũng giải quyết êm thấm, duy có tình trạng khan hiếm giấy thì biết đến bao giờ thanh toán cho xong đây? Tôi ôn lại những chặng đường của cuộc hành trình mà cây bút của mình đã trải qua. Tám năm rồi đó. Cây bút của tôi đã bị biết bao dư luận mà trải qua cuộc thăng trầm. Nói theo âm nhạc là khi thì nó lên dièse, khi thì nó đổi thành bémol. Nói theo cách làm bếp thì khi chay, khi mặn. Dù thế nào đi nữa, dù có khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, tôi vẫn sung sướng là mình đã vào đời, tham dự giọt lệ nụ cười của cuộc đời bằng ngòi bút của mình.

Năm Quý Sửu, một năm lắm chuyện của thời sự quốc tế, và cũng là một năm lắm chuyện cho tôi - chuyện vui thì ít mà chuyện bực mình thì nhiều. Và hôm nay, ngồi ở bàn viết, lắng tai nghe cơn mưa cuối mùa lướt qua mái nhà, tôi có cảm tưởng năm tháng trôi qua mau quá, mà giấc mộng ngày xanh của tôi đêm đêm vẫn thấp thoáng trên dòng chữ, trên trang giấy để hiện lên... cuộc đời văn nghệ người đàn bà này bắt đầu khoảng tuổi trung niên, mà mãi tới bây giờ vẫn chưa nghĩ tới chuyện gác bút để tiếp tục đẻ con, tiếp tục đọc sách và nhất là để suy nghiệm lại những gì mình đã viết. Trong văn giới, mình hãy còn trẻ quá mà.

Năm cùng tháng tận rồi, cái xuân Giáp Dần sắp đến. Mình sẽ bước qua một khúc quanh nào trên dòng định mạng đây? Mâm cơm chiều đã dọn ra. Mưa vẫn còn rơi. Đêm đến quá sớm. Chén cơm nóng, nấu bằng một thứ gạo tằm thường. Dĩa cá nục kho nâu sẫm. Ăn cơm để mà tri ân những kẻ đã giúp mình cầm bút, để nghĩ tới tờ báo đã đăng bài mình đầu tiên. Lúc mới cầm bút là mình chỉ muốn giải tỏa ản ức trên giấy, sau này rõ ràng là mình sống bằng ngòi bút. Vứt bút đi là mình sẽ ôm con nhện đói và có thể pha thuốc chuột để mẹ con đồng tránh cơn đói hoành hành. Sinh nhai bằng ngòi bút là chuyện quá bi thảm đối với người đàn bà. Nhưng ở đời, thiếu gì chuyện lươn lẹo, tréo hèo. Thiếu gì chuyện ngược đời ăn trâu bằng bột, gói bánh bằng vôi, hoặc giã gạo bằng nôi, nấu cơm bằng cối. Vậy mà

mọi việc rồi sẽ quen mắt, thuận tai dần đi...

Mâm cơm của thời buổi kinh tế mắc bệnh bán thân bất toại. Tô canh chua nấu với xương khô, một đĩa rau luộc. Đầu dấm kêu ca gì. Vắt một miếng chanh, dầm một trái ớt vào đĩa nước mắm này đi. Cơm nóng, canh nóng, cả nhà ngồi đông đủ, và bên ngoài mưa lạnh rơi đều đều, thánh thót. Hạnh phúc đơn giản quá. Không có gì phải phàn nàn, nhưng thật sự cũng chẳng có gì đáng tự mãn.

Cơm nước xong thì cơn mưa đã dứt. Mới có tám giờ tối mà tôi tưởng chừng đêm đã vào sâu. Tôi ngồi lại bàn viết, xem lại bản thảo của thiên tự truyện mình đã đăng trên một tờ nhật báo. Tôi còn phải sửa chữa thêm thất lại, vì theo nhu cầu feuilleton tôi đã phạm quá nhiều sơ hở, hoặc những lỗi lầm khá buồn cười trong công việc dựng truyện cùng đúc kết cái dàn bài của nó. Tôi đọc lại đoạn tôi đem một truyện ngắn cho nhà văn Võ Phiến xem, lòng vui vui với cái thuở làm văn nghệ đầu mùa. Tôi hình dung lại khuôn mặt của ông cùng hình ảnh cái tòa soạn tập san đã đăng bài đầu tiên của tôi.

Trong các cuộc phỏng vấn, trong thiên tự truyện "Thấp Ngọn Đèn Cho Tôi", tôi nói nhiều về trường hợp tôi bước vào văn đàn. Tờ tập san đó là cánh cửa đầu tiên đã tiếp đón tôi. Gần tám năm qua, tờ tập san đó vẫn đều đặn ra mắt độc giả, nửa tháng một kỳ. Đó là một tập san sống dai nhất. Trong năm nhà văn nữ thuộc thế hệ trẻ có bốn cô nàng xuất thân từ tờ tập san đó.

Tôi đã chính thức sống bằng ngòi bút của mình. Đó là nghiệp chương hay là một diễm phúc, tôi cũng không rõ nữa. Tôi vẫn nhờ ngòi bút của mình mà vượt khỏi quặng đời tầm tối, và tôi phải ôm o so bại cũng tại vì kiếm sinh nhai bằng ngòi bút. Trong nghiệp chương oan khiên vẫn nẩy bông hoa hạnh phúc, và trong vòm trời hạnh phúc vẫn có mầm mống thiên tai. Cứ lý luận như vậy tôi không dám kêu ca hiện tại, hoặc tự mãn về sự nghiệp văn chương của mình.

Nhớ thuở nào, tôi viết dăm ba truyện ngắn đưa cho ông Võ Phiến, mạch văn của tôi không được trôi chảy lắm. Viết văn lúc đó là cả một sự ị ạch như trâu kéo cày. Thuở đó, nhà văn

nữ rất hiếm. Người đàn bà có ý thức chút đỉnh dễ nổi tiếng ngay. Huống chi tờ tập san đó là một tờ báo vốn có sẵn ít nhiều uy tín từ trong quá khứ. Quãng đời đó đối với tôi hình như xa quá. Tôi bước vào văn đàn với lứa tuổi già và bốn năm sau ly khai với tờ tập san đó, tôi đã là bà mẹ độc thân. Năm nay tôi lại đập bầu thêm một lần nữa. Cuộc đời thay đổi, đường lối văn nghệ của tôi cũng thay đổi năm hồi mười hiệp rồi. Thế mà thân mình tôi vẫn khô khan, mỏng lét cũng như tòa soạn tập san đó, vẫn âm thầm rầu rĩ bên đường Phan Đình Phùng, với cái mặt tiền thâm u, trầm lặng. Nơi đó, ông chủ nhiệm làm việc âm thầm.

Tôi đã ly khai với tờ tập san đó, không có nguyên nhân nào rõ rệt. Vì viết feuilleton nhiều nên tôi đâu có thì giờ viết truyện ngắn. Nếu tôi xấn truyện dài thành từng mẩu truyện ngắn, thì tờ tập san không tán thành công việc đó. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng mình sẽ phải viết một cái gì cho nó. Ngưỡng cửa danh vọng đầu tiên của tôi là chỗ đó. Tôi viết feuilleton như một cô gái đã có chồng mà còn đi ăn sương. Các nhật báo, các tuần báo khác là những tình nhân, những khách làng chơi xộp, trút tiền như bướm bướm xuống người tôi. Riêng tờ tập san đó là một ông chồng già khó tính, nhưng chung thủy, luôn đợi tôi trở về.

Năm nay có thể là tôi trở về tờ tập san đó. Nhưng tôi phải ra đi để đối phó với cuộc đời củi que, gạo châu này. Có thể năm tới, tôi trở về thăm tờ tập san đó một lần nữa, thăm chốc lát rồi ra đi.

Các bạn gái đồng nghiệp của tôi cũng đi ngang về tắt như tôi. Không ai muốn nắm nuôi ở tờ tập san đó. Ở đó, chỉ có thể làm văn nghệ, chứ không phải là chỗ kiếm cơm. Ở đó tôi phải viết lách đứng đắn, phải làm việc thận trọng. Tôi lia tờ tập san đó, chứ không phải bỏ nó, và tôi đi chinh phục kẻ sinh nhai bằng hình ảnh tòa soạn của nó trong tâm tư tôi.

Tôi biết cây bút của mình bớt ăn khách dần, và hình như đã xuống giá. Tôi đâu có thì giờ làm văn nghệ nữa. Khi bước vào tòa soạn đầu tiên, tôi còn lý tưởng hóa văn nghệ, đầu óc không hề in dấu đồng, ước vọng vẫn lai láng như con nước lớn tràn sông. Bây giờ, tôi vừa viết văn vừa đợi ngày đào thải... Nhưng, tôi vẫn cảm thấy sung sướng. Mình đã được làm mẹ, và nuôi con bằng óc não của mình. Đó là một cái cố chính đáng mà tôi không thể cộng tác với tờ tập san đó bằng tác phẩm truyện

ngắn. Tôi bạc tình và vô ơn chăng? Nhiều lúc tôi tự hỏi như vậy và mỉm cười, lòng vui vui một cách vô cớ. Tờ tập san đó cần phải có những khoảng đất trống để vun quén những bông hoa văn nghệ khác. Lửa hoa của chúng tôi đã mẫn khai, phải sang một vuông đất khác, và lâu lâu chỉ có thể rải một chút phần nhụy về tờ tập san đó. Đó là chuyện hết sức tự nhiên. Nó còn phải khai thác cho những tài năng khác mà lại.

Đối với những anh em văn nghệ ở ngoài tòa soạn đó, tôi là Nguyễn thị Thụy Vũ. Nhưng đến nó tôi vẫn là cô Nguyễn Băng Linh. Tất cả xem tôi như một người thân. Anh em tòa soạn đó đã từng chứng kiến tôi trong lớp gái Lục Tinh bước lên Sài Gòn, thường đỏ mặt tía tai mỗi khi nghe những câu hỏi tếu của bất cứ ai. Tôi đến tờ tập san đó bằng thái độ e dè, có cảm tưởng mình làm văn nghệ như mình hát xiệc trên hai sợi dây căng ngang tít trên cao. Tôi đã nhận năm trăm đồng tiền nhuận bút ở tác phẩm truyện ngắn đầu tay do ông chủ nhiệm đưa. Năm trăm đồng bạc thuở đó cũng như năm ngàn đồng bạc bây giờ chớ ít ỏi gì sao. Nhưng thuở đó sống trong sự bảo bọc của cha mẹ, tôi viết văn vì thích viết mà thôi. Năm trăm đồng chỉ làm cho tôi nghĩ rằng, bài mình được một tạp chí "lớn" đoái hoài tới.

Bây giờ, đến tất cả tòa soạn báo nào, tôi hiện thân là một con lóc, cười giỡn, tung hứng từng câu, đốp chát sức mùi dao búa, bụi đời... Nhưng đến tòa soạn đó cũng như đến tòa soạn Văn, tôi trở về con người cũ. Anh em ở đây đã biết tôi là ai, tôi xuất xứ từ đâu rồi. Họ đã biết căn cội, nguồn gốc cùng con người thật của tôi. Tôi hiện nguyên hình là con gái Lục Tinh, gót còn dính phèn đất ruộng, ngôn ngữ vẫn còn sức mùi rầy bái.

Đây là chỗ để tôi thảo luận nghiêm chỉnh, đây là chỗ để tôi sống lại một quãng đời làm văn nghệ đầy thú vị. Ngồi ở tòa soạn của tờ tập san đó chừng một buổi thôi, tôi sẽ gặp rất nhiều người quen cũ. Họ đến đó ung dung, với thái độ nhàn nhã, tự tại. Ở đây không có những khuôn mặt thẳng thốt chạy đua theo sự tăng vọt của sinh kế vì ở đây không phải là chỗ mưu cầu đồng tiền bát gạo. Người đến tòa soạn đó thường cất giấu bộ mặt sinh kế qua một bên để hỏi thăm lẫn nhau về mức sáng tác, về những quyển văn nghệ đã đọc qua. Không khí ở đó thật êm ả. Tiếng quạt máy trên trần nhè nhẹ. Ngọn đèn rải xuống bàn ghế, giấy má một thứ ánh sáng lạnh lẽo. Bao năm trôi qua,

những người ngồi nói chuyện với nhau đã già rõ rệt, nhưng tôi có cảm tưởng như hôm qua mình đã đến đó và khi bước ra tòa soạn tờ tập san đó tôi vẫn hòa mình vào guồng máy sinh hoạt thật dễ dàng.

Nói đến tờ tập san đó, tôi nghĩ ngay đến ông Võ Phiến. Trong thiên tự truyện trên nhật báo Sóng Thần tôi đã viết đầu đuôi câu chuyện tiếp xúc giữa ông và tôi. Hèn lâu tôi không gặp ông. Ngay đến ngày cưới của người trưởng nam của ông, tôi không được thiệp báo tin lẫn thiệp mời, và khi tôi hay được thì đã trễ nửa năm rồi còn gì. Đời tôi là một chuỗi dầy dầy thiếu sót, vụng về. Tôi còn giữ một chút liên lạc những gì với tòa soạn tập san đó qua hình ảnh cô bạn gái viết văn của tôi. Một cô thì làm chủ nhiệm một tờ nhật báo ở Thủ Đức. Một cô thì vừa dạy học vừa viết feuilleton, vừa làm bếp và săn sóc chồng con. Cô đầu, hôm tôi đi đập bầu có đến thăm. Tôi viết văn mãi cả lóng tay mà tới lúc vào nhà sanh tôi chỉ còn có vài ngàn bạc trong túi. Trước khi sanh tôi còn phải chờ một bao gạo từ chỗ mua tới nhà rồi mới yên lòng mà đập bầu. Mà nào có yên lòng nằm trên giường để đâu. Bốn cái feuilleton phải viết cho đúng hạn kỳ, đầu trước đó tôi đã thức khuya lác khuya lo để viết trừ hao. Đứa con đầu tôi nuôi bằng sữa Guigoz, đứa con thứ hai bằng sữa SMA, nhưng đứa con thứ ba tôi nuôi bằng sữa hộp Trái Núi Trắng. Con bé này mặc quần áo thừa của anh chị nó. Chiếc xe Mini Lambretta của tôi đã bán từ lâu nên tôi ít đi đi đây vì sợ tốn tiền xe. Tôi đã mượn tiền trước một vài nhà xuất bản mà vẫn chưa sửa chữa lại các tác phẩm để giao cho họ.

Hát bài ca con cá hoai có lẽ tự mình làm nhảm tai mình. Than thì cứ than, nhưng tôi vẫn thầm biết mình có hạnh phúc. Ba đứa con tôi, đứa nào cũng dễ nuôi. Tôi tự nhủ thầm là con mình dễ thương, nhưng viết ra đây thì tôi chỉ có thể nói là đứa nào cười cũng có lúm đồng tiền như điều tôi mơ ước lúc tôi mang thai chúng. Tôi chỉ có thể nói là thằng con trai tôi sẽ không có hàm răng vẩu. Răng có lún thì nụ cười mới tươi.

Người đàn bà bước đầu trong việc nuôi con là sợ mình xấu xí, tàn tật. Thoát khỏi hai ám ảnh đó cũng như thoát khỏi hai chặng đầu của cơn ác mộng.

Thằng em tôi chỉ thích tôi sanh con trai. Nhưng năm nay khi đi xa về, nó vào phòng tôi, hỏi liền:

- Thế nào, trai hay gái đó?

Tôi mỉm cười:

- Lại thêm một tiện tỳ nữa.

Nó vui vẻ:

- Năm nay sanh con gái tốt lắm nghen. Nam Nhâm, nữ Quý mà lại.

Nó vọt mừng lên ngẩng ngó chán rồi xem tướng một cách ngon lành:

- Mây thanh nhã, hình vòng nguyệt: quý tướng. Răng hơi vầu, đàn bà răng hơi vầu thì dễ tô son. Ava Gardner và Elizabeth Taylor đều có răng hơi vầu cả nên họ hôn rất giỏi trên màn bạc và họ mà chửi chồng thì chồng có cảm tưởng mình nghe nhạc Beethoven. Mũi con bé này hơi hình cang tốt vì mai sau nó sẽ nhận thức được mùi son, mùi nước hoa lạ trên môi, trên thân thể chồng để dễ bề kiểm soát chồng. Móng tay con này chưa chi mà đã mọc dài, tốt lắm, chừng nữa nó sẽ có móng vuốt để cào mặt tình địch và để ngắt véo để trị tội ngoại tình của chồng.

Tôi cũng vãi trời cho con tôi được như lời tiên đoán của cậu nó. Ai lại không muốn cho con trai mình biết trị vợ và con gái mình giỏi bắt nạt chồng. Mẹ tui nó có máu ăn hiếp chồng, thì tui nó có tánh ăn hiếp vợ nên thủy hỏa khi tương giao thì sẽ sùng sục, còn khi tương khắc thì ào ào như trận gió kinh thiên thì âm âm như ngói tan trúc chẻ...

Hạnh phúc có nhiều bộ mặt và tôi tự hỏi mình chiếm được bộ mặt gì? Tuy nhiên càng đông con tôi chẳng có một khoảng hở thời gian để lui tới tòa soạn của tập san đó.

Thỉnh thoảng tôi đến chơi tòa soạn báo bán nguyệt san Văn. Trước khi đến đó, tôi đến viếng phòng mạch của ông bác sĩ quen thân. Tôi thường điện đàm cho một anh bạn đồng nghiệp túc trực thường xuyên ở tòa soạn đó. Trong cuộc điện đàm, tôi thường xưng:

- A-lô, anh N.X.H. đó hả ? Phải, tôi đây, bà mẹ độc thân đây.

Hồi mới vào văn đàn, người ta lấy cái tựa của tác phẩm đầu tay của tôi là "Mèo Đêm" để làm cái hồn danh cho tôi cũng như tôi kêu nhà văn Lê Xuyên là Chú Tư Cầu vậy. Sau đó, có lẽ họ thấy kêu như vậy là không ổn, nếu không là méo mó nghề nghiệp một cách oan ức cho tôi, nên họ tự động bỏ cái hồn danh đó đi. Sau này, sau khi trả lời cuộc phỏng vấn trên tập san

Văn, tôi được mọi người kêu là bà mẹ độc thân và tôi rất hài lòng cái hồn danh này. Đôi lúc, tôi nghĩ có phải mình sống thành khẩn với hoàn cảnh của mình hay là trâng tráo một cách rẻ tiền khi tự xưng mình là bà mẹ độc thân.

Ở tòa soạn Văn có quá nhiều nhà văn lớn, có hào quang danh vọng che ngợp văn đàn nên tôi nói năng giữ kẽ, thùy mị đoan trang như gái đời chồng, khép nép như nàng dâu trình diện cha mẹ chồng.

Còn rất nhiều tòa soạn của các nhật báo nữa. Ở đó không khí huyền ảo hơn, đầy câu nói đốp chát hơn. Máy in chạy rần rần, tiếng cười cợt, cãi vã, bông đùa cũng càng sôi nổi hơn, lẫn theo một nhịp điệu hối hả, gấp rút. Lại còn những quán ăn, những tách cà phê và những khuôn mặt của các phóng viên, nhà báo nữa. Đời sống ở những nơi đó vô trật tự, có khi vô liêm sỉ nữa, nhưng rất linh động và phồn thịnh đã kích thích tôi, để tôi tiếp tục bán chữ để đổi lấy chén cơm.

Vào xuân năm Giáp Dần, tôi chẳng biết cầu chúc cho mình hơn là giữ mãi một nhịp sống không xô dịch, không biến cố. Thúy Kiều sau mười lăm năm phong trần lưu lạc, được về quê hưởng “duyên xưa đầy đặn, phúc sau dồi dào” ở lứa tuổi ba mươi. Tôi cũng lưu lạc, tuy không phong trần gì, nhưng cũng bị định mạng cầu véo những lần đau đớn. Tôi cũng muốn được an thân, dưỡng vóc ở trong cái Làng Báo Chí này. Cầu chúc cho cơn khủng hoảng giấy má chóng qua. Cầu chúc cho những tờ văn nghệ đứng dần khỏi tình trạng ra mắt độc giả dưới hình thức một đặc san hay một giai phẩm. Cầu chúc cho ông chủ nhiệm đã đăng bài đầu tiên của tôi khám phá thêm nhiều tài năng văn nghệ mới. Cầu chúc cho ông chủ nhiệm báo Văn bình phục hẳn để hoạt động lại những cơ sở văn nghệ của ông. Cầu chúc luôn cho sự thù tạc của mình giúp mình đánh tan những ganh tị hiểm thù nhỏ nhen cùng san bằng những thành kiến tai hại của những kẻ mà mình không ngờ đứng ở hàng ngũ đối lập với mình.

Xuân Giáp Dần này chắc không vui lắm vì tôi vẫn chưa chuẩn bị một số tiền xài Tết. Nhưng mà, tôi vẫn lạc quan. Tôi sắp thoát khỏi tuổi bị sao Kế Đô chiếu mạng. Lần sanh nở thứ ba, máu huyết tôi thay đổi nhiều nên sức khỏe có lẽ dồi dào hơn trước.

Tôi chợt khám phá một điều: bao nhiêu biến cố đến với tôi như

con nước lớn ròng, nhưng niềm lạc quan của tôi vẫn như một cái vỏ ốc ở dưới đáy sông. Vỏ ốc dù nhỏ nhưng nó vẫn có hình tượng và có sự hiện hữu của nó.

(nguồn: Văn giai phẩm Xuân Giáp Dần)



## THƯƠNG NHỚ ANH LÊ NGỘ CHÂU

### *Võ Quang Yển*

Tôi chỉ quen biết anh Lê Ngộ Châu qua thư từ.

Những năm cuối thập niên 50, đang còn là sinh viên ở Paris, sợ luôn sống trong một cộng đồng Pháp ngữ, một ngày kia sẽ quên tiếng mẹ đẻ như nhiều anh lính thợ qua đây hồi đệ nhị thế chiến, tôi thấy cần phải cấp tốc trau dồi Việt ngữ. Hiếm có người Việt quanh mình để trò chuyện, sách cũng đâu có mà đọc trừ phi phải mất thì giờ chạy vào các thư viện đặc thù như ở các Trường Viễn đông Sinh ngữ Langues O (sau này là INALCO), Trường Viễn đông của Pháp EFEO, Viện Bảo tàng Guimet,..., chỉ còn một phương tiện, tuy không đầy đủ nhưng cũng còn hơn không, là viết. Nhưng viết chỉ giữ cho mình thì ít thú vị, cần phải có người đọc. Từ đây có ý nghĩ cho đăng vào báo chí, tôi mạnh dạn viết thư về báo Bách Khoa. Và tôi được anh Lê Ngộ Châu sốt sắng nhận lời. Lại thêm được khuyến khích, tôi siêng năng viết. Cái khó là tìm cho ra đề tài. Là sinh viên, quen với những bài học khoa học, tôi chỉ viết trên những đề tài dính líu đến thời sự khoa học, bắt đầu với những tin tức về hỏa tiễn, vũ trụ, dần dần bước qua các ngành khác như hóa học, vật lý học, sinh vật học...nghĩa là bất cứ một đề tài nào được nhắc nhở đến trong báo chí.

Tôi còn nhớ bài đầu tiên *Ta biết gì về cung trăng* gởi về, có lẽ nhận thấy vài vụng về trong cách hành văn của tôi, anh Lê Ngộ Châu tự ý sửa chữa vài đoạn. Với lòng tự ái dồi dào của tuổi thanh niên tôi phản ứng ngay tức khắc: tôi viết về một lá thư dài trong ấy có một trang gồm hai cột, bên trái là những dòng

viết của tôi, bên phải là những dòng được sửa để so sánh rồi tôi đòi anh chứng minh cái hay ở đâu. Anh không trả lời nhưng từ đây anh không còn sửa một chữ, một câu trong bài, thậm chí anh còn giữ nguyên những lỗi chính tả của tôi! Thỉnh thoảng anh không tiếc lời khen ngợi, như khi tôi gởi về bài *Mười năm phát triển khoa học* khéo léo lược kể những bài tôi viết trong nhiều năm qua. Thành thử quan hệ giữa chúng tôi tiếp tục rất đầm ấm: tôi gởi bài, anh đăng bài. Anh không trả tiền nhuận bút nhưng thỉnh thoảng gởi quà như những tấm tranh sơn mài, những sách vừa xuất bản ở Sài Gòn, những băng nhạc anh tự ghi lấy vì hồi ấy chưa có bán trên thương trường. Nhờ vậy tôi có được một tủ sách quý thời bấy giờ, nghe được những bài ca Khánh Ly hát nhạc Trịnh Công Sơn, Hỷ Khương hò những câu của cụ Ứng Bình,... Một hôm ở Sài Gòn, tôi hân hoan được chị Phan Thị Mai, Giám đốc Công ty Sông Trà, mời ăn cơm mà chị Mai không ai khác là người cộng sự của anh Lê Ngô Châu hồi trước có phận sự gởi quà qua Pháp cho tôi. Sau một số bài khá lớn đã đăng, anh đề nghị cho xuất bản thành sách. Hoàn toàn đồng ý, tôi giao phó cho anh chọn lựa bài vở và kiếm nhà xuất bản. Rút cuộc hai cuốn *Vũ trụ và không gian* và *Nói chuyện khoa học* trong Tủ sách Tiến bộ được Cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản năm 1968. Sau này Thầy Nhất Hạnh, tôi vừa mới quen ở Paris nhưng Thầy đã đọc tôi từ Sài Gòn, đặt tôi viết một cuốn sách về tính phái. Viết xong cuốn *Giáo dục tính phái*, theo lời Thầy dặn, tôi gởi về nhà xuất bản Lá Bối thì được trả lời là họ không in những loại sách nhằm nhĩ ấy! Sau này cũng lại nhờ anh Lê Ngô Châu chạy kiếm nhà xuất bản Lửa Thiêng để in năm 1973. Nhưng cũng từ đây liên lạc giữa tôi và tạp chí Bách Khoa ít dần lại cho đến 1975.

Năm 1986, về lại quê hương sau 36 năm xa cách, ghé ngang Sài Gòn, tôi không quên lại thăm anh Lê Ngô Châu ở 160 Phan Đình Phùng. Đây là lần đầu tiên và lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Anh Châu nhìn kỹ tôi, rồi chép miệng: “Xem anh còn trẻ quá và lại rất năng động!” Ở bìa sau các sách của tôi, anh không quên chừa vài câu về tiểu sử của tôi, tất anh biết tuổi tác của tôi. Tôi có ý định trở lại thăm anh trước khi ra Huế nhưng rồi bị con cháu lôi cuốn nên không thực hiện được ý muốn. Sau này mỗi lần về nước, được nghe là anh đã theo con qua đoàn tụ bên Úc nên tôi không kiếm cách lại thăm anh nữa. Cho

đến gần đây, cháu Diệu Hằng cho biết anh vừa mới mất. Tôi ngậm ngùi không có dịp hàn huyên với anh, một người đã hiểu tôi và giúp tôi nhiều trong bước đầu sự nghiệp văn chương. Vẫn biết còn có tạp chí Phổ Thông của thi sĩ Nguyễn Vũ cũng có đăng một số bài khoa học phổ thông của tôi, nhưng sau này tôi được thông tin nhiều người biết tôi qua tờ Bách Khoa. Trong bài giới thiệu cuốn *Gửi thương về Huế* của tôi do Trung tâm Nghiên cứu Quốc học và Nhà xuất bản Văn học xuất bản năm 2006, anh bạn Cao Huy Thuần khen ngợi tôi: "Trong một giai đoạn lịch sử còn quá hiếm thông tin khoa học, những bài viết dễ hiểu, trong sáng của anh đã mang lại những lượng kiến thức đúng đắn, đáp ứng nhu cầu của những đầu óc vừa mới trưởng thành. Giá anh có cơ hội tiếp tục như thế thì vai trò giáo dục của anh đã lớn biết chừng nào!" Ít năm trước khi bác Hoàng Xuân Hãn mất, tôi được gặp bác ở chùa Trúc Lâm tại thị trấn Villebon miền nam Paris, và trong câu chuyện bác nhiều lần trở lại các bài của tôi đăng trong tờ Bách Khoa cùng các bài của bác, của anh Trần Văn Khê, của các chị Linh Bảo, Minh Đức Hoài Trinh trong số các tác giả tôi may mắn gặp được ở kinh đô ánh sáng. Tôi cũng rất cảm động khi nghe vài người hiện đang làm khảo cứu khoa học bảo đã dẫn thân vào con đường này nhờ ít nhiều đã có đọc những bài hồi trước của tôi. Và tất cả những mối cảm động này đều bắt đầu với tạp chí Bách Khoa và nhất là với anh Lê Ngộ Châu, chủ biên tờ báo.

Tôi không biết quan hệ giữa anh Lê Ngộ Châu và các tác giả khác ra sao, chứ đối với tôi, anh đã là một người giúp tôi nhiều trong bước đầu viết lách, tôi xem đó như là một bàn đạp để tiến lên. Tôi xếp anh trong số những nhà ân nhân đã nâng đỡ tôi trong thuở ban đầu, tạo điều kiện cho tôi hoàn thành công việc học hành, công tác để có được ngày nay một địa vị trong xã hội mà mình không hổ thẹn. Xin thành thật cảm ơn anh Lê Ngộ Châu và xin cầu nguyện linh hồn anh thành thoi nơi chốn phiêu diêu cực lạc.

*Xô thành mùa xuân Đinh Hợi 2007*

*PHAN DU*  
Những kỷ niệm với Bách Khoa

**VĂN ĐÀN TÌNH THOẠI**

*“... Gợi thêm sáng tác vào. Truyện “Á Xiu “được anh em tán thưởng nhiều, cho là có lời bố cục rất ngộ. Riêng tôi, tôi lại khoái truyện “Chiếc quạt tím” hơn. Nên cộng tác với Bách Khoa vì anh em trong này là những người đứng đắn, có nhận thức, có khả năng thẩm định giá trị văn chương. Chúng tôi vừa đi một chuyến Đà Lạt về. Cố gắng vào chơi. Anh em mong chờ.”*

Bức thư trên đây của Vũ-Hạnh có kèm theo một tấm ảnh. Đến nay tấm ảnh đã bị thất lạc vào dịp biến cố tết Mậu Thân, lại vì lâu ngày quá, tôi không còn nhớ rõ ngoài anh Lê Ngọc Châu và Vũ Hạnh ra, là anh Hoàng-Minh-Tuynh? Ngu-Í? hay Cô Liêu? Ảnh chụp trên đường từ Đà Lạt về.

Tôi có duyên với Bách-Khoa kể từ dạo ấy, nghĩa là từ năm 1960. Cái mộng nam-du, gặp anh em một chuyến cứ ve vãn tôi hoài. Và sau đó ít lâu, tôi cố thu xếp để lên đường vào Nam lần đầu. Tình hình an ninh thuở đó còn khá tốt đẹp nên tôi đi tàu suốt thay vì đáp phi cơ, như thế vừa đỡ tốn lại vừa vui hơn. Đi chơi xa, chẳng có chuyện gì còn phải tranh thủ thời-gian, thì dùng tàu suốt là khoái nhất. Trên tàu đã có lắm chuyện vui, lại được ngắm nhiều cảnh trí, tận hưởng được cái thú của một cuộc du lịch thông dong nhân nhĩ. Cái may của tôi khi lên tàu là gặp được một ông bạn đồng hành có đủ đồ lễ để cùng nhau đối ẩm, cả trà lẫn rượu. Và không có cái thú nào cho bằng, trong lúc con tàu xê dịch, ngồi ngắm cảnh rừng âm u, trùng điệp dưới ánh trăng mờ, qua cái ngà ngà của hơi men, hay cảnh mặt bể vào buổi thanh thân, với cái hương vị của những chén trà thơm nóng, cái đẹp muôn vẻ của đất nước, non sông, vào

những lúc này, có một sức quyến rũ thực là kỳ diệu...

Nhưng dù vui đến đâu, sau mấy ngày đêm bị nhồi lức, lại mất ngủ, khi đến gần Sài Gòn tôi nghe đã mệt nhoài. Nhìn vào gương tôi đâm hoảng, vì thấy mình mất hẳn phong độ. Tuy lấy về hạng nhì về đêm cùng bạn đồng hành sửa soạn được chỗ nằm cũng khá thoải mái, ăn uống lại rất ngon miệng, vì thực phẩm - từ trái cây đến các món ăn mua ở ga vừa rẻ lại vừa dồi dào - nhưng tư thái của tôi lúc ấy trông thực chẳng khác gì một tên Bô-hê-miêng đói khát lâu ngày. Mắt lờm sâu, mặt mày bơ phờ, hốc hác, thân hình có vẻ gầy gáp, quần áo lại nhàu nát, thay đổi trên tàu cũng bất tiện, tôi đâm ra hồi hận đánh điện tín báo trước ngày vào.

Tàu càng tiến vào Sài Gòn, tôi càng đâm lo. Mới lần đầu tiên hội ngộ với anh em thuộc giới cao nhân, mặc khách ở Thủ-đô, mà phô trương cả một cái tác phong “bụi đời” như thế này coi sao cho được và tránh sao cho khỏi cái tiếng khiếm nhã. Tôi thầm mong chỉ Vũ-Hạnh ra đón tôi, về nhà tắm rửa, nghỉ ngơi cho lại sức rồi sau đó sẽ hay. Nhưng mặc cho lòng tôi áy náy, bánh xe lạnh lùng vẫn cứ quay nhanh trên đường sắt, rồi rú còi báo hiệu cuộc hành trình ngắn dậm đã đến hồi chấm dứt, và ngừng lại trước ga Sài Gòn.

Tôi đang loay hoay với mớ hành lý ở sát cửa toa, đã nghe tiếng gọi, tiếng cười quen thuộc của Vũ-Hạnh. Và nhìn ra thì không phải chỉ có mỗi Vũ-Hạnh, mà còn có những bốn năm anh em khác nữa cũng vẫy tay vui vẻ chào mừng. Tôi đâm ra ngượng ngùng lúng túng, nhưng rồi cũng phải liệu bài “phót tỉnh” chớ biết làm sao bây giờ. Tôi bước xuống tàu, tiến thẳng tới, tươi cười đáp lễ, và rồi, chỉ trong giây lát, sau khi tay đã bắt tay, tôi cảm thấy dễ chịu, tự nhiên, thoải mái như đang đứng giữa thân bằng đã từng sống với nhau rất lâu ngày, như một người đi xa trở về giữa những linh hồn thân yêu cùng chung mái ấm. Thái độ, cử chỉ, cung cách tiếp đón và từ nụ cười ánh mắt cho đến những lời thăm hỏi, có gì xóa tan trong tôi tất cả mọi áy náy, ngại ngùng. Trời mùa hè, nóng bức với ánh nắng chói chang, nhưng tôi cảm thấy không khí vẫn êm ả như khí trời mùa Xuân. Sài thành lần đầu tiên như cổ khoa trương, chung bảnh với tôi, cái vẻ sôi động, phồn vinh, hoa lệ

của nó, nhưng trên chuyến xe từ nhà ga về tòa soạn, tôi không hề ngó ngang tới nó, chỉ vì cái vui hội ngộ và những câu chuyện hàn huyên đã choán hết tâm trí của tôi...

Về sau này, theo với thời gian, tôi càng nghiệm thấy rõ hơn cái thấm thiết của mối tình giữa tôi với Bách-Khoa. Thực ra tôi đâu có cộng tác thường xuyên, nhưng Bách-Khoa đối với anh em cộng tác lại rất mực chung thủy. Có khi gián đoạn cả năm không hề viết lách, nhưng báo biểu vẫn được gởi tới đều đều, tình trạng sức khỏe công việc làm ăn vẫn được thường xuyên thăm hỏi. Và đáng cảm động hơn, là sau khi biến cố Tết Mậu-Thân xảy ra, Bách-Khoa, trước hơn ai hết, đã tỏ ra băn khoăn, lo lắng vì tôi và một số anh em văn hữu bị kẹt trong vòng máu lửa, dò thăm tin tức, tìm hiểu tình trạng với tất cả cái chân tình huynh đệ, vui, buồn, sướng, khổ không hề quên nhau.

Riêng về phần tôi, tôi nghĩ rằng không phải chỉ tấm thanh tình ấy là yếu tố duy nhất đã tạo ra mối liên hệ, ràng buộc vô hình giữa tôi với tạp chí này. Phải nói là do nhiều yếu tố khác nữa, và mối liên hệ keo sơn ấy quả đã được kết dệt ngay từ trong cái khung cảnh, không khí đặc biệt của tòa soạn Bách-Khoa.

Quả vậy. Ở Sài Gòn, ngoài Bách-Khoa ra tôi cũng còn cộng tác với một số tạp chí khác: *Tiểu thuyết thứ bảy (miền Nam)*, *Văn hữu*, *Tin Văn*, *Tin sách*, *Văn*, *Tân Văn*, *Văn hoá nguyệt-san*, *Nhân loại* v.v... Có những tạp chí tôi chưa hề đến tòa soạn. Có một vài tòa soạn thỉnh thoảng tôi ghé thăm chơi, nhưng không nơi nào tôi cảm thấy thoải mái, lưu luyến như tòa soạn Bách-Khoa. Ngay cả đến tòa soạn của *Văn* cũng vậy. Anh Trần Phong Giao là một văn hữu rất tận tâm với bạn bè, rất tốt với tôi. Anh Nguyễn Đình Vượng cũng dành cho tôi một cảm tình nồng hậu. Mỗi khi tôi vào Saigon mà ghé lại thế nào cả hai cũng vì tôi, tổ chức một tiệc tẩy trần khá thịnh soạn.

Tuy nhiên tòa soạn Văn lại không hấp dẫn. Không phải vì nó lộn xộn, tấp nập, ồn ào. Tôi đã quá quen và cũng biết yêu cái ồn ào của nhà in, của máy in. Cũng không phải vì cái thói quen cố hữu của anh Trần Phong Giao vừa tiếp khách, vừa tiếp bạn, vừa chúi mũi chúi lái vào công việc sửa chữa bản vẽ, trình bày

ấn phẩm, sắp xếp bài vở. Có thể là vì cái không khí ở những nơi này thiếu một cái gì phù hợp với bản chất của tôi, với cái ý niệm tôi thường có về một tòa soạn, thiếu cái phong vị êm ả, ấm cúng, thân mật của một nơi hội hữu. Tôi tìm thấy những đặc tính này ở tòa soạn Bách Khoa.

Trong thời gian chín tháng lưu trú ở Saigon, vào khoảng năm 1964-1965, tôi thường tới lui tòa soạn. Một phần là vì cái mỹ ý của anh Châu, thường khuyên tôi những lúc rảnh rỗi nên đến xem sách, xem báo, và tôi vốn cũng thích như vậy, vì Bách Khoa có nhiều sách, báo tạp chí Pháp ngữ mới và có giá trị. Một phần là vì nơi đây tôi có nhiều dịp được gặp gỡ, hiểu biết một số văn hữu, được đàm đạo hoặc dự thính những cuộc mạn đàm vui và bổ ích, qua những chén trà thơm nóng, những điều Bastos De Luxe.

Tòa soạn Bách-Khoa quả đã khéo tạo được cái không khí phù hợp với chủ trương của Bách-Khoa. Nơi đây thực đúng là thứ *“quán tha hồ muôn khách đến”*, là loại *“vườn chim nhà hạt mười phương”*. Bất luận là trẻ, là già, là mới, là cũ, là duy vật hay duy tâm, là Phật giáo hay Công giáo, là cấp tiến hay bảo thủ, quan niệm, khuynh hướng, chính trị, nghệ thuật, văn chương như thế nào đều được đón nhận với sự cảm thông và được chung đụng trong cái thể hoà đồng cởi mở. Từng được nghe có người gọi là nhóm Bách-Khoa, nhưng theo tôi thiên nghĩ, gọi như vậy thì không được ổn. Nói riêng về sáng tác, người ta không thể sắp xếp Võ Phiến cùng Vũ Hạnh chẳng hạn vào cùng một nhóm. Còn về quan điểm, khuynh hướng, lập trường, chính trị lại càng không thể nhốt tất cả các anh em nòng cốt trong ban biên tập vào cùng một cái khung duy nhất.

Phải có sống qua trong cái không khí của những buổi họp tòa soạn mới càng nhận rõ những điểm này. Dạo còn ở Sai-gon, mặc dù tôi không ở trong ban biên tập thường xuyên, nhưng thỉnh thoảng cũng được tham dự. Thật là sôi nổi và hào hứng, và lắm lúc do tình hình chính trị mà có nhiều pha gay cấn, làm nổi bật vai trò và cái nghệ thuật “hoá giải” của anh Lê Ngộ Châu, con người trầm mặc, tế nhị, hiền hòa, giọng điệu lúc nào cũng khoan thai, hòa hườn, đĩnh đạc, và có thể anh thành công nhiều trong vai trò này là do ở thái độ cởi mở cũng như sự

cười đặc biệt của anh, cái cười của một sứ giả hòa bình. Với anh thì *Sùng* với *Mỗ* khó thể mà còn học hặc với nhau, *Mặt Trời* với *Mặt Trăng* khó thể còn tìm đường tránh mặt, mọi sự khắc xung đột về ý kiến, quan điểm đều tiến tới chỗ dung hòa, vui vẻ cả làng.

Con thuyền “Bách-Khoa” không phải lúc nào cũng được xuôi dòng, thuận gió. Nó cũng gặp nhiều xoáy nước hiểm nghèo vì tình hình chính trị, vì tình trạng tài chính. Qua những bước thăng trầm của nó, nhiều lúc tôi cũng tự hỏi nếu là một người nào khác chứ không phải anh Châu chèo chống, thì tạp chí này có kéo dài được đời sống của nó như vậy hay không? Tôi còn nhớ, sau cuộc đảo chính 1-11-63 ít lâu, đã có một lúc Bách-Khoa bị đặt trước hai con đường phải chọn. Một là phải cải đổi danh tánh, hai là phải chịu một đòn khai tử. Một tạp chí như Bách Khoa mà phải chịu bẽ khai tử thì ngay độc giả xa gần cũng đã thấy đau lòng rồi huống nữa là chính những người từng dày công gầy dựng, vun tằm, tài bồi. Chấp nhận chuyện đó làm sao cho được. Nhưng chịu cải đổi danh tánh thì có khác gì đưa nó xuống mồ. Thực là nan giải. Ấy thế mà rồi mọi chuyện đã qua đi một cách êm ru bà rù. Bách-Khoa thoát nạn. Mà thoát nạn là nhờ cái sáng kiến khéo léo của anh, cái tài quyền biến. Cải đổi danh tánh thì cải đổi, nhưng quả là một lỗi cải đổi của nhà ảo thuật. Trên mặt pháp lý, Bách-Khoa rõ ràng đã đổi họ, đổi tên, nhưng trong thực tế Bách-Khoa lại vẫn là Bách-Khoa như thường, chỉ chấp vá thêm hai chữ “*thời đại*” nhỏ xíu, để rồi sau đó, theo với thời gian, cái phụ bộ ghép chấp tạm thời ấy, một sớm nào đó, đã lặng lẽ biến đâu mất hút.

Vào cái thuở vàng son của Bách-Khoa, những cuộc họp báo như trên bao giờ cũng đi đôi với những cuộc “*yến ả*” khá thịnh soạn.

Chiếu rượu thường được mở ra ngay tại tòa soạn, và cái khí thế tao đàn hùng biện của một số anh em, từ cuộc họp lại kéo dài ra bàn ăn thao thao bất tuyệt. Cũng có khi họp xong lại kéo nhau đến tiệm. Và thông lệ của Bách-Khoa là mỗi lúc có một văn hữu nào ở xa về thì thế nào cũng có tiệc tẩy trần, đông đủ bá quan tòa soạn. Tôi đã được đãi ngộ như vậy nhiều lần và cũng được đóng vai tiếp tân như vậy nhiều lần, vui và cảm

động biết bao. Nhưng bữa tẩy trần mà tôi cho là thích thú nhất, còn lưu giữ nhiều kỷ niệm nhất, là bữa ăn thân mật ngay ở tòa soạn, vì tổ chức gấp rút, nên chỉ có anh Châu, Võ Phiến và tôi. Đó là một ngày mưa. Trời mưa lâm râm bên ngoài. Khí trời hơi lạnh. Chúng tôi cùng ăn món chả cuốn do chị Châu làm. Món ăn đã khoái khẩu, không khí gian phòng lại đầm ấm và câu chuyện của hai anh càng làm tăng thêm cái ý vị, tinh thần mật của cuộc tái ngộ. Chính trong bữa ăn hôm ấy, anh Châu còn dành cho tôi một sự ngạc nhiên đầy thú vị. Từ trước, qua cái vẻ điềm đạm, trầm lặng của anh, tôi thường nghĩ anh là một Chủ nhiệm, Chủ bút chỉ biết chí thú, hăng say với công việc tòa báo, một loại người hiền lành, vô sự. Ai hay, trong bữa ăn này, anh đã khiến tôi phải sững sốt đến bật ngửa và đâm hoảng, vì nhận ra người đang đối diện với mình quả là một tay nguy hiểm quá chừng! Thì ra mặt ngoài trông có vẻ dửng dưng, thính lặng như Bụt, cũng chẳng hay xuất môn, xuất ngoại, vậy mà lại am tường quá nhiều về thiên hạ sự, lại nắm hết hồ sơ *bí mật* của bọn anh em, từ chân tơ đến kẽ tóc. Trông người mà ngẫm đến ta, nghe chuyện anh em mà, trong suốt bữa ăn, tôi cứ thỉnh thoảng phải giật mình sờ tay lên ót, để pháp phòng lo ngại về nỗi hồ sơ của mình! Cũng trong dịp này, tôi càng nhận rõ được cái khiếu phúng thích, trào lộng của anh Võ Phiến qua lối trò chuyện của anh, nhất là những mẩu chuyện về “chính quyền”, về một số nhân vật tai to mặt lớn ở vào thời ấy. Trong lúc dùng đồ tráng miệng, tôi đã phải cười đến gập người vì mẩu giai thoại liên hệ đến một cuộc kinh lý của Tổng-thống họ Ngô. Đó là vụ cãi vã tùm lum giữa một ông Quận-trưởng và một đại diện chính quyền xã sở tại về một vấn đề cực kỳ trọng đại: *về cái cầu tiêu dựng riêng cho Cụ*. Cái đáng nêu ở Võ Phiến, theo tôi nhận thấy là cái bản chất chân thực, hiền hòa của con người Bình Định cộng thêm cái tinh nhả, mẫn nhuệ của hạng có nhận thức và cái láu lỉnh khả ái của con người văn nghệ. Lối tỏ vẻ ngạc nhiên của anh rất là đặc biệt và lối cười thực là dễ cảm. Nói đến cái khiếu phúng thích, trào lộng thì trong tòa soạn Bách-Khoa còn phải kể đến Vũ Hạnh. Có Vũ Hạnh là có sự ồn ào, có sự vui nhộn và có đủ chuyện cười. Lại thao thao bất tuyệt. Trong số văn hữu quen biết, tôi phục cái tài nói của hai người: Vũ Hạnh và Nguyễn văn Xuân. Nếu xét về cái kỷ lục *cả tiếng lại dài hơi* thì Nguyễn văn Xuân ăn đứt. Trong một dịp gần đây, cũng tại tòa soạn

Bách-Khoa, anh Trí Đăng đã tiết lộ với tôi rằng khi ra Đà Nẵng tìm nhà anh Xuân, vì nhớ lộn số nhà, đã tưởng không sao gặp được, thì may mắn quá, ngay giữa lúc đang loay hoay ngoái lộn, vẫn nghe được tiếng nói, giọng nói của giáo sư họ Nguyễn - ý chừng đang tranh luận về một vấn đề gì đó - vọng ra rõ mồn một từ tư thất ở tận cùng ngõ hẻm. Tôi còn dám nghĩ rằng nếu anh Trí Đăng đứng cách xa độ vài trăm thước nữa vẫn cứ nghe rõ như thường. Nhưng xét về mặt bay bướm, hóm hỉnh, hấp dẫn thì Vũ Hạnh có phần trội hơn. Có tài lôi cuốn người nghe, ngay cả những lúc nhà hùng biện này cố tình nguy hiểm cho... vui sự đời.

Với Vũ Hạnh, tôi còn giữ lại một kỷ niệm khá vui về cái gác của tòa soạn Bách-Khoa. Tôi không ngờ với ông chủ nhiệm kiêm chủ bút họ Lê, cái gác ấy lại có một công dụng rất ngộ. Một hôm, cũng vào dạo còn ở Saigon, tôi có chuyện cần gặp Vũ Hạnh. Đến nhà không gặp, tôi liền tới ngay toà soạn Bách-Khoa. Tôi đã thất vọng, vì thường Vũ Hạnh ở đâu thì dù chưa thấy người cũng đã nghe được tiếng rồi, nhưng đằng này hình cũng không mà tiếng cũng vắng. Tôi liền hỏi anh Châu. Câu hỏi vừa dứt, tôi đã nghe có tiếng động trên gác và cái giọng vừa bông đùa, vừa đau khổ của Vũ Hạnh:

- Cậu đó à? Tôi bị câu lưu trên này từ sớm đến giờ. Chờ tôi giấy lát.

Tôi chưa hiểu chuyện gì đã nghe anh Châu đồng ý lên tiếng:

- Suyt! Không có lộn xộn Anh cứ ở yên trên ấy cho đến lúc nào viết xong hãy xuống...

Rồi anh mỉm cười và chậm rãi phân trần:

- Vũ Hạnh chưa có bài. Hẹn mãi vẫn không có. Hôm nay bắt được anh ấy đến đây, tôi phải dùng "biện pháp mạnh" nhốt kỹ trên đó, buộc phải viết cho xong mới được đi.

Tôi nhận thấy vụ câu lưu này quả cũng chính đáng và không phải là trường hợp có thể thuyết phục, nên tôi đã rút lui sau khi đã cạn mấy chén trà thơm. Thực ra thì Vũ Hạnh chậm trễ bài vở hồi đó, một phần là vì công chuyện làm ăn. Dạo ấy Vũ Hạnh có nhiều "áp phe văn nghệ", chẳng hạn như việc soạn thảo loại sách kiến thức thời đại và công việc dịch thuật. Tôi được biết rõ vì được yêu cầu góp phần bằng cách xem lại và góp ý về những bản dịch, đi lòng các tiệm sách với Vũ Hạnh và T.Đ.C để chọn sách cần dịch. Chúng tôi thường gặp nhau ở

tiệm cà phê bên cạnh tòa soạn Bách-Khoa hay ở gần Thanh Bạch để thảo luận, bàn bạc về chương trình soạn thảo và các tác phẩm cần dịch. Tôi nhớ vào khoảng tháng 7-1964, bản dịch mà tôi được Vũ-Hạnh trao để coi lại là truyện *Lettre d'une inconnue* trong quyển *Amok* của Stefan Zweig, do Thời Mới xuất bản. Cũng vào khoảng đó, tôi bắt đầu soạn thảo tập *Truyện Con Người*. Công việc của Vũ Hạnh có phần bộn bề mà tình hình lúc đó lại quá đổi chộn rộn. Các vụ khủng bố bằng chất nổ xảy ra rất thường trong thành phố. Dư luận xôn xao, chào xáo nhiều về chuyện Cabot Lodge ra đi với khăn đóng, áo dài Việt Nam và một quân nhân, một Tham mưu trưởng liên quân là Maxwell Taylor thay thế. Không khí căng thẳng với các vụ thi đua xuống đường, biểu tình bạo động, với cuộc thi đua biểu dương thanh thế của các giáo phái, sự cọ xát giữa Công giáo với Phật giáo, giữa mỗi tôn giáo này với Chính-phủ Nguyễn Khánh, giữa chính phủ này với các chính đảng, với đại khối quần chúng bất mãn vì mất tin tưởng, ngày càng gia tăng dữ dội như lửa đổ thêm dầu. Rồi vụ các chiến hạm Maddox và Turner Joy tấn công hay bị tấn công gì đó ở ngoài khơi Bắc Việt. Chủ trương Bắc tiến được tung ra ồn ào. Vụ oanh tạc Vinh và Bến Thủy. Rồi xáo trộn càng gia tăng với việc ban hành Hiến chương 16-8-1964 và những vụ bạo động khai diễn tại nhiều đường phố giữa đồng bào Công giáo và Phật giáo. Vũ Hạnh đã trở nên bài vở là vì công việc và cái không khí rộn ràng như vậy.

Riêng tôi, dạo ấy, càng đến Bách-Khoa thường hơn, vì có lý do. Quả thực tôi có nhiều chuyện buồn phiền, nói là bức mình thì đúng hơn. Xin nghỉ việc ở Huế, vào Saigon là tôi quyết định chuyển qua nghề dạy học, từ bỏ hẳn đời công chức. Cho nên dù được giữ lại để trông coi Sở Sưu tầm Nghiên cứu, tôi vẫn nhờ Vũ Hạnh giới thiệu với một số tư thực. Nhưng rồi tình hình ngày càng rối ren, chuyện lãng khóa, bãi khóa xảy ra như cơm bữa, và sau lần đến thăm anh Nguyễn văn Xung, bị thất nghiệp vì tình trạng chung của giáo giới, nằm co trên gác vắng, uống nước lã, ngâm thơ và chửi đồng giải sầu, Vũ Hạnh bàn với tôi nên ẩn nhẫn để chờ tình hình sáng sủa. Mà càng nán nà chờ đợi thì càng thêm bức mình với bao nhiêu bề bộn, bất công, luộm thuộm ngay dưới các cơ quan mình phải trông coi. Thêm vào đó còn cái buồn vì phải xa gia đình. Hơn nữa, vì trọ ở đây

lầu Chà, đường Trần Hưng Đạo, tôi phải trải qua nhiều đêm thức trắng. Tại đây, đêm nào cũng ồn ào, náo động với cảnh tụ tập đông đảo, hỗn loạn, cùng những tiếng la ó, hò hét, đập phá, xen lẫn tiếng ca hát đùa nghịch của đám người xuống đường, chiếm đường tự do tung hoành trong cái không khí hoàn toàn vô chính phủ.

Trong cái tình hình sôi động và cái tâm trạng chán chường ấy, tôi càng thích đến tòa soạn Bách-Khoa, vì ít ra ở đây cũng còn tìm được sự yên tĩnh, còn có những giây phút di dưỡng tinh thần, có sự đồng thanh đồng khí lại nghe ngóng được nhiều nguồn tin hiếm lạ.

Đến tòa soạn, tôi thường ngồi ở một chiếc ghế đặt ở sát tường phía bên phải từ ngoài đi vào, và ngay tầm mắt tôi, trên bức tường đối diện, có mấy họa phẩm. Tôi còn nhớ tôi thường để ý đến bức họa của anh Phạm Tăng. Để ý, nhưng không muốn nhìn ngắm lâu, vì bức họa có gì quái dị, âm u gieo cho tôi một ấn tượng lạnh lùng, rờn rợn. Khi được anh Châu cho biết về trường hợp và động cơ sáng tạo họa phẩm, tôi không còn ngạc nhiên về cái ấn tượng ấy nữa. Một bức họa khác khiến tôi ngơ ngác ngác về sự hiện diện của nó. Tôi hỏi Vũ Hạnh. Vũ Hạnh mỉm cười, rỉ tai cho tôi biết đó là tác phẩm của anh Xuân Hiền, hồi đó đang giúp việc cho tòa soạn, liên lạc với nhà in. Tôi hỏi ngay tác giả, anh cũng mỉm cười nhìn nhận với cái dáng lúng túng, ngại ngùng của một phạm nhân thú nhận tội lỗi của mình. Bức họa trình bày cảnh ngoại ô hay một phố vắng thì phải, nhưng khi tôi biết tác giả của nó, mỗi lúc nhìn tới tôi cứ phải nghĩ đến một cái gì đó khác hơn. Tôi nghĩ đến cái ao rau muống mà anh thường ước mơ. Đó là cái mộng thầm kín và rất tha thiết của anh, cái mộng rất thiết thực của một anh em miền Bắc phải di cư vào Nam, phải vật lộn với cuộc sống khó khăn, phải lặn lội theo một cái nghề vốn thường bạc bẽo và phải áp ú nuôi dưỡng mãi trong lòng một mối sầu xa xứ khó có thể lãng khuây. Anh đã nói nhiều với tôi về cái mộng ấy, đã làm cho tôi phải cảm động nhiều vì cái mộng ấy, khi cùng đi với nhau suốt quãng lộ trình từ tòa soạn đến đường Trương Minh Giảng. Đến đây, anh không còn theo đuổi nghề cũ, cái mộng ấy còn áp ú hay không tôi cũng khó biết vì đã lâu ngày không gặp, và cũng như bức họa của họa sĩ Phạm Tăng, tác phẩm bốc đồng và độc

nhất của anh đã vắng bóng, nhưng mỗi lúc có dịp ghé Bách-Khoa, nhìn lên tường tôi lại nhớ cái “Ao rau muống”, vẫn nghĩ tới cái mộng ấy, cái mộng có gì khiến tôi phải liên tưởng, với một nỗi buồn thương mệnh mang, đến cảnh phân qua lãnh thổ.

Và cũng trong cái không khí cõi mở, cái khung cảnh “dĩ văn hội hữu” của tòa soạn Bách-Khoa, với cái chân tình văn nghệ, người ta cũng dễ đi sâu vào một vài cạnh khía nhân cách của nhau, qua bên kia cái tư thái bề ngoài vốn thường đánh lạc hướng nhận xét. Chính tại đây, tôi mới khám phá được, chẳng hạn cái bản chất lãng mạn, phóng khoáng, cái văn nghệ tính đáng yêu ở bên dưới và bên trong vẻ đạo mạo, nghiêm trang, chững chạc của một văn hữu cao niên như anh Đoàn Thêm. Tôi không bao giờ quên được cái cảm thức dễ chịu tạo nên bởi cái thái độ xuề xòa, cởi mở, nhã nhặn của anh, cái dáng bất bình, đau khổ của anh vào dịp anh ngồi than thở, phàn nàn về cái dùng ngôn từ thô tục được phát biểu trong văn chương, nhất là trong một số báo hàng ngày. Lại một lần khác, cũng gặp tôi ở tòa soạn, anh đã vỗ mạnh vào vai mà trách móc:

- Tôi có đọc bài anh ở Tin Sách, bài phê bình Chất Ngọc. Chưa được, tại sao lại nhẹ nhàng quá thế? Phải mạnh hơn lên! Dù có Vũ-Hạnh ở đây tôi cũng cần đưa ra nhận xét này.

Anh nói đúng. Nhưng thực ra tôi viết bài này cho Tin Sách chỉ nhằm chủ đích giới thiệu tác phẩm mà thôi, chứ không phê bình. Tôi cho anh biết rõ như thế và nói thêm rằng tôi không phê bình vì món đó tôi thiếu sở trường. Trước sau tôi chỉ gặp anh ở tòa soạn độ dăm ba lần thôi, nhưng tôi rất cảm mến cái phong thái cao nhã, nhất là cái tinh thần tự trọng, cái bản chất trung hậu, chung thủy của con người khi đặc thể không vênh vang, kiêu hãnh, không lợi dụng chức vụ, địa vị, khi thay đổi cảnh ngộ vẫn an nhiên tự tại. Trong một lần thuyết trình ở một đại hội Văn hoá sau ngày đảo chính không lâu, nhắc đến chính sách đường lối của Ngô-Đình-Diệm anh vẫn giữ cái thái độ trân trọng, cái chân tình đối một nhân vật đang bị đả đảo và cái không khí đã đảo, lên án vẫn còn sôi động nơi nơi, bên ngoài đại hội anh vẫn thân nhiên, điềm tĩnh, nhắc lại: “Tôi đã thừa với Cụ như thế này, như thế nọ, và Cụ đã dạy rằng, Cụ đã quyết định rằng..Tôi đã biện luận rằng..”

Dù vốn thù ghét chế độ gia đình trị, thù ghét chế độ lãnh chúa

ở miền Trung, đã vì nó mà bị giam cầm nhân cuộc đấu tranh của Phật-giáo, nhưng tôi vẫn thấy mến phục cái thái độ của anh, tôi vẫn thấy nó đẹp, một cái đẹp phải có của những con người thực sự là người, tôi thấy có cái gì đó đáng quý, đáng yêu.

Cũng trong tòa soạn, tôi được có dịp nghe Linh mục Trần Thái Đình nói về Phật giáo, với cái cảm tưởng như đang đối diện một Thượng tọa mặc lộn áo dòng. Và đôi lúc được ngắm nhìn cái dáng uể oải, mệt mề tổ cáo về sự suy nhược của thể xác thì ít, mà những khoắc khoải, dằn vặt về tâm tư thì nhiều, ở một con người có óc cấp tiến và giàu suy tư như giáo sư Nguyễn văn Trung, những khi anh ngồi buông mình với gương mặt xa vắng và cái nhìn lơ lảo trên chiếc đi-văng. Và một Cô Liêu không cô liêu chút nào. Một Cô Liêu rất vui nhộn, rất yêu đời. Gần anh thì khó mà buồn, trái lại còn được biết thêm lắm điều hay, điều ngộ, bao nhiêu bí ẩn, ẩn tàng bên trong bóng khuất tối hay mặt trái của Sài thành hoa lệ. Chiếc xe hơi màu đen của anh, một hình ảnh tôi khó có thể quên và còn lưu giữ từ nó khá nhiều kỷ niệm vui. Và Lê-Tất-Điều, văn-hữu nhỏ con vào bậc nhất, lúc nào cũng sẵn có cái giọng khôi hài và hóm hỉnh, đặc biệt nhất là lối cười ngửa mặt, cái cười rất dễ dàng, hồn nhiên, dí dỏm, dễ làm cho người ta cười theo và dễ vui lây. Trùng Dương, trong cái khung cảnh của tòa soạn Bách-Khoa, khác hẳn với Trùng Dương tôi gặp ở Huế sau đó. Điềm tĩnh, chừng chạc, sâu mộng, giọng nói rất khoan thai trầm buồn, và chỉ khi nữ văn hữu này đứng lên dùng máy điện thoại, nghe và đối đáp, ánh mắt, sắc diện lúc ấy mới giúp tôi cảm đoán được một thứ trùng dương dậy sóng ẩn tàng bên trong. Lê Phương Chi với cái dáng hăm hở, hăng say, nhiệt thành về nghề nghiệp của một phóng-viên. Đạo ấy anh còn làm cho tờ Tin Sách, nhưng vẫn thường lui tới Bách-Khoa. Chính anh đã săn đuổi tôi như một tay lap thú bám riết con mồi, từ tòa soạn qua bộ Thông-tin, từ bộ Thông-tin đến gác trọ số 73 đường Trần-Hung-Đạo không biết là bao nhiêu lần, để rồi cuối cùng dồn tôi vào tận chân tường. Rõ là bí quyết nhà nghề! Sau cùng là Ngu-Í. Tòa soạn Bách-Khoa đã giúp tôi biết rõ thêm những điểm bất thường rất lý thú của Ngu-Í hay Ngê Bá Lí, rất nhiều giai thoại về anh để tôi thấy khoái và yêu cái “điên” của anh hơn là cái “tỉnh” hay cái “quá tỉnh” ở một số người. Gần anh, người ta

đâm ra bàng hoàng trong sự phân biệt cái tỉnh với cái điên. Chiều ngày 17-7-1964, tôi còn nhớ cùng các anh Lê-Ngô-Châu, Võ Phiến, Vũ-Hạnh và Xuân Hiến, tôi xuống thăm anh tại Dưỡng trí viện Biên-Hòa. Đi thăm một người điên Ngu-Í, tôi đâu ngờ chính bệnh nhân Ngu-Í lại đóng vai hướng dẫn chúng tôi đi thăm khắp nơi trong khu dưỡng trí, từ khu hướng nghiệp đến phòng hội họa, phòng dệt, phòng gia chánh, phòng lò rèn v.v... Cuối cùng, khi đến khu vực dành riêng cho những phần tử hung bạo, trên cửa lầu cao có khung sắt lớn, hiện ra một hình thù đen đúa, vạm vỡ, cười nhe răng, hết đu vào song sắt lại ngồi dùng bàn tay này vuốt mạnh cánh tay kia, cứ lần lượt thay đổi tay và vuốt mãi không biết mệt mỏi, trông y cái phong thái của một con khỉ đột ở trong rừng già. Tôi mãi ngắm và muốn tiến lại gần hơn, thì Ngu-Í đã cầm tay tôi kéo lại, khuyến cáo: “Đây là loại điên nguy hiểm không nên tới gần, chúng ta đi xem nơi khác”. Rồi anh cười với hàm răng trắng nổi bật với bộ râu mọc rậm hơn nhiều, và lại tiếp tục hướng dẫn chúng tôi một cách đàng hoàng y như người tỉnh!

Mối tình của tôi với Bách-Khoa quả thực đã được cấu thành, kết dệt từ những người và sự việc cùng bao nhiêu kỷ niệm vui buồn như trên, đề dù không cộng tác được thường xuyên, tôi vẫn thấy một liên hệ thẩm thiết đậm đà và mỗi lần có dịp vào Saigon, thế nào tôi cũng phải ghé vào tòa soạn, dù gặp trường hợp gấp rút, hạn hẹp thời gian tới đâu, tôi cũng cố tranh thủ đề tạt vào, ít nhất cũng uống cạn được một chén trà, hút tàn được một điều thuốc mới nghe thỏa lòng.

oOo

Thấm thoát, Bách-Khoa đã được mười lăm tuổi tròn. Ở con người cái tuổi ấy mới là cái tuổi dậy thì. Ở một thiếu nữ cái tuổi ấy chỉ mới báo hiệu thời kỳ cài trâm. Nhưng với một tạp chí, nhất là tạp chí sống tại miền Nam, thì cái tuổi mười lăm quả đáng coi là một kỷ lục đáng hãnh diện về cái tư thế vĩnh tồn trường mệnh.

Được anh Lê Ngô Châu yêu cầu viết bài cho số kỷ niệm mười lăm năm, tôi tự nhiên nghĩ tới mối tình sẵn có. Và đã nghĩ tới mối tình sẵn có, tự nhiên tôi lại nhớ tới bao nhiêu kỷ niệm êm ái, bao nhiêu hình ảnh quen thuộc từng chiếm cảm tình của tôi ngay trong cái khung cảnh của tòa soạn Bách-Khoa. Tôi nghĩ

rằng nhớ lại, ghi lại những kỷ niệm này, nhắc lại chuyện cũ, có thể cũng góp được phần nào trong việc giải thích cái lẽ vì sao tạp chí Bách-Khoa đã tồn tại được lâu dài như vậy.

PHAN DU



## **Trần Trung Sáng** **Ký ức về ông Bách Khoa Lê Ngộ Châu**

Vào năm 17 tuổi, tôi nhận được một lá thư quan trọng, ấn tượng nhất trong cuộc đời đeo đuổi “giấc mộng văn chương”. Lá thư ấy có nội dung như sau: “Kính gởi ông .../ Chúng tôi đã nhận được hai truyện ngắn của ông gởi đến. Trong số này, chúng tôi sẽ in truyện ngắn: “*Con nai nhỏ trên đoạn đường gian nan*” (1) . Riêng truyện ngắn “*Con thần lẩn*” không in được, vì bị Bộ Hốt cắt đục<sup>(1)</sup> cho là có sai phạm/ Chân thành cảm ơn sự cộng tác của ông. Kính chúc ông sức khỏe và tiếp tục có nhiều sáng tác mới/ Ký tên : LÊ NGỘ CHÂU, Chủ nhiệm Tạp chí Bách Khoa”.

Thật khó tưởng tượng nổi cảm giác một cậu bé học trò mới tập tành viết lách khi nhận được những lời lẽ trân trọng bằng chính nét bút của Chủ nhiệm một tạp chí nghiên cứu – lý luận – sáng tác uy tín bậc nhất miền Nam. Đó là truyện ngắn đầu tay tôi được in với bút danh Tàn Hoa và cũng là sáng tác duy nhất tôi được nhận nhuận bút (với số tiền gần bằng một tháng lương công chức thời kỳ trước 1975).

Hơn 30 năm qua, dù cuộc sống với biết bao xáo trộn thăng trầm, đã không ít lần tôi phải gác bút để lo bươn chải chuyện áo cơm, thể nhưng cứ mỗi lúc tình cờ tìm gặp và đọc lại lá thư của ông Chủ nhiệm Bách Khoa trong những ngăn kéo cũ, tự nhiên một khát vọng nào đó của tuổi trẻ còn lẩn khuất ở trái tim bỗng cháy bùng lên dữ dội.

Dĩ nhiên lá thư nói trên, không thể làm cho tôi lập tức trở

thành nhà văn. Nó cũng không làm cho tuổi trẻ tôi xấu hoặc tốt hơn người khác. Nhưng chắc chắn ký ức của tôi sẽ nghèo đi rất nhiều nếu thiếu mất một kỷ niệm tuyệt vời như vậy. Điều rất lạ, cho đến mãi về sau, dù đã in được nhiều đầu sách và thường xuyên cộng tác trên nhiều mặt báo cả nước, tôi vẫn chưa từng nhận được một lá thư hoặc một lời nói động viên nào từ các nhà xuất bản hoặc các ông chủ bút trân trọng như vậy.

Ông Lê Ngô Châu sinh ngày 30-12-1922 tại làng Phú Tái, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Trước khi sáng lập và làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Bách Khoa, ông từng làm hiệu trưởng một trường trung học ở Hà Nội (1951). Trước 1975, tòa soạn Bách Khoa đặt tại nhà riêng của bà Châu (Nghiêm Ngọc Huân), số 160 Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu quận 3 TP HCM) - là một địa chỉ rất quen thuộc của văn đàn thường được các nhà nghiên cứu, học giả, nhà văn, nhà biên dịch tên tuổi lui tới cộng tác như: Á Nam Trần Tuấn Khải (1895-1983), Bình Nguyên Lộc (1914-1988), Bùi Giáng (1926-1998), Đông Hồ (1906-1969), Giản Chi (1904...), Hoàng Xuân Hãn (1908-1996), họa sĩ Nguyễn Gia Trí (1908-1993), Nguyễn Văn Xuân (1921...), Phạm Ngọc Thảo (1922-1965), Quách Tấn (1910-1992), Trần Văn Khê (1920...), Võ Hồng (1921-...), Vương Hồng Sển (1902-1996), v.v...

Học giả Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) đánh giá: “Trong lịch sử báo chí của nước nhà, tờ Bách Khoa có một vị trí đặc biệt. Không nhận trợ cấp của chính quyền, không ủng hộ chính quyền mà sống được 18 năm từ 1957 đến năm 1975 bằng tờ Nam Phong, có uy tín tập hợp được nhiều cây bút giá trị như tờ Nam Phong, trước sau các cộng tác viên được khoảng 100 người”. (Hồi ký, tr. 145)

Nhà văn Vũ Hạnh (lúc này còn có bút danh Cô Phương Thảo) trong lúc làm cán bộ kháng chiến hoạt động nội thành đã “chọn tạp chí Bách Khoa làm mảnh đất chính cho việc cầm bút”. Nhà văn Nguyễn Văn Xuân đánh giá ông Lê Ngô Châu là người làm báo đứng đầu nhất của làng báo miền Nam.

Qua 426 kỳ báo của Bách Khoa, mỗi kỳ chỉ in một truyện ngắn (hoặc truyện dài nhiều kỳ), nhưng hầu như nhiều cây bút thành danh sau này tại miền Nam đều xuất hiện sáng tác đầu tay nơi đây. Trong đó, có thể kể những nhà văn tên tuổi đã xuất thân từ “lò” Bách Khoa như: Nguyễn thị Hoàng, Y Uyên, Hoàng

Ngọc Tuấn...

Vào cuối tháng 9 hồi năm ngoái (2006), nhà báo Lê Ngô Châu đã vĩnh viễn ra đi. Thời điểm đó, do tình hình thiên tai gây thiệt hại nặng nề trên nhiều tỉnh miền Trung, nên tang lễ của ông ít người chú ý. Tuy nhiên, với những gì ông đã làm được với tạp chí Bách Khoa, chắc chắn sẽ còn được nhớ mãi, bởi điều đó đã để lại sự đóng góp to lớn cho một giai đoạn phát triển của sự nghiệp văn nghệ và báo chí nước nhà.

*Ghichú:*

<sup>(1)</sup> Bộ Hốt cắt đứt: lúc này báo chí thường dùng từ này để ám chỉ Bộ kiểm duyệt

(Nguồn: Damau.org 15.05.2007 )

---

(1) Truyện này được chúng tôi sưu tầm và đăng lại trong phần  
VĂN BÁCH KHOA

## Hai mươi năm!

### Võ Thị Diệu Hằng

- Alô, ai đó? Lê Phương Chi đây! Cho tôi nói chuyện với anh Võ Hồng!

- Dạ, Ba cháu đang ngồi ngoài sân thượng, cháu đưa điện thoại cho Ba cháu ngay.

Như không thể chờ tôi bỏ điện thoại xuống để chạy ra sân tìm ba tôi, chú Phương Chi tiếp ngay, giọng nghèn nghẹn:

- Cháu nói với anh Võ Hồng là anh Lê Châu tòa soạn Bách Khoa vừa mới mất hôm qua.

Nghe tới đây tôi giật mình nhắm mắt lại, hoảng sợ, hồi tiếc lẫn oán trách định mệnh bởi trọn bộ Bách khoa bìa nâu chữ mạ vàng xếp hàng sừng sững luôn chờ tôi mở ra đọc và nhắc nhở tôi hãy đến thăm những người bạn còn sót lại của ba tôi ở Việt Nam, trên trái đất. Những khuôn mặt xưa hiện ra và rõ nhất vẫn là bác Lê Châu, bởi vậy tôi luôn tự nhủ phải tìm gặp ông ngay. Lần này tôi quyết định sẽ đến thăm Bác nhưng sự nhớ lại cách chừng một năm tôi hỏi chú Võ Quang Yến thì được trả lời là bác đã đi Úc. Giờ đây mở email ra mới thấy sự vội vàng của tôi đã trả giá quá đắt. Tôi đã đọc sót chữ "tưởng":

*Wed, 16 Nov 2005 08:01:28 +0100*

*...Cách đây hai hôm gặp bác Võ Thu Tịnh có nói chuyện về cháu. Rất tiếc là không có khi nào gặp Ba cháu. Sau này tôi chỉ có gặp được vài tác giả hồi đó là Trần Văn Khê, Hoàng Xuân Hãn. Về VN một lần tôi có lại thăm Lê Ngộ Châu, sau này **tưởng** anh qua ở bên Úc nên tôi không kiếm cách lại thăm....*

Từ khi Vietnam Airlines bắt đầu làm việc với Pháp, chỉ cần thêm 30 euros là có được chuyến bay thẳng ra Nha Trang, ba giờ chiều cùng ngày là thấy biển. Tôi sợ Saigon ồn ào nóng nực kèm theo mùi cống rãnh, mùi xăng khét nên không muốn nán lại, nhưng lần về Việt Nam kỳ này, tôi muốn nán lại Sài Gòn một thời gian để thăm các bạn của ba tôi. Tôi biết khá nhiều bạn văn chương của ông vì đã từng làm con chim xanh đưa thư lẫn quà cáp. Tôi muốn đến thăm từng người, quay phim, chụp hình, thu tiếng nói để giữ lại cho riêng mình, bởi

không ít người đã trên tám mươi. Những ngôi sao dần dần rơi. Mới vừa họp mặt ca hát cười vui với nhạc sĩ Mạnh Bích, bảy mươi tám tuổi, tại nhà hàng U&Me. Mới vừa nhận bài ông viết, chưa kịp đăng. Mới nghe ông nói trong điện thoại hai hôm trước thì đã nghe tin ông từ trần!

Bác Trần Văn Khê thì tạm yên vì tôi đã thu bốn năm cuộn băng bác kể mọi chuyện lúc bác đang dọn nhà về Việt Nam cách đây hơn hai năm và lần mới đây, tôi đến thăm bác mấy tiếng sau ngày sinh nhật thứ 85, nhà bác vẫn còn đầy hoa, sân vẫn còn đầy bàn ghế cho hai trăm thân hữu. Tôi tự nhủ phải hỏi hỏi đi thăm ngay bác Lê Châu. Nhưng bác ở Úc rồi! Tôi vội lục lọi trên Internet bắt Google cùng tôi moi móc hết những chữ "Bách khoa" với "Lê Châu". Không có một địa chỉ nào liên quan tới ông. Sự vội vàng tai hại đã làm tôi mất bác quá bất ngờ. Hai mươi năm kể từ khi tôi gặp bác lần cuối.

Năm 1986, tôi đưa ba tôi vô Saigon mổ cataracte (cườm mắt). Bác Châu nhờ con trai làm bác sĩ gọi gắm Ba tôi cho giáo sư Võ Quang Nghiêm mổ ở nhà thương Chợ Rẫy. Lúc đó bác Châu ở trong hẻm đường Trương Minh Giảng (?). Lúc nào bác cũng sẵn nụ cười hiền.

Lúc còn đi học, mỗi lần Tết đến tôi được về nhà cha tôi nghỉ hai tuần. Khi đi vô lại Sài gòn, cha tôi cẩn thận dặn tôi mang thư từ và quà cáp cho cô Minh Quân, bác Lê Châu, bác Trần Phong Giao, bác Võ Phiến, bác Tạ Tỵ, chú Lê Phương Chi ... Chuyến bay trở vô Saigon lúc nào cũng linh kinh những rượu, mực khô chất đầy cái Samsonite. Và nếu rủi may ba tôi nhắn tôi đến tòa soạn Bách Khoa vào dịp Tết thì thế nào bác Châu cũng cố nài tôi mang chai rượu về:

- Cháu mang về cho Ba cháu. Bác không uống rượu bao giờ cả, bạn bè cho cứ để trong tủ mãi từ mấy năm rồi!

Đang tính kể từ chối thì bác Châu gái nhẹ nhàng bước ra, gương mặt trắng tròn không thua bác Châu trai, ánh mắt sáng, nụ cười nở rộng, dịu dàng, môi đỏ:

- Anh Châu không uống rượu bao giờ, chị cứ mang chai rượu về cho anh Võ Hồng!

Một quá nên có lần tôi nảy ra ý nghĩ thay vì mang về rồi lại mang đi, thì khi nhận quà xong, cứ để lại Saigon rồi qua Tết sẽ thay đổi tên người nhận. Lẽ dĩ nhiên là phải có sự đồng lõa của ba tôi, vì lúc nào ông cũng gởi kèm theo thư thăm hỏi có vẽ đóa hồng, hay xoáy vài nét màu vàng thành hoa cúc. Nhưng tôi

chưa dám nói điều đó cho ông.

Lúc mới vô Sài Gòn trọ học, tôi buồn nên hay viết. Có một lần gọi cho báo Phụ Nữ Diễn Đàn thì được đăng ngay. Tôi chê tờ này không trí thức nên gọi đến tòa soạn Bách Khoa, vì không những tờ Bách Khoa là tờ đứng đắn nhất mà tòa soạn lại ở gần nhà tôi hơn tờ Văn. Chờ mãi không thấy đăng, cũng không thấy bài mình nằm trong sọt rác, nơi "những bài không đăng". Hết kiên nhẫn, tôi đạp xe tới 160 Phan Đình Phùng. Lần này đến với hai bàn tay không, mặt buồn có pha chút giận hờn. Bác Châu hiểu ý. Nụ cười gượng. Chuôi mắt đã xệ tự nhiên bây giờ càng chúc xuống. Bác vừa gỡ đầu vừa nhìn tôi, lặp đi lặp lại nhiều chữ "cháu" trong câu nói:

- Ngay khi cháu mới vô Sài Gòn học, anh Võ Hồng có viết thư dặn bác không đăng bài của cháu, anh ấy không muốn cháu lơ đãng việc học.

Tôi không thấy bóng bác Châu gái hiện ra như mọi lần.

Tôi vặn ngay ba tôi sao lại nỡ bóp bẽ mầm văn chương vừa mới chớm của tôi. Ông khuyên tôi hãy ráng dẹp hết để học tới tấn sĩ rồi sau đó viết những bài nghiên cứu khoa học. Tôi thắc mắc tại sao phải học tới tấn sĩ, ông trả lời là phải nhắm cái mục tiêu cao nhất, để lỡ có rớt xuống thì không quá thấp.

Từ đó tôi gác bút. Những xúc cảm đầy ắp, tôi gói vào trong những bức thư viết cho ba. Viết liên tục trong mấy mươi năm. Qua Pháp trời thường buồn. Mầu xám làm tôi càng nhớ nhà. Mẹ tôi mất từ lúc tôi còn nhỏ nên bao nhiêu tình thương đều dồn cho cha. Tôi luôn đề sẵn giấy và viết. Viết khắp nơi, trong métro, trên sân cỏ, trong phòng làm việc, trong căng-tin, trên ghế đá công viên, xuân, hạ, thu đông... Những bức thư nặng 15-20 tờ đầy ứ nỗi thương nhớ cha đang cô đơn lúc tuổi già. Những tháng 2 lạnh trong sân ga không lò sưởi, tôi phải ngâm ngòi viết nguyên tử cho mực khỏi đông. Tôi thương cha tôi vô cùng nên thương lây qua các bạn của ông. Bác Châu ơi, cháu hối hận liên miên, vì đã đọc vội vàng mà thiếu mất chữ "tưởng" nên cháu đã mất Bác.

(nguồn: <http://vietsciences.free.fr/>)

## II TRUYỆN NGẮN ĐẦU TAY... (Sưu Tập)

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

# Một buổi chiều

...Đối với những anh em văn nghệ ở ngoài tòa soạn đó, tôi là Nguyễn thị Thụy Vũ. Nhưng đến nó tôi vẫn là cô Nguyễn Băng Linh. Tất cả xem tôi như một người thân. Anh em tòa soạn đó đã từng chứng kiến tôi trong lớp gái Lục Tỉnh bước lên Sài Gòn, thường đổ mặt tía tai mỗi khi nghe những câu hỏi tếu của bất cứ ai. Tôi đến tờ tập san đó bằng thái độ e dè, có cảm tưởng mình làm văn nghệ như mình hát xiệc trên hai sợi dây căng ngang tít trên cao. Tôi đã nhận năm trăm đồng tiền nhuận bút ở tác phẩm truyện ngắn đầu tay do ông chủ nhiệm đưa. Năm trăm đồng bạc thuở đó cũng như năm ngàn đồng bạc bây giờ chớ ít ỏi gì sao. Nhưng thuở đó sống trong sự bảo bọc của cha mẹ, tôi viết văn vì thích viết mà thôi. Năm trăm đồng chỉ làm cho tôi nghĩ rằng, bài mình được một tạp chí "lớn" đoái hoài tới.

(trích *Những Dòng Mực Cuối Năm*, đăng trong số này)

Con đường Võ Tánh đưa tới Bảy Hiền cho tôi một ý nghĩ lạ: quen thuộc mà dừng đọng. Tôi đi trên con đường ấy nhiều lần, nhưng ý nghĩ ấy không thay đổi. Tôi còn xa lạ đối với không khí Thủ Đức. Tôi chẳng thấy ở đây có chút một gì vui tươi. Ở đây nhộn nhịp, nhưng tôi có một thế giới riêng, thế giới tẻ ngắt, như lúc tôi sống ở Long Xuyên.

Chiều thứ bảy hôm nay, đường Võ Tánh vẫn vắng. Ở đây gần như ở ngoại ô. Ngồi trên chiếc Vélo Solex, tôi không buồn hết ga. Chiếc Solex bò từ từ gần như là chiếc xe đạp. Tôi đi qua những mái nhà lụp xụp, rải rác hai bên lề. Thỉnh thoảng vài anh chàng trẻ tuổi, cặp tay một ả mặc jupe bó sát lấy cái mông đầy thịt, từ trong ngõ vắng đi ra. Đường này ít xe cộ. Tôi qua khỏi Lăng Cha Cả, qua một nghĩa địa của người Pháp với những ngôi mộ vuông mang những chữ thập trắng thẳng hàng. Sự lặng lẽ trên con đường này càng tăng thêm. Thỉnh thoảng một chiếc trực thăng vượt ngang đầu tôi xé tan cái không khí yên lặng của nghĩa địa.

Tôi đã đến công nhà một cô bạn người Mỹ. Con đường vào nhà nhỏ hẹp, hai bên viền cây ngọc lan, dẫn tôi đến một biệt thự trắng xóa ẩn một nửa dưới chòm cây. Tôi đi vòng sau bếp, rồi leo lên thang gác. Ở đây, tôi có thể nghe tiếng đoàn quân xa chạy rầm rộ bên đường Lê Văn Duyệt. Tôi lò mò lên phòng Martha Smith, cô bạn gái kiêm cô giáo tôi.

Đáng lẽ giờ này Martha còn đi bơi ở hồ tắm Cộng Hòa, nhưng nàng đã hứa tiếp tôi. Bước nhẹ nhàng vào phòng, tôi đến bên cạnh nàng, nhưng nàng chưa hay biết. Martha đang mê mải đọc một tờ báo Việt vì nàng cũng đang trau dồi Việt ngữ. Tôi kêu lên:

- Hi! Martha!

Nàng giật mình buông rơi tờ báo, vỗ lấy vai tôi:

- Tôi sẽ đi Vũng Tàu tuần sau. Bây giờ tôi dành cho chị cả buổi chiều này.

Martha hơi nhỏ nhẩn đối với gái Tây phương. Nàng có lần hỏi tôi:

- Này Linh, chị trông tôi giống gái Tàu không?

Thật vậy, nàng giống ả xăm nếu mái tóc nàng đen. Tóc Martha hót kiêu Jeanne d'Arc. Nàng ít mặc đầm, chỉ thích mặc quần tây, áo sơ-mi ngắn. Trông Martha có vẻ thể thao lắm. Nàng bảo rằng nàng ưa hát tiếng Việt mặc dù giọng còn cứng lắm, và nàng lại có biệt tài bắt chước các ca sĩ Việt Nam. Tôi vội khai thác ngay:

- Martha! Hát tặng tôi một bản nhạc Việt đi.

Nàng nhận lời ngay, không từ chối. Bỗng nhiên Martha đứng phắt dậy, xách cái đàn Guitare ra. Cô ta đặt cây đàn dựa vào thành ghế.

- Linh! Thí dụ đây là máy vi âm. Và hôm nay tôi hát tặng chị

bản “Mưa Rừng”.

Bất chợt, Martha móc chiếc khăn tay ở túi. Tay trái cầm khăn, tay mặt vịn cái cán đàn. Tôi hiểu ngay, nàng đã quan sát tỉ mỉ các nàng ca sĩ Việt Nam. Tôi vụt cười thành tiếng. Lúc đầu, Martha làm ra vẻ mơ màng. Sau đó nàng cầm khăn mù-soa vừa hát vừa chớp mắt lia lịa, vừa nhún nhảy.

Hát xong, nàng hỏi tôi:

- Tại sao các cô ca sĩ Việt Nam khi trình diễn lại cầm khăn tay?

Tôi không biết giải thích thế nào cho ổn. Sau đó, tôi nói bằng một giọng rầu rĩ:

- Vốn đa cảm, họ phải cầm khăn tay theo để phòng khi họ khóc. Nhạc buồn dễ làm cho người Việt chúng tôi khóc lắm.

Martha ngạc nhiên rồi ngẫm nghĩ:

- Nhưng tôi gặp họ trình diễn nhạc nhộn mà. Vả lại khi hát họ tươi cười.

Tôi nói liêu:

- Họ cười, nhưng họ khóc sau hậu trường.

Martha cười nghiêng ngửa. Sau màn ca hát, Martha đi pha trà. Nàng vừa làm vừa hát khe khẽ. Điệu bộ nàng nhí nhảnh. Sau vài phút, chúng tôi ngồi bên nhau nói chuyện tâm tình. Giọng Martha không vui tươi như lúc đầu. Tôi tán công nàng:

- Sao chị sang đây một mình? Chị không nhớ nhà sao?

Martha nhướn mày so vai.

- Cũng đôi khi thôi, chị à! Nhưng tôi thích xa nhà. Tôi muốn tìm không khí mới, vả lại tôi muốn... gặp chị như hôm nay đây.

Martha lấy điều thuốc, rồi bật que diêm. Dáng điệu nàng chậm chạp như để xếp lại quá khứ cho có thứ tự. Khi làn khói xám từ trong miệng nàng bay ra, nàng duỗi người trên ghế sofa, mắt nhìn lên trần nhà:

- Linh à! Sờ dĩ tôi sang đây vì tôi thất tình. Tôi yêu một thanh niên cùng học ở Michigan, nhưng...chàng ta có người đẹp khác. Chán quá, tôi thích thay đổi cái không khí lạnh lẽo của quê tôi và tìm đến xứ chị để được ấm áp hơn.

- Nhưng chị còn đi đâu ngoài Việt Nam không?

- Có chứ. Tôi sẽ đi Nhật, Thái Lan và Cambodge nữa. Chưa đi các xứ sở đó nên tôi cảm thấy quê chị cho tôi khá nhiều kỷ niệm đáng nhớ.

Tôi cảm ơn nàng bằng một cái nhìn âu yếm.

- Chị sẽ làm gì sau khi chu du Á Châu?  
- Dĩ nhiên là tôi về quê hương sống ở nông trại dưỡng già và viết hồi ký. Thế nào trong trang đầu hồi ký của tôi, chị cũng là nhân vật đáng kể.

Bỗng nàng dụi điều thuốc chỉ cháy một nửa, rồi ngồi phất dậy như cái lò xo:

- Này Linh! Sắp tới giờ Bill đến thăm tôi đây.

Tôi vội xin phép ra về, nhưng Martha níu tôi lại:

- Sao lại về? Hôm nay tôi dành cho chị một sự ngạc nhiên. Cứ ngồi đây chờ tôi một tí đi.

Không hiểu sao tôi ngoan ngoãn ngồi lại chỗ cũ.

Martha vào phòng riêng khép cửa lại.

Tôi nhìn quanh quất. Căn phòng hình chữ nhật, sơn trắng xóa. Giữa nhà, một bộ xa-lông nệm mousse màu nâu thẫm. Chiếc ghế sofa kê sát tường, bên cạnh cái pick up, và đối diện kệ sách báo rất ngăn nắp.

Có lần Martha bảo: “Tôi chung dọn phòng này sơ sài nhưng nó có cái nghĩa riêng của nó. Mỗi lần đi làm về, tôi nằm trên chiếc ghế này hút thuốc. Lúc đó tôi quên rằng tôi sống xa nhà, chị ơi! Vì cái phòng này giống hệt phòng mà má tôi dành riêng cho tôi lúc tôi còn ở Texas. Chỉ thiếu cái lò sưởi kiểu cổ đun bằng củi thôi.

Trong không khí yên vắng, bỗng vang tiếng thụ cảm của bà mục sư già gần bên làm tôi dễ buồn ngủ.

- Linh mạnh đấy chứ?

Tôi quay lại. Bill đã đến bên tôi. Chàng niềm nở bắt tay tôi.

Bill to lớn, mắt chàng trong xanh như đôi mắt mèo. Tóc chàng hoe vàng, màu của dây tơ hồng bò trên hàng giậu. Tôi quen Bill qua một cô bạn rồi Bill mời chúng tôi đến nhà. Bill đưa chúng tôi thăm trại gia súc ở Bảy Hiền. Bill thích pha trò và rất lịch sự. Có lần Bill lái xe đưa chúng tôi đi thăm trại heo giống. Đến chuồng những con heo khổng lồ, chúng tôi phải bung lấy mũi vì cái mùi bất hủ của chúng nó. Bill thấy chúng tôi tỏ vẻ khó chịu liền cười khanh khách:

- Linh! Tôi đưa Linh vào hăng nước hoa đấy!

Bill đưa chúng tôi từ chuồng heo đến tàu ngựa. Mỗi nơi Bill giải thích một cách dí dỏm. Ngoài những lúc đi thăm trại gia súc, Bill còn chịu khó dạy tôi học Anh văn. Bill thân với tôi ngay từ đầu. Bill có lần bảo:

- Linh! Tôi thích có những người bạn gái Việt. Sao họ lạnh

quá. Đẹp nhất là lúc các cô thẹn thì dễ mến lạ.

Bill đưa mắt đảo khắp gian phòng. Tôi hiểu ngay là Bill muốn hỏi tôi về Martha:

- Đợi một chút, Bill. Martha sẽ cho lũ chúng mình một sự ngạc nhiên. Chờ xem!

Bill ngồi xuống cạnh tôi cười vợ vẩn. Bốn mắt chúng tôi dán lên cánh cửa phòng tắm và chờ đợi. Cửa phòng bật mở. Martha hiện ra với chiếc áo dài Việt Nam màu hồng, tay cầm chiếc nón lá. Càng ngạc nhiên hơn, tóc nàng biến thành dài, đen óng và bỏ xõa trước ngực (đó là mái tóc già). Nàng chậm chạp tiến về phía chúng tôi trịnh trọng cúi đầu.

- Chào Bill. Linh xem tôi thế nào?

Bill cười:

- Martha! Em tuyệt thật!

Martha quay sang tôi, bảo:

- Linh! Tội mình đi chơi phố. Có tôi hẳn chị không từ chối đi với con trai Mỹ chứ?

Tôi gọi:

- Kia Martha, sao lông nheo chị lại nâu vàng vậy?

Martha kêu lên:

- Ấy chết! Tôi quên.

Martha chạy xô vào phòng, ngồi lại bàn trang điểm. Tôi bỏ Bill ngồi đó, vào ngồi bên nàng để làm cố vấn sắc đẹp cho nàng. Martha lấy cái bàn chải nhỏ đánh cho đôi hàng lông nheo biến thành đen nhánh. Martha nhìn lần nữa vào gương, mắt nàng mơ màng, miệng nàng cười đắc ý. Nàng chạy đến bên Bill, giục:

- Đi, Bill! Hôm nay anh đi dạo với hai cô con gái Việt. Linh, thôi chúng mình ra xe đi.

Tôi mượn cớ bận việc vì tôi có mặc cảm bây giờ mình là người thừa. Bill Chilion là bạn của tôi, Martha Smith quen với Bill do tôi giới thiệu. Bây giờ hai người yêu nhau.

Tôi chưa chịu trở về căn nhà trọ ở Hàng Xanh. Tôi cho xe chạy ra bến Bạch Đằng. Trời tối hẳn. Cuộc sinh hoạt ở đây náo nhiệt hơn. Phần nhiều người ta đi chơi có bè có bạn. Làm một cuộc phiêu du đơn độc, tôi bỗng có cảm tưởng thiên hạ quên tôi. Tuy vậy, tôi thấy dễ chịu. Pho tượng hai bà Trưng đặt giữa công trường Mê Linh dường như lãnh đạm ngó xuống lớp người nhốn nháo chung quanh. Tôi gửi chiếc Solex, rồi tho

thần trên những lối đi trải sạn, giữa những bồn cỏ hình vuông dài, những cây liễu trồng giữa bồn ủ rữ dưới ánh điện lơ mờ. Tôi men lại bể cá vàng giữa công trường. Cuộc sinh hoạt của loài cá rục rờ này cũng nhộn nhịp. Tôi mua một gói bắp rang bơ, rồi thả từng hạt xuống bể cho chúng đớp.

Tự nhiên, tôi buồn rữ. Martha xa nhà thiếu hẳn tình thương gia đình, nhưng bù lại nàng được nhiều người say mê. Nàng có nhiều mối tình. Sắc đẹp Á Đông của nàng dễ quyến rũ những người chuộng vẻ đẹp xa lạ như Bill.

Tôi xa gia đình và rất nhớ Duy. Tôi nhớ những khi tôi chưa lên Sài Gòn, chiều nào Duy cũng đưa tôi đi chơi phố.

Bây giờ, tôi bỗng như người vô hồn giữa phố đông xa lạ. Cảnh vật vẫn hoạt động theo nhịp điệu cũ, như không buồn ngó ngang đến tôi như những chiều trước. Và Duy không có ở đây. Hình như tất cả đều quay mặt không nhìn tôi.

Thuở đó, ba má tôi xuống Sóc Trăng lập nghiệp. Em gái tôi đã lên Sài Gòn học. Chỉ còn có một mình tôi sống trong căn nhà cổ âm thầm này. Tôi làm nghề giảng tập viên, lương thì ít, cực thì nhiều. Nỗi buồn lơ mờ tưởng như không sao dứt được.

Cứ mỗi sáng thức dậy, chưa rửa mặt, tôi bước ra cổng nhà chờ bà bán xôi. Chỉ một đồng, tôi đã được một bữa ăn sáng và sữa soạn đi dạy học. Nói là sữa soạn cho oai, chứ chỉ khoác lên người chiếc áo nội hóa và với cái mặt xanh nhợt không son phấn. Trên con đường đến trường (một trường làng cách nhà tôi lối mười phút đi xe đạp), tôi vừa đạp vừa nghĩ vu vơ. Đôi khi tôi đuổi theo một giấc mơ hết sức ngớ ngẩn. Tôi mơ thành triệu phú nhờ một tấm vé số kiến thiết. Rồi thì bao nhiêu chuyện đẹp xảy ra sau khi thành nhà triệu phú. Tưởng tượng đó làm tôi bật cười. Nếu gặp mấy con bạn thấy bất ngờ cái cười quái gở ấy, chúng lại kêu lên: “Cười gì vậy?” Tôi chỉ biết cười thêm để trả lời cái câu hỏi đột ngột ấy.

Cái xã hội nhà trường cứ đều đều như tiếng tích tắc đồng hồ. Sau giờ hò hét con nít, tôi trở về cái nhà cũ kỹ, lạnh ngắt ấy. Đêm nào tôi cũng nghe tiếng sông róc rách sau nhà, tiếng tàu xà lan chạy xình xịch. Hình như đêm nào tôi cũng chìm trong những tiếng động đó. Tôi phải ra đi. Ra khỏi cái nhà này, cuộc đời tôi sẽ thay đổi. Tôi tin chắc như vậy. Thừa dịp năm phôi, tôi làm đơn nghỉ hẳn việc dạy học.

Sau khi tôi được phép nghỉ, ông hiệu trưởng trường tôi âm thầm tổ chức một bữa tiệc tiễn hành.

Bữa tiệc tổ chức tại nhà hàng thuộc vào hạng trung trong tỉnh. Chúng tôi gồm tất cả 11 người (tám nữ và ba nam kể cả ông hiệu trưởng). Các bạn nữ đồng nghiệp của tôi có vẻ quyến luyến tôi thực tình. Chắc hẳn họ tiếc mất đi một con búp bê đảm đảm đầu cưỡi cò với ông hiệu trưởng có tí “máu xấu”. Thực vậy, sau bài diễn văn của ông hiệu trưởng, các bạn gái của tôi tỏ vẻ cảm động mặc dầu tôi hiểu ngay ông ta làm một chuyện theo nghi lễ đối với nhân viên ông ta thôi việc hay bị đổi. Nhưng tôi cảm thấy buồn buồn trước một sự đổi thay dù tôi tha thiết muốn như thế. Sau khi tiệc tàn, và được mỗi bạn tặng cho một cái vỗ vai hay cái siết tay gần như muốn gãy hết cả ngón, tôi lủi thủi trở về. Căn nhà càng tăng thêm lạnh lẽo, cái lạnh lẽo của nhà xác đúng hơn. Tôi xếp vội vài thứ cần dùng mang theo. Khi mọi việc đâu vào đó, tôi vào giường cố dỗ giấc, nhưng bao nhiêu ý nghĩ vui buồn cứ lần lượt quấy rộn tôi. Cứ trần trọc mãi, tôi có cảm tưởng đêm dài không bao giờ hết. Bất chợt đồng hồ buông năm tiếng, tôi thức dậy sửa soạn lên đường. Tôi chỉ đánh thức người anh họ và gửi gắm nhà cửa cho anh rồi lặng lẽ ra đi. Ông anh họ tôi còn ngủ ngáy. Tôi nói huyền thuyền nhưng không biết mình nói những gì. Nhưng tôi cần tuân hết những ý nghĩ lộn xộn trong lòng tôi. Cuộc đời ở đây đè nặng làm tôi nghẹt thở. Ra khỏi đây, tôi nhẹ cả người. Nhưng, như người ngồi mãi trong chỗ tối tăm, khi ra ánh sáng lại bị chói mắt, đột nhiên nước mắt tôi trào ra. Ông anh họ an ủi tôi. Cái ý tưởng một cuộc đời khác nối liền theo chuyến đi không làm tôi phấn khởi chút nào. Bây giờ tôi là một vì sao đôi ngôi. Vòm trời nơi đây có một bộ mặt dửng dưng nhưng sao lúc này nó lại ràng buộc tôi như vậy? Ra đi một mình, khi trời còn mờ tối, cảm xúc ủy mị xui cho tôi cái cảm tưởng bị người xứ sở hắt hủi.

Giòng sông Mỹ Thuận trôi xiết. Mùa này nước sông đục. Trong nắng sớm, những cánh buồm xa thấp thoáng. Tôi đã sang sông, nhưng không phải đi lấy chồng. Tuy vậy, tôi tin sẽ gặp một cuộc đời khác. Rồi nghĩ lại tự nhiên mình rút khỏi cuộc sống cũ, tôi hơi hối tiếc. Nhưng tôi phải đi. Cuộc đời ở đây đứng sừng lại. Tôi muốn tìm cái gì khác hơn cái tôi đang có. Nếu tôi như con chó ngậm một miếng thịt rồi đi qua cầu, thấy bóng miếng thịt lớn hơn, vội nhảy ùm xuống nước bắt lấy, thì ít ra tôi cũng hái được một chút kinh nghiệm.

Tôi ra đi hơi đột ngột và lặng lẽ quá. Ba tháng sau, Nga, bạn

tôi gởi thư cho tôi, thuật lại những lời nhận xét của các đồng nghiệp tôi về chuyến đi của tôi. Có người nói tôi trốn xứ để đi sanh nở. Có người đồn tôi xách gói theo ông hiệu trưởng (vì sau khi tôi nghỉ việc, ông hiệu trưởng cũng bị đày đi về miền đất đỏ sau một tuần). Đọc thư Nga, tôi ngỡ ngàng không rõ nên vui hay buồn. Sở dĩ thiên hạ đồn như thế vì tính tôi nhỏ bé quá, mọi chuyện gì họ cũng thích bàn tán. Họ giàu tưởng tượng và khoái thêm thắt vấn đề. Hơn nữa những cô giáo xin nghỉ việc thỉnh linh chỉ có hai lẽ: đi đẻ hay đi theo trai. Chuyện ấy xảy ra thường cho các cô lâm vào cảnh không may ấy. Cách đó vài tháng, lang thang ngoài chợ Bến Thành, tôi gặp một người chị bạn đồng nghiệp và đồng xứ với tôi. Tôi không giấu được mừng rỡ khi cầm tay chị. Vô tình tôi bắt gặp đôi mắt của chị dọ thám xuống bụng tôi. Bất giác tôi không nín được cười. Tôi vụt hiểu cái nhìn nhiều ẩn ý ấy. Nhưng sau năm tháng bỏ quê, chị không thể thấy bụng tôi lên cao được một phân nào.

\*

\*\*

Anh Duy! Bây giờ em học Anh văn. Em trở lại làm nữ sinh. Hai mươi bảy tuổi rồi, em không còn một tâm hồn nữ sinh nữa.

Em còn nhớ khi ở quê nhà, mỗi buổi chiều thứ bảy em mặc áo trắng, dẫn bạn học trò gái đi dạo ở vùng ngoại ô tỉnh lỵ. Thầy trò ngồi xúm xít dưới bóng cây. Chúng nó cúi đầu trên khung thêu. Còn em thì kể chuyện đời xưa, có tính cách giáo dục. Anh kiếm em, rồi ngắm em. Chung quanh em toàn là màu xanh của lá cây. Anh bảo em là nàng tiên trong nội cỏ của thiên đường.

Bây giờ em ở đây. Cái vẻ bờ ngõ quê mùa của em không ăn khớp cảnh xa lạ của thủ đô đầy màu sắc này. Rồi khung cảnh cũ, em hết là nàng tiên rồi.

Bây giờ anh đi xa...Em nói lại đời học trò. Mộng em thì to, và nổi cô đơn không nhỏ. Cuộc yêu đương của chúng mình kéo dài chỉ gieo cho em nhiều cái nhàm chán. Em đã quá lứa rồi. Em cần phải có nghề nghiệp hẳn hoi. Em cần ca các cùm để dành từng đồng, từng xu. Còn gì chua chát hơn làm một cô gái già vô nghề nghiệp, sống nhờ đứa em gái, giữ con cho nó như một vú em. Rồi mỗi khi nhìn sự đàn diu của vợ chồng nó, rồi tủi thân, rồi ghen ghét cái hạnh phúc của kẻ khác. Em sợ lắm, anh Duy ơi!

Tôi cho xe chạy về Gia Định. Ý nghĩ đó làm cho tôi buồn, nhưng trong cái buồn ấy có vẻ hài hước. Xe hết xăng, nhưng tôi không lại trạm đổ xăng và cứ đạp chầm chậm. Đến một khoảng tối của con đường Bạch Đằng, một đứa bé chặn tôi lại rồi nói:

- Cô ơi! Có ông Huê Kiều muốn nói chuyện với cô.

Không hiểu sao tôi thắng xe lại. Trong bóng tối mờ mờ một người Huê Kiều, mập, lùn và bụng bự, nói với tôi bằng tiếng Việt bập bẹ:

- Hà! Cái lầy chào cú lèng (cô nương). Cú lèng ăn cơm chưa? Li coi hát pổng với tôi nhá!

Tôi ngạc nhiên, rồi đau đớn bàng hoàng. Nếu đi với Duy, thì tôi đâu có gặp cảnh này. Một người con gái đi một mình trong đêm. Ý nghĩ ấy làm tôi sợ hãi.

Tôi nói bằng một giọng run run, và không hiểu sao nước mắt tôi gần như muốn tuôn ra:

- Nì lắm rồi. Tôi đi học lớp tôi mới về.

Hắn luống cuống xin lỗi tôi. Tôi lạnh lùng đạp xe. Đường vắng, tôi cần phải đạp mau. Nghĩ đến lát nữa đây, mình sẽ nằm trong bóng tối trên căn gác xép, tôi muốn trở về Long Xuyên ngay. Ở đó, tiếng sông róc rách sau nhà có lẽ sẽ vỗ về tôi. Và tôi sẽ nằm dưới bầu trời quen thuộc, ôn lại những chuyện thời thơ ấu.

**Nguyễn thị Thụy Vũ**

(Trích Bách Khoa số 162, phát hành năm 1963)

# ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

## Tạ Từ

*LTS: Tạ Từ được tác giả viết vào năm 18 tuổi. Đây là truyện ngắn đầu tiên của ông.*



Tranh đen trắng của Huỳnh Minh Chí

Tuấn đánh diêm, châm điếu thuốc đầu tiên của một ngày mùa mưa lạnh hiu hắt. Gió lùa qua cửa kính xe tạt mắt những làn khói trắng. Trời chưa sáng, những ngọn đèn đường còn giương từng cặp mắt vàng vọt ngó chiếc xe lao nhanh qua con phố quanh quẽ, chạy thẳng ra xa lộ. Người đàn ông đứng tuổi đeo kính ngồi cạnh Tuấn ngả đầu ra thành ghế nhắm mắt cố dỗ giấc ngủ bù. Tuấn nghĩ thầm: chắc đêm hôm qua ông ta còn thức khuya để trò chuyện với những người thân thích hay bằng hữu đến chào từ biệt, và dặn dò vợ con về chuyện nhà cửa trong thời gian xa cách. Tuấn bắt giấc nghĩ đến nỗi cô quạnh của mình; họ hàng chẳng còn ai để mà tiễn đưa, bạn bè thì đã lần lượt theo nhau đi xa, mỗi đứa một phương không biết tông tích của nhau, có những đứa đã chết, cũng có những đứa lấy vợ, đi ngoại quốc ..., chỉ còn mình chàng với cuộc sống vô vị buồn nản bên bao nhiêu kẻ xa lạ mỗi ngày đều gặp nhau, mà chẳng bao giờ hiểu nhau nổi... Chính vì thế mà khi nhận được giấy chuyển đi một tỉnh nhỏ theo đơn đệ xin từ gần tháng nay, Tuấn mừng rỡ thu xếp ngay hành lý và mua vé lên đường.

Đúng ra, theo dự tính của Tuấn, việc ra đi này mang hai mục

đích: thứ nhất để rời bỏ cái thành phố ồn ào, rời bỏ nếp nhàm chán và cố tìm lại chút yên tĩnh cho tâm hồn; thứ hai - Tuấn mỉm cười một mình - thứ hai, tới đó để gặp Nga.

Chiếc xe đã chạy hết quãng đường xa lộ dài và bắt đầu nhíp xóc dồn dập trên quốc lộ. Ở chân trời, ánh hồng đầu tiên cũng vừa ló dạng, gió buổi sáng lành lạnh vẫn thốc vào mặt. Tuấn lơ đãng ngó cây cối vun vút chạy ngược lại sau lưng và bỗng thêm một chút âm áp của tấm chăn len hay một vòng tay âu yếm nào đó. Chàng bắt giắc nhớ lại những tháng năm gian khổ, đùa giỡn với tử thần trong bóng tối của những cánh rừng thâm u, nhớ lại từng đêm trăng sáng quanh quẽ nơi lô cốt, nhớ lại từng điệu nhạc dồn dập, nhịp trống vũ trường, men rượu mạnh tan loãng lúc hai, ba giờ sáng ... Bao nhiêu ngày tháng cũ, bao nhiêu kỷ niệm của những mẩu đời đã sống, Tuấn muốn đốt cháy hết, vứt bỏ hết, để khỏi ngậm ngùi nhận ra niềm cô đơn còn lại của mình. Và chàng đang ở trên con đường đi tới một cuộc đời mới, vùng đời sống mới mà chàng có cảm tưởng như một nơi trú ẩn cuối cùng. Chàng đang đi tới Nga. Nga là cô em gái họ của Luân, người bạn thân độc nhất của Tuấn ở Saigon. Luân đã giới thiệu Nga với Tuấn trong một cuộc gặp gỡ ở tòa báo nơi Luân làm. Những ngày quen và thân với Nga, Tuấn coi như là quãng thời gian huyền diệu giúp chàng tìm lại được một cách thật bất ngờ sự êm ái của tâm hồn, của tình yêu, của một thứ tuổi thơ đã đổi màu bằng ống kính vạn hoa của đời sống. Nga là sinh viên dự bị Văn Khoa, nàng vừa trúng tuyển trong kỳ thi cuối năm và đã về nghỉ hè với gia đình tại một tỉnh nhỏ, cái tỉnh mà hiện giờ Tuấn đang ngồi trên xe đò vượt hàng trăm cây số để tìm tới. Mới xa Nga chưa đầy nửa tháng mà Tuấn cảm thấy như đã lâu lắm, cũng như hai người mới quen nhau chưa đầy nửa năm, mà ... Tuấn đã nhiều lúc tự hỏi mình và ngạc nhiên về sự sôi bùng, nồng cháy của tình yêu chàng dành cho Nga, sự sôi bùng đã từ bao nhiêu năm tháng tắt ngụi trong lòng chàng, từ một lần tan vỡ. Và, chính trong khoảng nửa tháng xa cách này, Tuấn đã mang máng nhận ra cái lý do đó, tuy chàng chưa dám đoán chắc. Có thể như thế được không? Có thể nào chàng yêu Nga, yêu say đắm, yêu thiết tha Nga, chỉ vì Nga có những nét giống một người khác, một người đã qua, một người mà Tuấn đã muốn quên đi, không bao giờ còn nhắc tới nữa?

Tuấn ngả người ra thành ghế, nhắm mắt, rồi lại mở choàng mắt

ra. Chiếc xe đang chạy nhanh, những ruộng muối hai bên đường lùi vun vút lại sau lưng, những thửa ruộng ngập nước soi bóng mặt trời hồng nhạt và bầu trời buổi sáng trắng đục. Gió thổi lạnh hai má, gọi Tuấn nhớ từng chuyến đi xa ngày còn bé, hai mẹ con cùng đứng bên khung cửa trên chiếc xe hỏa lao như điên cuồng, mẹ Tuấn áp tay vào má cậu bé và cúi thấp xuống, cho hơi thở của bà dịu dàng tỏa ấm gáy Tuấn, qua những làng mạc, những ruộng vườn buồn bã trong hơi lạnh hiu hắt của mùa đông quê hương ... Tuổi thơ êm ái như một giấc mơ chóng tan: khi lớn lên, khi ra đi, khi rời bỏ quê hương và rời bỏ những người thân theo nhau qua đời, Tuấn không còn được hưởng nỗi ấm áp huyền diệu của hai bàn tay thân yêu áp trên má, xoa trên tóc, không còn được hưởng những lời nói nồng nàn âu yếm thì thầm trong giấc ngủ chập chờn...cho đến một ngày Tuấn gặp *Nàng*.

Hình như trời vừa bắt đầu mưa, giọt nước nào rơi tạt vào mặt Tuấn, ánh mặt trời chưa lên hẳn đã mờ nhạt, và gió càng lạnh lạnh hai má, lạnh ngắt bàn tay tựa trên thành cửa. Tuấn nghiêng đầu nhìn một đám mây xám đang trôi trên bầu trời đục, chẳng nghe tiếng ù ù đều đặn lẩn dần với tiếng máy xe nổ, giấc ngủ lặng lẽ đến, không một lời ru, như bao nhiêu năm qua... Đường như người đàn ông bên cạnh với tay kéo cửa kính xe lại, mưa bắt đầu thật rồi.

Khi choàng tỉnh dậy, Tuấn nhìn thấy trước hết là một cây thông xanh vừa loáng biến mất sau lưng. Xe đang qua đèo, những “cua” rẽ ngặt nghèo làm nghiêng cả người. Ngó sang bên, Tuấn gặp đôi mắt của ông bạn đồng hành đắm đắm nhìn chàng. Chàng cười làm quen:

- Tôi ngủ say quá. Tới đâu rồi ông nhi?

- Đang qua đèo Ngoạn Mục ...

Ngừng một chút, ông ta hỏi:

- Ông đi Nha Trang hay ...

- Dạ không, tôi đi Phan Rang ...Tôi đổi xuống làm việc ở đây.

- À ...

Câu chuyện ngừng lại tro trên, Tuấn đợi một câu hỏi nhưng không có. Chàng ngồi thẳng lại, lấy thuốc châm hút rồi định mở cửa cho mát hơn. Mưa tạt tới tấp vào mặt, Tuấn vội kéo cửa lại. Trận mưa đổ tầm tã làm đà xe chậm hẳn. Qua khung kính, qua màn mưa, rừng thông xanh một màu xanh lạ lùng

nghư xa vắng. Xe chạy men đường, từng hồi còi liên tiếp, dưới vực, sâu thẳm; Tuấn thấy con đường sắt bé xíu chạy len lỏi giữa vùng cây cối dày đặc, đèo lên cao, lên cao mãi, một nhà ga nhỏ hiện ra, ga Eo Gió, con đường sắt như biến, hiện, biến, hiện bất chừng. Tuấn nghĩ đến những con tàu cũ chẳng còn qua đây nữa, bỏ trống cái ga xếp nằm trong mưa, trong nắng, cô quạnh như cuộc đời chàng, sau bao nhiêu hình bóng cũ đã trôi khuất... Eo Gió, Tuấn bỗng thấy yêu cái tên buồn hiu hắt đó, và bỗng thấy nhớ đến một cái tên xa xưa... Mưa gió và đèo cao ở đây gợi lại hình ảnh những ngày vui ở Đà Lạt, những con đường sương mù tê tái chính chàng đã đếm bước qua, cùng với *nàng*, những đêm bão rớt nơi cao nguyên, bao nhiêu kỷ niệm, *nàng* đã chia sẻ với Tuấn quãng đời đẹp nhất của tuổi trẻ đầy ước mơ lãng mạn, đầy tình ái, rồi bỗng *nàng* biến đi. Mấy năm rồi? Năm năm. Năm năm đã qua từ ngày *nàng* đột ngột rời xa chàng, lặng lẽ không để lại chút tin tức, Tuấn đã lên cao nguyên, tìm *nàng* khắp nơi nhưng vô vọng. Những ngày tháng cũ như một giấc mơ ngắn ngủi, bao nhiêu thay đổi rồi? Tuấn tưởng đã quên hẳn *nàng*, nhưng chuyến đi này vô tình lại nhắc nhở tất cả. Tất cả những hình ảnh cũ đột nhiên hiện lên rục rịch như hàng vạn viên kim cương vừa vớt lên từ đáy bể, nằm trong lòng tay. Tuấn bàng hoàng. Không lẽ mình còn yêu *nàng* đến thế! Không lẽ... Không! Dĩ vãng đã chết hẳn rồi, chàng đang trên con đường đến Nga. Nga là hiện tại, là tương lai. Hết năm nay Nga sẽ làm vợ Tuấn, và hình bóng ngày xưa sẽ... Gió bỗng từ đâu thốc vào mặt chàng, gió lạnh ngắt và như có vị mặn của muối, gió của Đà Lạt, gió và sương mù dày, những cây thông xanh ngạo nghễ trong mưa trên đèo vắng... Tuấn bất giác nhớ tới một bản nhạc cũ, bản Tạ Từ của Tô Vũ. Và dù chàng muốn xua đuổi, nhưng lời hát nào vẫn đang vọng đến bên tai, tha thiết như ngày nào: *"Rời đây khi mùa dứt chiến chinh, gió dâng khúc đàn thanh bình"*... Và đôi môi *nàng* như đang mấp máy ngay trước mắt Tuấn, khe khẽ hát theo bằng một giọng ngọt ngào dễ thương: *"Khi về sơn thủy lòng người thu cánh tạ mây trời, nếu tình quê đôi lần nhắc miền quê xa xôi..."*

Tuấn ngả đầu ra thành ghế nhắm mắt lại. Chàng không muốn xua đuổi nữa. Bỗng nhiên chàng muốn được nghe lại tất cả, thấy lại tất cả. Chàng nghe như giọng mình thì thầm: Thôi, anh không cãi, anh vẫn còn yêu em, anh vẫn chưa quên được em...

Chiếc xe nghiêng sang bên trái, gió lại tạt thốc vào mặt, tiếng mưa vẫn đổ ào không ngớt cùng với tiếng máy xe, tiếng gió, tiếng hát... *Mỗi khi vang âm ngàn phương, nhạc chinh nhân trong chiều sương, em có mong giòng sông cũ vẫn xuôi niềm thương...* Tuấn mơ hồ thấy giấc ngủ đang trôi lơ lững đến, vẫy lấy chàng, tan loãng trong mưa: dường như xe đã lên hết ngọn đồi cao và bắt đầu vòng xuống, nhòa đi... Giấc ngủ đã ngự trị tất cả.

oOo

Buổi chiều, xe tới thành phố. Mưa vẫn chưa tạnh, và khi Tuấn xách va-li bước vào một tiệm tạp hóa đầu tiên gần chợ hỏi mua thuốc lá, thì mưa lại trở to hơn. Trời tối xám, buổi chiều như không có, và đêm đang lặn vào, lạnh lẽ. Người bán hàng trả tiền lẻ cho Tuấn rồi ngó ra ngoài trời, mỉm cười, hỏi:

- Chắc ông mới ở Saigon lên?

- Vâng.

- Mưa suốt ngày hôm nay, chán quá! Hôm qua cũng vậy nữa. Tuấn cười. Chàng hỏi thăm con đường cần tìm, cảm ơn rồi bước ra, vẫy chiếc xích lô ngay trước cửa nhà. Chàng ngồi trong bóng tối bit bùng của chiếc xe che áo tới kín mít, độ mười phút thì người đàn ông ngừng đạp nhảy xuống mở áo tới, nói:

- Tới rồi đó thầy Hai.

- Chắc đúng số nhà chứ ông?

Tuấn không nghe tiếng đáp. Chàng bước xuống, chạy nhanh vào một hàng hiên gần nhất. Con phố nhỏ, hai bên lề đường giòng nước mưa trôi nhanh, mưa tầm tã làm mờ cả cảnh vật bên kia đường. Ba phút sau, Tuấn tìm thấy số nhà 24 ở cách đó hai căn và men sang, gõ cửa.

Người đón chàng là Đạt. Hắn mặc quần áo ngủ, tay cầm một quyển sách nhỏ, ngón tay trở nằm giữa những trang sách kẹp lại. Hắn reo:

- Tuấn! Ông mới lên hả? Ướt hết không? Vào, vào đây... Tôi đang ngủ. Nhanh kéo mưa hắt, ông!

Tuấn đặt va-li vào góc nhà, cười:

- Giờ này mà ngủ à?

- Trời ơi, mưa gió này, không ngủ còn làm gì. Ngủ lấy sức mai đi làm chứ? À sao ông, giấy tờ xong hết rồi hả?

Hắn hỏi huyền thuyên về chuyện làm ăn, chuyện Saigon. Tuấn đáp qua loa rồi mở va-li soạn quần áo. Đạt ở một mình ba gian phòng xinh xắn, sạch sẽ. Tuấn thay bộ quần áo ướt, ra phía sau, rửa mặt xong thì trời cũng vừa tạnh mưa dần. Những giọt mưa cuối cùng rơi xuống trên bờ vai, chàng nhìn lên bầu trời đã tối hẳn. Đêm đầu tiên của tỉnh nhỏ.

Tuấn hỏi Đạt có biết con đường nhà Nga ở đâu không. Bỗng nhiên chàng nảy ra ý muốn thăm Nga, gấp nàg, nhìn mặt nàg ngay. Chưa chắc đó đã là vì nhớ nhung, chàng biết thế. Đạt đáp:

- Tất nhiên là biết rồi. Nhưng ông muốn tìm nhà ai, ở đây? Ở đây ngủ chứ?

- Ô vôi vãi gì, đề đến mai không được à? Ông đến giờ này họ đóng cửa đi ngủ hết rồi, trời mưa mà... Ông ăn gì chưa nhỉ?

Đạt góp ý vài câu về chuyện ăn uống rồi vào phòng thay quần áo. Tuấn ra đứng bên cửa sổ. Ngoài trời tối đen. Phía dãy nhà bên kia đường, một ánh đèn néon hắt ra từ khung cửa khép hờ ra ngoài, yếu ớt trong bóng tối, vạch một nét trên hè phố còn đọng nước mưa. Tuấn thấy lòng trống vắng như nhớ những gì không đâu trong quá vãng.

... Ăn xong, trên đường về Tuấn nói với Đạt:

- Thôi nhân tiện ông đưa tôi qua con đường ấy đi để tìm sẵn nhà mai tan sở về tôi tạt vào luôn cho tiện khỏi tìm kiếm lồi thối.

Đạt nhìn Tuấn hơi ngờ vực nhưng rồi hắn cũng chiều ý chàng. Hai người bước vào con phố nhỏ tối tăm, những vũng nước mưa đọng lại bì bõm dưới chân. Đạt nhăn nhó than vãn.

- Ông tìm số mấy?

- Đây rồi thì phải.

Tuấn nhìn mấy căn nhà xây cùng kiểu giống nhau mỗi nhà đều có một ngọn đèn điện treo bên ngoài trên khung cửa đóng kín. Nhà Nga là căn thứ hai. Ánh đèn vàng vọt soi đủ rõ tấm bảng số. Tuấn tần ngần nhìn màu cửa xanh xám trong bóng tối mờ mờ. Đạt nheo mắt:

- Chắc nhà của bồ cụ phải không? Thảo nào cụ nóng tìm thế!

Tuấn mỉm cười, búng mẩu thuốc còn lại vào thân cây bên đường. Đóm lửa tóe tung, tan vỡ và biến dạng. Một giọt mưa hay nước đọng trên cây rơi xuống trên cánh tay. Chàng nói:

- Thôi về không có mưa nữa thì phiền lắm.

Đêm hôm đó trước khi nhắm mắt dỗ giấc ngủ và nghe tiếng

mưa lại đều đều rơi ngoài cửa sổ, Tuấn tưởng tượng đến khuôn mặt Nga tươi cười chào đón. Và đôi môi Nga cười quyến rũ thơ ngây, sao Tuấn thấy giống như một đôi môi nào ấy ...

o0o

Ngày làm việc đầu tiên ở tỉnh nhỏ dài vô chừng. Tuấn đi chào hỏi tất cả những công chức cùng nhiệm vụ mà chàng sẽ phải chạm mặt đều đặn sáu ngày một tuần. Hôm đó trời không mưa, cũng không đến nỗi oi bức, lúc tan sở Đạt rủ Tuấn đi ăn phở, chàng khéo léo từ chối.

- Ông lại nóng đến gặp “em” chứ gì?

- Biết đâu đây - Tuấn nheo mắt cười.

Con đường nhà Nga còn một vài vũng nước, dấu tích của trận mưa hôm qua. Ánh nắng chiều nhạt dần trên những khung cửa giống nhau, vẽ những hình kỳ lạ bằng bóng lá cây. Tuấn dừng lại, đứng yên lặng chừng nửa phút rồi đưa tay gõ nhẹ vài tiếng ngắn. Không thấy trả lời, chàng đợi một lúc rồi gõ ba tiếng nữa. Có tiếng dép kéo lê phía trong nhà. Tuấn định châm thuốc rồi lại thôi. Một âm thanh đặc biệt tiếp theo, chàng tò mò kéo nhẹ tấm màn trắng, ngó vào: gian nhà ngoài vắng không, một bộ bàn ghế, một lọ hoa. Khung cửa ngăn với gian trong được che bằng bức màn trúc. Nhưng âm thanh kỳ lạ chàng vừa nghe chắc chắn không phải do bức màn đó gây nên, mà dường như do một bánh xe lăn, hay chiếc ly nào lăn tròn dưới đất. Tuấn đặt liên tiếp những câu hỏi, câu hỏi cuối cùng là nỗi e ngại: có chắc đây đúng là nhà Nga không? Lỡ mà ...

Như câu trả lời đúng chỗ nhất, bức màn được vén lên gây một loạt tiếng lách cách rồi Nga hiện ra giữa khung cửa. Tuấn đứng nép sang bên, đợi cánh cửa mở rộng. Nga nghiêng đầu ra ngoài, hỏi bằng giọng nói dễ thương nhất, quen thuộc nhất với Tuấn:

- Xin lỗi, ông muốn tìm... Trời ơi! Anh Tuấn!

Trong một giây Tuấn tưởng nàng ôm choàng lấy chàng, nhưng nàng chỉ nắm chặt tay chàng, lắc nhẹ đầu như không nói nổi câu thứ hai. Tuấn cảm thấy lòng âm lại, niềm sung sướng êm ái nhưng cũng nồng nàn, giống y như một lần nào xa xưa, đôi mưa đến tìm người yêu... Chàng dịu dàng hỏi:

- Em ngạc nhiên lắm không?

Nga vẫn lắc đầu nhẹ nhẹ, mãi sau nàng mới đáp run run:

- Em không thể ngờ được... Sao..., sao anh chả báo trước gì cho em hết?

- Anh đi vội quá, hơn nữa anh muốn dành một bất ngờ. Bây giờ anh muốn rủ Nga đi ăn với anh đây, Nga ăn cơm chưa?

- Rồi, rồi, nhưng mà được, anh đợi em một tí, em đi với anh.

Nàng quay người, định chạy vào nhà nhưng lại đứng khựng, bàn tay nàng lại nắm lấy tay Tuấn:

- Anh ở đâu? Ở nhà ai? Anh mới lên chiều nay hay ...

- Đợi chút nữa anh kể Nga nghe. Vào sửa soạn nhanh đi.

- Vâng! Đợi Nga một tí, nhé! Một tí thôi anh.

Tuấn mỉm cười nhìn dáng nàng chạy vào nhà trong, những lời nói cuối cùng lẫn với tiếng lách cách của bức màn trúc. Chàng chiêm một điệu thuốc rồi kéo ghế ngồi. Chưa đầy mười hơi thuốc, chàng đã thấy Nga vén màn đi ra, hai tay còn gò má tóc cột cao. Lọn tóc đen huyền xõa xuống bờ vai, in bật trên màu áo trắng xanh. Nàng mỉm cười :

- Em mong anh ghê quá! Không biết chắc anh có lên không mà vẫn mong.

Tuấn dụi thuốc đứng dậy. Hai người đứng yên trước mặt nhau một phút. Tuấn nghe rõ hơi thở Nga dồn dập. Nàng ngước mắt, đôi mắt lay láy vừa thơ ngây vừa lẳng lơ. Chàng đặt tay lên mái tóc óng mượt, vuốt nhẹ, rồi như một sức mạnh vô hình đẩy bàn tay chàng kéo mạnh người Nga vào lòng. Chiếc hôn nồng nàn những nhưng nhớ cháy bỏng mãi trên môi tưởng không bao giờ dứt. Nga bỗng đẩy nhẹ chàng ra, hỏn hển:

- Thôi, đi anh, cho chị em ngủ.

Nàng bước nhanh lại phía cửa sổ khép hai cánh rồi làm hiệu cho Tuấn ra ngoài. Cửa đóng nhẹ. Tuấn ngạc nhiên thấy trên tay Nga từ lúc nào đã có một chiếc chìa khóa. Chàng càng ngạc nhiên hơn khi thấy nàng tra chìa vào ổ, vặn nhẹ nhẹ một vòng. Nàng quay lại, đặt một ngón tay lên môi, nhìn chàng, ánh mắt tha thiết huyền hoặc như một thứ gì kỳ bí nhất. Tuấn kéo tay nàng, bước qua vũng nước nhỏ. Chàng thì thầm:

- Chị em có biết gì về chúng mình không?

- Biết qua loa thôi, vì em không dám kể

- Sao vậy?

- Tại em sợ chị ấy.

Nàng ngừng một chút rồi tiếp như tự bào chữa:

- Chị ấy thương em lắm nhưng không hay nói chuyện với

em... Đúng ra bây giờ chị ấy mới thể, còn hồi bé tui em...  
Nàng liếc ngang chàng rất nhanh rồi im bật. Tuấn nhận thấy một điều nhưng chàng không muốn hỏi gan. Trời đã tối, đèn đã sáng lên trên những con đường nhỏ, trong các cửa hiệu, đều rực rỡ làm quang cảnh có phần vui hơn hôm qua rất nhiều. Tuấn nhìn Nga đang đi cạnh, chàng gặp nụ cười vừa nở trên môi, nói nhỏ:  
- Anh cũng nhớ em quá!

oOo

... Tuấn dừng lại để châm thuốc. Trong đêm, giữa vùng khuất ánh đèn, đốm lửa sáng bùng soi gương mặt chàng như đang mờ đi trôi xa theo làn khói trắng. Nga cất giọng trách móc:  
- Anh hút nhiều quá. Từ lúc ăn xong, ba điếu rồi đấy! Mai mốt... mai mốt chắc em phải giữ hết thuốc để phát dần cho anh mới được.

Câu nói và dáng điệu e thẹn của Nga làm Tuấn thấy trong lòng nao nao. Chàng bắt giắc nghĩ đến cuộc đời trôi nổi của mình sẽ có lúc dừng lại, như một con tàu bênh bồng từ mấy mươi năm bồng một chiều tìm thấy bến nước êm ả và neo lại. Những tháng ngày cuốn hút trong giông bão đời sống đã nhiều lần bắt Tuấn nhận ra nỗi mệt mỏi chán chường như vị đắng trên đầu lưỡi sau những đêm vui, và cũng bắt chàng mơ ước đến một vòng tay mềm của người yêu âu yếm trôi buộc cuộc đời. Không phải lần đầu tiên Tuấn xây đắp niềm ước ao đó. Năm năm trước chàng đã tưởng con tàu thả neo vào bến, nhưng vòng tay đó không giữ lấy chàng. Nó biến mất lặng lẽ như một ánh sao băng quá vội, chẳng kịp để lời ước được nói trọn vẹn, và từ đó, những năm tháng trôi qua... Tuấn rít mạnh một hơi thuốc:

- Ba mẹ em đi đâu mà ...  
- Đi Nha Trang thăm ông chú em. Chắc vài bữa nữa mới về.  
Hai người vào ngõ, im lặng đi thẳng đến trước cửa nhà Nga. Nàng dừng lại, tra chìa khoá vào ổ, vặn nhẹ hai vòng rồi nắm quả bâng xoay chậm chậm. Một khe hở màu sáng xanh xuyên qua, lan rộng dần, cánh cửa đã được mở hết. Nga quay lại nhìn Tuấn:  
- Em về nhé anh.  
- Em không cho anh vào được à?

Câu hỏi của Tuấn như làm Nga bối rối, nàng ấp úng:

- Được chứ! Nhưng mà... khuya rồi. Anh không về ngủ à, chiều mai lại gặp nhau, anh...

Tuấn cảm thấy nên nói thẳng ý của mình:

- Anh có cảm tưởng em giấu gia đình em về chuyện chúng mình, anh không muốn lén lút vụng trộm như thế, vả lại anh thấy không có gì đáng che giấu cả, em không tin à?

Giọng chàng nói mỗi lúc một to hơn, Nga vội đưa một ngón tay lên môi, tay kia nàng nắm lấy bàn tay Tuấn:

- Em biết, em biết. Em xin lỗi anh. Nhưng... nhưng mà khuya rồi, chị em đã đi ngủ, em sợ chị ấy dậy mắng em... Thôi anh đợi mai đi, đợi ba mẹ em về luôn thể ...

Những lời phân trần rối rít của Nga chỉ làm Tuấn bức mình thêm. Chàng định nói một câu thật nặng để trách nàng thì từ trong nhà, trong buồng ngủ, vọng ra tiếng gọi, tiếng đục và sắc bất ngờ làm cả hai người giật mình:

- Nga!

Nga quay ngoắt đầu nhìn vào trong rồi quay rất nhanh lại, Tuấn đọc thấy trong giây phút thoáng qua đó một sự lo sợ xen lẫn thất vọng ánh lên giữa đôi mắt đen láy của nàng. Và giọng nàng bỗng run run:

- Chị ấy dậy rồi. Thôi anh vào đây với em.

Bàn tay nàng vẫn nắm chặt tay Tuấn khi chàng bước qua ngưỡng cửa, rồi nàng chột đứng sát lại gần chàng, áp môi vào tai chàng nói vội:

- Em phải thú..., em phải nói trước để anh biết là chị...

Câu nói không bao giờ chấm dứt vì ngay phút đó, một tiếng động dội đến bên tai Tuấn, tiếng động kỳ lạ dường như Tuấn đã nghe một lần: Tiếng bánh xe lăn, rất nhanh, từ trong nhà ra, dừng lại sau khi bức màn trúc được hất lên đột ngột. Và qua vai Nga, Tuấn nhìn thấy một người đàn bà ngồi trên chiếc xe lăn - chiếc xe của người tàn tật - hai tay vịn vào hai càng xe, và đôi mắt vừa chạm đôi mắt chàng, khi tiếng Nga vang lên hòa trong tiếng lách cách của bức màn trúc còn đang lay động:

- Anh Tuấn..., chị Thủy của em.

Nàng rời khỏi Tuấn đi thẳng vào nhà trong, nói với lại một câu tiếp theo:

- Chị tiếp anh ấy giúp em để em đi rót nước.

Bức màn trúc lại được hất lên, Nga khuất vào phía sau đó. Ở phòng khách chỉ còn hai người đang nhìn nhau, không ai nói

tiếng nào trong suốt một thời gian lâu như một thế kỷ. Rồi Tuấn thấy từ đôi môi người tàn tật mấp máy, một câu nói lạnh, lạnh buốt như ngọn gió nào vừa thổi qua cửa, thốc vào gáy chàng:

- Ông ngồi chơi.

Câu nói và cả ngọn gió như hai cánh tay thần thoại nâng bổng chàng lên, ném vút đi, bay rất nhanh, nhanh vô tả, về một vùng trời xa thẳm nào đó, đặt chàng xuống. Và Tuấn cảm thấy, từ giây phút ấy, chàng sống lại đầy đủ cuộc đời năm 22 tuổi.

o0o

Tuấn ngồi dậy, lấy một điều thuốc trong bao gài lên môi, cúi đầu khum tay đánh diêm, giữ cho lửa không bốc cao vừa liếm đủ cháy thuốc, thổi tắt và nằm xuống. Đêm tối bao la chung quanh. Mẩu lửa nhỏ lờ sáng từng lúc, soi hồng lòng bàn tay. Bây giờ chắc quá nửa đêm. Đạp ngủ say ngoài kia, tiếng hân ngáy bình thân. Chưa bao giờ Tuấn thấy buồn và cô quạnh đến thế. Gió lùa qua khung cửa nhỏ đều đặn như thao thức. Tuấn nhớ lại lúc chàng hấp tấp chào già từ Thúy, nắm tay Nga rất chặt rồi bước như lão đảo ra cửa. Có lẽ Nga hiểu lầm chàng, nhưng biết làm sao. Hình ảnh đập vào mắt chàng như một cái tát khủng khiếp hằn trên má khiến chàng muốn choáng váng. Bây giờ trở về đến nhà, nằm yên lặng một mình trên giường, bình tĩnh lại, cảm giác sừng sốt tốt cùng ban nãy tan đi và biến thành nỗi chua xót tàn nhẫn. Một trăm, một ngàn câu hỏi đến nhảy múa trong đầu, Tuấn nhắm mắt gạt đi. Chàng muốn được giữ nguyên tâm trạng lúc đó, tâm trạng của kẻ nằm thiếp trên lưng con chim thần bí để trở về quá khứ, bay về cuộc đời đã sống và đã chết. Chàng thì thào: "Tôi ở đâu đây?" Trong tiệm cà phê, trên gác, nhìn qua cửa sổ mưa phùn lất phất bay rồi nhìn nàng đang mở trên lòng một bản nhạc rách nát, cười: "Nào, anh dạy em hát chứ?" Hay là đang quàng vai nàng đi suốt con đường dốc nhà thờ xuống phố dưới, vòng quanh hồ đầy sương mờ nhạt cùng với khói thuốc: một đêm Noël không ngủ hát mãi những câu hát cũ thời thơ ấu: *Một ông sao sáng, hai ông sáng sao, ba ông sao sáng...?*

Tất cả bắt đầu vào một chiều mưa năm 22 tuổi. Người con gái co ro đứng dưới mái hiên nhỏ trú mưa. Mưa tàn bạo, mưa suốt

một buổi trưa và day dứt đến tối. Người quân nhân về phép tình cờ đi qua đó, ngừng lại trước mái tóc buông xõa ướt sũng quuyền rũ, trước đôi mắt to đen e thẹn chớp chớp nhìn xuống, đôi mắt nồng nàn sưởi ấm lòng người ở xa về, đôi mắt say đắm đó đã theo dõi chàng suốt cuộc đời. Và mùa xuân đến, cùng với những ngày đam mê đầu tiên, em nhớ không? Hình như năm năm trời không hề trôi qua. Đôi mắt em vẫn là đôi mắt huyền diệu ngày đó tuy rằng hòa lẫn trong ánh mắt nồng nàn anh đọc thấy cả niềm cay đắng. Nhưng em chẳng đổi khác gì, năm năm qua không còn được nghe tiếng em hát, anh chắc tiếng hát đó cũng vẫn thế. Tại sao chúng ta cùng yêu một bản nhạc ấy ?

Tại sao cùng say mê điệu nhạc ấy, lời ca ấy - lời ca của cuộc chia ly?

Tuấn nhắm trong miệng những âm thanh cũ ...*“lầu chiều còn luyến ánh hồng, lầu xây trong không, sóng gió rớt chia ly, phồn hoa em chia tay ra đi, đưa chân dừng bước bên cầu già từ mấy câu ...”* Chàng bỗng tự trách mình không đủ can đảm để ngay lúc đó hỏi cho ra lý do cuộc chia ly âm thầm ngày trước. Tại sao bao nhiêu năm xa cách mà khi gặp không diễn tả nỗi vui mừng? Có phải là tại Nga? Có phải là tại cuộc gặp gỡ bất ngờ như một cái tát làm choáng váng tất cả? Có phải

.....  
Điều thuốc tàn, Tuấn mỗi một điều tiếp theo rồi vạch màn búng mầu thuốc cũ ra cửa sổ. Bây giờ có gần một giờ sáng hay hơn nữa? Không cần biết! Chàng không thể tìm ra nỗi một quyết định, một dự tính nào. Và Nga, liệu Nga đã biết chưa? Liệu nàng có đủ thông minh để đoán ra chưa? Hình ảnh Nga bỗng như nhòa mất tan trong một hình ảnh khác. Và Tuấn chợt ngậm ngùi nhận ra một điều vừa lóe lên trong óc chàng. Từ ngày gặp gỡ, chàng chỉ yêu Nga qua hình ảnh của Thúy, chỉ yêu Nga vì những nét giống Thúy mà chàng không biết. Tại sao chàng lại gặp Nga?

Tuấn thức suốt một đêm với những điều thuốc không bao giờ tắt, lóe đỏ trong lòng bàn tay, từng đường chỉ hồng trong đêm.

o0o

Năm giờ chiều Tuấn tới bàn giấy tên chủ sự phòng xin phép được về sớm lấy cờ bị sốt. Thật ra có ở lại thêm một tiếng

đồng hồ nữa chàng cũng chẳng làm được gì với đầu óc như quay cuồng và thân thể muốn rũ rời. Chàng phân vân không biết nên trở về nằm lẫn ra giường ngủ hay nên vào một tiệm nước nào đó uống ly cà phê phin đợi. Nhưng chiều không tàn mà bị loãng trong cơn mưa bất chợt đổ xuống giữa đường. Tuấn đang ở ngay góc con phố dẫn đến nhà Nga. Và cơn mưa vô cớ như một bàn tay đẩy chàng tới đó. Đến lúc đứng trước khung cửa xanh đóng kín Tuấn mới ngỡ ngàng tự hỏi về lý do dẫn đến nhà nàng. Gặp Nga lúc này để làm gì? Hơn nữa, nếu lại gặp cả Thúy? Đầu óc Tuấn bình thản từ nãy như được cơn mưa rửa sạch bây giờ thốt nhiên lại điên cuồng vằn vữa. Một tiếng sét làm chàng giật thót mình. Mưa mỗi lúc càng lớn, nước như xoáy chung quanh. Quần áo Tuấn sắp bị hắt ướt hết. Chàng cảm thấy hai má lạnh ngắt, nước rỏ ròng ròng từ mái tóc xuống mặt, tất cả đem tới cho chàng một cảm giác xa vắng, niềm cô quạnh mênh mang hơn bao giờ hết bọc kín lấy chàng. Bất giác bàn tay Tuấn đưa lên và hai tiếng gõ cửa khô khan vang động giữa tiếng mưa gió gào thét. Rồi Tuấn đứng im, chờ đợi, chờ đợi trong nỗi thất vọng

Không biết chờ đợi cái gì. Hồi lâu sau chàng lại gõ hai tiếng khác. Nga chắc đang ngủ. Còn gì hơn là giấc ngủ êm ái ấm cúng giữa cơn mưa này. Tuấn nhìn ra ngoài trời. Con phố mờ đi, mờ thêm và dập dờn vì một giọt nước mưa rỏ xuống ngừng ngay mi mắt chàng. Dãy nhà bên kia đóng kín cửa, dòng nước chảy cuộn nơi lề đường như một con sông trôi xiết về nơi vô định, bập bênh trên mặt nước có vài chiếc lá úa trông giống những chiếc thuyền giấy xinh xinh. Tiếng mở khóa làm Tuấn quay ngoắt lại. Chàng muốn ôm choàng ngay lấy Nga, hôn nàng điên cuồng và chết ngay trong nụ hôn đó. Chàng muốn quên, quên hết.

Nhưng trước mắt chàng, giữa khung cửa mở rộng không phải là Nga mà là Thúy; Thúy ngồi lặng lẽ trong chiếc xe, một tay cầm chiếc chìa khóa, mắt mở lớn nhìn chàng. Một phút đồng hồ làm Tuấn muốn chết lặng, nghệt thở. Rồi hai bàn tay Thúy lần xuống cần kéo, bánh xe được lái vòng lại, chạy ngược về phía trong nhà. Chiếc xe dừng lại ngay trước tấm màn trúc. Tuấn thấy mái tóc Thúy chia rẽ sang hai bờ vai lộ cái gáy trắng nõn, và lúc đó dường như cả hai bờ vai nàng rung rung. Chàng bước vào hấp tấp như bị đẩy bởi bàn tay vô hình nào sau lưng. Bàn tay vô hình đó tiếp tục đẩy chàng đến sát chiếc

xe, sát người đàn bà ngồi trong xe. Tuấn quỳ một chân xuống để mặt ngang tầm với mặt nàng nhìn nghiêng, gọi khẽ:

- Thúy!

Tiếng gọi vang lên như ngân mãi trong gian phòng, xóa nhòa tiếng mưa rơi ngoài kia, xóa nhòa cả những năm tháng xa cách, trả lại Tuấn đầy đủ tâm hồn cũ, niềm say mê cũ của mỗi tình đầu tiên.

Người con gái xoay mặt lại, đôi vai nàng vẫn rung rất mạnh nhưng mắt nàng ráo hoảnh nhìn chàng. Ánh mắt soi thấu qua đôi mắt Tuấn làm chàng rung mình, tắt nghẹn những lời định nói và chàng im lặng nghe, từ đôi môi nàng, đôi môi khô làm chàng xót xa nhớ bao nhiêu kỷ niệm ngọt ngào, những lời thốt ra lạnh lẽo bằng giọng nói run run. Tuấn nghe tiếng thì thầm quen thuộc đó như của một người nào khác, một người hoàn toàn xa lạ:

- Tôi cũng đang muốn gặp anh.

Nàng ngừng một phút và nhắc lại:

- Tôi cũng đang muốn gặp anh để nói hết, nói hết một lần cuối cùng, để từ nay tôi không còn ân hận gì nữa.

- Thúy!

Nàng đưa một bàn tay ngăn chàng lại:

- Anh đợi tôi nói nốt đã... Dầu sao năm năm trời nay chưa bao giờ tôi nghi ngờ rằng còn có dịp gặp gỡ này... thật tình không bao giờ. Anh đã hiểu vì sao hồi đó tôi đã lặng lẽ bỏ đi chưa? Chắc anh biết rồi chứ gì? Mà thôi, để tôi kể hết.

Tuấn đã cảm thấy bình tĩnh lại. Có lẽ giọng nói của nàng đã giúp chàng bình tĩnh. Chàng lấy một điều thuốc, đánh diêm châm hút và im lặng ngồi nghe, tiếng mưa và tiếng nói.

- Trước tiên phải nói ngay điều này có lẽ anh chưa biết: Nga và tôi là hai chị em cùng cha khác mẹ. Chúng tôi thương nhau lắm, có lẽ vì tôi mồ côi từ hồi lên hai và ba tôi tục huyền sớm, người ta giấu điều đó cho mãi đến năm mười bốn tuổi tôi mới tỉnh cờ biết được. Chính từ ngày đó người mẹ ghê - tức là mẹ của Nga bắt đầu đổi cách cư xử với tôi. Năm mười chín tuổi tôi bỏ nhà đi sống với ông chú ở Đà Lạt - chú Lâm đó, anh còn nhớ không? - Hai năm sau mình gặp nhau, lúc đó ba tôi không hề biết tôi ở đâu, hình như ông cũng không cần biết, ông coi tôi như đứa con đã chết rồi.

Nàng ngừng lại. Hình ảnh một giọt nước mắt vừa hiện lên ở câu nói đó, Tuấn có cảm tưởng nàng nghẹn ngào. Một lúc lâu:

- Ngày đó anh đi hành quân ở Darlac chính là ngày tôi bị tai nạn. Trong nhà thương ra tôi giấu không cho ai biết hết, ngay cả chú Lâm, tôi xin được đưa về nhà cũ. Thật ra không bao giờ tôi còn muốn trở về đó nhưng biết sao, tôi chẳng còn cách nào hơn. Anh hiểu tại sao không?

Tuấn dúi đầu thuốc vào bánh xe, yên lặng. Nàng nghiêng đầu qua phía khác.

- Bởi vì tôi muốn anh không thể tìm ra tôi nữa. Tôi yêu cầu ba tôi, dì tôi và Nga giữ hết sức kín sự có mặt của tôi trong căn nhà này, thậm chí đến láng giềng cũng không thể biết. Tai nạn của tôi làm gia đình tôi đổi hẳn thái độ và tôi chưa bao giờ được thương yêu đến thế - có lẽ là thương hại thì đúng hơn. Tôi sống năm năm trời như vậy, thui thủi trong gian phòng riêng. Nga là người gần gũi tôi nhất, tôi muốn nhờ nó, nhờ cái cuộc sống trầm lặng này để quên hết. Quên cả anh nữa. Nhưng đến bây giờ tôi mới biết... định mạng chưa cho tôi được ...

- Thúy!

Tuấn đặt tay lên bàn tay của nàng đang nắm chặt cần xe, bàn tay trắng xanh gầy guộc. Chàng tưởng nàng hất ra. Nhưng không, tay nàng vẫn để yên. Chàng nắm chặt lại, nắm chặt những ngón tay nhỏ bé đó như đã nắm một lần, một ngày nào xa xôi. Chàng nói dịu dàng:

- Thúy, nghe anh nói đây. Em tưởng chỉ có mình em sao? Không phải đâu, Thúy. Anh cũng đã tưởng thế, nhưng bây giờ thì anh biết rõ lắm. Anh không thể quên được em, anh yêu Nga là yêu qua hình ảnh em. Từ sau ngày giải ngũ, anh đi tìm em khắp nơi nhưng không thấy, anh đã tưởng em chết và chẳng bao giờ còn gặp được em. Nhưng có những lúc ngồi một mình, anh cảm thấy em không thể chết được, nhất định sẽ có một ngày anh gặp lại em. Và bây giờ, gặp lại em thật rồi, anh muốn nói ngay với em một điều.

Tuấn có cảm tưởng như có một bàn tay nhỏ bé vừa đặt lên tay chàng. Hai tay nắm tay Thúy, chàng nhìn nàng. Từ đôi mắt đen láy đang mờ đi, hai giọt nước mắt ứa ra, nhỏ xuống rơi trên tay chàng. Và đôi môi nàng đang mím chặt. Tuấn tìm lại đầy đủ hình ảnh người yêu năm trước, tất cả hình ảnh thơ ngây và say đắm của nàng, chàng có cảm giác như đương ngồi với nàng trên căn gác cũ thuở đó, nhìn ra ngoài trời bão đục trắng và hát thì thầm. Giọng chàng lạc đi:

- Thúy, em còn nhớ bản Tạ Từ không, em còn nhớ chứ? Nhớ

một thứ đó thôi nghe Thúy, quên tất cả những thứ khác đi. Từ bây giờ, không bao giờ mình còn xa cách nhau nữa. Thúy ơi, em còn yêu anh không?

Bàn tay chàng buông tay nàng, đưa lên, kéo đầu nàng ngả vào vai mình. Chàng quàng lấy vai nàng, ghì chặt. Mái tóc nàng vẫn thơm ngát như năm trước, thơm ngát như lan rừng ở cao nguyên. Nàng nức nở, nước mắt thấm qua lần áo vai Tuấn làm chàng thấy ấm hẳn lại. Nàng thâm thì, đứt quãng:

- Chưa bao giờ em yêu anh bằng lúc này... em... em khóc suốt đêm qua anh biết không?

Tuấn nâng mặt nàng lên, nhìn mắt nàng long lanh, nhìn đôi môi nàng bỗng trở lại ướt mọng như ngày cũ, nhưng đúng lúc đó, một tiếng động ở cửa làm hai người giật mình. Thúy gọi thảng thốt:

- Nga!

Tuấn hốt hoảng nhìn ra, nhưng không, chỉ là cánh cửa sổ bị gió đập mạnh đóng sập vào. Cả người Thúy vẫn run bắn trong tay chàng. Lấy lại bình tĩnh, Tuấn định nói một câu an ủi nàng nhưng chàng ngạc nhiên thấy nàng gỡ tay chàng đẩy nhẹ chàng ra, ngồi thẳng lại. Chàng ngỡ ngàng ngừng. Nàng ngoảnh mặt sang phía khác như muốn trốn đôi mắt chàng.

- Thúy!

- Anh đi về đi.

Tiếng nàng nói nhỏ, rất nhỏ, nhưng cứng rắn như một mệnh lệnh. Và sau mệnh lệnh đó là tiếng nức nở. Nàng gục đầu xuống, úp mặt trong tay.

- Thúy, đừng làm thế, không có gì mà ...

- Không. Anh về đi. Không thể được đâu. Nga nó sắp về thật rồi. Anh đừng làm khổ em. Đi, anh về đi.

Tuấn không thể hiểu nổi nàng nghĩ gì? Nhưng có một điều chàng thoáng nhận ra một cách chua chát, là tiếng động ở cửa vừa rồi, tiếng động mà cả chàng và Thúy đều giật mình tưởng là bước chân Nga, chính tiếng động ấy dội lên bất ngờ gọi lại hình bóng Nga, nhắc đến sự có mặt của Nga mà nãy giờ chàng quên mất. Nga được nhắc tới như một bức tường ngăn cách chàng với Thúy, một ngọn gió quạt tan vùng sương mù của dĩ vãng. Tuy nhiên ...

- Em phải trả lời anh lần cuối đã Thúy!

- Em lạy anh, anh quên hết đi. Quên hết những điều em vừa nói. Em không... Anh coi như em chết rồi, anh phải nghĩ đến

Nga.

- Tại sao em lại ...

- Anh về đi.

Tiếng quát của nàng nghe như trong nước mắt. Tuấn chán nản đứng dậy đi ra tới cửa chàng dừng lại gần giọng nói một câu cuối cùng:

- Ngày mai anh sẽ trở lại. Em nghĩ kỹ rồi trả lời anh; điều cần nhớ là anh đã quyết định rồi, anh chỉ còn chờ em.

Mưa vẫn tầm tã trút xuống, nhưng Tuấn không thể nán lại thêm nữa. Chàng kéo cao cổ áo, bước qua vũng nước bên lề đường. Chàng cầm đầu đi thẳng về nhà, hai tay trong túi quần; mặt ướt sũng nước và hai má lạnh ngắt. Nhưng chàng có cảm tưởng một cơn sốt đang dâng lên, bao trùm khắp cơ thể. Phía sau lưng trong ngôi nhà đó, người đàn bà ngồi như pho tượng cảm thạch huyền bí của một thế giới nào xa lạ.

Mưa day dứt suốt đêm hôm ấy và trong giấc ngủ chập chờn Tuấn mơ thấy hình bóng một con ngựa trắng bay qua.

o0o

Đạt quăng bao diêm cho Tuấn và ngắm chàng:

- Hôm qua ông không ngủ được hay sao mà tôi thấy mắt ông quầng thâm thế?

Tuấn mỉm cười:

- Ông ngủ say, ngáy như sấm mà biết gì?

Đạt phá lên cười. Hắn định nói gì đó thì chốt cửa phòng mở toang. Viên chủ sự hiện ra, tay cầm điều xì-gà, chỉ Tuấn:

- Ông Tuấn, có cô nào đến hỏi gấp kìa.

Tuấn bàng hoàng đứng dậy, gạt xấp báo sang một bên đi vội ra cửa. Chàng linh cảm thấy một chuyện không hay.

Nga đứng đợi chàng ở ngoài sân, bên luống hoa. Thấy chàng đôi mắt nàng bùng đỏ hoe. Nàng nói, tiếng còn, tiếng mất:

- Anh... Chị Thúy em tự tử đêm qua. Anh đến... với em ...em sợ quá.

o0o

Tuấn ngồi yên như thế rất lâu trên giường. Tấm chăn đã được kéo xuống, khuôn mặt Thúy bình thản và ngây thơ như đứa bé được ru ngủ say. Đôi mắt nàng đã nhắm lại, trên riềm mi như

còn long lanh các giọt nước mắt. Tuấn kéo tấm vải phủ kín gương mặt đó. Chàng với tay lấy ống thuốc rỗng không trên chỗ tủ con kê sát giường. Cạnh ống thuốc là tấm ảnh của Thúy lồng trong khung kính. Tấm ảnh chàng đã rửa cho nàng ở Dalat. Một bàn tay đặt lên vai chàng. Tuấn quay lại, Nga đưa chàng chiếc ly uống dở. Đáy ly còn đọng chút cặn màu đen, nàng nức nở:

- Ly nước của em, hôm qua... chị ấy pha cho em một viên thuốc vào đây vì thế em ngủ say không ...

Tuấn vòng tay ôm lấy vai Nga, dịu dàng như ôm một đứa em gái nhỏ. Chàng muốn nói cho Nga biết là: “Thúy đã quyết định và nàng không muốn bị ngăn trở bởi một sự tình cờ nào nữa.”

Nga gục đầu vào vai chàng. Tuấn nói nhỏ và nghe giọng mình nghèn nghẹn:

- Chị Thúy có để thư gì cho em không?

- Không... Bây giờ em mới nhớ... Tối qua trước khi đi ngủ chị ấy hôn em và dặn đi dặn lại một câu, lúc ấy em không hiểu. Anh Tuấn, chị ấy ...

- Chị ấy dặn sao?

- Chị ấy bảo: em phải cố tìm cho được hạnh phúc...

Tuấn ngồi im một lúc, rồi chàng nói rất chậm:

- Thôi Nga, đừng khóc nữa. Em bình tĩnh nghe anh đây. Anh kể cho em nghe một chuyện... một chuyện cô tích, nào, nhìn anh, Nga.

o0o

Mưa bắt đầu trút xuống nơi lưng đèo. Tuấn không muốn kéo cửa kính vào, chàng ngồi im cho mưa tạt tàn bạo trên mặt nghĩ đến những ngày sẽ sống, nhớ lại câu nói với Đạt khi đệ giấy xin thôi, sau đám tang của Thúy:

- Làm gì mà cậu kinh ngạc thế? Có lẽ tớ sẽ xin tái ngũ, cậu à!

Chàng nhớ đến những câu cuối cùng nói với Nga, khi nàng ngược lên nhìn, đôi mắt ngơ ngác, nước đọng ở riềm mi, như những hạt kim cương:

- Em hiểu ý anh không? Bây giờ giữa chúng ta đã có một khoảng cách chẳng bao giờ vượt qua nổi. Em đừng buồn, em cứ coi anh như... như một giấc mộng đã xa, vì... anh còn nhớ câu này của một văn sĩ Mỹ: “Một giấc mộng chỉ đẹp bởi nó quá ngắn ngủi.” Hiểu anh chưa Nga?

Chiếc xe quành nhanh, xuống đèo. Tuấn nhìn lại lần cuối cánh

rừng thông bao la đang lùi xa dần, chắc chẳng bao giờ chàng còn trở lại ngọn đèo này, với rừng thông, với ga Eo Gió... Tuấn chầm thuốc, hát nho nhỏ một mình mà như hát cho một người nào đó nghe:

*“Mỗi khi vang âm ngàn phương, nhạc chinh nhân trong chiều sương. Em có mong giòng sông cũ vẫn xuôi niềm thương? Tình anh như thông đầu non, vời cao trong mây buồn đứng, muôn kiếp cô liêu, ngàn năm còn reo ...”*

**(Bách Khoa số 235 ngày 16-8-1966)**

## TÀN HOA

### Con Nai Nhỏ Trên Đoạn Đường Gian Nan

¶ Vào năm 17 tuổi, tôi nhận được một lá thư quan trọng, ấn tượng nhất trong cuộc đời đeo đuổi “giấc mộng văn chương”. Lá thư ấy có nội dung như sau: “Kính gởi ông .../ Chúng tôi đã nhận được hai truyện ngắn của ông gởi đến. Trong số này, chúng tôi sẽ in truyện ngắn: “*Con nai nhỏ trên đoạn đường gian nan*” (1). Riêng truyện ngắn “*Con thần lùn*” không in được, vì bị Bộ Hốt cắt đứt<sup>(1)</sup> cho là có sai phạm/ Chân thành cảm ơn sự cộng tác của ông. Kính chúc ông sức khỏe và tiếp tục có nhiều sáng tác mới/ Ký tên : LÊ NGỘ CHÂU, Chủ nhiệm Tạp chí Bách Khoa”.

Thật khó tưởng tượng nổi cảm giác một cậu bé học trò mới tập tành viết lách khi nhận được những lời lẽ trân trọng bằng chính nét bút của Chủ nhiệm một tạp chí nghiên cứu – lý luận – sáng tác uy tín bậc nhất miền Nam. Đó là truyện ngắn đầu tay tôi được in với bút danh Tàn Hoa và cũng là sáng tác duy nhất tôi được nhận nhuận bút (với số tiền gần bằng một tháng lương công chức thời kỳ trước 1975).¶

(trích Ký ức về ông Bách Khoa Lê Ngộ Châu của Trần Trung Sáng, đăng trong số này)

Trời mưa. Từng cơn gió mạnh thổi thốc vào người nhưng ai nấy đều chạy. Họ chạy bất kể. Nước bùn văng lên tận đầu, tận mặt, họ vẫn chạy. Họ đua nhau chạy không nghỉ. Về khuya, trời càng mưa to và gió càng rét buốt, nhưng không ai thấy lạnh. Họ nhắm mắt chạy thẳng. Thỉnh thoảng, họ chỉ dừng lại để nằm úp sát xuống đất bùn khi nào có tiếng nổ. Dứt tiếng nổ, họ vùng lên chạy lại. Họ chạy, bỏ mặc tài sản. Họ chạy bỏ quên người thân. Đôi khi dù đã văng mắt một phần nào đó trên thân thể, họ vẫn còn chạy. Họ chạy khắp khênh. Họ lê lét. Họ bò cang . . .

Những xác chết nằm phơi ngổn ngang trong ruộng lúa. Máu

họ hòa lẫn với nước mưa chảy lai láng giữa đất bùn. Một ánh sáng hỏa châu vừa lóe lên với tiếng nổ chất chứa rền tai. Tất cả đều nằm xuống. Thân xác nào không bị ném văng lên cao tất còn hy vọng chạy nữa. Thân xác nào trượt bị, thì thôi, nằm đó, nằm lại đó như những người kia không kêu đòi.

Thanh niên đưa tay chặn đầu cô gái bên cạnh bảo nằm im. Những nhịp tim hồi hộp đập trong lồng ngực tựa những tiếng tích tắc của đồng hồ báo cho hai người biết phút tử thần đã qua. Thanh niên dìu cô gái đứng dậy, nhưng nàng lão đảo, vết thương cách đây vài giờ ra máu nhiều quá. Anh phải bế nàng.

Chạy được một quãng đồng dài, thanh niên có cảm tưởng trời mưa làm cho tiếng súng vui đi nhiều hơn. Anh cũng chợt thấy đôi tay thấm mồ để tự cho phép mình nghỉ ngơi. Anh đặt cô gái ngã người nơi đôi vế mình, nhìn nàng. Bùn lầy và bóng đêm khiến họ không rõ mặt nhau nhưng anh biết nàng đang khóc. Anh hỏi nàng:

- Em mệt lắm không, Nguyệt?

Cô gái không trả lời, nhưng nàng nắm lấy tay anh xiết mạnh. Thanh niên bồi hồi, anh nghe một niềm hạnh phúc nào đó thật nhẹ nhàng vừa lướt ngang trong cơn khốn khổ. Anh không hỏi nữa. Anh muốn cô gái nhắm mắt lại ngủ yên. Thật bình yên, trong tay anh.

Hình như để khỏi bị lạc đường, nhiều người đã men theo quốc lộ tìm tránh vùng bất an. Họ thấy đủ loại xe nằm lẫn trên ruộng. Có chiếc nát bẹp. Có chiếc máy vẫn còn nổ, như đợi chờ một người nào đó đến thế kẻ xấu số. Súng đạn vẫn nằm bầm; thỉnh thoảng vài ánh hỏa châu bật lên để soi sáng nỗi chết của mọi người.

Thanh niên ôm chặt Nguyệt trong tay. Anh không muốn mảnh đạn nào đến cướp cô gái đi. Anh lo cho nàng hơn cả thân anh. Anh nói:

- Vào trong đó được rồi, anh sẽ tìm cách lo cho Nguyệt về S. G. ngay. Anh không muốn để em ở gần vùng chiến tranh nữa. Hình như cô gái lơ là không chú ý đến câu nói ấy. Nàng trả lời đờm buồn:

- Em không còn ai thân thuộc nữa cả.

Thanh niên không hiểu. Anh nói:

- Anh có một bà dì trong đó. Bà không có con. Anh sẽ xin bà xem Nguyệt như con.

Cô gái vẫn lặng yên. Thanh niên không hay biết. Anh cứ thao

thao bất tuyệt. Anh không thấy lạnh, anh không nghe mệt. Anh vẽ vờ mọi chuyện xinh đẹp quên mất chiến tranh đang ở trước mặt anh. Súng đạn đang rình rập anh. Nỗi chết đang chờ đợi anh.

Thình lình, thanh niên chợt nghe bàn chân mình có ai vừa níu chụp. Anh hốt hoảng quay lại: hình như có một bóng đen trườn dầy thì thảo muốn nói gì với anh, trên tay bóng đen là một đứa trẻ.

Thanh niên rùng mình. Anh hiểu. Anh chợt hiểu. Nhưng anh hất mạnh chân mình ra khỏi sức níu kéo yếu ớt của bàn tay vô vọng. Không dám nói một lời nào, anh xiết Nguyệt chặt vào người vụt chạy.

Thôi, bé thơ, em hãy ngồi lại, hoặc đợi một người nào khác có lương tâm hơn mang em theo, hoặc đợi một trái nỏ vô tư nào khác giữ em lại vĩnh viễn chốn này. Hãy xem như là không gặp anh. Hãy tha thứ cho anh. Anh đang cần sống đời anh. Anh cũng đang cần bảo vệ niềm hạnh phúc cuối cùng nằm trong tay mình. Có lẽ anh đã thật ích kỷ. Nhưng em ơi, hình như trên trần gian này đến những lúc khốn cùng mọi người mới chợt nhận ra mình xấu xa, ích kỷ. Hắn không còn gì để nghĩ khác hơn ngoài niềm hạnh phúc của hắn. Anh không thể mang theo em. . . Tôi không thể mang theo đứa trẻ. . .

Thanh niên cầm cổ chạy.

oOo

Cơn mưa bắt đầu yếu ớt. Đoàn người đang bỏ xa thành phố đầy tiếng nổ và máu người. Họ không còn lội dưới ruộng lúa, đất bùn. Họ đang tiến lên con dốc trên quốc lộ. Hai bên là rừng, tiếng xào xạc của lá cây chưa làm họ quên được những tiếng nổ kinh hoàng. Tuy nhiên, ai nấy đều tạm thời yên tâm. Họ chạy chậm lại chờ nhau. Tiếng gào khóc, tiếng gọi kêu, hòa lẫn trong gió hú làm những con vật nhỏ ven rừng chạy hốt hoảng.

Thanh niên ngược mắt nhìn lên trời. Bầu trời vẫn còn mù mịt, nhưng anh chắc trời đang rạng sáng. Anh hít mạnh gió rừng vào buồng phổi nghe lòng mình hớn hờ. Anh không dừng lại. Anh ôm cô gái chạy gần đến đỉnh dốc cao, chẳng ngoái lui. Biết đâu lưỡi hái của tử thần chẳng đuổi kịp anh, nó chẳng bắt anh dừng lại, nó không cho anh qua bên kia con dốc.

Cô gái hỏi khe khẽ trong tay anh:

- Mình đến đâu rồi anh?

- M.C.

- Ngang qua rừng hả anh?

- Ừ, lát nữa xuống dốc ta sẽ ngừng lại nghỉ giây lát.

Tiếng đạn nổ lung bùng bây giờ nghe như thật xa. Trong trí óc mọi người khu rừng như một ngưỡng cửa thiên đàng. Chỉ có những kẻ vô cùng bất hạnh mới rơi lại khi đã đến ngưỡng cửa thiên đàng.

Thanh niên đỡ cô gái ngồi tựa vào một tảng đá. Trời đã hừng sáng rồi, mặc dù mưa còn thưa thớt. Thanh niên hỏi:

- Em thấy như thế nào?

- . . .

- Khỏe chứ?

- Một con nai kia, anh.

- Hả?

- Con nai chạy ngang qua đường.

Thanh niên nhìn theo. Con nai nhỏ, thật nhỏ, giống như loài chó chạy lùi vào bụi cây. Anh cười. Nụ cười thật tội nghiệp.

Anh nói với Nguyệt:

- Em thích nai lắm hả?

- Dạ.

- . . .

- Phải chi mình biến thành loài nai chạy nhảy trong rừng.

Thanh niên bật cười thành tiếng. Anh cũng mơ màng theo Nguyệt. Tiếc là trong câu chuyện, trên môi không có điều thuốc nào cho hình ảnh hai người thêm phần lãng mạn. Anh xé một cành lá thành từng mảnh nhỏ ném vào không trung. Họ có cảm tưởng đang đưa nhau bước vào khu rừng tình tự, khu rừng không có bom đạn và chiến tranh.

oOo

Ngày đó, khi thanh niên đến ở trọ căn nhà bên cạnh Nguyệt, nàng đầu mới tóc còn chằm vai. Khuôn mặt trong sáng, tay ôm cặp sách, ngày hai buổi nàng đem đến trong lòng thanh niên một tình cảm thật dịu dàng và thật băng quơ. Nhưng cái tình cảm ấy không chịu đứng yên, mà một ngày nó một lớn thêm. Thanh niên bắt đầu thấy khó chịu. Anh không còn đủ lòng cao thượng để giữ nàng ở lại trong khu vườn tuổi thơ. Anh muốn

quấy phá nàng. Anh lân la sang làm quen gia đình nàng.

Ông cha Nguyệt là một người nghiêm nghị. Ban đầu, bằng tất cả sự dè dặt, ông chấp nhận anh lui tới với tư cách một người dạy kèm những đứa em Nguyệt. Nhưng dần dà thứ tình yêu trong chàng giống như một loài sâu lông lá đang ngo ngoáy bò dần ra trong cung cách, trong cử chỉ của chàng. Ông cha tức khắc nhận ra ngay điều đó. Ông cấm hẳn không cho chàng lui tới nữa.

Thanh niên mất đi một dịp may. Hai năm liền, anh lại càng đau đớn hơn mỗi khi gặp Nguyệt. Anh hỏi, nàng không thèm trả lời. Anh trao thư, nàng không nhận. Nàng là dòng suối tuyệt vọng, anh là con vật khù khờ đi tìm tuyệt vọng.

Đôi lúc thanh niên thấy mình thật khốn nạn khi nghĩ rằng trận chiến vừa xảy ra trong thành phố đã làm hồi sinh lại niềm hy vọng trong anh. Nếu không có cái chết của cả gia đình Nguyệt thì anh không làm gì được ôm nàng trong tay. Và vết thương kia nữa, nếu không có một mảnh đạn nào đó ghim vào, chưa chắc anh đã có dịp để nàng hiểu rõ lòng mình.

Thanh niên lo âu cho vết thương của Nguyệt. Anh không biết mảnh đạn ghim vào có sâu không. Anh bước chậm lại nói:

- Nguyệt à, vào đến nơi anh sẽ đưa em đến bệnh viện ngay. Em chịu khó nằm đó tĩnh dưỡng vài ngày rồi anh tìm phương tiện đưa em đi S. G. mới được. Ở đây không có thành phố nào yên đâu...

Đột nhiên, thanh niên ồm ờ. Đứng trước tình thế hiện tại anh sợ những lời nói bây giờ sẽ làm tăng thêm những thất vọng chưa xót về sau. Anh bắt sang câu chuyện khác:

- Bà dì anh tốt lắm, Nguyệt ạ. Anh chắc chắn thế nào bà cũng lo cho anh được một tấm giấy hoãn dịch. Tụi mình sẽ sống tự do. Anh sẽ đi làm. Anh sẽ dành dụm thật nhiều tiền. Sống trên đời này phải cần tiền Nguyệt ạ. Khi người ta có thật nhiều tiền, người ta sẽ đạt được dễ dàng những gì người ta thích, tụi mình sẽ mua một căn nhà ở Đ. L.

Ở Đ. L. em biết không. . .

Thanh niên chưa kịp bước qua một điệp khúc khác thì trời đã sáng. Anh nghe phía trước có tiếng người reo lên:

- Gần đến nơi an toàn rồi bà con ơi!

Mặt trời lấp ló dưới những mái rạ làng quê. Nơi đây, trời lạnh hẳn. Những giọt nước mưa còn lại tụ thành những hạt tròn đầu

trên các bờ cỏ. Hy vọng ứ nghẹn trong lồng ngực. Người ta phải nói ra. Người ta phải cười lên.

Thanh niên cảm thấy lòng mình nhẹ tênh. Anh tiếp tục, giọng phấn khởi:

- Ô Đ. L. em biết không, tụi mình sẽ mua một căn nhà thật xinh, căn nhà có vườn, hoa và nhiều cây cối để em trở thành con nai nhỏ. Anh sẽ ngồi hút thuốc nhìn con nai nhỏ tập viết văn. Tác phẩm đầu tay của anh sẽ viết về em, con nai nhỏ. Con nai nhỏ trên đoạn đường gian nan.

Nguyệt à, anh tin rằng dù sao cũng có lúc chiến tranh phải chấm dứt chứ. Lẽ đâu súng đạn cứ đeo đuổi chúng ta hoài. Lẽ đâu trên quê hương này không còn một mảnh đất nào cho tình yêu trú ngụ. Chúng mình phải được bình yên. Em phải được bình yên để quên đi những đớn đau vừa chịu đựng. . .

Nguyệt à. . .

oOo

- Thoát chết rồi, bà con ơi! Thoát chết rồi. . .

Không còn tiếng gào thét thất thanh nào sau một lần đạn nổ. Mặt trời lên cao. Xa xa có những chiếc trực thăng tải thương đang chờ đợi. Mọi người hôn hờ diu nhau. Thanh niên cúi xuống nói với Nguyệt:

- Em nhìn lên kia, trực thăng sẽ đưa em về bệnh viện đấy, em thấy chưa, Nguyệt?

Nhưng cô gái không trả lời, mắt nàng khép lại. Môi nàng héo khô. Tay chân nàng cứng lạnh. Vết thương trên bụng đã diu nàng khỏi trần gian vĩnh viễn từ bao giờ.

Thanh niên lay mạnh thân nàng, gào lên nức nở:

- Nguyệt, Nguyệt, Nguyệt ơi. . .

Qua làn nước mắt nhạt nhòa, anh có cảm tưởng cô gái đã biến thành con nai dụ hiền. Con nai đang vụt khỏi tay anh biến mất vào rừng sâu. . .

## **Tần Hoa**

**(Bách Khoa năm 1974)**

.

TRẦN QUÍ SÁCH

## Nước mắt tuổi thơ

*Tặng các em bé lạc quê hương*

¶Tôi không bao giờ mơ ước thành nhà văn. Nhưng chiều hôm ấy, tôi đã bỏ vào phong bì, và liều mạng gởi về tòa soạn báo tạp chí Bách Khoa. Bởi lẽ nó là tạp chí độc nhất mà tôi có thể tìm được tại thư viện Xavier này. Tôi muốn mang nước mắt ấy cho người đọc khắp nơi. Tôi xin làm tiếng khóc để khóc cho em bé trên trang báo này.

Nước mắt ấy đôi khi trở thành định mệnh. ¶

Trận đánh bắt đầu từ sáng sớm, mãi đến trưa vẫn còn ác liệt. Làng An Hòa hầu như chìm trong biển lửa. Cuộc đụng độ đầu tiên khi đoàn quân vào làng. Dịch cổ thủ trong những hầm cá nhân và trên những cây dừa, nã súng vào đoàn quân. Những tiếng kèn thúc quân nổi lên, kèm với những tiếng hét "sát! sát!", cùng với những tiếng nổ rầm trời của những quả đạn bích-kích-pháo làm bé Ngọc rung cả thân thể. Em hoảng sợ nép sát vào người mẹ, cố bám chặt lấy người bà. Hầm rung chuyển dưới những tiếng nổ như xé cả không gian. Hai hàng nước mắt đầm cả má, em run lên, răng đánh càm cạp. Em nhìn không rõ mặt mẹ vì trong hầm trời tối đen như mực. Nhưng em cảm thấy nước mắt của mẹ đầm xuống áo vải và ướt thấm cả người em.

Bây giờ, sức nóng nung cả lớp đất hầm làm Ngọc muốn ngạt. Mẹ thì thảo:

- Con ơi, nhà mình cháy rồi!

Mẹ vừa nói, vừa khóc. Ngọc cũng òa khóc theo. Khói đã tràn vào hầm. Ngọc ngạt thở, ho lên sù sụ. Em thì thảo:

- Lên hầm, mẹ, lên hầm, mẹ! Con chịu không nổi...

Em ho. Nước mắt, nước mũi chảy đầm dề. Tay bấu chặt lấy người mẹ, em cố gắng hét to:

- Con chết mất, mẹ! Cho con lên hầm.

Nói xong, em gục đầu xuống lòng mẹ, thiếp đi...

Bà Tư mếu máo, ôm con:

- Con ơi, con ơi! Hu hu...

Bà khóc òa. Đôi mắt bà bỗng sáng lên, bà đứng dậy quờ quạng tới nắp hầm. Bà đẩy lên và trườn mình ra. Bà cố gắng xịch nắp hầm sang một bên để không khí lọt vào trong hầm, rồi bà đứng dậy, hét:

- Các ông ơi, cứu dùm con tôi, con tôi chết ngạt trong hầm!

Tiếng đạn hòa với tiếng hét của bà và của những kẻ chiến đấu bên ngoài. Bà Tư không nghe gì hết, không thấy gì hết, mặc đạn, mặc lửa, mặc tiếng rung chuyển từ lòng đất, bà tiến ra khỏi nhà, la lên cầu cứu:

- Con tôi chết ngạt rồi, các ông cứu nó với!

Mắt bà chỉ thấy được chiếc môi cười thơ ngây của con, mái tóc cúp bông-bê, đôi má phúng phính. Mắt bà chỉ thấy những nét cười nhí nhảnh của con trong những buổi trưa thanh vắng, đôi mắt to đen giống như người chồng đã khuất. Bà còn nghe được những tràng cười giòn tan, những tiếng dồn dập của bước chân đang nhảy cò cò.

Bà đứng đó và hét to:

- Các ông, cứu con tôi với...

Một viên đạn từ trong hào bắn ra, kết thúc cuộc đời của một người mẹ.

Buổi chiều, Ngọc thức giấc. Em không còn nghe tiếng súng nữa. Em quờ quạng tìm mẹ nhưng không thấy mẹ. Em gọi:

- Mẹ đâu rồi, mẹ đâu rồi...

Một chút ánh sáng len qua nắp hầm chiếu vào, em biết chắc mẹ đã lên. Em càng la lớn:

- Mẹ đâu rồi, mẹ ơi!

Nhưng không có tiếng đáp lại. Sợ hãi, em vội chui ra khỏi hầm. Trước mắt em, căn nhà yêu quý của em đã thành tro bụi. Những cột nhà cháy đen nằm dài, bên những lu nước nóng như đun sôi. Em không thấy gì cả, mẹ đi đâu rồi. Em sợ hãi và ra khỏi sân. Một người đàn bà nằm dài ở đường làng trước ngõ. Em chạy ủa ra và ôm lấy thân người đàn bà rồi khóc òa. Mẹ em đã chết. Máu đỏ còn ướt thấm cả vải áo. Em ôm chặt lấy mẹ, nức nở. Máu thấm cả áo quần, cả mặt em.

- Mẹ tôi chết rồi, người ta giết mẹ tôi rồi...

Em gào trong tiếng khóc.

Bỗng em nghe đằng sau tiếng giày dồn dập. Những áo hoa

dù xuất hiện. Những mũi súng chĩa ra. Em run rẩy, muốn chạy trốn. Nhưng em không thể đứng dậy. Hai bàn chân em bị phỏng vì đã giẫm trên nền nhà còn cháy. Em ôm mình mẹ, không dám nhìn lên.

- Em bé, đứng dậy để anh băng chân cho!

Tiếng vỗ nhẹ vào vai em làm em hoảng sợ. Em bấu chặt vào mẹ, khóc tức tưởi:

- Mẹ con chết rồi. Ông tha cho con.

- Các anh không làm gì em đâu. Chúng nó giết mẹ em đó.

Người lính bảo thế, rồi ngược nhìn mấy người lính đồng đội đứng bên cạnh. Họ nhìn em với ánh mắt thương xót.

Người lính bồng Ngọc lên, lấy bông và thuốc xoa trên những vết bỏng nơi chân Ngọc. Một anh lính khác tìm được một cây gậy trao cho Ngọc, và nói:

- Em cầm lấy gậy này để chống, kéo đau.

Ngọc ngược mặt lên, đôi má bị tro bám đen, nhưng còn lộ được đôi mắt đen lay láy. Em chống gậy lết về phía nhà.

Người lính hỏi:

- Em đi đâu?

- Em về nhà.

- Nhà em đâu?

Ngọc chỉ vào chiếc nhà tàn rụi bên đường.

Người lính hỏi thêm:

- Em còn cha không?

Ngọc lắc đầu. Người lính thở dài và rồi quay mặt ra chỗ khác. Anh đã tham dự nhiều trận đánh, đã chứng kiến nhiều cảnh thương tâm, lòng tưởng như chai đá mà vẫn thấy bàng hoàng xúc động trước tấm hình hài nhỏ bé, bơ vơ, cô cút này. Anh thấy lại ngày xưa, khi anh còn nhỏ, những đêm nằm trong lòng mẹ núp trong hầm phân trâu để tránh Tây. Anh nhớ lại đôi mắt của mẹ anh, sao mà hiền dịu... Bây giờ, vùng khốn khổ này bây giờ về đây, trước mặt anh.

Một người phóng viên ngoại quốc đã sửa soạn ống kính màu, ngoắc Ngọc đứng lên. Em ngơ ngác nhìn vật màu đen mà người ta giơ ra trước mặt. Rồi em nghe tiếng tách nổi lên.

Con Mực thấy bóng Ngọc vội lết về phía chủ. Lông nó cháy rụi, những vết đen thui chi chít trên lưng. Ngọc ôm nó, thì thầm:

- Mẹ chết rồi. Mày biết không?

Chiếc trục thẳng nổ máy rầm rầm, quạt quay vùn vụt. Ngọc

ngơ ngác nhìn chung quanh. Một vài người Mỹ đang cười với em, lại cho em bánh kẹo. Một tay em cầm cây gậy, một tay em cầm thỏi kẹo xanh đỏ. Em nhìn ra ngoài phi cơ: ở đầu kia là căn nhà thân yêu, hình bóng người mẹ nằm trên đường. Em thấy lệ rơi và nước mắt chảy dài trên má. Em vừa nhai kẹo vừa khóc. Một người Mỹ vội lấy khăn lau mắt em và đưa hai tay làm trò. Nhưng em như không thấy gì hết, quay cổ lại, gào lên:

- Mẹ ơi, mẹ!

Trời nhá nhem tối. Chiếc trực thăng đã đến thành phố. Em ngồi trong phi cơ, nắm chặt lấy giây buộc, cảm thấy gan ruột hình như đảo lộn.

Em chẳng biết người ta đang làm gì. Em chỉ còn nhớ mang máng giọng nói của người lính:

- Tội nghiệp em bé. Em đi về với chúng anh nhé!

Bây giờ người ta đã đưa em lên xe và chở vào thành phố. Em nhìn được con đường nhựa đen dài, những nhà lầu cao ngất, đèn thấp sáng choang.

Rồi người ta lại đưa em vào một căn lầu quét vôi trắng. Một vài bà mặc áo trắng đi ra. Sau đó, họ dẫn em vào một căn buồng lớn, kê giường mừng la liệt. Một bà nói với em:

- Con ngủ ở đây nhé. Nhưng bây giờ phải đi tắm đã.

Em nhìn xung quanh. Những đứa bé đồng lứa tuổi, mặc quần trắng, áo trắng, đang đứng nhìn em. Em cảm thấy xa lạ, ngại ngùng làm sao. Em nhìn sợ sệt và bỗng tủi, em rung rung nước mắt.

Đến khi chị áo trắng nhỏ nhẹ bảo:

- Đi tắm đi em.

Ngọc mới cảm thấy yên tâm.

Chị áo trắng thật dễ thương. Chị có mái tóc thật dài và đôi mắt thật hiền. Ngọc thấy mến chị. Em nói :

- Đây là đâu, hả chị?

Chị cười:

- Đây là cô-nhi-viện.

Ngọc ngạc nhiên, hỏi:

- Cô-nhi-viện là gì, hả chị?

- Là nhà nuôi trẻ mồ côi, không cha không mẹ. Đến đây, Ngọc không hỏi thêm nữa. Em theo chị vào buồng tắm. Đôi mắt em lim dim, nghĩ ngợi. Đột nhiên em nắm tay chị áo trắng, nắm thật chặt. Em sợ em lạc, như em đã lạc cha, lạc mẹ. Những gáo nước lạnh làm em nhần nhó và thấy rát ở chân. Chị

áo trắng xoa nhẹ nhàng và hỏi:

- Em tên gì?

- Em tên Ngọc. Nguyễn thị Ngọc, nhưng ở nhà mẹ em kêu là Út.

- Sao em đến đây?

- Mẹ em bị đạn, chết. Họ đưa em đến đây.

Chị nhìn Ngọc triu mến. Chị nói:

- Em ở đây sẽ quen. Sẽ có búp bê nhắm mắt, mở mắt nè. Sẽ có bạn nhảy dây, nhảy cò cò nè. Sẽ có Chúa phù hộ để em mạnh khỏe nè...

Ngọc đưa mắt đen lay láy, hỏi:

- Nhà em thờ Phật mà, chị?

Chị áo trắng cười:

- Chúa cũng được. Phật cũng được. Các ngài đều phù hộ cho em.

- Thế sao Ngài không phù hộ cho mẹ em, để mẹ em chết, hả chị?

Chị áo trắng không trả lời. Chị chớp chớp mắt, tự bảo: “Con nhỏ này ngó bộ thông minh”. Rồi một nỗi xúc động sâu xa dâng lên trong lòng. Trong cô nhi viện này, chị đã gặp rất nhiều trường hợp thương tâm như vậy.

Mà mỗi lần như vậy, chị thường bỏ cơm và quỳ xuống trước bàn thờ để cầu nguyện. Chị thấy như nỗi thâm của quê hương đầy dẫy cả trên các khuôn mặt các em. Chị xoa vội bàn tay Ngọc và nói:

- Em tắm rồi về ăn cơm với các bạn. Mai có nhiều người đến thăm cho nhiều đồ chơi.

oOo

- Các con ngừng chơi, nghe đây!

Cả lũ trẻ vội nín lặng. Mẹ bẻ trên cùng với mẹ phụ trách cô nhi đang đứng giữa sân, bên cạnh là bốn năm người Mỹ. Mẹ nói tiếp:

- Ai tên là Nguyễn thị Ngọc? Mẹ nhắc lại, ai tên là Nguyễn thị Ngọc?

Ngọc đứng trong lớp trẻ góc sân, tiến ra thưa:

- Dạ, con tên Nguyễn thị Ngọc.

Mẹ bẻ trên dắt Ngọc đi. Ngọc sợ hãi. Em tưởng họ sẽ đuổi đi, như đuổi chị Lan. Em quay lại nhìn mấy con bạn như để

cầu cứu. Bọn nó thật dễ thương và tốt với Ngọc. Trừ con Hậu, nó làm bộ nhất, Ngọc ghét.

Em lăm lăm theo đoàn người vào phòng khách. Một vài ánh đèn lóe lên từ những máy ảnh. Mẹ bẻ trên vuốt nhẹ tóc em, nói:

- Họ chụp hình con. Con cười đi chứ!

Một người Mỹ hỏi viên thông ngôn, nhờ nói lại với Mẹ bẻ trên:

- Em đây chính là em có hình này?

- Phải.

- Ô, tôi nhìn không ra. Mẹ săn sóc các em thật khéo. Quả mẹ có lòng bao dung.

Mẹ bẻ trên đáp:

- Không, không dám. Chúng tôi nhờ các Ngài, các em nhờ các Ngài mới được đầy đủ như ngày hôm nay...

Rồi mẹ âu yếm hỏi Ngọc:

- Có phải hình con đăng ở báo này?

- Thừa Mẹ, phải.

Ngọc nhìn bức ảnh. Phải, hình này chính là hình em. Em thấy rõ ràng gương mặt lọ lem, chiếc gậy tre mà người lính cho em. Em thấy được đôi mắt đầm lệ, miệng đang mếu máo khóc lóc. Đăng xa là xác mẹ. Mẹ mặc bộ áo quần đen. Mẹ chảy máu trên lưng và nằm dài trên đường làng. Tại sao họ chụp hình em và mẹ đăng trên báo? Tự nhiên em thấy lại cả quê hương, mái nhà xưa, đôi mắt mẹ hiền dịu, con chó mực thân thuộc. Nước mắt em chảy ra.

Mẹ bẻ trên lấy khăn lau vội nước mắt.

Một vài người ngoảnh mặt hay cúi đầu để giấu vẻ xúc động.

Mẹ bẻ trên nói:

- Ngọc, con yêu của mẹ. Bức ảnh của con đã làm cả thế giới cảm động. Những người này ở bên phương trời ấy đến thăm con. Ngọc, hãy cảm ơn ông bà đi!

Ngọc lau nước mắt, lấp bắp:

- Con cảm ơn ông bà.

Một người đến xoa đầu em, nói những tiếng xa lạ và Mẹ bẻ trên nói lại:

- Ngọc, con yêu của mẹ, ông này xin con làm con nuôi. Ông sẽ đem con về Mỹ, sẽ nuôi con ăn học. Con bằng lòng đi với ông không?

Ngọc lặng người. Em nghe nói đến sự chia ly, em bỗng nao

nao trong lòng. Em sẽ xa lũ bạn: con Hường hát hay, con Hồng biết thổi, con Lài hay cho bánh...

Em sẽ xa không khí trẻ thơ của em, những buổi học bài, những giờ nhẩy cò cò, đánh đu, u mọi, đập lon. Em thấy mến chúng quá. Tự nhiên em lắc đầu:

- Thưa mẹ, con không đi.

Mẹ bẽ trên đến bên người Mỹ, nói nhỏ:

- Nó nhớ bẽ bạn, tôi hiểu lắm. Để tôi khuyên, sẽ được. Ông yên lòng.

Ngọc trở vào sân chơi. Lũ bạn chạy ủa lại, rồi rít. Con Lài hỏi:

- Mẹ dắt mây ra làm gì đấy?

Ngọc suýt, ngón tay để lên miệng. Lũ bạn thấy vậy cũng ngạc nhiên, linh cảm có sự gì xảy ra.

Ngọc nói:

- Họ xin tao đem về Mỹ nuôi.

- Về Mỹ à? Sướng quá ta! - Con Tuyết la to.

Con Hồng tát nhẹ vào má con Tuyết, nói:

- Sướng con khi! Ở đó đâu có bạn. Mây nói tiếng Mỹ được đâu mà đi, hở Ngọc?

Ngọc buồn rầu trả lời:

- Mẹ bảo tao thế. Tao không muốn xa bọn bây. Xa bọn bây tao buồn tao chết.

- Tao cũng buồn - Con Lài nói.

Con Lan cầm tay Ngọc:

- Mây ở đây với bọn tao, rồi hát, rồi chơi búp bê, rồi nhẩy cò cò. Đứa nào ăn hiếp mây, tao đánh bẽ đầu.

Ngọc trả lời:

- Ừ, tao ở với mây.

oOo

Đêm Giáng sinh năm nay lạnh hơn mọi năm. Những trận mưa dai dẳng làm thành phố rét mướt càng rét mướt thêm. Năm nay mẹ bắt mấy chị vào phòng quần áo tặng, lục những chiếc áo len sặc sỡ cho đàn trẻ mặc. Những đứa bé hít hà chui rúc trong những chiếc áo len to lớn cười rúc rích.

Căn phòng ngủ bỗng náo loạn. Mẹ bẽ trên cho phép được tự do ca hát chơi đùa tối nay. Mẹ nói: “Đêm Giáng sinh là đêm mà các Thiên Thần về với các con. Các con sẽ được nhiều bánh kẹo, đồ chơi. Ông già Nô-en sẽ trao tận tay các con

những thứ đó, nhưng với điều kiện các con phải ngoan ngoãn. Hễ nghịch ngợm thì ông Nô-en sẽ cho một cái roi dài”. Ở giường con Tuyết nổi lên giọng hát trong trẻo:  
- Đêm đông lạnh lẽo, Chúa sinh ra đời...

Bài làm của bé Nguyễn thi Ngọc, 10 tuổi

1) Em thích nhất đêm Giáng sinh vì đêm Giáng sinh em được nhiều đồ chơi. Em được chị Phượng dạy em hát, lại cho em một cái hoa để em cài trên đầu. Em thích chị kể chuyện Bạch Tuyết và bảy chú lùn. Nhưng em buồn vì ở đây mãi, không đi chơi được. Em nhớ đến mẹ em hay tụng kinh. Bữa ba em chết, mẹ cũng tụng kinh cả đêm. Mẹ nói ba em không còn tội nữa. Em ước muốn làm Bạch Tuyết để chơi cùng bảy chú lùn...

2) Nhà em có nuôi một con chó. Tên nó là Mực. Mình nó đen, bốn chân cao. Nó rất dữ. Nhưng rất hiền với em. Mỗi lần em đi học về, nó theo em, đuôi nó nhảy lên nhảy xuống. Em thương nó vô cùng. Khi Mẹ em chết, nó đến bên em, em thấy nước mắt nó chảy. Nó bị cháy hết cả lông, nhưng còn bò được. Em đi mà vẫn nhớ nó...

3) Em yêu mến làng em nhất. Làng em có rào tre nhọn, có vòng dây kẽm gai dài vô cùng. Lại có súng ở đồn, cứ bắn luôn. Nhưng làng em hay bị người ta phá. Cứ vài ngày nhà lại cháy và người khóc. Em buồn lắm và thương làng em lắm...

oOo

Tôi biết bé Ngọc nhờ ba bài luận của bé. Tôi chú ý đến cô bé ngồi đầu bàn, thơ ngây nhìn vào quyển vở. Nhận chức thầy gõ đầu trẻ, tôi được Mẹ bẻ trên mời dạy lớp Nhì ở Cô nhi viện.

Bé Ngọc học giỏi, hay đứng đầu lớp. Nhưng trong cái nhìn thơ dại của bé, tôi đã đếm được muôn sợi buồn. Ở đó tôi đã thấy một vùng trời quê hương của đau khổ, của chết chóc.

Bé Ngọc ơi, quê hương của em là thế và của cả anh nữa. Ngày xưa anh cũng núp vào lòng mẹ, cũng nghe tiếng đạn nổ ở bên nhà, cũng thấy những cánh thương tâm xảy ra trên mảnh đất quê hương 10, 15 năm trước, bây giờ lại đến lượt em. Bé cho anh kể quê hương tuổi nhỏ của bé nghe.

**BK số 234 năm 1966**

# TƯỞNG NHỚ một nhà thơ thuộc thế hệ chiến tranh vừa nằm xuống

**TRIỀU UYÊN PHƯỢNG (1948-2011)**

Nhà thơ Triều Uyên Phượng đã bỏ lại trần gian đi vào cõi miền viễn vào ngày 6 tháng 6 năm 2011. Ông được biết với những bài thơ tự do đi rất xa thời đại được đăng trên tạp chí VĂN như *Bầy mối của chàng, Trước khi đi lính, Đêm, Ngày...* Những bài thơ tự do rất lạ - lạ từ chữ nghĩa xữ dụng, và lạ về ý tưởng - được ông viết ở vào lúc ông mới 17, 18 tuổi ! (Cả bốn bài đều đăng trên Văn vào khoảng năm 1965, 1966).

Sau năm 1975, ông đã kéo dài cuộc đời đầy nghèo khó long đong, ngay cả trong tuổi xế chiều. Người đời gọi ông là ông già bán vé số. Bằng hữu gọi ông là nhà thơ bán vé số.

Ông đã ra đi lặng lẽ, âm thầm vào sáng ngày 5 tháng 5 năm Tân Mão (nhằm ngày 06 tháng 06 năm 2011) sau một cơn đột quỵ, gần cả tháng sau bạn bè anh em văn nghệ mới hay tin.

## **Tiểu sử văn học:**

Tên thật: Quách Phụng Hiếu

Các bút danh: Triều Uyên Phượng, Trương Phương Trinh, Võ Hồng Đông, Hồ Lê Sinh, Toàn Hùng, Tô Cary...

Sinh năm 1948 (Mậu Tý) tại Sóc Trăng.

Triều Uyên Phượng trong nhóm chủ biên tờ tạp chí Tiếng

Động Mùa Hạ, cùng với Lan Sơn Đài, Trần Như Liên Phượng... năm 1964.

Bắt đầu làm thơ viết văn từ năm 14 tuổi. Trước 1975, xuất hiện trên các nhật báo, tuần san, tạp chí ở miền Nam như: Ngàn Khơi, Văn, Nghệ Thuật, Tiểu Thuyết Tuần San...

*Tác phẩm hoàn thành:*

Con So (bản thảo hoàn chỉnh từ năm 1965, đến nay đã thất lạc)  
Thơ Triều Uyên Phượng.

*(nguồn: Người Đồng Hành Quanh Tôi của Ngô Nguyên Nghiễm Tập II)*



## **Trần Bang Thạch**

### **THÊM 1 TIẾNG ĐỘNG ĐÃ TẮT!**

Chỉ mới gỡ dòng tựa trên tôi đã muốn ngừng tay. Đã tắt một tiếng động nữa rồi. Thật sao? Không có gì thật hơn sự ra đi của người bạn thơ Triều Uyên Phượng. Và không có gì buồn hơn khi cứ lần lượt nhìn nhóm bạn mình mỗi ngày một thu nhỏ.

Còn nhớ trong một tập TQBT đầu năm 2006 ký Nguyễn Cát Đông, tôi có viết một bài về Trần Như Liên Phượng. Trong đó tôi có nhắc đến những cây bút nòng cốt của tạp chí văn học Tiếng Động đã lần lượt ra đi, đã tắt tiếng từ lâu. Câu cuối của đoạn văn này tôi nhớ đã viết: “*Hình như bây giờ còn lại chỉ có Triều Uyên Phượng và Nguyễn Cát Đông*”.

Hơn 5 năm sau bài viết này, Triều Uyên Phượng cũng đã ra đi. Tôi hay tin rất muộn. Biết cuộc sống đây khó khăn, vất vả của bạn mình cũng rất muộn. Ngỡ ngàng trong xúc động. Vừa ngậm ngùi âm thầm tiễn bạn, vừa mừng cho bạn đã phôi sạch

nợ trần.

Nghĩ lại mà giựt mình. Tiếng Động là 1 tạp chí có mệnh yếu, chỉ sống 8 số, bất định kỳ có 8 tập. Chào đời đầu 1964, chết giữa năm 1967. Những cây viết nồng cốt ban đầu của Tiếng Động thì cũng yếu mệnh, như Trần Như Liên Phụng, Lan Sơn Đài, Lê Văn Hiến, Quách Dược Thanh, Ưu Thức, Mai Huỳnh Văn, Kiều Tâm Khánh...

Đối với tôi, Triều Uyên Phụng chết trẻ bởi vì từ ngày biết nhau, nhất là từ khi Phụng gia nhập Tiếng Động ở tuổi 16, 17, từ tướng tá nhỏ nhắn, gầy còm với đôi kính cận dày cộm...chúng tôi coi Phụng như đứa em út của Tiếng Động. Đến bây giờ trong trí tôi Phụng vẫn là một bạn nhỏ chịu chơi của hơn bốn mươi năm trước. Phụng có người anh ruột từng làm tỉnh trưởng Sóc Trăng sau lên đến chức Tổng Ủy Trưởng Tổng Ủy Công Vụ thời Đệ Nhị Cộng Hòa nhưng cậu công tử họ Quách tên Phụng Hiếu của Sóc Trăng, bút danh Triều Uyên Phụng, sống rất bụi đời. Mỗi khi gặp chàng là y như thấy cái áo sơ mi tay ngắn màu xanh lục nhạt. Tóc không nhiều nên có lẽ chàng chưa hề cần cái lược, cứ để mấy cọng tóc nằm ngòai tự nhiên trên cái đầu hơi nhỏ so với cái cổ cao. Phụng không bao giờ nhắc tới cái “đại gia” của nhà mình ở trong khu hành chánh bên kia Cầu Bon. Chàng lảng từ ít khi có mặt ở nhà. Nhưng nhiều khi có mặt ở nhà các bạn văn thơ tại tỉnh nhà hay các tỉnh lân cận. Bạn bè nhiều nên thuốc lá, bia rượu nhập vào cái thân thể mỏng như lá cỏ này cũng nhiều. Thuở đó tôi không nghĩ Phụng có người yêu. Bạn bè đã chiếm hết thì giờ của Phụng. Vậy mà Phụng nổi tiếng, nhất là trong giới học trò, là nhà thơ của tình yêu. Những bài thơ tình yêu không vui. Thơ tình buồn, phần lớn là thể thơ 4, 5 chữ. Mới đầu xoàng xoàng xuất hiện trên Tiểu Thuyết Thứ Năm, Ngàn Khơi...sau leo tới Văn, Bách Khoa... với những bài thơ gọi là thơ tự do...Thơ Phụng là những ưu tư, thắc mắc, quạnh hiu, vật vờ...của người tình cô đơn, hoang mang trước cuộc chiến. “Em” trong thơ Triều Uyên Phụng chắc chỉ là một cái bóng để nhà thơ gởi những ưu tư của mình:

*Nhiều lúc anh tự hỏi không biết chiến tranh để làm gì  
không biết để làm gì  
nhưng dù không biết để làm gì đi nữa  
hãy nhớ hôn anh một lần đi  
em nhé.*

Mà thời đó, những người gọi là cây bút trẻ, ai mà chẳng vậy. Tình yêu phải là đau khổ để có chất men mà mần thơ. Cuộc chiến, đối với một số, cũng là cái mẩu số chung để viết.

Còn nhớ đầu năm 1964 lúc Lan Sơn Đài dạy học tại Sóc Trăng, Đài cùng với Phụng có ý làm một tạp chí văn học. Tại quán cà phê chị Thầu bên đường Nguyễn Trường Tộ, góc Nguyễn Thái Học, Cần Thơ, chúng tôi, năm sáu người, bàn “chuyện lớn”. Thời đó chỉ có Lan Sơn Đài là có chút tiền lương giáo viên, những người còn lại là học trò hay lính tráng. In 1 tạp chí lúc bấy giờ là chuyện lớn. Lúc đầu tạp chí mang tên *Tiếng Động Mùa Hạ* vì chỉ mong có khả năng tài chánh làm mỗi năm 1 số vào mùa Hè. Làm chơi thôi. Sau số 1 và 2 thì trở thành *Tiếng Động* vì xuất bản bất định kỳ. Bất kể Hạ hay Xuân hay Thu...kiểm duyệt xong và kiểm đủ tiền in là trình làng. Trụ sở bắt thành văn của tòa soạn là quán cà phê của chị người Miên bên hông rạp chiếu bóng Nguyễn Văn Kiểng trên đường Lý Thường Kiệt ở thị xã Sóc Trăng. Hình như mỗi lần chuẩn bị bài vở hay phát hành đều xuất phát tại quán chị Thầu hay quán chị Miên. Báo in ít, tiền vốn ít nên không dám gọi nhà Tổng Phát hành Nam Cường. Mỗi đứa chia nhau đi phát hành. Năn nỉ các chủ sạp báo ở Sài Gòn, Cần Thơ, Sóc Trăng, Long Xuyên, Vĩnh Long...để gọi bán. Rất ít khi thu được tiền. Mà nếu thu được đồng nào thì gọi vào các quán cóc. Không sao. Vui là đủ rồi.

Tại Cần Thơ chúng tôi còn có 2 chỗ khác để thường xuyên gặp nhau là nhà của Kiều Tâm Khánh tại số 59 đường Cống Quỳnh tại Bến Nhị Kiều và thỉnh thoảng những khi Trần Như Liên Phụng ghé ngang thành phố Cần Thơ, chúng tôi cà phê cà pháo tại quán Thái Ký đường Ngô Quyền. Thuở đó tôi không thường xuyên đến những nơi này để họp với các bạn, nhưng mỗi khi tôi đến, dù ở Sóc Trăng hay ở Cần Thơ thì đều gặp Triều Uyên Phụng. Phụng như có đôi hia vạn dặm, đang ở nơi này, thoáng cái đã ở nơi kia. Vài bạn văn khác trong ban biên tập tôi cũng có gặp; chỉ có Quách Dục Thanh thì tôi chưa bao giờ gặp dù anh ở tại Sóc Trăng trước khi anh nhập ngũ và sau đó phục vụ tại Đà Lạt.

Phụng thích gặp bạn nhưng ít khi góp tiếng. Tại bàn cà phê, chàng cứ rít từng hơi thuốc dài, rồi hớp một tí cà phê. Hình như tôi chưa thấy tách xây chùng nào cạ trước mặt Phụng.

Tôi cũng chưa nghe Phượng đọc thơ của mình lần nào; đọc thơ bạn thì có. Lan Sơn Đài cũng ít nói. Mai Huỳnh Văn, Ưu Thức cũng ít nói. Trần Như Liên Phượng lại càng ít nói hơn. Vậy mà ngồi quán mòn hết đáy quần, hết bình trà này xin thêm bình khác. Chủ quán nào cũng cười trừ.

Mùa Hè 1965 tôi lên Sài Gòn học, ở trong Đại Học xá Minh Mạng. Lan Sơn Đài bị động viên, đi lính công binh ở Đức Hòa, Đức Huệ. Mặc nhiên **Tiếng Động** đặt tòa soạn tại đại học xá Minh Mạng. Kiểu chữ tựa báo thay đổi. Nhiều cây viết nổi tiếng cộng tác. Không biết nhấn gởi thế nào mà khi Lan Sơn Đài ghé “tòa soạn” ở Sài Gòn thì thường có anh chàng tong teo, mang cặp trông kiếng dày như hai cái khu tô tháp tùng. Tôi nhớ Phượng được hoãn dịch vì do cận thị nặng (?). Thời gian này thơ Phượng vẫn mang tính chất tuổi trẻ lãng mạn, nhưng đã thoát ra hẳn những tình cảm riêng tư, đơn sơ của tuổi học trò. Người đọc thấy tình yêu trong thơ Phượng ẩn chứa những suy tư và có rất nhiều vấn nạn của cuộc đời trước mặt. Phượng viết những bài thơ làm theo thể thơ tự do càng nhiều ở thời gian này:

*Chàng mãi loay hoay trí nhớ  
sao bấy mới cứ đùn lên hoài  
tội nghiệp cho tuổi trẻ chàng  
thật tội nghiệp hết sức*

Tôi không có trí nhớ tốt để nhớ thơ bạn bè hay cả thơ của mình nên rất tiếc là không ghi được nhiều thơ của Triều Uyên Phượng để thêm hoa lá cành cho bài viết.

Cho tới bây giờ tôi vẫn thắc mắc về cái chết của **Tiếng Động**. Chắc chắn không phải vì thiếu tiền. Hình như Lan Sơn Đài dời đi xa Sài Gòn? Hay tôi đang bận với tờ **Chỗ Đứng** của Ban Đại Diện Sinh Viên ĐHSP/SG từ Hè 1967? Lúc nào là lần cuối tôi gặp các bạn **Tiếng Động**? Quá nhiều năm đã trôi qua, trí nhớ cùn hết trơn hết trọi rồi!

Nói gì thì nói, tới hôm nay thì các bạn tôi đã lần lượt ra đi gần hết cả rồi. Người ngoài mặt trận, kẻ trong tù, người bệnh lao, kẻ bệnh gan. Những người tình cờ có cái tên gần giống nhau và đã một thời tình cờ ngồi lại với nhau đã rù nhau mà đi: Đặng Văn Hiếu (Lan Sơn Đài), Quách Phụng Hiếu (Triều Uyên Phượng), Lê Ngọc Hiến...chắc đang gặp các bạn mình bên quán cóc nào đó ở thế giới bên kia. Có lẽ ở đó cũng có quán chị Thầu, chị Miên để các bạn đấu hót? Nhớ mua bao thuốc lá

hiệu Lucky cho trung úy Trần Văn Thạch (TNLP) để chàng hy vọng điều may đến trước lần tên mũi đạn, thuốc Bastos xanh cho Hiếu và Hiếu. Kiều Tâm Khánh có tật bập bập điều thuốc phá mỗi, nhưng phải là Capstan của ông giáo Lê Ngọc Hiến mới chịu.

Các bạn đã gặp nhau rồi đó. Vui đi nhé! Phụng nhí giờ này cũng nhẹ tênh hình hài, đại gì mà không nhập bọn để vui lên hớ bạn!

Viết về một thằng bạn mới mất mà toàn kể chuyện đâu đâu. Thật chán mớ đời!

Đầu tháng 8/2011

Trần Bang Thạch



NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

**TRIỆU UYÊN PHỤNG, MÁU ĐI RỜI RẠC MỘT ĐỜI  
TỒN SINH**

Những người làm văn nghệ tỉnh lẻ của thập niên 60 - 70 thế kỷ vừa qua, đông đảo như những cánh lá lập xuân. Sự đam mê của tuổi thiếu thời với nhiều mơ mộng và thích phơi bày sự rung động của hồn xanh giữa những cơn gió liêu xiêu lớt nhẹ vào sân vườn tâm thức. Chính vậy, ở tuổi mới lớn thì ca là một miền ảo tưởng si dại mà các nhà thơ dễ dàng bước vào để trút hết những nỗi niềm hoan lạc hoặc khổ đau. Phần đông, thơ tình là một môi trường thấm đẫm men say cho người thơ đặt trọn những ước mơ hạnh phúc. Tuổi 15, 16 tập tễnh sáng tác và nắn nót gởi báo những bài thơ vừa được khai sinh. Niềm hạnh phúc rục rờ bùng sáng khi ôm ấp kết quả tác phẩm được giới thiệu trên tạp chí. Triệu Uyên Phụng là một trong những bạn hữu làm thơ sớm nhất, và bằng tài hương được tinh động hi hữu ở tuổi mới lớn nên lúc 14 tuổi anh đã có những bài thơ được giới thiệu trên Ngàn Khơi, lúc Trần Thy Nhã Ca đảm nhận tuyển

chọn trong một mục thơ của tuần báo này. Sự lớn dậy một cách đột ngột đã khiến Triều Uyên Phượng được xem như một tinh hoa của đồng bằng sông Cửu Long. Triều Uyên Phượng đặc sắc ở lục bát, cùng lúc với nét thơ tự do của Lan Sơn Đài, và thơ vắn cổ phong 7 - 8 chữ của Trần Như Liên Phượng. Thể thơ 6 - 8, trong những năm này được xem là thể thơ đầu tay của anh em văn nghệ đương thời, dễ làm nhưng khó đạt được kết quả tuyệt đỉnh. Nhưng vài bằng hữu văn nghệ như Lâm Hào Dũng, Trần Biên Thùy, Triều Uyên Phượng, Trần Yên Thảo, Đoàn Kế Tường, Phù Sa Lộc... đã sử dụng thể thơ lục bát một cách nhuần nhuyễn, tài hoa. Tập thơ đầu tay của Triều Uyên Phượng năm 17 tuổi là thi phẩm Con So nghiêng hẳn về thể 6 - 8 và được anh tâm đắc dồn hết tinh lực thời trai trẻ khai sinh cho hướng lập dựng tinh huyết cho tập thơ này. Khi tôi chủ trương một tờ nguyệt san năm 1966, là lúc thi tập Con So của Triều Uyên Phượng, dù còn trên bản thảo nhưng vẫn được phổ biến chuyển tay anh em, được ghi nhận như một dấu ấn sang trọng cho nhà thơ Triều Uyên Phượng. Ngày đó, chuyện đi lại khó khăn, chưa kể tất cả anh em đều còn thành niên, nên sự ràng buộc di chuyển thăm viếng nhau hầu như chỉ chờ dịp thuận lợi trong những ngày nghỉ hè hay lễ lộc. Chính thế, thư từ là phương tiện duy nhất để giao cảm và trao đổi sáng tác như một truyền thông khả dĩ giao lưu. Tờ nguyệt san tôi thực hiện đến số 2, thì một sự cố xảy ra làm chán nản tất cả tâm huyết của bạn bè. Nhà thơ MTG đã gửi về tòa soạn một bài thơ chép tay, tham gia như một độc giả yêu thích tờ báo. Sự yếu kém về nhận thức đã giúp bài thơ được chọn đăng, với sự đồng ý gần như tuyệt đối của ban tuyển chọn, vì đó là một tác phẩm hay, đẹp. Khi tờ báo được phát hành, trong vòng vài ngày sau đã nhận được một lá thư đầy vẻ trách móc, sự kém hiểu biết của ban tuyển chọn, để một bài đạo thơ suông sẽ đi vào trang thơ tờ báo! Bài thơ đó đã được đăng tải trên Tiếng Động Mùa Hạ, với tác giả đích thực là Trần Như Liên Phượng. Cả tòa soạn như ngồi trên chảo nước sôi, và tôi tức tốc bỏ hết công việc thường ngày, lặn lội về Sóc Trăng. Người đầu tiên tôi gặp gỡ để tìm hiểu sự tình là Triều Uyên Phượng, một trong những thủ lĩnh trẻ tuổi của Tiếng Động Mùa Hạ. Thời gian này, Trần Như Liên Phượng đã thất lộc, chỉ còn nhà thơ Lan Sơn Đài, nhưng Lan Sơn Đài đang dạy học nên khó tiếp xúc trực tiếp. Triều Uyên Phượng là một công tử, đầy nét lãng bạt, y trang

như những anh chàng Hippý đương thời, được bao bọc trong lớp nhung lụa phong lưu, rực rỡ tuổi trẻ. Hơn nữa, ở tỉnh nhà với một nhà thơ nổi tiếng như Triều Uyên Phượng, đã là hạt nhân được nhiều người biết đến, một cách thần phục. Tôi cũng không mất công nhiều, khi hỏi thăm và được giới thiệu với Triều Uyên Phượng đang hào phóng trên đường Thái Lập Thành ven bờ sông đầy rẫy những ngôi nhà cổ u tịch và trang nghiêm. Triều Uyên Phượng hướng dẫn tôi đến một quán cà phê và tâm sự. Anh an ủi, sự cố ngoài ý muốn đã làm phiền lòng anh em và hứa sẽ bàn lại với bằng hữu của Trần Như Liên Phượng như một lời chân tình hòa đậm trong nét sơ giao.

Năm 1967, tôi quen biết Triều Uyên Phượng như thế và thường xuyên thư từ liên lạc trao đổi tác phẩm, như một an bài sẵn cho mai sau. Sau 1975, Triều Uyên Phượng lẩn lóc nhiều khó khăn trong cuộc sống. Sự trôi dạt mọi nẻo đường, giữa một đôi mắt còn nặng bao cấp, khiến bản thân anh nhiều lúc quay cuồng trong cơn lốc xoáy vô định hướng. Từ nhỏ, nhãn lực của Triều Uyên Phượng rất yếu kém, lúc gặp nhau lần đầu, đã bắt gặp một gương mặt gầy của anh, đã nặng nề cặp mắt kính hơn 10 diop. Sau này hình như đã vượt lên hơn độ 17, nên đêm tối, Triều Uyên Phượng không thể nào đạp xe tìm được đường về. Lăn lộn trong một cuộc sống đầy rẫy khó khăn, như rơi xuống tận cùng đáy vực, cái than vãn của một hơi thở không sức lực đã nhiều lúc Triều Uyên Phượng bày tỏ trong thỉnh lặng tuyệt cùng: *Tôi nhận ra đến lúc cùng đường / Tìm tri kỷ đem lòng nương tựa / Tôi muốn có chỗ ngồi ghé dựa / Com ngày ba bữa tạm đời tôi*. Nhà thơ lẩn lóc trong đủ mọi nghề, mà sức khỏe vẫn không cho phép anh bật dậy như những bằng hữu khác. Giai đoạn Triều Uyên Phượng được xem ổn định nhất, đề *Com ngày ba bữa tạm đời tôi*, là lúc trên góc đường Tú Xương - Cách Mạng Tháng 8 (Lê Văn Duyệt cũ), một quán nhậu văn nghệ lề đường được anh em chung vốn cho nhà thơ đắp đổi qua ngày. Giai đoạn này, Triều Uyên Phượng được tập nập bạn hữu ghé thăm yểm trợ. Và kết quả, dằng dặc cả một bảng ghi tên đầy dẫy gần cả trăm lão trich tiên lướt khướt rồi quay đi. Tấm thân chưa biết toàn vẹn trong cơn say, làm gì nhớ bảng nợ ghi dày đặc trên tấm bảng carton cạnh quán nghèo. Cứ thế, bệnh trạng cứ trăn trở trong giấc ngủ, hành hạ giữa cuộc mưu sinh, và *Bỗng một hôm nghe bàn chân trái / Gió trở trời bãi hoải trong xương*. Tôi thường xuyên ghé

thăm Triều Uyên Phụng và chính tại quán cóc, tôi viết được một bài thơ hay bày tỏ với một lão phu đầy vẻ đạo sĩ, Giữa Trưa Quán Vắng Ngồi Đối Âm Với Lão Phu Lạ Mặt.

Thời gian vội vã qua nhanh, cuộc sống đã khiến nhà thơ lưu đầy bản thân mình thêm một lần bước vào cõi trầm luân khắc khổ. Anh bày sự may rủi giữa chợ đời, cho mọi người mưu tìm hạnh phúc chọn lựa. Mỗi lần ghé ngang kéo Triều Uyên Phụng đi thù tạc, chủ yếu là cho anh ăn uống bù đắp những thiếu thốn từng giờ của anh, là lúc nào tôi cũng phải bàn bạc với bằng hữu cùng tháp tùng mua hết bản vé số, để Triều Uyên Phụng cầm bằng ôm hơi thở mà rảnh rang vui trọn vài giờ.

Triều Uyên Phụng trở về Bình Phước, cư ngụ trong một mảnh đất nhỏ của khu giáo xứ, thỉnh thoảng bước về Sài Gòn, thăm lại anh em từng quen biết một thời. Những kỷ niệm dù sao cũng chan đầy trong tâm thức thi nhân, mà cuộc đời đã đưa đẩy mỗi người một số phận. Thơ Triều Uyên Phụng vẫn được giới thiệu với bạn bè, có lúc làm bùng dậy lẽ sống trong tim anh, mà đằng đằng hơn 40 năm sống chết với thơ, Triều Uyên Phụng làm sao rời bỏ được những phút suy tư bên giọt sương rơi rụng, dưới những ánh trăng soi, những tiếng gà gáy chột nghe đã *Làm thơ tôi rộn lại nỗi niềm*.

Anh ôm thơ bước đi trong cõi hạnh phúc vô cùng, mặc cho lưới đời thù dật khổ đau, dần trải đầy trong ngõ sống. Mặc nhiên an lòng giữa thân thức làm linh diệu cho thơ, như Triều Uyên Phụng tâm sự với Huỳnh Phan Anh: *Ta tưởng ngàn năm ngồi trong sử / Cố lai chỉ hóa bướm vờn thôi...* Lành thay lối thoát của thi nhân...

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

*Viết tại Thư trang Quang Hạnh*

*Ngày Doan Ngọ 2010.*

***(nguồn: Người Đồng Hành Quanh Tôi của Ngô Nguyễn Nghiễm Tập II)***



NGUYỄN LÊ LA SƠN

## **Một chiều trên quê hương ghé thăm Triều Uyên Phụng**

Nhân dịp về thăm gia đình, mỗi lần ghé ngang góc Sương Nguyệt Anh - Cách Mạng Tháng 8 (Lê Văn Duyệt cũ), là bắt gặp hình ảnh Triều Uyên Phụng đang ngồi chênh mảng dưới cặp kính cận nặng nề hơn 15 diop, trưng bày bản vẽ số lựa thừa vài chục cặp được nằm im lặng một cách hững hờ. Còn nhà thơ thì loay hoay, suy tư rồi cặm cụi viết những suy tưởng vừa bắt chộp được. Cái mưu sinh được cập nhật lảng đãng bên cuộc sống tinh thần của Triều Uyên Phụng, hình như là hình ảnh chân thật nhất của anh. Anh luôn làm thơ bằng tất cả thời gian bất chợt, giữa bốn bề thế sự chộn rộn ngược xuôi giữa chợ đời. Chính vậy, thơ Triều Uyên Phụng phần đông nằm vào cái so sánh chan hòa giữa ngựa xe và thân phận. Thơ anh như đi vào hiện thực nhiều hơn là cái lãng mạn của tâm hồn và thi ca:

*Bình sinh tôi no cơm*

*Đôi khi đến ảm cật*

*Bỗng dưng tôi lật đật*

*Nhào lộn giữa đời thường*

Bi đát của một con người gần như trắng tay, không còn sức lao động cật lực như người thường, nhưng cuộc sống trôi tấp tểp vẫn được anh kéo lại bằng những hơi sức tàn kiệt. Cái dũng mãnh của người thơ khiến anh tự trọng, chung quanh cuộc sống được anh xây dựng bằng tâm huyết và hơi thở. Thỉnh thoảng những lần tôi thả xe chạy ngang chỗ ngồi cố định của Triều Uyên Phụng ở góc đường này, đều đến chào và yểm trợ anh vài tấm vé số, sau khi hàn huyên cùng anh bên ly cà phê mang đầy hơi hả của phố chợ. Cái hồn nhiên trong nụ cười, và cái hóm hỉnh trong đàm thoại của Triều Uyên Phụng, thật ra chỉ là một xã giao tương ngộ với anh em. Bởi thơ anh phát tiết từ những đau thương cuộc sống, nên không bao giờ tôi bắt gặp những sự yên lặng tĩnh tọa của một tâm hồn thi ca như Triều Uyên Phụng, mà những đau đớn dần xé đều được anh dồn

nén trên lễ đường này hằng ngày hằng tháng, được phô diễn trong thơ như chỉ dành riêng cho anh một tâm sự độc thoại:

*Áo com tôi nặng nợ nhiều ngày*

*Cả tình ái tôi còn vay mượn*

*Không lý gì tôi bung ngã xuống*

*Để đời người lớn tiếng chê bai.*

Phải chăng cái *khí* của thi ca đã làm anh gương lại được vững vàng tâm thức, mà *vịn lại cuộc đời* bước lên đường lớn mà đi. Mặc dù, tất cả phía trước, tất cả hiện tại... không có gì bảo đảm cho anh thấy một hy vọng để bám víu vào một kiếp người trôi dạt, lênh bênh trên sóng nước cô đơn, chỉ hy vọng chiếc phao con để nắm níu sinh tồn. Triều Uyên Phượng không than vãn với bằng hữu, cái cười thanh thoát hồn nhiên với mọi người chỉ là những bất chợt, nhưng cũng thực tình của anh đối ngộ cùng năm tháng với cuộc đời. Thật ra, tâm thức đầy rẫy nỗi ngơ ngác, trống trước hụt sau, và hiện tại vẫn là con số không như anh trầm ngâm với nỗi suy tư ưu trầm:

*Những ngày mưa gió bão trong tôi*

*Thổi con giông tưởng chừng rụng tóc*

*Có một điều tôi không tin được*

*Đời tôi trốc gốc bởi bụi mù*

Nợ cuộc đời, nợ áo com, nợ bằng hữu vẫn được anh canh cánh trong lòng. Mà sự vay trả đều được anh sòng phẳng mang đầy trong tâm trạng của một người làm thơ, ân huệ giao ngộ cho hồn được thoát ra những tiếng thở, nhẹ nhàng tâm thức trước những khổ hạnh mà ngày tháng đổ ụp xuống vai gầy:

*Như kẻ làm đánh rơi chiếc đĩa kiêu*

*Tôi khó lòng hàn gắn lại đời mình*

Và đành:

*Tôi sống nốt những tháng ngày bận bịu*

*Và ngắm hoài*

*Hạnh phúc đến lặng thinh*

Triều Uyên Phượng được tin yêu của các bạn văn nghệ đồng song, thỉnh thoảng các nhà thơ, nhà văn tạt ngang, trao đổi với anh một chút tình về cuộc sống, rồi đèo nhau đi xóa bớt nỗi cùng cực đang đeo bám lưng anh suốt năm tháng bị thương, mà có lúc Triều Uyên Phượng chỉ biết phát biểu trong cô đơn:

*Cũng chỉ cảm bằng ôm hơi thở*

*Thở ra dài sọc đến muôn năm*

Hôm ngồi với Huỳnh Phan Anh, sau khi bè bạn chung nhau

mua hết bàn vé số của anh, chỉ vài chục tờ lưạ thừa như cuộc đời, rồi một con húng chí anh viết lên tờ giấy rời của bao thuốc lá:

*TỨ TUYỆT CHO CHÀNG*

*Tặng Huỳnh Phan Anh*

*Ngồi quán cóc uống rượu dấm bèo*

*Đường Tú Xương dạt dào thiếu nữ*

*Ta tưởng ngàn năm ngồi trong sử*

*Cổ lai chỉ hóa bướm vờn thôi*

Ít nhất, Triều Uyên Phụng vẫn sống với thơ, với cơn thi hứng bất chợt đậu xuống hồn nhà thơ, làm trong lành tinh khiết não cân của một con người, dù đang là một *con người khốn khổ* như văn hào Victor Hugo trang trải tấm lòng với nhân thế hơn trăm năm trước.

Triều Uyên Phụng vẫn là một nhà thơ, kiêu hùng, vững chãi sống như loài sen hồng trong những tan hoang sụp đổ của bốn bề cuộc sống và nhân cách...

*Đầu thiên niên kỷ XX*

# Thơ TRIỀU UYÊN PHƯƠNG

(Sưu tầm)

## Trước 1975

### **Đêm**

Một con ốc nằm lẫn trong tâm hồn chàng  
Chàng tưởng rằng đời mình bị rút tia  
Nên ngậm tấm buồn  
Đêm thì đen như chàng  
Vỏ ốc thì cứng  
Chàng thì thờ ra thờ ra hoài

Nhìn bầu trời chàng nghĩ mình là cơn lốc  
Một cơn lốc bay trong vô vọng  
Và nàng ở sau lưng bụng kín nỗi buồn chàng  
Bằng đôi cánh đen

Chim đã cao thời gian đã lớn  
Hãy nhìn tận mặt chàng  
Tận mặt tâm hồn chàng và chiếc vỏ ốc  
Những sợi râu của đêm  
Dài ra hơn nữa.

(Văn số 25, phát hành 1-1-1965. Số đặc biệt Đề nhất chu niên)

### **NGÀY**

Nàng tự ve vuốt khắp cùng thân thể rồi mọc cánh bay lên  
Những khoảng trời ở trước  
dầu mặt nàng trong đó.

Đó mặt trời, nàng vẫn nhủ thầm:  
Một ngày nào đó nàng sẽ sáng rõ như mặt trời  
Sáng rõ trên cao  
bất diệt

.....  
Buổi chiều đã qua và ngày đã hết  
Nàng co vai  
chạy một mình trên cánh đồng  
Những tiếng tù và liên hồi  
réo gọi nàng trở về.

\*\*\*

Ôi, em ôi nàng không còn nữa ? !

(Văn số 30 ngày 15-3-1965)

### **Buổi sáng**

Tách cà phê đen  
Vũng bùn buổi sáng  
Tôi ngồi chưa quen.

Bên này nóc phố  
Cuộc đời nhô lên  
Một mặt trời đỏ.

Bây giờ ở đó  
Tiếng cười sớm hôm  
Thưa dần tuổi nhỏ.

Tôi nhìn tôi luôn...

1965

### **Trước khi đi lính**

Em yêu hãy hôn anh một lần trước khi anh đi lính  
giữa thời đại chiến tranh cái gì cũng vội vã hết  
phải không em  
nhưng nhớ hôn anh một lần này thôi  
vì không chừng anh sẽ ra đi  
hoặc trong mười năm mười lăm năm

hay vĩnh viễn  
Bây giờ anh còn tay bây giờ anh còn chân bây giờ anh còn mắt  
bây giờ anh chưa đui mù chưa câm điếc chưa què quặt  
nhưng biết mai anh còn đủ không  
và cả trái tim anh nữa  
biết còn rung động  
hay im lìm  
ngừng đập.  
Nhiều lúc anh tự hỏi không biết chiến tranh để làm gì  
không biết để làm gì  
nhưng dù không biết để làm gì đi nữa  
hãy nhớ hôn anh một lần đi  
em nhé.

### **Bầy mối của chàng**

Chàng mãi loay hoay trí nhớ  
sao bầy mối cứ đùn lên hoài  
tội nghiệp cho tuổi trẻ chàng  
thật tội nghiệp hết sức.

Xin hãy nói dùm với bầy mối  
hãy kêu la dùm chàng  
hãy kêu la và hét  
bầy mối ơi bầy mối  
tội nghiệp hết sức.

Sao bầy mối cứ đùn trong trí nhớ chàng vậy  
ai làm ơn nói dùm với nàng  
Xin hãy buông tha chàng.

### **khi mãn cuộc**

Chàng ngồi xe ra đi và đốt thuốc  
Một đốm lửa lờ trong tay chàng  
Rồi vụt tắt  
Chàng thì thầm trong tay  
Đoạn khóc rất sỗ sàng

Điều thuốc dần tàn dần tàn trên môi  
Chàng thì buồn hơn lúc nào  
Những hơi thở lụn bại  
Kéo dài trong chàng từng cơn.

## **Sau 1975**

### **Làm xiếc trong thơ**

Tôi nhào xiếc ở trong thơ  
Bốn lăm năm đã không ngừng dài tay  
Lên rừng, leo núi, vờn mây  
Xuống biển giỡn sóng, đu bay ghẹo tình!  
Tôi có gần nửa đời mình  
Giữa trời gió lộng bóng hình trên người  
Làm thơ như thể reo cười  
Dù bão ngầm ở trong đời dậy lên...

Riết rồi tôi cũng thân quen  
Nhưng bài thơ xiếc tồn tại ru lòng

### **Đời sống trong thơ**

Vẫn tôi đời sống trong thơ  
Dường như đủ thứ chuyện trò nhân gian  
Vẫn tôi một kẻ đa mang  
Từ xưa nay toát ra ngàn nỗi yêu  
Vẫn tôi là gã sớm chiều  
Đi qua đường bộ thả điều lên mây...  
Vẫn tôi làm đứa áo bay  
Từng hôm sáng tôi mê say hồng trần.

Dù mình không có nợ nần  
Cớ chi vướng víu tâm thần vờn qua!

*Cuối tháng Giêng, 2005*

### **Nửa đời làm thơ**

Nửa đời tôi đã làm thơ  
Khó ai chạy kịp để đo số bài  
Tàng thư lưu trữ thật dày  
Hình như theo gió lượn bay phương nào!

Đã từng đùa giỡn trăng sao  
Trêu chị Hằng, ghẹo trời cao, bẹo tình...  
Như là thỏa thích lòng mình  
Dù tôi hứng chịu muôn nghìn đắng cay.

Ba sinh trong cõi đời này  
Riết quen ngỡ dần thân ngày đêm mơ  
Tình tang lắt lư bao giờ  
Có trong tôi một duyên hờ sớm khuya

Bây giờ chớ dám đem chia  
Với ai chung thủy để lia thơ tôi.

### **Tuyệt tình dưới mưa**

Tuyệt tình tôi hát, mưa bay  
Tôi đi trong gió ướt vai thân gầy  
Ngắm trong tôi nỗi buồn dài  
Mưa qua kẽ lá làm đầy tay hơn.

Như người xa xứ cô đơn  
Tôi soi bóng nước tôi ôm bóng mình  
Tuyệt tình tôi hát tuyệt tình  
Quên trong nỗi nhớ để nhìn hư không.

Lòng tôi nhả khói mênh mông  
Còn đây điều thuốc cuối cùng tắt đi  
Gió mưa cứ thế thâm thi  
Hát dùm tôi nỗi vâng vi đời mình.

### **Một mai tóc trắng**

Một mai tóc trắng đời mình  
Tôi đi lên núi tìm hình dáng xưa  
Một thời cận đại dưới mưa  
Ẩn trong sương khói lại vừa hiện ra

Một mai muối bạc tuổi già  
Dựng lên vách đá cái nhà không chân  
Cái tôi chẳng hiểu xa gần  
Miễn sao có được mấy tầng ngồi chơi.

Một mai đầu rối cả nùi  
Nhuộm phai nhan sắc sầu đời thời gian  
Tạc tôi bóng tượng y chang  
Để còn ngấm nốt thời gian hồng trần

Một mai tôi rất ân cần  
Có em bên suối khóa thân đứng nhìn  
Cho tôi còn được người tình  
Một mai tóc trắng đời mình ôm theo.

### **Tứ tuyệt cho chàng**

*Tặng Huỳnh Phan Anh*

Ngồi quán cóc uống rượu dầm bào  
Đường Tú Xương dạt dào thiếu nữ  
Ta tưởng ngàn năm ngồi trong sử  
Cổ lai chỉ hóa bướm vờn thôi.

1992

### **Nói với người tình giang hồ**

Ở chốn giang hồ em có biết  
Anh làm thơ như một người điên  
Thơ của anh giữa đời oan nghiệt  
Những dòng những chữ cứ quàng xiên.

### **Lời rao**

Không cửa không nhà không hộ khẩu  
Muốn tìm nơi tạm trú đời mình  
Bay suốt cuộc đời không chỗ đậu  
Làm mây viễn xứ sống linh đình

Tuổi bốn mươi không nghĩ là mình  
Đã đến lúc muốn dừng chân lại  
Bỗng một hôm nghe bàn chân trái  
Gió trở trời bãi hoai trong xương

Tôi nhận ra đến lúc cùn đường  
Tìm tri kỷ đem lòng nương tựa  
Tôi muốn có chỗ ngồi ghé dựa  
Cơm ngày ba bữa tạm đời tôi

Đề tôi đến có chỗ ngủ vùi  
Nằm ở một nơi nào cũng được  
Tôi cảm ơn một ai cứu chuộc  
Cho tôi nằm trên ngực ấm thân.

### **Thơ tình hoan hỷ**

Em như con kỳ nhông đổi màu  
Luôn thay sắc như người thay áo  
Tôi cả khoảng đời sục sạo  
Chạy tìm em rí máu bàn chân.

Đếm trong tôi nhịp thở mòn dần  
Đến khi gặp, em cười bằng mũi  
Tôi nhốt lại thơ tình đầy túi  
Gài nút khuy cho khỏi bay rơi.

Thôi đành về nhai tàn thuốc chơi  
Sống hoan hỷ một đời công cốc  
Chỉ còn lại thơ tình để đọc  
Lúc bạn bè tán dóc đưa hơi.  
1992

### **Dấu ấn xuyên tim**

Những mảnh đời vụt đến vụt đi  
Để lại tôi xuân thì kỷ niệm  
Như đánh dấu mỗi từng thời điểm  
Không mờ phai diễn biến của lòng.

Bây giờ tôi về ở Bình Long  
Nhớ một Sóc Trăng hồng ký ức  
Tôi đã có một thời hạnh phúc  
Nơi quê nhà từ lúc lớn lên.

Dấu ấn còn in đậm nét riêng  
Tất cả nằm như xuyên suốt vậy!  
Một hôm chợt nghe tiếng gà gáy  
Làm thơ tôi rộn lại nỗi niềm...

### **Sóc Trăng in dấu**

*Tặng các em thôn nữ quê nhà*

Tôi thích nghe giọng nói miền Tây  
Người dân quê có đầy chân chất  
Chỉ một điều là không mật ngọt  
Tôi nghe lòng vẫn mát vô song.

Đề bây giờ về ở miền Đông

Nhắc hoài Sóc Trăng trong nỗi nhớ  
Một thời đã sinh ra ở đó  
Biết làm thơ và đổ mộng đầu

Mấy mươi năm sương gió dãi dầu  
Dù tôi có áo màu phai bạc  
Bụi đời vẫn không làm tê nhạt  
Hay cho tôi dễ khác lòng lạnh!

Tuổi nhỏ còn lưu dấu tình anh  
Trong từng bài thơ xanh giữ lại  
Như kỷ niệm thuở nào xa ngái  
Giọng nói người con gái Sóc Trăng...

### **QUÁN NGHÈO**

quán nghèo hỡi, quán nghèo ơi!  
không tàn che nắng đội trời dưới mưa  
đón người lang bạt về trưa  
bạn quen sớm tối vẫn chưa muốn rời  
quán nghèo, không, vẫn giàu thôi!  
bởi chung tình nghĩa sinh đôi tấm lòng  
dầu cho ở tận thâm cùng  
bạn hiền lui tới, vui không thấy nghèo!

\* Sài Gòn, kỷ niệm thời bán quán cóc.

# TRANG LUÂN

## C O N D Ố C

**¶...Hãy cố quên để mà sống. Quên đi cái con dốc trơn trượt, thẳng đứng mà anh vừa đi qua. Cái con dốc đã để lại ở trong anh cả nỗi tê buốt triền miên, bất tận...**

Có ánh đèn quét vào từ bên ngoài. Qua cửa kính, Niệm có thể nhìn thấy được chiếc xe nhà quen thuộc vừa đậu lại ở ngoài sân. Đèn tắt. Cánh cửa xích mở, bật thành tiếng động nhẹ. Thụy khom người, uể oải bước ra, mảnh khảnh trong chiếc váy cũn cùn màu đỏ thẫm, gợi cho anh chợt nhớ đến thân cây gầy guộc, khẳng khiu, đứng lẻ loi, ủ rũ tại góc đường vắng vẻ nào đó, mà anh thường trông thấy vào những lần lái xe đến sở. Niệm cố rít hơi thuốc cay xé xuống buồng phổi, rồi ngửa cổ thở mạnh lên trần nhà. Từng lọn khói no tròn, mềm mại tỏa ra, uốn éo trong giấy lát, rồi tuần tự tan biến vào khoảng không gian mờ ảo trước mặt. Anh cất giọng lầm bầm: *“Gần hai giờ sáng rồi còn gì nữa! Còn đứa con gái yêu quý vẫn chưa thấy tăm hơi gì!”*

Ngán ngẫm, Niệm buông nhẹ lên tiếng thở dài. Đời sống ở Mỹ là thế đấy. Tuần nào cũng hẹn hò. Tuần nào cũng họp mặt. Tuần nào mà chẳng có sinh nhật. Hết sinh nhật rồi lại xoay qua kỷ niệm ngày cưới. Và cứ thế, tiếp nối từ tuần này

sang tuần khác.

*“Có hợp mặt là phải có nhảy nhót. Ăn uống chỉ là phụ thuộc mà chủ yếu là khiếu vũ. Ở đây, bây giờ ai cũng đua nhau học nhảy đầm. Trước kia, hồi mới sang, còn phải đầu tắt, mặt tối để vật lộn với cuộc sống. Còn bây giờ thì mọi việc đều ổn định, con cái đều lớn khôn, trưởng thành, tất nhiên cuộc sống có vẻ thanh thoi, nhàn hạ hơn trước. Vì thế, mới để ra chuyện này, chuyện khác. Chẳng cứ gì bọn trẻ lớn lên ở bên đây, mà ngay đến mấy người già cũng còn mê nữa là đằng khác. Họ còn lập luận cho rằng: Nhảy đầm chẳng những là một nghệ thuật, mà còn là môn thể thao rất hữu ích cho đời sống của con người. Anh không thấy đâu, nhiều ông già, bà cả còn mùi mẫn, mê mẩn trong những điệu slow tình tứ, chậm chạp, uớt át. Mấy cụ còn nhảy múaót lăm, quỵên xoắn vào nhau, quay tít trong những điệu luân vũ cuồng nhiệt nữa là đằng khác.”*

Đây là lời của anh bạn làm chung sở nói với Niệm như thế. Cuối tuần, căn nhà chỉ còn trơ lại mình anh, cô quạnh với nỗi trống vắng, bủa vây, kín mít ở chung quanh. Nó chẳng khác nào như ngôi nhà mồ vuông vức, chôn nhốt anh lặng câm với nỗi xót xa, giày vò, ngổn ngang ở tâm thức. Trước đây, hồi còn ở quê nhà, anh cứ nôn nao, mơ màng đến hai chữ hạnh phúc. Từ ngữ ấy được anh thêm dệt, chải chuốt, phác họa, đánh bóng bằng các đường nét rực rỡ, sống động vào chuỗi ngày tháng đang đến ở trước mặt. Anh nhớ tới cái cảm giác rộn ràng, háo hức, khi anh vừa mới chui ra khỏi chiếc máy bay, ngõ ngàng trước vùng đất mới mẻ, xa lạ, hào nhoáng này. Thú thật, hôm đó anh cảm động vô cùng. Cảm động về những cử chỉ vuốt ve, ân cần. Những lời nói dịu dàng, ngọt ngào mà Thụy đã rót nhẹ bên tai anh....Thì ra, tất cả đều là giả dối. Nó chẳng khác nào như vở kịch tâm lý, xã hội, mà anh vẫn thường thấy nhan nhản trên hệ thống truyền hình vào những buổi chiều thứ bảy. Tức bực, anh bật nhẹ lên tiếng cười khẩy. Hạnh phúc! Thế nào là hạnh phúc! Hạnh phúc nghe sao mà mĩa mai, chua chát ở trên môi! Hạnh phúc chẳng đâu thấy, mà chỉ thấy toàn là những cãi vã, những ngọt nhạt chồng chất, thai nghén, tích lũy vào chuỗi ngày tháng buồn phiền, tẻ nhạt, xám ngắt. Đời sống càng ngày càng trở nên căng thẳng, bế tắc, trước những mâu thuẫn trái chiều này, tiếp nối đến các nứt rạn ê chề khác. Lắm khi anh tự hỏi: “Tại sao mình vẫn còn lưu lại ở chốn này để làm gì! Hãy dứt khoát, đoạn tuyệt với những gì ở hôm nay,

và hãy quên đi cái khoảng trời ngà ngọc, mượt mà ở dĩ vãng. Cái gì của dĩ vãng thì hãy trả về cho dĩ vãng. Phải can đảm, mạnh dạn bước ra khỏi căn nhà tù túng, phiền toái này.” Chán nản, anh dập vùi điếu thuốc còn hút dở vào cái gạt tàn đặt ở gần đây.

Có tiếng kêu lách cách của chìa khóa tra vào ổ. Tiếng động khô khan của cánh cửa bật mở ra, rồi từ từ khép lại. Thụy kên kieu bước vào. Gương mặt nàng trở nên cau có, khó chịu. Đảo mắt nhìn từ trong ra ngoài, nàng giờ giọng gay gắt: “Hình như anh mới hút thuốc thì phải!”

Niệm gật đầu. Thụy quay sang trách móc: “Tôi đã nói với anh nhiều lần rồi. Nhà ở Mỹ thì không giống như bên Việt Nam. Không phải tôi cấm đoán gì anh! Nhưng tôi chỉ xin anh có mỗi một điều, nếu anh có hút, thì làm ơn ra ngoài hút dùm tôi! Hoặc giả, nếu anh không nghĩ cho bản thân anh, thì anh cũng phải nghĩ đến cho mẹ con tôi chứ!”

Ngẫm nghĩ giây lát, nàng chép miệng đề nghị: “Hay anh tập cai thuốc đi! Tôi thấy hút thuốc đâu có lợi lộc gì! Ngược lại, nó còn có hại nữa là đằng khác! Anh nên nghe tôi đi! Theo thống kê, trên đất Mỹ, hằng năm có biết bao nhiêu người đã mắc phải chứng bệnh ung thư phổi ngạt ngào, quái ác, mà nguyên nhân chính, cũng chỉ vì hút thuốc mà ra. Người ta ví thuốc lá chẳng khác nào như lưỡi hái của tử thần, đã cướp đi biết bao nhiêu mạng sống của con người.”

Niệm trầm ngâm, lăm lăm không nói. Thuốc lá chẳng khác nào như người bạn tri kỷ, thân thiết, gắn bó với anh từ ngày nào đến giờ. Anh đón nhận nó như nguồn an ủi duy nhất trong đời sống tẻ nhạt, phiền toái này. Sự hiện diện của nó là một điều cần thiết đối với anh. Thiếu nó, anh cảm thấy cuộc đời trống trải và vô nghĩa. Vì thế, anh chưa bao giờ có ý định từ bỏ, rời xa nó! Nếu phải rời xa, thì đó chính là căn nhà lạnh lẽo, hờ hững này. Căn nhà mà ai nấy lúc nào cũng tỏ ra lạnh nhạt, lãnh đạm, cầm nín một cách đáng sợ, khó hiểu. Nó chẳng khác nào như ngôi nhà tù kín mít, làm hao mòn, giày xéo lên thể xác anh từ năm này sang năm khác. Niệm ngược lên khăn khăn:

“Anh muốn nói chuyện với em!”

Thụy cúi xuống tháo chiếc giày, giọng nàng trở nên lạnh lùng:

“Chuyện gì vậy? Có quan trọng lắm không?”

Niệm nói luôn:

“Chuyện liên quan đến chúng mình.”

“Ý của anh là muốn nói về con chứ gì! Trước đây tôi từng nói với anh: Dù sao đi chăng nữa thì Lisa cũng đã tới tuổi lớn khôn rồi. Nó chẳng còn bé bỏng gì! Hai mươi một, hai mươi hai tuổi đầu rồi còn gì nữa! Chính vì thế, nó có cuộc sống riêng tư của nó. Và lại, nó được lớn lên và trưởng thành ở bên đây, nên nếp sống Mỹ đã thấm sâu vào cơ thể nó, cũng giống như con suối chảy bất tận, luân lưu vào năm tháng. Chúng ta không thể ngăn cấm nó như ở bên Việt Nam được.”

Ngừng lại để thấm giọng, sau đó nàng tiếp tục:

“Đối với đời sống ở bên đây, thì như anh cũng biết, lúc nào cũng bận rộn, lúc nào cũng phải hối hả, chạy đua với thời gian để bươn chải với cuộc sống. Con người chẳng khác nào như cái máy. Buổi sáng, nghe alarm báo thức, lập tức ngồi bật dậy, hấp tấp chui vào phòng rửa mặt để làm công việc vệ sinh. Xong đâu đấy, thay quần áo, ăn qua loa vài lát bánh mì, uống vội ly cà phê rồi hối hả chạy ra xe để đi làm. Cuộc sống cứ tiếp nối từ năm này sang đến tháng nọ. Đầu óc lúc nào cũng bị chi phối nặng nề. Một tuần lễ thì năm ngày vui đầu ở trong sở. Vồn vắn, chỉ còn lại có hai ngày cuối tuần để ngồi nghỉ cho đầu óc tạm thời lắng xuống được đôi chút. Chúng ta không thể sống hạn hẹp, thu mình trong bốn bức tường kín mít, vuông vức này. Chúng ta cần phải có bạn bè, bởi vì bạn bè là nguồn hy vọng, là hơi thở, là mạch sống, có tác dụng an ủi cho chúng ta bớt đi được phần nổi tẻ nhạt, se sắt trong đời sống. Họ thôi nguồn sinh lực dồi dào đến cho mẹ con tôi, để từ đó tôi phần đầu vươn lên. Giả sử, nếu không có họ, thì thử hỏi, mẹ con tôi có còn tồn tại cho đến ngày hôm nay được không? Tôi để ý, cứ mỗi lần nhắc đến họ, thì y như anh lại tỏ vẻ khó chịu, hoặc đôi khi có người nào tạt ngang qua đây, tôi thấy anh lộ sắc mặt không vui, hoặc tỏ ra có thái độ khinh khỉnh đối với họ! Anh đâu có biết rằng đây chính là điều làm cho tôi đau lòng vô cùng. Đau lòng! Bởi vì họ là chỗ dựa hữu, thân tình. Đau lòng! Bởi vì thái độ thiếu tế nhị, thiếu nhã nhặn, không lịch sự trong vấn đề giao tế ở nơi anh.”

Niệm khoát tay ra dấu cho Thụy ngừng lại. Anh cất giọng khàn khàn:

“Anh công nhận, anh có nhiều thiếu sót trong vấn đề này.”

Niệm ngừng lại vài giây. Lát sau, anh từ tốn:

“Có một điều mà chúng ta phải nhìn nhận rằng: Ngay trong cuộc sống hằng ngày, giữa chúng ta đã mất hẳn đi cái thế thăng bằng, hay nói một cách khác, chúng ta đang đứng trước giai đoạn xáo trộn về tình cảm. Lúc nào chúng ta cũng bị ngăn cách bởi một cái hố sâu hun hút nằm lì lợm chắn ngang ở chính giữa. Cái hố ấy bắt nguồn từ các mâu thuẫn, những bất đồng triền miên để rồi dẫn đến sự khủng hoảng trầm trọng trong đời sống hiện tại của chúng mình. Nguyên nhân chính đưa tới những vụ cãi vã, xung đột nổi trên cũng tại ở nơi anh mà ra! Tất cả đều do anh gây ra hết! Cũng chỉ vì cái quan niệm bảo thủ, lỗi thời! Cái mặc cảm thua thiệt của một kẻ sang sau, đến muộn. Cái mặc cảm ấy cứ lở loét, bành trướng ở trong anh từ ngày này sang đến ngày khác. Chưa khi nào anh cảm thấy được hai chữ bình an hiện lên ở nội tâm! Lúc nào anh cũng thấy xốn xang. Lúc nào anh cũng đâm ra nghi ngờ với tất cả mọi người ở chung quanh. Đôi khi, anh có cảm tưởng, hình như anh đang nằm trong thời kỳ rối loạn trầm trọng về tâm lý. Nhưng có điều là chưa khi nào anh phủ nhận về những gì mà em đã từng nói với anh! Những lý lẽ, những kinh nghiệm trên mảnh đất tạm dung này. Tất cả đều đúng! Hoàn toàn đúng! Anh đồng ý với em về những điểm đó. Nhưng câu chuyện mà anh muốn nói với em hôm nay, không phải là đề cập đến con cái, hoặc có sự tranh luận, bàn cãi về bất cứ vấn đề nào khác, mà trọng tâm, mấu chốt là một đề nghị, đề từ đây có sự thỏa thuận giữa đôi bên, hầu đưa ra giải pháp êm đẹp cho mỗi người trong chúng ta. Anh muốn đưa ra giải pháp ôn hòa mà anh đã dự tính từ lâu, nhằm mục đích giải tỏa, xả thông mọi tắc nghẽn trong đời sống của chúng mình.”

Thụy ra dấu cho anh ngừng lại. Nàng tỏ vẻ khó chịu.

“Nếu tôi nhớ không lầm, thì đây chẳng phải là lần đầu tiên mà anh đề cập với tôi về vấn đề này. Anh thử nhớ lại xem! Đến cả mấy chục lần rồi còn gì nữa! Tôi đã nghe ù tai lắm rồi.”

“Nhưng lần này thì khác biệt với các lần trước!”

“Khác gì thì cũng để đến sáng mai. Sáng mai là chủ nhật. Tha hồ mà nói. Bây giờ tôi mệt lắm rồi. Hơn hai giờ sáng rồi còn gì nữa!”

Nói xong, Thụy ngoe nguẩy đi vào bên trong. Tới cửa phòng, nàng còn ngoái lại buông tiếng:

“Còn con quỉ cái nữa! Giờ này mà vẫn chưa chịu ngủ về!”

T hấm thoát mà thời gian đi qua đã ba năm. Ba năm để lại ở trong anh được những gì! Ba năm tính từ ngày anh lững thững, ngờ ngàng bước vào thành phố này. Ba năm cũng đủ cho anh thấy được những sự kiện đã và đang xảy ra ở tại nơi đây. Về mối tình vụng trộm, lén lút mà Thụy đã nhen nhúm từ lâu. Những ơn nghĩa sâu đậm mà người đàn ông xa lạ đã dành cho Thụy trong suốt thời gian ở quá khứ. Niệm nhần mặt thờ dài.

*“Trước đây hai người gần như công khai thì đúng hơn. Họ xuất hiện trong các buổi dạ vũ, sinh nhật. Những buổi họp mặt, picnic ngoài trời. Đi đâu cũng đều thấy họ. Họ gần bó, thấm thiết với nhau chẳng khác nào như vợ chồng. Nhưng, kể từ khi có sự hiện diện của anh, thì vấn đề đi lại không còn ngang nhiên như trước kia nữa! Tất cả đều hạn chế và họ hẹn hò lén lút với nhau tại địa điểm bí mật nào đó.”*

Niệm biết điều ấy. Dù sao đi chăng nữa thì Thụy vẫn còn quá trẻ. Hai mươi ba tuổi, nằng đặt chân đến Mỹ với nỗi hoang mang và giao động. Hai mươi ba tuổi với hai bàn tay trắng cùng đứa con gái còn nhỏ dại ở trên tay. Vì thế, nằng cần có sự che chở, giúp đỡ của bất cứ người đàn ông nào khác. Niệm thông cảm và sẵn sàng tha thứ tất cả. Tha thứ, nhưng phải có thái độ thành khẩn, dứt khoát ở trong đó. Anh cho đây là một sự lầm lỡ thì đúng hơn. Một sự lầm lỡ đáng thương cho bất cứ người đàn bà nào sống đơn độc, lạc lõng tại vùng đất xa lạ này. Nhưng có điều, hiện giờ hai người vẫn còn lén lút, hẹn hò với nhau vào những buổi gặp mặt cuối tuần! Hoặc giả, nếu cảm thấy hai chữ *hạnh phúc* bị lung lay, thì tại sao Thụy không mạnh dạn nói với anh:

“Chúng mình nên chia tay thì hay hơn. Bởi vì trong thời gian xa cách anh, tôi đã chung đụng với người đàn ông xa lạ khác. Người đàn ông mà tôi nhận thấy, hơn hẳn anh về tất cả mọi phương diện. Người đàn ông ấy mới chính là mẫu người lý tưởng mà tôi hằng mong ước từ lâu. Tôi thiết nghĩ rằng, nếu không có ông ta thì làm sao mà mẹ con tôi có thể vươn lên và tồn tại cho đến ngày hôm nay! Tôi mong rằng, anh thông cảm cho tôi.”

Sao Thụy lại không dám nói với anh như thế! Cứ thẳng thắn ngồi xuống để giải quyết dứt khoát mọi khúc mắc, ứ đọng trong đời sống tình cảm, để từ đó, ai nấy tự xoay lưng, đi tìm

phương hướng mới thích hợp cho đời mình. Niệm nghĩ, đã đến lúc mà anh phải bước ra khỏi cái căn nhà ngột ngạt, tù túng này. Căn nhà mà hằng ngày Niệm phải đối diện với hai khuôn mặt lạnh lùng, cùng những cử chỉ hằn học diễn ra thường xuyên và liên tục.

Chẳng hiểu sao dạo này Niệm thường hay mơ thấy những điều quái dị! Anh mơ thấy những đàn sói hung tợn đang xông xộc đuổi nhau vào đêm tối trời thanh vắng. Những khuôn mặt dị hợm, xa lạ. Những thành quách đổ nát, điêu tàn cùng các xác người nằm ngổn ngang, phơi thây trên trận địa. Mới đây, Niệm mơ thấy mình đang loay hoay, ngụp lặn trong cơn thác lũ cuồng bạo, hung hãn. Chung quanh anh, chỉ thấy toàn màu nước đục ngầu, âm âm chảy xiết. Luống cuống, anh cố sức rướn người ngoi lên, quơ tay, khan giọng gọi cầu cứu. Trong khi đó, Thụy vẫn thản nhiên đứng ở gần đấy, mặc cho con nước cuộn cuộn, đầy xô, cuốn trôi anh về hướng đồi núi gập ghềnh phía trước. Thất vọng, anh xuôi tay, nhắm mắt, mặc cho thân xác từ từ chìm xuống... Hoảng hốt, anh giật mình bừng tỉnh thức, ngơ ngác nhìn sang hai bên. Thì ra đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ hãi hùng vẫn còn phảng phất ở trong anh cái cảm giác bàng hoàng, sợ sệt hiện rõ lên khuôn mặt.

Niệm đem ý nghĩ về thân phận, về cuộc đời, về chuỗi ngày tháng tẻ nhạt, cô quạnh, về nỗi ray rứt, chán chường, dẫn vật chất đông ở tâm tư. Đôi khi anh muốn hét lên một tiếng thật to để voi đi được phần nào nỗi uất nghẹn đương bủa vây kín mít ở trong anh hiện giờ. Bên ngoài, trời bắt đầu trở gió. Có tiếng sấm gầm gừ vọng lại từ đằng xa, kéo theo những tia chớp lập lòe, lóe lên rồi vụt tắt, và cứ thế, liên tục, như báo hiệu cơn mưa đầu mùa sắp kéo tới. Mưa cho hạt giống nảy mầm, tăng trưởng. Mưa làm ơn cuốn trôi đi mọi rác rưởi nhơ nhớp, phiền toái ở tại đời sống này. *Hãy cố quên đi để mà sống!* Niệm vẫn thường nói thầm với chính mình như vậy. Quên đi cái dĩ vãng đẹp đẽ của một thời còn son trẻ. Cái dĩ vãng ngọt mà ấy đã chìm theo hư vô của tháng năm, mà hiện tại, chỉ thấy toàn là những đổ nát, những nhục nhằn, cay đắng, nằm tênh hênh, giễu cợt trong đời sống gượng ép, tạm bợ, tro trên này. Niệm không biết, rồi đây nó sẽ còn đeo đẳng đi theo anh cho đến chừng nào nữa! Một khi mà hai bàn tay anh tự động buông xuôi và đôi mắt lơ lơ khép kín lại. Tới lúc đó, mọi xót xa,

muộn phiền mới chịu lìa xa anh. Niệm thả niềm suy tư về với gia đình. Người cha già đứng tựa cửa, héo hắt chờ trông. Đứa em gái quay quắt, xơ xác, tảo tần trong cuộc sống. Nghĩ đến đây, tự nhiên anh thấy tim mình se thắt, buồn vô hạn.

Niệm liên tưởng đến cái cảm giác bồi hồi, nôn nao trước đây. Cái cảm giác sung sướng tột cùng, sau bao nhiêu năm tháng mòn mỏi gặp lại. Thụy đón anh bằng cử chỉ vồn vã cùng nụ cười khòa lấp, che giấu ở trên môi. Đứa con gái đứng bên cạnh, ngơ ngàng nhìn anh bằng cặp mắt ngây ngô xa lạ. Thấy vậy, Thụy lên tiếng giục:

“Chào bố đi con!”

Đứa con gái cao lớn, đầy đà, nhón nụ cười tự nhiên:

“Hi! Daddy!”

Lúng túng, Niệm ngập ngừng trong giây lát rồi im bặt. Mãi sau, anh mới quay sang Thụy:

“Nếu không có em, thì làm sao mà cha con có thể nhận ra nhau được! Anh thật sự không ngờ! Mới ngày nào còn bồng bế ở trên tay, mà giờ đây nó đã nghiễm nhiên trở thành một thiếu nữ chững chạc, duyên dáng. Thế mới biết thời gian đi qua đời người chẳng khác nào như giấc chiêm bao. Rốt cuộc, chả mấy chốc....”

Niệm bỏ lửng câu nói tại đây. Anh ném tầm mắt nhìn mông lung ra bên ngoài. Tuyết trải đầy một màu trắng xóa, gợi cho anh liên tưởng đến Nha Trang, đến dải cát mịn màng bất tận, đến mọi kỷ niệm ban đầu còn chôn chặt ở nơi đây. Lần đầu tiên anh thấy tuyết. Tuyết gây cho anh cảm giác nhẹ nhàng, lâng lâng. Thụy thở thè bên tai anh:

“Anh trông gầy và già đi rất nhiều.”

Niệm chậm rãi nói vừa đủ nghe:

“Mười tám năm rồi còn gì nữa! Mười tám năm với biết bao nhiêu bão táp, sóng gió thổi tấp vào cuộc đời. Mười tám năm còn đọng lại ở trong ta được những gì! Đắng cay và tủi nhục. Mười tám năm nhìn lại, thấy đời mình chập chững bước vào tuổi hoàng hôn. Mười tám năm anh cứ ngỡ là chẳng khi nào còn có dịp gặp lại! Chính vì thế, anh chưa khi nào nghĩ đến hai chữ *“trùng phùng!”* Nhưng có một điều là chúng ta không khi nào nghĩ được chữ ngờ ở trong đó, phải không em? Nói tóm lại, tất cả mọi sự việc ở trên đời này đều nằm trong sự an bài, sắp xếp của thượng đế. Chúng ta hãy cảm tạ ngài, về những gì mà ngài đã ban cho chúng ta trong suốt thời gian vừa qua. Bây

giờ, thì vợ chồng mình đang bước vào chặng đường mới của cuộc đời còn lại.”

Thú thật, hôm ấy anh xúc động vô ngần. Chớp mắt mà mười tám năm đi qua đời người như dấu chim vụt thoáng. Mười tám năm mà anh cứ ngỡ như nó mới vừa xảy ra hôm qua. Mới ngày nào, nhân dân miền Nam đều hoảng hốt, ngơ ngác, lo sợ trước giây phút nghẹt thở, hấp hối của lịch sử. Người ta mô tả về cảnh hỗn loạn đang diễn ra ở thành phố Sài Gòn. Từng đoàn người lũ lượt, hốt hải, chen chúc nhau, chạy đồ xô về hướng tòa đại sứ Mỹ. Từng chuyến trực thăng vội vã bốc lên, đem theo những giọt nước mắt ngậm ngùi của đoàn người di tản. Nghĩ đến đây, tự nhiên anh thấy gợn nhàn lên nỗi buồn ngùi, chua xót. Bất chợt, anh buông nhẹ lên tiếng thở dài. Đẽ phá tan bầu không khí u uất đó, Thụy nhỏ nhẹ:

“Không phải, con nó không biết nói tiếng Việt! Nó biết, nhưng rất hạn chế. Mở miệng ra thì chẳng khác nào như đứa trẻ lên ba mới bập bẹ tập nói. Rặn mãi mới nghĩ ra được một câu. Hơn nữa, nó sắp xếp câu văn lại không được mạch lạc, thứ tự. Cứ mỗi lần nghe nó nói, thì lại khiến cho em phải phì cười. Nó bị quê độ mấy lần, nên từ đây nó hầu như không dùng đến tiếng Việt nữa! Anh cũng thông cảm cho nó.”

Ngừng lại chốc lát, nàng cất giọng phân trần:

“Ở đây rất hiếm người Việt. Hơn nữa, nó lại chơi toàn với bạn Mỹ, nên ít khi sử dụng đến tiếng mẹ đẻ. Vì thế, nó rất ngại nói tiếng Việt. Và lại, hồi nó mới sang đây thì còn quá nhỏ. Một chữ tiếng Việt cũng không biết! Nó chỉ trông vào sự dạy dỗ, chỉ bảo của mẹ! Nhưng khôn nổi em đâu có thì giờ! Suốt ngày em phải đầu tắt mặt tối đi làm. Tối về mệt nhoài, lại còn phải dọn dẹp, nấu nướng, nên mẹ con đâu có thời gian chuyện trò với nhau! Anh sang đây rồi sẽ thấy. Lúc nào cũng tất bật. Lúc nào cũng vội vã, hấp tấp. Con người chẳng khác nào như cỗ máy chạy miệt mài từ năm này sang năm khác. Rồi đến một ngày nào đó, nó cũng phải hư hỏng và trở thành vô dụng. Tới khi ấy, thì chỉ có việc khiêng đi, đem vất vào khu phế thải hoang vắng, quanh quẽ. Ngược lại, con người thì cũng thế! Già rồi, con cái đâu có thì giờ săn sóc cho bố mẹ! Vì thế, chúng thường ký gửi vào các viện dưỡng lão, mà ở đây người ta thường gọi nó bằng cái từ là nursing home. Nghĩ đến tuổi già ở bên đây thì lại càng thấy tủi thân. Thôi! Đừng nhắc đến chuyện này nữa! Mình về nhà nghe anh!”

Niệm lẳng lẳng đi bên Thụy tiến ra bãi đậu xe. Chiều tím ngắt trên các hàng cây trụi, khẳng khiu. Những hàng cây thật thê thảm, tội nghiệp. Những hàng cây đưa anh vào nỗi buồn vô cớ, bất chợt. Anh co ro trước những cơn gió nhẹ nhàng thổi qua, kéo theo nỗi tê buốt, giá lạnh xâm nhập vào cơ thể. Niệm kéo cao cổ áo, khom mình chui vào bên trong. Mùa đông nơi xứ người sao mà lạnh lẽo, thê lương lạ!

Niệm đưa ly cà phê lên môi, nhấp một hớp nhỏ rồi mở cửa bước ra ngoài. Trời lơ mờ, lằng đằng, chưa sáng hẳn. Con mưa đã tạnh hạt từ lâu, có lẽ vào lúc anh còn say ngủ thì phải. Không khí thật im vắng lạ thường. Thứ im lặng cố hữu của buổi sáng chủ nhật. Người ta còn ngủ vùi trong đông chăn nệm. Người ta chưa muốn dậy sớm. Người ta muốn ngủ bù cho đêm hôm qua. Đêm thứ bảy ngуп lặn trong những bar rượu khuya khoắt, say khướt, mềm nhũn. Đầu óc ngầy ngật bởi cảnh sa cùng mùi nước hoa nồng nặc, quyến rũ. Niệm ngược mắt nhìn sang phía bên kia. Lác đác vài chiếc xe vừa chạy vụt qua, bỏ lại mây cụm khói đen ngòm, cùng chuỗi âm thanh hần học, giận dữ, rồi tuàn tụt nhỏ dần và mất hút ở mãi tận cuối đường. Niệm thấp lên điều thuốc. Hơi thuốc ngầy ngật đưa anh bồng bênh, nổi trôi về chân trời mướt mà ở quá khứ. Quá khứ của một thời còn trai trẻ, của những năm tháng khói lửa chiến tranh. Quá khứ của một người lính bình thường cũng giống như mọi người lính khác. Người lính gắn liền với vùng rừng núi trùng điệp biên giới. Người lính bất hạnh, kém may mắn ngay từ lúc mới vừa bước ra khỏi cái quân trường đổ mồ hôi, cho chiến trường bớt đổ máu. Những bài học tấn công còn đó. Những đội hình di chuyển cùng các nguyên tắc cơ bản để tìm điểm đứng trên bản đồ. Anh nhớ đến bài học vượt sông, đến ông huấn luyện viên già dặn, đứng tuổi, đến đoạn đường chiến binh ướt đầm mồ hôi, đến dây tử thần, tới sân bắn vào các buổi trưa hùng hục, oi bức. Nhớ bài học phục kích, nhớ loạt đạn mã tử nổ đi đệt, cùng những tiếng la xung phong của các toán ngụy trang làm giả địch. Anh vẫn nhớ và nhớ rõ tất cả. Chưa bao giờ anh quên! Mẫn khóa, anh bỏ lại tất cả ở sau lưng, lếch thếch, khăn gói ra trình diện đơn vị. Trận địa đón anh bằng những cơn mưa pháo long trời, lở đất. Những tràng đại liên réo

kinh hồn, bạt vía, trộn lẫn với những tiếng AK, tiếng tiểu liên, cùng những trái B40 tới tấp bay đến, nổ chát chúa, tung tóe, cày xới xuống phần đất mà đơn vị anh đương đóng. Có tiếng hô xung phong của địch quân dậy lên ở bên ngoài. Tiếng đạn réo vun vút ở trên đầu. Tiếng đại bác rít xoáy qua không gian, kèm theo tiếng kêu thất thanh của anh bạn nào đó bị trúng đạn, khiến cho toàn thân Niệm co rúm lại, quỳnh quáng, run rẩy vì sợ hãi. Đêm hòa châu rực sáng cùng những xác người nằm ngổn ngang, co quắp, bất động ở bên cạnh. Niệm nhắm mắt rùng mình. Cho đến giờ này, anh vẫn không quên được cái đêm tối trời của hai mươi mấy năm về trước! Cái đêm mà đơn vị anh phải dò dẫm, di chuyển dưới cơn mưa nặng hạt, ồ ạt như thác đổ! Trong khi đó, từng thảm bom cứ lạnh lùng, thần nhiên trút xuống, nổ kinh hoàng, liên tục, làm rung chuyển cả một góc rừng. Anh miên man nghĩ đến trận đánh Ben Hét. Trận đánh dai dẳng, kéo dài suốt hơn ba tháng trời. Ba tháng để lại ở trong thứ anh cảm giác mệt mỏi, rã rời. Bao nhiêu ngọn đồi sinh tử còn in hằn ở nơi đây. Về ngọn đồi 1294. Ngọn đồi máu với làn đỏ quân tảo bạo xuống đầu địch. Lần ấy thật kinh hãi vô cùng. Nó chẳng khác nào như chuyến đi của Kinh Kha đời nhà Tần. Rốt cuộc, anh cũng thoát chết trong trận đánh ấy, rồi trở về lại Tân Cảnh. Bao nhiêu bạn bè anh nằm rải rác, yên giấc trong khu rừng âm u, trùng điệp. Có những ngọn đồi mà bạn bè anh đã ngã xuống, ra đi mà đôi tay còn nắm chặt như biểu hiện nỗi uất hận ở trong đấy. Có những ngọn đồi mà người lính đã phải chết đến hai lần. Những người lính chết không toàn thây. Những người lính chết vạt vương nơi bìa rừng hiu quạnh. Nghĩ đến đây, tự nhiên anh thấy ngậm ngùi, xót xa, buồn se thắt.

**A**nh đến Nha Trang vào giữa lúc mà mọi người đều hân hoan, rạo rực chào đón mùa Giáng sinh bùng đến. Giáng sinh là mùa của thương yêu. Mùa của hy vọng. Giáng sinh tại thành phố miền biển dạt dào, êm đềm. Thành phố đi vào văn chương, đi vào âm nhạc. Giáng sinh, trong chuyến đi công tác, anh dừng chân tại nhà của một người bạn thân cùng đơn vị. Gã tên Triệu. Gã thường đề cập với anh về thành phố thơ mộng này, và ví nó chẳng khác nào như bức tranh lụa của miền thùy dương dạt dào cát trắng, cùng màu xanh hấp dẫn, quyến rũ của

biển.

“Tôi ước ao, nếu có dịp thuận tiện nào đó, tôi sẽ mời anh về ghé thăm quê tôi một chuyến.”

Đây là lời mà Triệu đã bộc lộ với anh, vào buổi trưa nắng gắt tại phi trường Plei Me, trong khi đơn vị anh đang có nhiệm vụ ứng chiến cho đơn vị bạn đương hành quân tảo thanh, lục soát ở quanh đây. Hấn còn khoe với anh:

“Tôi có cô em họ xuất thân từ nhà giáo. Cô ta tính tình thì hiền lành, nhu mì, mà nhan sắc cũng không đến nỗi tệ cho lắm. Yêu tuổi thơ, bằng đèn cùng lớp học. Thích âm nhạc và say mê tiểu thuyết. Biết đâu, anh lại hợp với cô bé này không biết chừng!”

Niệm nhớ mãi buổi tối gặp gỡ đầu tiên ấy. Trong không khí đậm nét của buổi họp mặt gia đình, Triệu đứng dậy, hướng tầm mắt về phía anh, rồi nói bằng một giọng hết sức trang trọng:

“Giới thiệu với anh: Đây là Thụy, cô em họ mà tôi thường nói với anh.”

Niệm lướt tầm mắt nhìn sang người con gái ngồi ở cuối bàn. Cô bé có khuôn mặt bầu bĩnh, khả ái. Mái tóc dài cùng đôi mắt no tròn, đen nhánh như hạt nhãn. Anh lịch sự:

“Chào cô.”

Quay sang Thụy, Triệu nhỏ nhẹ:

“Còn đây là anh Niệm, người bạn cùng đơn vị với anh.”

Thụy nhã nhặn:

“Hân hạnh được biết anh.”

Đêm hôm ấy, anh dự lễ cùng với gia đình Triệu tại nhà thờ chánh tòa. Tan lễ, hai người lang thang trên bãi biển cho đến khuya. Tiếng sóng biển dạt dào như ru ngủ. Trên cao, bầu trời mông mênh lạ, lấp lánh rừng sao đêm, lung linh như mời mọc, chào đón hai người. Thụy nói nhỏ bên tai anh:

“Thụy không biết sau khi từ giã khỏi nơi đây, trở lại vùng đất cay nghiệt mà anh đương sống, có khi nào anh nghĩ gì về buổi gặp gỡ này không anh?”

Niệm say sưa:

“Không khi nào tôi quên! Tôi sẽ đóng khung cái kỷ niệm cao quý này vào cái ô kéo đặc biệt ở ký ức.”

Thụy băng quơ nhìn ra xa:

“Anh có cảm nghĩ gì về Nha Trang?”

“Đẹp! Khó quên! Thành phố làm cho tôi có cảm giác bồi hồi, ngán ngời ở trong đấy.”

“Có khi nào anh nghĩ rằng: Rồi ngày nào đó, anh sẽ trở lại miền thùy dương này nữa không anh?”

“Có chứ! Đây là điều khẳng định, chắc chắn. Làm sao mà tôi có thể quên được! Bởi vì chính nơi này đã để lại ở trong tôi cả nỗi bịn rịn, quyến luyến mà tôi khó có thể diễn đạt được hết ý của nó! Nhưng có điều khiến cho tôi phân vân, lo lắng, là không biết Thụy có hoan nghênh sự trở lại đó hay không? Đây mới chính là điểm quan trọng, cốt yếu mà tôi muốn nêu ra ở nơi đây.”

Thụy quay sang hôn nhiên:

“Thụy thì lúc nào cũng hoan nghênh, mà còn hoan nghênh cả hai tay nữa là đằng khác!”

Từ đó, các cánh thư được mở ra và tình yêu bắt đầu bén rễ, nảy mầm, rồi tuần tự tăng trưởng, xanh mướt theo thời gian. Vài năm sau, hai người đi tới quyết định, là khởi sự bắt tay đi vào công cuộc kiến tạo, phát triển và xây dựng một nền móng hạnh phúc đích thực cho cuộc đời.

Lấy nhau được hai năm thì đưa con gái ra đời, giữa lúc cường độ chiến cuộc đang bước vào giai đoạn gay go và quyết liệt nhất. Tình hình chiến sự càng ngày càng trở nên ngặt nghèo, bi đát. Đời sống vợ chồng được mô tả bằng những lo âu, những đợi chờ, những mòn mỏi, chua xót. Rồi, Ban Mê Thuột mất. Pleiku di tản. Miền Trung hỗn loạn trong cơn khói lửa chiến tranh. Niệm hốt hải chạy. Anh miệt mài, gắng gượng. Tháng tư đến. Niệm mệt nhoài, lách thếch. Tháng tư ngùn ngụt khói súng. Tháng tư âm đạm, thê lương. Tháng tư hấp hối. Tháng tư rã ngũ, buông súng đầu hàng. Tháng tư ê chề, chua cay. Tháng tư tê cứng vì uất hận. Tháng tư, anh gõ cửa nhà vào lúc tối trời khuya khoắt. Đưa em gái mừng rỡ, ghen ngào, sụt sùi cho tin:

“Chị cứ ngóng mãi chẳng thấy anh về! Đến gần cuối, chị mới ẵm cháu xuống tàu theo người anh họ ra đi. Chị có dặn: Nếu anh có may mắn chạy thoát về được, thì nói chị cùng cháu đã xuống tàu đi rồi.”

Khi ánh nắng bắt đầu lên cao, Niệm uể oải bước vào trong nhà. Phía trong, sát chân tường, là chiếc bàn ăn hình chữ nhật. Chễm chệ trên chiếc ghế màu nâu sẫm, Thụy đang chăm chú, mải mê, cắm cúi đọc mấy tờ quảng cáo bằng Anh ngữ.

Niệm tiền lại, kéo ghế ngồi xuống. Anh nhẹ nhàng mở đề:  
“Anh muốn tiếp tục với em về câu chuyện bỏ dở đêm hôm qua.”

Đặt tờ quảng cáo xuống mặt bàn, Thụy ngược lên nhìn đăm đăm vào người anh:

“Được! Có gì anh cứ nói.”

“Anh muốn dọn ra ngoài.”

“Tại sao vậy?”

“Điều đó như em cũng biết. Giữa chúng ta có những bất đồng quan điểm với nhau về tất cả mọi khía cạnh cùng mọi vấn đề liên quan đến đời sống hằng ngày. Những bất đồng đó mỗi ngày mỗi trở nên trầm trọng, mà theo anh nghĩ, chúng ta khó có thể nào hàn gắn lại được. Ở đây, anh không đổ lỗi cho em, mà cái nguyên nhân chính, xuất phát là ở tại nơi anh mà ra. Bởi vì, anh mang nặng quá nhiều mặc cảm, hay nói khác đi, anh là một con người quá độc đoán, quá đa nghi. Tóm lại, tất cả đều do anh gây ra hết. Chính vì thế, mà không khí trong gia đình mới trở nên nặng nề, u ám. Cũng chính vì thế, đã làm cho em mất mặt với tất cả bạn bè thân thiết ở chung quanh. Anh nhận thấy, anh hoàn toàn có lỗi. Vì vậy, anh quyết định dọn ra ngoài để cho em khỏi vướng bận và được thanh thoi hơn.”

Thụy uể oải, ngao mạn:

“Cái đó thì tùy anh. Tôi không có ý kiến.”

Ngừng lại giây lát, nàng ngược lên chậm rãi:

“Anh tính chừng nào thì dọn ra?”

“Ngày mốt.”

Như sắp sẵn ở trong đầu, Niệm xuống giọng bình tĩnh:

“Trước hết, anh thành thật cảm ơn em về những gì mà em đã lo cho anh kể từ ngày đầu tiên anh bỡ ngỡ bước xuống mảnh đất mới mẻ này. Anh suy nghĩ kỹ lắm rồi. Bao nhiêu đêm thao thức, trằn trọc không ngủ. Bao nhiêu đêm giằng co bởi những lý do này hoặc các nguyên nhân khác. Cuối cùng, anh nhận thấy, đã đến lúc mà chúng ta phải giải quyết một cách thẳng thắn và êm thấm. Chúng ta nên chia tay, xoay lưng đi tìm hướng đi mới cho đời mình. Một khi mà hai chữ hạnh phúc không còn có giá trị trong đời sống hằng ngày, thì tại sao chúng ta cứ phải sống gượng gạo, gò bó với nhau mãi để làm gì! Anh thiết nghĩ: Đó là giải pháp hợp lý, ổn thỏa và thiết thực nhất.”

Niệm chậm chạp tiến lần theo con dốc. Con dốc nằm thoải thoải uốn mình, bất động, dẫn anh về với căn phòng mới. Căn phòng nhỏ hẹp, vuông vức nằm khuất sau những hàng cây rậm rạp, cao ngất, lao xao vào các buổi chiều gió lộng. Căn phòng trầm mặc, yên tĩnh. Căn phòng biểu tượng cho sự ray rứt, câm nín. Niệm nhủ thầm với chính mình: *Hãy cố quên để mà sống*. Quên đi cái con dốc trơn trượt, thẳng đứng mà anh vừa đi qua. Cái con dốc đã để lại ở trong anh cả nỗi tê buốt triền miên, bất tận. Anh ném niềm suy tư về chốn xa xăm. Về quê hương nghìn trùng, cách trở. Quê hương của đau khổ, của nhục nhằn, cay đắng. Ở đây, người cha già đứng run rẩy, tựa cửa chờ trông. Đứa em gái gầy guộc, xanh xao, vất vả trong cuộc sống. Nghĩ đến đó, tự nhiên anh thấy tim mình se thắt, buồn rũ rượi.

Thoang thoang đâu đây, anh nghe như có tiếng gió thì thảo trong lá cây, hòa nhập với những tiếng riu rít của lũ chim sẽ đang mở hội, nô đùa, nhảy múa trên tán cây xanh rậm rạp, sum suê nào đó./.

# Cô bé viết truyện hoa tím

*Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh*

**¶...Hắn chọn những bông hoa tím, nhờ cô bán hàng bó lại thành một bó, thắt một dây nơ màu tím. Hắn nghiêng đầu ngắm món quà mà mình sẽ trao tặng cho người bạn mới nhưng “rất xưa” của hắn. Vâng, chiều nay hắn sẽ trình trọng tặng cho Tim Tím bó hoa tím này ngay sau khi cô lên nhận giải thưởng của VB.¶**

Hắn lên xe đò đi về Nam Cali. Chẳng qua là mấy hôm trước hắn đi theo người cậu thăm bà con trên Bắc rồi về lại Nam. Một chuyến đi và về không có gì đặc biệt. Nhưng rồi... hắn gặp lại “cô bé ngày xưa” của hắn. Cô bé viết truyện hoa tím!

Nếu thuật lại một câu chuyện theo kiểu “nói thẳng nói thật” như vậy thì quá dễ dàng.

Ồ, quá dễ! Cuộc đời có nhiều thứ xảy ra thật dễ dàng mà hắn không ngờ.

Hồi còn bé tí xíu, mỗi khi hắn ao ước một điều gì, hắn thường nghĩ đến bà tiên hay ông bụt. Họ là những người có chút quyền phép cao siêu, dĩ nhiên là cao hơn ông bà hay cha mẹ một chút. Ông bà cha mẹ thì thường đáp ứng những nhu cầu của ta nhưng họ không có phép. Nhiều khi ta cũng thấy họ cầu nguyện, van vái. Và hắn cũng thế thôi. Cần ăn cần mặc thì nhờ cha mẹ. Nhưng khi có những nỗi ao ước hơi xa vời một chút hiện ra trong đầu thì hắn sẽ thu người lại và nghĩ đến một đấng thiêng liêng.

Nhưng bây giờ, khi hắn không cần cầu nguyện gì cả, điều mà hắn mơ tưởng ngày xưa đã hiện ra rồi kìa!

Ông cậu giới thiệu:

- Đây là em của chị dâu cháu! Cháu chưa gặp bao giờ phải không?
- Dạ chưa.

Và hắn nhìn người đối diện, chào:

- “Hi!”

Hắn nói “Hi!” rất đơn giản như bao người. Hai vợ chồng người anh họ thì hắn đã quen biết từ lâu. Hơn thế nữa, anh lại là người học cùng một trường dòng với hắn lúc “xưa xưa xưa” ở Đà Lạt. Chị thì qua đây hắn mới biết. Chẳng cần rào đón chi thì nói ra ai cũng hiểu là chuyện xa xưa, chứ bây giờ thì hắn cũng đã có vợ con như người anh họ này rồi. Họ đã “ra đời”!

Hắn định ngồi xuống ghế, cạnh bên cậu. Nhưng chợt hắn liếc nhìn người em của chị dâu một chút. Hắn bỗng giật mình. Ủa... sao cái nét này... hắn như đã nhìn thấy ở đâu. Hắn tự giải thích: Thì mình đã quen biết người chị, tất thấy cô em quen là phải. Nhưng hắn chưa kịp nghĩ ngợi để chờ giờ xe chạy thì cậu lại tiếp:

- Cô em đây đi xuống Nam để lãnh giải thưởng đấy!

Cậu thì lúc nào cũng giao thiệp rộng rãi như thế, cái gì cũng nói dù chẳng liên can! Hắn “dạ” rất lịch sự và bình thản nếu không muốn nói là hơi thờ ơ. Hắn đưa tay nhìn đồng hồ, cái đồng hồ rất trung thành của hắn ở cái thời buổi người ta chỉ thích coi giờ trong cell phone. Còn năm phút nữa. Hắn ngồi yên, lấy cuốn sách ra đọc. Eo ơi, hắn đã quen với những chuyến xe đò thể này, chốc nữa đây sẽ vang lên nhạc, kịch, hát hò cho mà coi! Phải tận dụng thời gian hiếm hoi còn yên tĩnh này mà đọc sách cái đã. Mặc kệ ai lên lên xuống xuống, tạm biệt, vẫy tay, dặn dò...

Cũng không khác một chiếc xe đò ngày xưa bao nhiêu. Chỉ có một cái khác biệt là không có những người bán hàng rong đứng dưới đường ngược nhìn lên các cửa sổ xe để mời khách mua hàng. Lại càng không có những người leo lên tận trong xe để rao mời “Mía ghim đây!”, hay “Trà đá đây!”, hoặc có khi là những quyển sách đủ loại từ tiểu thuyết cho đến sách từ vi bói

toán...

Ồn quá! Xe sắp chạy rồi! Hấn theo phản xạ như bao lần, nhìn ra sau lưng mình xem có ai. Cô em của người chị dâu ngồi ngay sau lưng hấn. Hấn lại hơi ngạc nhiên... sao cái nét này quen quá nhỉ! Hấn giữ cái đầu ngoái lại phía sau, và tìm ra một câu mở đầu câu chuyện:

- Nghe nói... chị xuống Nam để lãnh giải thưởng... giải thưởng gì vậy?
- Dạ, một giải của VB ạ!
- Ô! VB! Vậy chị lấy bút hiệu là chi?
- Tim Tím ạ.
- Hả?
- Dạ, Tim Tím ạ!

Hấn tròn tròn mắt. Hấn đã hiểu tại sao gương mặt kia có một cái gì quen thuộc. Chính là cái nét chung, rất chung trong những bìa vẽ của họa sĩ Vi Vi. Ôi! Chính là Tim Tím, người viết truyện hoa tím đây mà!

- Con nghe có quen không?

Giọng của cậu vang bên tai làm hấn bừng tỉnh. Hấn đáp nhanh:

- Dạ, quen! quen chứ cậu! Hồi nhỏ con rất là mê...

Hấn im bật. Hấn thấy mình thật thất thố.

\*\*😊

Những câu trao đổi diễn ra rất bình thường và tự nhiên. Hỏi thăm về gia đình, nghề nghiệp. Chỉ có một việc không được tự nhiên là hấn cứ phải giữ cái đầu ngoái lại phía sau. Mà cũng vì vậy cho nên hấn chỉ thấy được phần nửa gương mặt của người đang nói chuyện với hấn. Thốt nhiên hấn có cảm giác Tim Tím hiện ra ở đây mà như là Tim Tím viết truyện hoa tím thuở xưa. Thuở xưa của hấn, của cậu học sinh trung học trường dòng, rất khác với các cậu học sinh “trường ngoài đời”, bởi vì các cậu luôn đạo mạo, đứng đắn, nghiêm trang... nói chung là tất cả những gì tốt lành nhất ... đều phải có. Các cậu học nội trú trong trường, ngoài học phổ thông còn phải học giáo lý, tu tỉnh theo một nề nếp nghiêm khắc. Phân giải trí cũng phải theo một chương trình đặc biệt. Sách vở báo chí đều phải qua sự kiểm duyệt và cho phép của các sư huynh. Ấy vậy mà không hiểu

sao, loại truyện Tuổi Hoa “hoa tím” lại lọt vào khung cửa nghiêm trang của nhà trường các cậu. Loại sách truyện này không hiểu vì sao lại không được các sư huynh cho đọc. Bỗng nhiên trong một thoáng bị thôi miên bởi kỷ niệm, hấn bắt đầu huyền thuyên về một khung cảnh của ngày xưa.

- Hồi đó, mình học lớp Mười, đã rất mê đọc truyện của “ấy”.

Hấn ngưng bật. Không nghe Tim Tím nói gì. Chắc là Tim Tím cũng như hấn, hơi ngạc nhiên khi nghe tiếng “ấy”. Ai không phải là học trò thời của hấn sẽ không hiểu chữ “ấy” nghĩa là chi đâu! Bạn thân thì hay xưng hô “mày, tao”, “mi, tau”, “cậu, tớ” hoặc “ông hay bà, và tui”. Nhưng bạn không thân hoặc mới gặp lần đầu thì xưng hô “bạn, tôi”, hoặc “trò, tôi”, hoặc gọi “ấy”, xưng “tôi”. “Ấy” chỉ để dành cho học trò nhỏ dưng, nghĩa là dành cho con nít. Già đầu như hấn bây giờ mà gọi người kia bằng “ấy” không ngạc nhiên sao được? Nhưng sau cái tích-tắc khựng lại đó, hấn nghĩ thôi cứ mặc kệ, hấn thích dưng chữ “ấy”, như ngày xưa hấn từng ao ước được gặp Tim Tím, nói chuyện với cô bằng cách xưng hô “mình, ấy”.

Tim Tím như cũng đồng cảm với ý nghĩ của hấn, nên tiếp lời:

- Vậy sao? Bạn thích hả?
- Thích lắm, nếu không muốn nói là mê, mê truyện của “ấy” viết đó! Sao “ấy” lại viết lời cuốn như vậy nhỉ!
- Cảm ơn. (Hấn nghe tiếng của cô bạn cười rất nhẹ)
- Mình ... mình học trong trường dòng, “ấy” ạ!
- Thế sao?
- Mình ở nội trú. Mà ... trong đó, ngộ lắm “ấy” à, các sư huynh cấm không cho xem truyện “hoa tím”.
- Ô, vậy sao?
- Các loại truyện thiếu nhi và các loại người lớn thì lại được, nhưng đặc biệt truyện “hoa tím” thì không.
- Sao vậy?
- Vì các sư huynh thấy giới thiệu là “loại tình cảm nhẹ nhàng dành cho tuổi mới lớn”, sợ tụi này nhiễm cái gì không hay thì bỏ bê việc học hành.
- Tình cảm nhẹ nhàng có gì là không hay?
- “Ấy” ... không hiểu đâu!
- Không hiểu thật đấy!

Hắn có cảm giác ân hận vì đã nói những điều vừa rồi. Thôi thì cứ cầu mong là Tim Tím nghĩ rằng trường nhà dòng “hơi khó hơn trường ngoài đời một chút” đi vậy! Đâu phải lỗi của mình!

Hình như là Tim Tím đang buồn nên hắn không nghe cô tiếp lời. Hắn ái ngại, cố ngoái đầu thêm một chút nữa, rồi một chút nữa để nhìn cho rõ mặt người bạn mới quen này. Tim Tím đang nhìn ra cửa sổ. Hắn nhìn theo. Một vùng hoa tím ngắt ở ngoài kia. Hắn thốt lên:

- Xinh quá!
- Phải, xinh quá!, Tim Tím nói theo.

Hắn lại có thể nói chuyện nữa rồi!

- Tim Tím biết không, tụi mình cũng “mánh” lắm, khi nào về thăm nhà thì lại ra tiệm sách “rinh” mấy cuốn truyện “hoa tím” về, chuyền nhau đọc. Đọc lên đó!
- Không sợ các sư huynh phạt sao?
- Không, vì mình ... trùm mền lại, bật đèn pin nhỏ lên đọc.
- Eo ơi! Thiệt không?
- Thiệt chứ! Mình đọc hết tất cả các truyện của “ấy” viết. Mình ao ước có ngày được gặp “ấy”, làm quen với “ấy”, chỉ thế thôi, nhưng mình không có cơ hội.
- Vậy đã có bao giờ bạn bị sư huynh bắt gặp đọc truyện của mình, rồi bị phạt không?
- Có. Có một lần, mình bị bắt gặp.
- Thế... bị phạt ra sao?

Hắn đoán là Tim Tím đang rùng mình vì trí tưởng tượng phong phú chắc sẽ dẫn tác giả tới một cảnh ghê rợn trong đó cậu học trò cả gan này được ăn mấy chục cái thước kẻ vào bàn tay cho đến toé máu. Hắn lắc đầu:

- Không, không có bị phạt.
- Sao được?
- Vì, “ấy” biết không, sư huynh bắt mình lên văn phòng, bảo mình ngồi một góc, để ông đọc cuốn truyện của “ấy” đã. Ý là sư huynh sẽ tìm những điểm để buộc tội mình cho chắc chắn. Mình ngồi yên. Ông đọc trang đầu, rồi trang kế, rồi...
- Rồi sao?
- Hóa ra là ông chưa bao giờ đọc truyện “hoa tím” cả

“ấy” ạ!

- Chưa đọc sao lại cấm?
- Thì mình đã nói rồi, họ chỉ nghe nói “tình cảm tuổi mới lớn” nên sợ tội mình bị hư.
- À ra thế! Thế rồi sao?
- Thế rồi mình ngồi chờ ông đọc cuốn truyện đến... ngủ gục luôn. Khi mình mở mắt ra vẫn thấy ông say sưa đọc. Ông đọc xong, gấp sách lại không nói gì. Một lát sau ông bảo mình đi về phòng ngủ đi. Hôm sau, giờ tan học, mình đi ngang văn phòng, thấy một thông cáo ghi “Loại sách Tuổi Hoa “hoa tím” không bị cấm, miễn là đọc ngoài giờ học”.
- Thế sao?, Tim Tím reo lên.
- Phải, “ấy” à, bởi vì họ cấm khi họ chưa đọc. Khi họ đã đọc những cuốn “hoa tím” rồi thì họ không muốn cấm nữa. Vì họ thấy những ý hướng xây dựng học đường, xã hội, có tình yêu gia đình, tình yêu đất nước đậm đà trong ấy, chứ đâu có phải chỉ là tình cảm băng quơ. Mình mừng lắm!
- Mình cũng mừng lắm! Đến nay mới nghe được câu chuyện này.
- Tim Tím à! Hơi muộn một chút, nhưng mình rất muốn nói cảm ơn “ấy”. Cảm ơn “ấy” đã viết những truyện “hoa tím”. Chúng tạo nên tuổi trẻ cho mình và các bạn mình, khó quên lắm. Nhưng, “ấy” ơi, “ấy” có biết là ngay sau khi bản thông cáo đó dán lên, tội mình chưa kịp vui mừng, thì nó đã bị gỡ xuống, và thay vào đó là một lệnh cấm mới. Truyện của “ấy” tiếp tục bị cấm!
- Thế ư? Vì sao?
- Nhưng không phải là lệnh cấm của nhà trường, mà là lệnh cấm của “nhà nước mới”, của bộ Văn hóa Thông tin, tên các truyện của “ấy” được xếp vào danh sách... các sách bị cấm.
- Mình hiểu rồi! Đó là lúc “đổi đời”. Bạn đã nói đúng. Những cuốn sách của Tim Tím nằm trong danh sách dài dằng dặc những truyện họ gọi là “văn hóa phẩm phản động, đồi trụy”
- Xin lỗi Tim Tím...
- Bạn đâu có lỗi gì.
- Lỗi mình đã kể lể.

- Không, hãy quên đi. Bạn nhìn kia! Hoa tím vẫn đẹp đó!

Hắn nhìn theo Tim Tím. Vẫn là một dải màu tím nhẹ vun vút trước mắt. Xe đang chạy với tốc độ tối đa cho phép trên xa lộ. Hắn có cảm giác những ngày êm đềm của hắn cũng đang chạy về vùn vụt. Cậu học trò trường nhà dòng, sau “ngày đôi đời” không còn ở trong trường dòng nữa. Ba hắn đi vào tù. Mẹ và anh em hắn muốn yên thân nên ở lại Sài Gòn. Hắn không về lại trường nhà dòng, không về lại Đà Lạt. Có lần hắn gặp lại người anh họ, biết được rằng anh cũng không còn học trường nhà dòng nữa. Họ đã “ra đời”. Hắn không có cơ hội khoác áo làm Cha, nhưng hắn trân quý lắm cái thời học trường nội trú, với tình cảm trong sáng của một cậu học trò tuổi mới lớn đêm đêm trùm mền xem lên truyện “hoa tím”.

Hắn không biết mình đã im lặng bao lâu, nhưng có thể tính được dựa vào thời lượng của một vở kịch hài trên màn hình trong xe, vở kịch mà khi hắn và Tim Tím nói chuyện hắn đã không hề biết đến. Hắn trở về thực tại khi thấy màn hình tắt tối đen sau vở kịch. Xe đã vào khu chợ ABC. Mọi người đứng dậy, rục rịch chờ lấy hành lý. Hắn giật mình, hỏi nhanh:

- Thế... chiều nay “ấy” đi lãnh thưởng của VB phải không?
- Phải. Bạn có đến không?
- Mình sẽ đến chứ! Nếu họ bảo mua vé mình cũng sẽ mua vé.
- Vậy cảm ơn bạn. Mình hẹn gặp bạn nhé! À!... bạn ơi!
- ???
- Bạn đừng ái ngại cho Tim Tím nhé! Tất cả đã qua rồi! Mười năm cũng đã qua rồi! Bạn thấy đó, Tim Tím không có gì thiệt thòi cả.
- Phải. Mình vui lắm, “ấy” ạ!

Hắn nhìn một lần nữa, Tim Tím. Vẫn là Tim Tím như trong những giấc mơ của hắn ngày xưa.

Hắn hân hoan thả bộ trên lề đường trong khu chợ, dừng lại trước một tiệm hoa. Hắn chợt thấy cuộc đời thật mâu thuẫn. Ngày xưa ấy, khi hắn còn là cậu học trò lớp Mười, ngoài giờ

học thường lẫn tránh cái nhìn “quan tâm” của các sư huynh, ăn cơm thì mơ màng nghĩ đến truyện hoa tím, đêm đến thì trùm chần đọc truyện hoa tím, ngủ cũng mơ thấy Tim Tím, mà Tim Tím thì đã là một sinh viên, ngoài giờ học cô lặng lẽ đi vào quân y viện băng bó vết thương cho những người lính, đàn hát bên giường bệnh, và cô đã viết nên những tác phẩm trong thời chiến.

Hắn nghe mắt mình cay xè. Nhưng hắn lại mỉm cười được ngay. Bao nhiêu năm qua hắn đã học hiểu được những cái mầu nhiệm trong cuộc đời. Hắn trông khá già cỗi nhưng tâm hồn của hắn vẫn có một cái gì đó rất trung thành. Hắn có vẻ hơi “côi trên” một chút.

Hắn chọn những bông hoa tím, nhờ cô bán hàng bó lại thành một bó, thắt một dây nơ màu tím. Hắn nghiêng đầu ngắm món quà mà mình sẽ trao tặng cho người bạn mới nhưng “rất xưa” của hắn. Vâng, chiều nay hắn sẽ trình trọng tặng cho Tim Tím bó hoa tím này ngay sau khi cô lên nhận giải thưởng của VB.

***Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh***

*2011*

## THƠ LÊ SA

### *Lời Đá Cuội*

“ Ô quê mà lại nhớ quê” (\*)  
Buổi đi đá dựng ngày về sông ngăn  
Mắt cay hạt bụi cơ lằm  
Mở ra khép lại cũng ngần ấy thôi  
Dang tay hỏi đất hỏi trời  
Hỏi trăm năm  
Đá ngậm lời phu thê?!  
Rạ rơm bén một lời thề  
Tóc xanh, xanh đã sương đề huề sương  
Vỗ tay hát chén đoạn trường  
Thử xem sỏi cuội có mừng trông đau  
Xe qua dốc nghiêng rầu rầu  
Ngựa về hắt lạnh vó câu ngăn ngò.

(\*) Tên một bài thơ của Nguyễn Tấn On

# thơ trầnphùthế

## THÈM

em còn thêm nữa hay thôi  
cái cơn khát vọng trên đời là như  
như là cơn lũ xô bờ  
thèm cơn nước lớn mịt mờ chảy xuôi

thèm tình em sẽ ngậm ngùi  
bởi chung chữ ái ngọt bùi khó quên  
thèm ơi, giấc ngủ êm đềm  
đêm không mộng寐, ngày thèm chiêm bao

lạ lòng chữ nhớ làm sao  
chữ thương khốn khổ làm đau cái lòng  
thèm nghe tiếng nói hằng mong  
một ngày không gặp bản thân ngẩn ngơ

thèm yêu một chút bất ngờ  
thế thôi cũng đủ ngời mơ suốt ngày  
thèm hôn một phát đắm say  
ngất ngây hạnh phúc một giây cũng đành

thèm nắng ấm, thèm trời xanh  
thèm luôn cả cái mong manh đáng kiêu  
biết rằng không thể không yêu  
dù cho chết tốt cũng liều một phen

thèm ôm hết thấy ưu phiền  
buồn vui lẫn lộn đảo điên kiếp người  
đã thèm, là lúc rong chơi  
quên cơm áo, quên sự đời bon chen

quên đi cuộc sống ươn hèn  
phủi tay rảnh nợ bon chen mấy lần  
thế mà bóng nắng ngoài sân  
cũng như một kiếp ngắn dần chiều hôm

thèm ơi, và một miếng cơm  
trong cơn tù tội đói-hòn-giận-căm  
nhưng mà cuộc sống bao năm  
cớ chi phải nhớ bận tâm hận thù

thèm nghe tiếng hát mẹ ru  
tuổi thơ xa lắc, mịt mù tuổi thơ  
bây giờ chỉ có giấc mơ  
mới mong tìm được tiếng hò Hậu giang

thèm đi một bữa lang thang  
để nghe trời đất vô vàn mệnh mông  
thèm yêu trăm núi nghìn sông  
mất mai có chết cũng không bận lòng.



## THƠ LÂM HẢO KHÔI

### TA VỀ NHÚM LỬA CHỜ NHAU

Đi tiếc đời nhau sông nước cũ  
Ta về nhúm lửa đợi cơm sôi  
Nhớ em đây chén thơm trong khói  
Tình nở xanh khuya chạm đáy nồi

Ngày em lúa trở ta xuôi ngược  
Chim chóc kêu bày lung nước trong  
Em thơm trái chín cây bình bát  
Tình nở xanh mùa em biết không

Về đây hơ ấm lòng chăn chiếu  
Củi cháy kêu than đỏ mắt chiều

Đâu nụ cười em môi chín bói  
Bên giàn bắp cũ mái nhà xiêu

Cho ta môi lửa em âm i  
Đốt bụi trần ai cháy ngọt ngào  
Thấy mưa về ướt hai lồng ngực  
Chạnh ăm vai ta nước mắt nào

Cho ta môi lửa em ma quái  
Nhúm lại đời nhau sắp tối trời  
Còn giữ nụ cười môi chín bói  
Tình xanh đâu dễ bạc em ơi.



*tranh Huỳnh Minh Chí*

# BÓNG CŨ

## Phạm Văn Nhân

**¶...Tôi im lặng. Cái bóng cũ như đè xuống tôi. Trong tiềm thức xa xôi hiện về. Rõ lắm. Rõ như mới hôm qua. Căn gác này là nơi tôi sinh hoạt hằng ngày. Một thế giới riêng biệt của riêng tôi. Thì bây giờ, hôm nay, tôi đưa ngón tay quét một đường dài trên tấm ván lót sàn. Bụi bám vào ngón tay một đường dài sâu. Lớp bụi thời gian muôn đời còn đọng lại đó...¶**

Những tiếng động trước sân nhà đánh thức tôi dậy sớm trên bộ ván gỗ đã có từ lâu. Hình như bộ ván gỗ này, có lẽ gần trăm năm, cũng như cái tủ thờ, cái bàn tôi ngồi khi chiều uống nước, là của ông nội bác để lại trong thời chiến tranh Việt Pháp, từ một vùng quê trù phú lúa gạo và cây trái, từ một sân ga mà quân Pháp xây dựng để chuyển quân. Tiếng súng nổ, nhà ông nội bác của tôi phải bỏ vùng quê ra đi, bỏ lại ngôi nhà ngói ba gian trong một vườn trồng toàn cây vú sữa. Và chỉ đem được bộ ván gỗ, cái tủ thờ và cái bàn, như những vật giá trị nhất của đời ông. Từ đó, nó trở nên quen thuộc, rất quen thuộc với chị em chúng tôi trong ngôi nhà của ông tôi xây cất. Ngôi nhà này cũng có gần trăm tuổi, mái ngói âm dương cũ kỹ, tường vách loang lổ những vết vôi bong ra. Cho dù bà chị cả hằng năm vẫn cho quét vôi và tu bổ lại thường xuyên, nhưng vách vẫn loang lổ và tróc từng mảng vôi nhăm nhở, bởi trận lụt năm 1952, nước lên mấy ngày ngập tới mái nhà.

Tiếng động trước sân. Tôi mở tung cánh cửa sổ, nhìn ra ngoài. Đứa cháu gọi tôi bằng bác đang bung những cái bàn nhựa, ghế nhựa để chuẩn bị cho vợ nó bán thức ăn sáng. Đứa cháu thấy tôi, hỏi:

- Bác dậy sớm thế. Đêm qua bác có ngủ được không?

- Được cháu ạ. Ngủ ngon nữa là khác. Vợ chồng cháu chuẩn bị bán cái gì thế?

- Dạ, mì Quảng, cơm gà.

- Sống được không cháu?

- Tam ỏn qua ngày bác ạ!

Không khí ban mai mát rượi. Tôi ngồi lại bên cái bàn uống nước kê giữa nhà. Mở tung những cánh cửa sổ và cửa lớn. Mặt trời vừa lên. Không khí ban mai làm tôi dễ chịu. Tôi lại giống ông tôi ngày nào, cũng thức dậy sớm, ngồi pha một bình trà đậm, nhâm nhi chờ sáng.

Tôi bây giờ cũng thế: nghiện trà.

Bà chị cả lại bùng cái phích nước sôi lên, và hỏi:

- Cậu dậy sớm thế?

- Quen rồi - Tôi trả lời cho qua.

- Để tôi xếp mùng cho cậu.

- Thôi. Việc ấy để tôi làm.

Tôi lấy trà từ trong cái hộp trà xanh Thái Nguyên. Loại trà nhỏ cánh lá, mọc câu. Tôi pha đậm. Đưa cháu vào hỏi :

- Bác dùng mì Quảng?

- Không. Bác không ăn sáng. Chỉ uống trà thôi.

- Dạ.

Tôi ngồi nhìn ra khoảng sân. Chẳng mấy chốc những người đi làm buổi sáng tới dựng xe gần mấy trước đường để vào ăn. Thời buổi này mà có mặt bằng sạch sẽ như trước sân nhà để bán là một điều hạnh phúc, vì không cần phải thuê mặt bằng. Nghe đầu đất lắm. Bán buôn chẳng lời bao nhiêu.

Lâu lắm, tôi mới trở lại ngôi nhà mà tôi đã sinh ra và lớn lên từ ngôi nhà cổ này. Ngày xưa, phải nói là như thế, đất chung quanh ngôi nhà còn trống. Ông tôi dành một khoảng đất trồng toàn cây sa-bô-chê, trồng vài trụ thanh long. Trước nhà còn có xây hòn non bộ, một hồ thả cá kiểng, một bụi bông trang. Hồ cá kiểng, về đêm có gắn bóng đèn bốn góc tỏa ánh sáng rất đẹp khi ngồi nhìn những con cá long nhãn bơi lội trong hồ. Một buổi sáng thức dậy tôi thấy ông tôi ngồi buồn bên hồ cá kiểng mà ông từng nâng niu. Tôi còn nhớ ông nói: “Sao có lũ người ác thế bỏ thuốc cho cá chết hết!” Tôi nhìn vào trong hồ, những sợi thuốc lá dùng cho những người đàn bà ăn trầu còn nổi trên

mặt nước. Tôi hiểu ai đã phá hồ cá kiểng của ông tôi. Chỉ có thằng Long trong xóm. Cái thằng đi quây phá từ làng trên xuống xóm dưới, chẳng ai dám đụng tới nó. Trước cổng còn có hai cây bông điệp. Một loại hoa vàng nhỏ, mà mỗi lần có gió chập, ông tôi bảo tôi trèo lên cây bẻ hoa điệp. Cái thích thú của tôi khi trèo lên để bẻ những cành hoa điệp vàng rất dễ thương và quen thuộc đó. Một loại hoa có sắc vàng tươi nhưng không có hương thơm ngào ngạt, chẳng khác nào cô gái quê. Nhưng bây giờ thì không còn nữa. Tất cả chỉ còn lại trong tiềm thức của một người già như tôi, hôm nay trở về tiếc nuối khoảng thời gian đã qua trong ngôi nhà mà tôi đã lớn. Đất chung quanh nhà cũng không còn nữa, mà là những ngôi nhà của mấy người em cất lên. Đất mắc như vàng, để không làm gì trong khi họ cần có một chỗ để ở.

Thành thử ngôi nhà của ông tôi để lại. Ngôi nhà từ đường lọt thỏm vào bên trong, cũ kỹ. Cái cũ kỹ thật dễ thương của một người trở về sau bao nhiêu năm mang kiếp người lặn lội. Chiến tranh, tù tội, xa xứ. Và hôm nay, ở cái tuổi thất thập cổ lai hy tôi trở về và ngủ lại trong ngôi nhà này. Ngủ lại trên bộ ván gỗ này. Mà khi chiều, người chị cả hỏi tôi cậu có cần ngủ chiếu không, tôi trả lời: Tại sao phải trải chiếu nhỉ. Bộ ván gỗ mát rượi. Rồi chiếc mùng hơn mấy mươi năm tôi quên nó đi thì hôm nay được treo lên. Sao nghe thân thương quá đỗi. Cũng như khi chiều, tôi mới trở về. Việc đầu tiên là tôi lên căn gác nhỏ. Cái cầu thang vẫn như xưa, chật chội chỉ vừa đủ một người lên xuống. Trên gác bần thiêu, bụi bặm, để toàn những thứ linh kinh. Cái bàn thấp ngày xưa tôi ngồi học, phải cúi chân xuống gài bàn trên gác mới ngồi viết được, nay không còn. Bà chị cả đứng dưới cầu thang nói: “Nhà chẳng còn ai, nên chẳng ai lên cái gác này làm gì nữa.” Tôi im lặng. Cái bóng cũ như đè xuống tôi. Trong tiềm thức xa xôi hiện về. Rõ lắm. Rõ như mới hôm qua. Căn gác này là nơi tôi sinh hoạt hằng ngày. Một thế giới riêng biệt của riêng tôi. Thì bây giờ, hôm nay, tôi đưa ngón tay quét một đường dài trên tấm ván lót sàn. Bụi bám vào ngón tay một đường dài sâu. Lớp bụi thời gian muôn đời còn đọng lại đó, để ngày hôm nay tôi trở về nhìn thấy. Lớp bụi của những ngày còn đi học. Lớp bụi của những ngày còn đam mê chữ nghĩa. Những câu văn vụng dại, ngây ngô được viết ra. Những nét vẽ nguệch ngoạc không

trường lớp cũng được phát họa từ căn gác này treo la liệt trên vách tường xây thấp. Nhưng chẳng bao giờ trở thành họa sĩ. Vẽ để chơi. Vẽ theo sở thích của mình. Để nhìn để ngắm một mình. Nổi đam mê chẳng ai biết ấy bây giờ chỉ còn lại trong lớp bụi thời gian trên căn gác xép này, mà chỉ có tôi, hôm nay, đã gần bảy mươi, tóc trên đầu đã hai màu đen trắng mới thấy lại hình bóng cũ của tôi qua lớp bụi thời gian, khi lấy ngón tay quét vào lớp bụi đóng trên ván. Tôi nói với bà chị cả: “Thỉnh thoảng chị cũng nên dọn dẹp.” Có lẽ tôi nói cũng chỉ để nói thôi, vì ai cũng già hết rồi. Dọn sao nổi.

Cứ để thời gian trôi qua, đọng lại trên những lớp bụi này. Như hôm nay, tôi trở về ngủ lại trong ngôi nhà này. Nhìn lại bà cô, người cuối cùng của dòng họ còn sống, nằm bất động. Gầy đét như thân củi khô chỉ còn chút hơi thở để sống còn. Bất động. Bóng cũ lại về với tôi trên thân xác của một bà cô sống không ra sống, chết cũng không ra chết của một kiếp người, mà ngày xưa bà trẻ và đẹp. Lớp bụi thời gian còn đó, trong ngôi nhà từ đường. Những bàn thờ uy nghiêm trong gian nhà thờ. Bộ ván gỗ mà tôi nằm ngủ. Buổi sáng ngồi uống nước trà nhìn ra khoảng sân thấy lòng chùng xuống. Nghĩ lại bà cô nằm bất động như thân củi mục, khô đét. Nghĩ lại lớp bụi thời gian trên căn gác xép của tôi. Thời gian có chờ đợi ai đâu. Hình ảnh bà cô trước mắt. Những tĩnh vật trên căn gác bám đầy bụi. Và tôi, ở cái tuổi hôm nay không biết bụi sẽ bám khi nào.

Đang nghĩ, thì bà vợ đến hỏi: “Đêm qua ông ngủ có thấy ai về không?” “Ai về? Tôi chỉ thấy bóng cũ đang về với tôi trên từng bước chân, trong ánh mắt nhìn những tĩnh vật.” Vợ tôi cười. Và tôi cũng cười. Nụ cười vui trên hai gương mặt có nhiều vết nhăn thời gian./.

**Phạm văn Nhàn**

*Amarillo, 6/8/2011*

# SÂM THƯƠNG

## CHUYẾN TÀU NỬA ĐÊM

**¶...Con người hôm nay vốn đã yếu bóng vía, thiếu tự tin, luôn sợ hãi đủ thứ - chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh và ngay cả với chính con người.. ¶**

Theo kế hoạch tôi phải đến Virginia vào đầu tháng năm để thảo luận với nhà sản xuất một số điểm cần sửa chữa trong một kịch bản phim tài liệu do tôi viết trước khi bắt tay vào thực hiện. Chuyến đi lần này đã không tạo được cho tôi sự hưng phấn như những lần đi trước, vì lời mời của nhà sản xuất đến với tôi đúng vào thời điểm chiến dịch phòng chống SARS đang diễn ra khắp nơi trên thế giới. Tôi đã định hoãn chuyến đi, đợi đến khi nào tình hình dịch bệnh lắng dịu. Nhưng hình như tôi đã không chờ đợi được. Tôi luôn luôn cứ bị thôi thúc phải lên đường.

Trưa hôm đó, khi vừa đặt chân xuống phi trường LAX (Los Angeles, California) tôi định nán lại ở đây chơi với một người bạn trước khi đến Virginia. Không biết có phải vì khuôn mặt Á châu của tôi, hay do một lần ngứa cổ ho khan mà tôi đã bị nghi lây nhiễm SARS. Mặc dù tôi đã cố giải thích rằng tôi đến từ nơi mà Tổ chức Y tế Thế giới đã chính thức công bố là quốc gia đầu tiên hoàn toàn khống chế dịch SARS, nhưng tôi vẫn bị tập trung để cách ly. Sau thời gian quy định, được xác nhận không bị nhiễm SARS, tôi lấy vé từ phi trường Orange County, California bay ngay qua Virginia để giải quyết công việc... Ở Virginia mới ba hôm, những cuộc trao đổi về công việc giữa nhà sản xuất và tôi đã được tiến hành khá thuận lợi. Bất ngờ, tôi nhận được điện thoại của Vũ từ New York báo

cho biết Thu Huệ vừa được chuyển vào bệnh viện cấp cứu vì chứng bệnh ung thư, sau khi đã đau đớn vật vã với căn bệnh mấy tháng gần đây. Thu Huệ là người yêu cũ của tôi. Hai chúng tôi đã nhiều năm không liên lạc với nhau. Hồi đó, tôi vừa tốt nghiệp Văn khoa, được nhận dạy giờ một trường trung học ở Đà Lạt, còn Thu Huệ sống với gia đình ở Sài Gòn, nên mỗi cuối tuần, hết giờ dạy tôi lại leo lên máy bay về Sài Gòn.

Từ phi trường, tôi về thẳng nhà cô tôi đường Hồng Thập Tự, tắm rửa, thay áo quần và không quên mang theo một bó hoa trên tay kiên nhẫn đứng hàng giờ đợi người yêu trước công cơ quan. Lần nào cũng thế, hồn tôi như ngợp đi trong hạnh phúc khi nhìn thấy Thu Huệ lao nhanh về phía tôi, mái tóc buông thả nũng nịu hất ngược ra sau và đôi mắt to đen mở lớn nhìn thẳng vào tôi không lay động. Giọng Thu Huệ thật nhẹ trên vai tôi:

- Em nhớ anh kinh khủng!

Tôi mỉm cười nheo mắt nhìn Thu Huệ thú nhận:

- Anh sẽ điên mất, nếu máy bay hôm nay không chịu cất cánh.

Thu Huệ bầu nhẹ vào cánh tay tôi:

- Điều đó chứng tỏ rằng anh mù quáng và điên rồ, nhưng em không thể không yêu anh.

- Tại sao? Có phải ... ngón tay thon nhỏ đặt nhẹ lên môi tôi, chặn lại những lời sắp được nói ra.

Cuộc gặp gỡ cuối tuần của chúng tôi thường khởi đầu như thế đó. Tôi nhớ những phút giây hai đứa quần quýt bên nhau: Những buổi chiều, buổi tối tay trong tay, lặng lẽ bước đi trên những thảm cỏ, những con đường thẳng tắp rợp bóng cây cao hoặc ngồi bên nhau hăng giờ trong rạp chiếu bóng hay trong một quán nhỏ để được nhìn nhau, để nói với nhau bao điều ước mơ. Không hiểu sao, trong những giây phút đó, Thu Huệ như bị đặt vào một thứ tâm trạng mâu thuẫn, nghịch lý. Nàng vừa hạnh phúc vừa đau khổ. Hạnh phúc vì biết mình được yêu với tất cả sự hiến dâng tuyệt đối; nhưng lại bị ám ảnh, ray rứt bởi một điều gì đó không thể giải thích. Một khái

niệm hư ảo? Chính điều đó tạo cho anh cái cảm giác chông chênh, lạc lõng như đang đứng trước một ngã ba trong đêm tối mịt mùng và thoáng nghe tiếng gọi của tình yêu xa xôi mờ hồ...

Cuộc tình của chúng tôi kéo dài chưa tới hai năm, bắt ngờ, gia đình vận động đưa Thu Huệ sang Mỹ du học. Nàng theo học một trường đại học ở New York. Thu Huệ lặng lẽ ra đi không một lời giải thích. Để mặc tôi đi tìm cuộc tình nằng bở dở, đi tìm một câu trả lời để khép kín vết thương nhức nhối trong tim tôi. Thời gian đầu, tôi đã đau khổ đến sống dở, chết dở, ước chừng không gượng dậy nổi. Nhưng rồi thời gian cũng đã làm phai nhạt vết thương trong trái tim tôi. Tôi tưởng như đã quên mất Thu Huệ. Hình bóng nàng không còn đọng lại chút gì trong ký ức tôi. Nhưng sự thật không phải vậy. Vừa mới nghe Vũ nhắc đến tên Thu Huệ, toàn thân tôi như bị điện giật, tê cứng. Tất cả hình ảnh quá khứ, những kỷ niệm xa xưa, đến những chi tiết nhỏ nhặt nhất giữa Huệ và tôi đã hùng hục thức dậy. Nhưng tôi hoàn toàn không còn một chút ảo tưởng, ảo tưởng về mình, ảo tưởng về cuộc đời. Mấy năm trước, dù biết tin Huệ đã ly dị chồng, sống độc thân, tôi vẫn không có ý định chấp nối cuộc tình đã từng một thời làm trái tim tôi tan nát. Giờ đây, tưởng tượng đến hình ảnh Thu Huệ trên giường bệnh phải một mình chòi đạp, chống trả với thần chết từng phút từng giây, trái tim tôi đau thắt. Tôi không biết cần phải làm gì để có thể giúp Huệ vượt qua đôi tay nghiệt ngã của định mệnh trở lại với cuộc sống hay làm dịu bớt những cơn đau khủng khiếp kéo dài đến chết. Thật sự, tôi không biết và không hy vọng làm được gì. Nhưng với hai người đã từng yêu thương nhau, thật gần với nhau trong tuổi trẻ say đắm đường như còn để lại một ngôn ngữ rất âm thầm với nhau trải suốt cuộc đời. Tôi linh tính giờ phút này, Huệ không có ai ngoài tôi. Tôi cần phải có mặt bên cạnh Huệ, có thể chỉ để nắm tay hoặc vuốt mắt lần cuối trước khi Huệ ra đi vĩnh viễn. Tôi tin rằng khi về thế giới bên kia, Huệ không đến nỗi buồn tủi vì phải đơn độc trước giờ chia tay với trần gian. Ít ra, Huệ cũng có một người thân bên cạnh, một người đã từng nâng niu trân trọng tình yêu của nàng. Nàng đã sống với con người và chết với con người. Nàng có cho tôi chứng kiến sự đau đớn của nàng hay không, nàng có chấp nhận sự có mặt của tôi hay không. Tôi không cần biết.

Nôn nóng vì muốn gặp Thu Huệ, tôi định xách hành lý chạy thẳng ra phi trường, hy vọng trong chuyến bay sớm nhất đi New York có ai đó hủy chỗ vào giờ chót. Nhưng khi tôi điện thoại đến bộ phận bán vé, cô nhân viên ở đây đã lịch sự cho biết trong những chuyến bay đến New York chiều nay số người ghi tên dự bị khá đông, không hy vọng có chỗ. Có phần hụt hẫng, tôi chợt nghĩ đến việc đi tàu: có thể còn kịp, chuyến tàu sẽ khởi hành lúc 21 giờ và đến New York đúng 0 giờ 25 phút sáng hôm sau.

Tôi đi metro đến ga Union Station ở Washington DC cũng được, vì trạm metro và ga cùng một chỗ. Nhưng nhìn đồng hành lý bề bộn, tôi đành chọn đi taxi. Ra khỏi taxi, nhìn đồng hồ, đúng 20 giờ 50. Tôi chỉ kịp trả tiền taxi trước khi quay lưng đi thẳng vào quầy vé. Cầm chiếc vé trong tay, tôi theo dòng người lũ lượt vào các toa. Tôi hấp tấp bước vào toa tìm chỗ, như sợ con tàu chạy đi để tôi lại một mình. Cái cảm giác trễ tàu, một mình bị bỏ rơi lại trên sân ga tàu điện hay phi trường vào nửa đêm không một bóng người, cứ luôn ám ảnh trí óc tôi mỗi khi tôi có công chuyện phải di chuyển. Tôi sợ hãi những cuộc di chuyển, nhưng điều nghịch lý là tôi lại không muốn dừng chân ở đâu quá lâu. Những vùng đất xa lạ, những thành phố quá khổ, những tập tục truyền thống kỳ bí và ở đó, những con người đang sống với nhau ... luôn kích thích tôi lao vào những chuyến đi xa, bất chấp nỗi sợ hãi.

Bước hẳn vào trong toa, tôi đi về phía chỗ trống, sát bên cửa. Tôi vốn có thói quen, như đã trở thành cố tật, dù phải đi trên những toa xe lửa chật chội, thiếu tiện nghi như ở nhà những năm sau chiến tranh, hay những chuyến cao tốc sang trọng và tối tân như ở Nhật hay Pháp, tôi luôn tìm cách ngồi gần bên khung cửa, để được nhìn ngắm: Những con tàu ngược chiều chạy qua trên những cánh đồng xanh ngát, những chiếc máy xay gió khi hoàng hôn bắt đầu xuống, hay những dãy núi trùng trùng điệp điệp, biển cả tĩnh lặng vào những đêm trăng, hoặc những buổi bình minh nắng sớm...

Khi tàu bắt đầu chuyển bánh tôi mới chú ý quan sát những người đồng hành. Cả toa tàu có đến cả trăm hành khách. Bên cạnh tôi phía ngoài là một người đàn ông đứng tuổi, có hàm râu rậm, đeo kính cận, nhìn bề ngoài có vẻ là một nhà giáo hay một người làm khoa học. Cách lối đi, hàng ghế bên

kia, ở ngoài là hai thanh niên trẻ, ăn mặc rất đúng điệu. Có thể họ là những người hoạt động trong ngành địa ốc hay thị trường chứng khoán. Trong cùng là một người đàn ông, trông ông ta giống một viên chức. Trước mặt tôi là một cặp tình nhân. Bên kia, ngồi cạnh lối đi là một phụ nữ có khuôn mặt xinh đẹp, tóc buộc xoắn lại rất khéo, khăn choàng cổ bằng dải lụa đen lấp lánh. Mái tóc vàng và đôi mắt nâu làm tôi mang máng nhớ đến một nhân vật nào đó tôi đã gặp. Chợt tôi nhớ ra, và thật ngạc nhiên. Cô ta là một diễn viên trong một bộ phim tôi vừa coi tuần rồi. Tiếp theo là một người đàn bà Mehico và hai đứa con nhỏ. Bất ngờ, đứa bé gái khoảng bảy tuổi, nhìn mẹ:

- Mẹ ơi, con đói bụng! - Đứa lớn nói khề lợt đến tai tôi.

Người đàn bà lấy ra một cái bánh sandwich bọc giấy bóng từ túi xách để dưới chân. Đứa bé thứ hai lên năm, nhìn trân trân vào chiếc bánh mà không dám đòi. Khi người đàn bà bẻ miếng bánh làm đôi, đứa lớn khe khẽ phản đối.

- Ô kia, Julia, con chia cho em ăn với chứ!

Bà la đứa con gái. Nó nín lặng nhưng tôi để ý thấy nó nhìn em với vẻ hờn dỗi. Tôi hy vọng người đàn ông ngồi cạnh tôi là một người rất bận rộn với công việc. Ít nhất trong những thời khắc như thế này, tôi không muốn bị bắt buộc phải trả lời những câu hỏi không đâu vào đâu như tôi vẫn thỉnh thoảng gặp phải trong những chuyến đi của tôi trước đây. Tôi mở chiếc cặp, lấy cuốn tiểu thuyết tôi đã mua trước khi đi, nhưng suốt mấy tuần nay còn để nguyên trong cặp, chưa hề đụng tới.

Tôi dựa người vào ghế, đọc lướt qua phần tiểu sử của tác giả trước khi lật vào phần nội dung. Cuốn sách đã lôi cuốn tôi, từng trang, từng trang theo câu chuyện kể, bằng một giọng văn khúc chiết, gãy gọn và giàu hình ảnh... Và tôi gần như không còn biết những gì đang xảy ra chung quanh mình. Tôi giật mình khi tiếng càn cạch của bánh xe như lớn dần và cánh cửa giữa hai toa hành khách vừa mở ra. Tàu ngừng hẳn lại. Đã 23 giờ 50 phút, nhìn qua cửa kiếng tôi đọc thấy những hàng chữ trên tấm bảng chỉ dẫn, ở đây là trạm Metropark, cũng như những ga khác, tàu dừng lại chỉ mấy phút, đủ cho người lên kẻ xuống. Như thế là tôi đã đi qua 8 trạm chính, có lẽ vậy. Tôi còn phải qua ga Newark International Airport, ga Newark rồi mới đến PENN (Pennsylvania Station), ga cuối cùng đến New

York.

Bỗng ở cuối toa gần cửa ra vào, hành khách lên xuống nhón nháo, chen lấn nhau. Có tiếng chạy đuổi, tiếng la hét từ bên ngoài dội vào khiến mọi người hoảng hốt không biết chuyện gì. Nhưng chỉ mấy phút sau trật tự đã trở lại, tiếp tục người lên kẻ xuống. Có tiếng hỏi:

- Đẳng ấy có chuyện gì vậy?

Từ trong đám đông có tiếng trả lời:

- Nghe nói cảnh sát đuổi bắt một tên tội phạm, hắn định lẩn trốn vào đây. Chắc cảnh sát đã bắt được hắn và đưa hắn đi rồi!

Đám đông yên lặng ngồi xuống ghế. Hình như họ vẫn chưa trút được gánh nặng trong lòng, một cái gì đó đang thực sự làm họ bồn chồn lo lắng. Trái lại, những sự kiện đó gần như không tác động gì đến tôi, có thể do tôi sinh ra trong một đất nước trải qua bao năm tháng chiến tranh, cảm xúc chai lỳ hoặc được coi là trầm tĩnh trước những tình huống tương tự.

Con tàu lại tiếp tục chuyển bánh, thu ngắn đoạn đường còn lại. Tôi định lật sách đọc tiếp. Tình cờ tôi nghe được câu chuyện của đôi tình nhân ngồi ở hàng ghế trước. Không nghe cũng không được, vì khoảng cách giữa họ và tôi đâu có bao xa và những người yêu nhau hình như không còn biết ai ngoài họ trên cõi trần gian này.

Người phụ nữ nói:

- Sau khi đến, em muốn lên tận chóp tòa Empire State Building, em muốn ăn món gì đặc biệt nhất ở đó và đi trượt tuyết!

Người đàn ông như có vẻ mỉm cười:

- Em quên bây giờ là đầu tháng năm, làm gì có tuyết! Anh có cảm tưởng như đang nghe em gái út của anh nói. Nó cũng mê trượt tuyết lắm!

- Chán quá, như thế là không thể trượt tuyết được. Nhưng em vẫn muốn đến Empire State Building trước đã.

- Olivia ! Em nói thật đấy chứ?

- Thật! Em chưa bao giờ đến đó.

- Ôi! Cung của anh. Người đàn ông cúi xuống hôn người phụ nữ

- Em là người phụ nữ tuyệt vời mà anh chưa từng gặp.

Người phụ nữ ngược lên âu yếm nhìn thẳng vào đôi mắt người yêu:

- Em có cảm tưởng rằng cuộc đời của em là ở đây với anh. Ngoài ra chẳng có gì là hiện thực và cuộc sống của em ở San Diego cũng chỉ là hư vô. Anh có cảm thấy đó là điều lạ lùng không?

- Không, anh không thấy điều đó lạ lùng. Anh chỉ thấy...

Bỗng dưng sau tôi vang lên giọng một người đàn ông, có lẽ ông ta đang nói với người ngồi bên cạnh. Vấn đề của người này làm tôi, cũng như nhiều người chú ý:

- Anh có biết không, báo chí cho biết: Theo Tổ chức Y tế Thế giới đã có 253 ca tử vong do SARS, hơn 4.400 ca nhiễm trên toàn thế giới tính đến ngày 29.4. Tại Trung Quốc hiện có 2.914 bệnh nhân SARS, 131 người đã chết, chưa kể 1.921 ca nghi nhiễm. Riêng Hồng Kông có thêm 12 người bị chết, tổng số 133, 16 người khác được xác định nhiễm SARS. Cũng ngày hôm qua, Ấn Độ phát hiện 2 ca SARS mới, trong khi Singapore có thêm 3 người nhiễm và 2 người khác bị chết vì SARS.

Không biết có phải do giọng của ông ta hơi lớn với một âm sắc đặc biệt hay do vấn đề nêu ra mà toa bỗng im bật. Họ đang chú ý lắng nghe điều người đàn ông vừa nói. Thật ra, điều đó không gì mới đối với họ, vì họ cũng đã đọc trên báo, thấy trên TV, nhưng họ vẫn hy vọng ở người đàn ông một tin tức gì mới hơn những gì họ đã có được. Tiếp theo một giọng đàn ông khác lại vang lên. Đó là người ngồi bên cạnh người đàn ông vừa phát biểu, ông ta muốn đóng góp ý kiến trong câu chuyện của bạn, nhưng đồng thời như để che giấu nỗi lo lắng của mình:

- Theo chỗ tôi biết, giáo sư Malik Peiris - một nhà vi sinh học hàng đầu ở Hồng Kông tuyên bố là virus SARS nay đang tấn công vào đường ruột cũng như hệ thống hô hấp - một

sự thay đổi mà nhiều chuyên gia ngành y lo ngại, vì khi đó virus trở nên hiểm độc hơn.

Tôi tò mò muốn quay đầu lại nhìn hai người đàn ông ở hàng ghế sau lưng tôi xem mặt mày họ thế nào, nhưng không dám vì có vẻ khiếm nhã, nên thôi. Nhưng câu chuyện của họ đã đưa đám đông trở lại với thực tế, một thực tế mà họ muốn chạy trốn, né tránh. Tôi nghe những âm thanh xao động, tiếng những trang giấy báo lần giở, tiếng thì thầm trao đổi nhỏ to, với giọng e dè, lo lắng...Không biết đó là sự thật hay do ảo giác mà đôi tai tôi tiếp nhận được.

Chợt nhiên, tôi cảm thấy ngứa ở cổ muốn ho. Sao lại có thể ho vào thời điểm này! Con ho như muốn vọt ra, nhưng tôi kịp ngưng lại. Tôi cố gắng kiềm chế, chặn đứng cơn ho đang dồn ép nơi cổ họng. Lúc này mà cất tiếng ho thì có khác gì như ném trái bom lửa vào giữa đám đông. Dù cái ho của tôi hoàn toàn chẳng liên quan gì đến căn bệnh SARS quái ác kia. Nếu tôi có ho thì đó cũng chỉ là cái ho bình thường, như tất cả mọi người, trong đời sống, thỉnh thoảng ngứa cổ ho lên vài tiếng, chẳng thể đe dọa sinh mạng bất cứ một ai. Nhìn những người đang có mặt trên toa tàu, tôi không tin họ có thể phân biệt đâu là tiếng ho bình thường và đâu là tiếng ho của người nhiễm SARS. Bất tiện hơn, tôi lại là người Á châu duy nhất trong toa tàu. Dưới mắt họ, khuôn mặt tôi lại rất giống người Trung Quốc, vùng đất nơi dịch bệnh SARS đang bùng phát mãnh liệt.

Tôi tưởng như đã có thể vượt qua tình trạng khó xử, cổ họng tôi có vẻ dễ chịu trở lại. Tôi lật tìm trang sách, định đọc tiếp hy vọng quên đi cơn ho. Nhưng chỉ ít phút sau, cổ họng tôi lại như bị ai cào cấu và lần này có vẻ khó chịu hơn nhiều. Tôi cố nén, nuốt nước miếng ừng ực, nhưng không được. Tôi định đưa hai tay lên bịt miệng, nhưng chợt hiểu cử chỉ đó có thể làm người ta nghi ngờ thêm. Tôi bỏ tay xuống nhưng miệng thì cố bặm chặt lại. Máu dồn lên, mặt tôi sưng và đỏ bừng. Một ý nghĩ chợt đến trong đầu, tôi đứng dậy lách người bước ra khỏi hàng ghế, đi nhanh về phía phòng vệ sinh ở gần cuối toa. Đến nơi, cửa phòng vệ sinh đóng kín, có ai đó đang sử dụng. Tôi đưa tay gõ mạnh vào cánh cửa. Nhưng bên trong không ai lên tiếng, hoặc có hành động gì đáp trả. Sức chịu đựng có hạn, tôi gập người ho. Và do bị kiềm chế lâu, nên khi ho, tôi ho sặc sụa, ho đến chảy cả nước mắt, nước mũi ... Qua khỏi cơn ho,

tôi hoảng hốt quay lại, tất cả những con mắt trong toa tàu yên lặng đều đổ dồn về phía tôi. Tôi gắng gượng nói:

- Xin đừng hiểu lầm. Tôi không phải bị SARS!

Sực nhớ, tôi móc túi lấy tờ giấy xác nhận không nhiễm SARS trưng ra cho mọi người thấy. Nhưng không ai thèm để ý đến tờ giấy trên tay tôi là giấy gì. Nó không thể chứng minh được điều cả, dù đó là tờ xác nhận tôi không nhiễm SARS thật.



tranh Thân Trọng Minh

Nỗi ám ảnh, sợ hãi đối với cái chết đã làm đám đông khựng lại, không kịp phản ứng, không kịp chống đỡ. Họ như bị tê liệt. Bởi lâu nay đầu óc họ luôn sống trong bầu khí bị đe dọa, bị uy hiếp liên tục. Có thể, hầu hết trong số họ nếu không trực tiếp thì cũng đã từng chứng kiến trên màn hình cảnh tượng hai chiếc máy bay của bọn khủng bố đâm bổ vào tòa tháp đôi WTC. Và trong số họ, chắc có người là thân nhân của những nạn nhân của thảm kịch 11.9.

Con người hôm nay vốn đã yếu bóng vía, thiếu tự tin, luôn sợ hãi đủ thứ - chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh và ngay cả với chính con người. Chính quyền, đặc biệt là chính quyền của một trật tự mới dựa trên sức mạnh đã đành, mà ngay cả báo chí

và các phương tiện truyền thông vì quyền lực, vì lợi ích riêng tư đã cố tình thổi phồng tất cả những biến cố, những tai họa xem ra có thể lợi dụng được, không ngừng làm tăng thêm nỗi sợ hãi, tạo cho con người cảm giác bất an, càng trở nên bất an hơn để dễ bề thao túng, hướng họ theo mục đích của mình.

Im lặng không thể kéo dài lâu hơn. Đám đông bất ngờ đứng bật dậy. Vừa lúc đó, tàu ngừng lại. Đây là ga Newark International Airport. Có tiếng ai đó la lên:

- Hãy thoát nhanh ra khỏi đây ngay! SARS !SARS !

Như phát pháo lệnh, đám đông hướng về phía cánh cửa vừa được mở, chạy vọt ra. Họ không nhớ ra điều gì và cần phải làm gì mà chỉ nghĩ đến điều duy nhất, làm cách nào lánh càng xa càng tốt vùng lây nhiễm. Họ chen lấn, xô đẩy nhau, ùn ùn thoát nhanh ra khỏi toa tàu. Tôi im lặng ngược lên nhìn người khách cuối cùng nhảy ra khỏi tàu. Cổ họng tôi đắng nghét vì cảm thấy mình như kẻ tội phạm đáng nguyên rủa, nguyên nhân đưa đến sự sợ hãi cho đám đông, đẩy họ xuống đường giữa đêm hôm khuya khoắt. Đây không phải là ga mà họ định xuống, hầu hết họ đều đi đến PENN, ga cuối cùng đến New York, nhưng vì sợ bị lây nhiễm, họ đã không quan tâm đến điều đó, chỉ cần làm cách nào thoát ra khỏi toa tàu, mặc cho đêm tối, mặc cho chương trình đã hoạch định bị đổ vỡ. Tàu tiếp tục chuyển bánh. Nhìn qua khung cửa, trong ánh sáng mờ mờ của những ngọn đèn tròn, tôi nhìn thấy đám hành khách cùng đi trên toa tàu với tôi vẫn đứng lóng ngóng trên sân ga nhìn theo. Khuôn mặt của họ phảng phất nét bi hài, khó thể phác họa được. Chỉ mấy phút trước, có đến cả trăm hành khách chen chúc nói cười, trao đổi. Giờ chỉ còn lại những hàng ghế trống, không một bóng người. Chỉ có một mình tôi với tôi trong toa tàu trống trải giữa đêm khuya. Tự nhiên tôi bỗng nhớ đến những ngày đầu khi tôi tập tễnh bước nghề sân khấu. Tôi theo đoàn hát đi khắp nơi, mỗi khi đoàn diễn kịch bản của tôi. Có những đêm mưa tầm tã, đoàn không diễn được vì vé bán không đủ sở hụi. Anh chị em trong đoàn hát, người đi ngủ sớm, kẻ uống rượu tiêu sầu, những người khác bày sòng sát phạt lẫn nhau. Còn lại một mình tôi ngồi ở góc rạp, nhìn những hàng ghế khán giả trống trơn bất động và nghe như có tiếng thì thầm bí ẩn của những âm hồn lẫn khuất để cảm nhận được nỗi đau của một giấc mơ chưa thành, sự bất lực trước cuộc

kiếm tìm chính mình. Nước mắt của tôi cứ thế mà chảy tràn lên má. Tôi cảm thấy đau xót, bất lực không phải vì bị ngộ nhận là một bệnh nhân SARS mà về cái thế giới loài người với những tình cảm yêu thương và sự cảm thông tưởng như đã bị đánh cắp, bị nứt rạn mà không có cơ may hàn gắn. Có phải chỉ vì nỗi ám ảnh sợ hãi trước cái chết mà con người đã không còn quan tâm đến người khác, không nhìn nhận người khác như anh em, sẵn sàng xua đuổi, xa lánh đồng loại, những người cùng sống ngày hôm nay trên trái đất này? Con người đã hết còn cảm thông được với con người? Chính vì sự sợ hãi, lo lắng cho bản thân mà đám hành khách cùng toa tàu với tôi đã hoảng hốt trước một dấu chỉ, dù mới chỉ là dấu chỉ thôi, họ đã ngộ nhận và ruồng bỏ, chạy trốn tôi. Tôi chưa chát nghĩ đến trường hợp mỗi một người trong chúng ta có kẻ bị rơi vào một tình huống không may mà những người chung quanh không một ai động lòng, không một ai xót thương đưa tay ra đỡ dậy, nói lời an ủi hỏi han, muốn cứu kẻ bị nạn thì thế giới này thật buồn thảm biết chừng nào! Tâm hồn tôi chìm ngập trong nỗi cô đơn, đau đớn. Tôi hoàn toàn không có một chút khái niệm nào về không gian thời gian. Tôi như một linh hồn vật vờ, lảng đãng trong một thế giới mờ ảo, phù du và tăm tối ... Tàu đã ngừng hẳn lại. Đây là ga cuối cùng. Con tàu đã đưa tôi đến New York mà tôi không hề hay biết. Tôi vẫn ngồi một mình, toa tàu bỗng thênh thang im vắng như một nhà mồ. Sự trống vắng phủ chụp lấy tôi, trải dài đến những khoảng không vô tận của bóng tối và sự lạnh lẽo ngăn cách tôi với thế giới.

Chợt trong đầu tôi, thoáng hiện khuôn mặt Thu Huệ với nụ cười rạng rỡ và mái tóc dài hất ngược ẩn khuất giữa dòng người ngược xuôi năm nào. Giờ chính khuôn mặt ấy đã biến dạng, đã đổi thay, đang thoi thóp trên giường bệnh trong căn phòng lạnh lẽo trống vắng, không một bóng người. Tôi thầm nghĩ, lỡ như tôi đến trễ, thì đó là điều đáng ân hận biết chừng nào: cuộc ra đi của Huệ có thể trở thành cuộc ra đi đơn độc, nó sẽ không cho Huệ một cảm giác lưu luyến đối với trần gian chút nào cả. Ý nghĩ ấy đã khiến tôi sợ hãi và xót xa cho số phận của Huệ, số phận của một con người, cô độc tuyệt đối, như tôi đang ngồi với chỉ mình tôi bây giờ. Còn gì khủng khiếp hơn, buồn tẻ hơn nếu một ai đó biết rằng trong khoảnh khắc mình bị đẩy vào tình huống bất hạnh, gian nguy hay phút giây sắp phải chia lìa trần gian để đi về cõi vô định mà bị con người

xa lánh, bị con người phủ nhận?

Nỗi cô đơn quá lớn, quá dày đặc bao vây tôi không một khe hở đến nỗi bàn tay tôi không thể ngó ngoáy cử động. Tôi như một pho tượng cẩm nín, vô hồn.

Bất ngờ, tôi giật mình tỉnh thức bởi bàn tay ai đó đặt nhẹ lên vai. Ánh sáng của ngọn đèn chiếu lướt qua và giọng nói ồ ồ của người đàn ông vang lên:

- Tàu đã đến New York! Không biết tôi có thể giúp gì cho ông?

Tôi ngược lên, trước mắt tôi là người kiểm soát vé tàu với nụ cười đôn hậu nở ra trên khuôn mặt dạn dày, thô xám. Thật kỳ lạ, tôi không hề bị bất ngờ trước những điều ông nói và cũng không ngạc nhiên. Lời nói và cử chỉ của ông bình dị, nhưng chan chứa tình cảm, có đủ sức mạnh xô ngã những rào cản, những ngộ nhận, những nghi kỵ sợ hãi và luôn cả nỗi tuyệt vọng trong tôi. Nó đã nhen nhúm và nảy sinh niềm tin yêu, sự náo nhiệt tung bùng của tình người, tình liên đới nhân loại đã tìm thấy lại ở mặt kia của thế giới.

**(Trích Truyện ngắn 12 tác giả - Thư Ấn Quán sắp tái bản. In và chỉ tặng theo yêu cầu)**

# CHÌM SÂU XUỐNG ĐÁY

Nguyễn Lệ Uyên

**¶ Cô lao đi trong đêm tối, giữa đường phố khuya khoắt. Cô cảm đầu chạy mà không biết mình chạy đi đâu. Những giọt nước mắt tủi nhục chạy theo cô. Gió thổi tung mái tóc rối bù cùng cô chạy như thể phía sau là lũ kẻ cướp tay vấy máu đang truy đuổi.**

- Anh là đồ đều cẳng, quân lưu manh, loại người tán tận lương tâm, phường sơn đông mã vĩ đầu đường xó chợ! – Cô gào lên. Gào lên và nằm gục trên thành ghế. Hai vai rung bần bật như gốc cây bị cơn bão lớn xô lay nghiêng ngả. Đầu tóc cô rũ rượi như tóc con mụ điên. Lúc này không thể nhìn thấy khuôn mặt xinh đẹp của cô, đôi mắt tròn đen láy của cô và làn da mịn màng trên đôi má ửng hồng như mọi khi. Nó chìm mất dưới hai vai, dưới mái tóc xo tung. Cô như đang chìm dần, chìm dần xuống đáy hồ màu nước đen.

Chồng cô đi tới đi lui trong phòng khách bày biện sang trọng. Hai tay hết đưa lên trời lại buông thõng xuống, đầy vẻ bất lực, cam chịu. Anh ta đang tìm câu trả lời, nhưng chưa có câu trả lời nào xuôi lọt, bèn ngồi đánh phịch xuống ghế sofa, trước mặt vợ, rặn từng tiếng một:

-Em... nghe này... Anh làm... như vậy là vì ai? Vì... vì... tương lai của... chúng ta, con chúng ta...

-Tôi không cần thứ tương lai như nhuốc đó. Anh đánh đồng tôi với con đi không hơn không kém – Cô không gào mà rống lên lên, ngẩng mặt nhìn thẳng vào mặt chồng với cặp mắt ngầu đỏ

- Nếu tôi muốn làm đi thì tôi đã làm đi từ lâu chứ không phải đợi đến lượt anh đẩy vợ vào tay kẻ khác.

-Tại sao em... cứ làm to chuyện lên vậy? Có mất mát gì đâu nào? Sếp mời đi ăn. Một bữa tối hơn mức bình thường thế thôi. Sếp sẽ... - anh nói một cách trơn tru, nhưng nói chưa hết câu, cô vụt đứng lên, nhanh như con chim cất, chụp ly uống trà ném choang vào mặt chồng. Chiếc ly sứ màu trắng bay với tốc độ

của viên đạn bay ra khỏi nòng súng, trượt qua mép tai chồng, vỡ đánh choảng vào bức tường trước mặt, để lại một vết loang nham nhở. Mảnh vỡ nảy lên rồn rảng trên nền gạch hoa trước khi vung vãi tung tóe trên sàn. Bên tai anh chồng có cảm giác như có hơi nóng đường bay của viên đạn khiến anh đứng vụt dậy theo bản năng của con người khi gặp nạn, cùng lúc với cánh tay phải đưa lên và chồm tới... rồi tự đánh rơi thân thể xuống lòng ghế, nghe tiếp tiếng thét như lưỡi gươm chạm mạnh vào tảng đá rắn.

-Anh cút đi! Cút khỏi căn nhà này cho khuất mắt tôi.

Cô nói và ném cái nhìn khinh bỉ về phía chồng, loạng choạng đứng lên, bước về phòng, đóng sập cửa lại.

oOo

Nhà hàng M.A sang trọng nhất thành phố. Phòng ốc rộng rãi, thoáng mát. Tường dán bằng loại đá tổ ong đào xới đầu đó dưới lòng đất, khiến khách có cảm giác như đang ngồi trong hang động thời tiền sử. Trên tường treo vài bức tranh chép, mấy giò lan hồ điệp, vũ nữ; bàn ghế rất theo kiểu Tàu thời vua chúa. Một lần ngồi vào những căn phòng sang trọng này, dễ chừng khách có cảm giác bị đánh lừa rằng ta cũng thuộc loại công hầu khanh tướng thời thịnh trị.

Sếp Tần thường tiếp khách ở nơi này. Nhưng không phải khách nào ông cũng đưa đến đây. Ông phân loại như dân rồi bờ phân loại cá từ các tàu thuyền đánh bắt từ biển đưa lên. Chỉ có khách sộp, loại cấp trên ông mới đưa đến. Đồng cấp thì nhà hàng khác, cỡ tầm tầm; cấp thấp là những nơi thượng vàng hạ cám đều có thể ngồi và huênh hoang chuyện trời đất về sự nghiệp công hiến, có thể ăn tục nói phét; thậm chí, những lúc bia rượu bốc lên đầu, hoa mắt có thể đưa tay xoa mông những cô tiếp viên đáng tuổi con cháu.

Ông phân biệt và xếp loại một cách rạch ròi như vậy, biết cách chịu luôn, nắn bóp nên được cất nhắc làm sếp một cơ quan béo bở, hái ra tiền. Lắm kẻ mơ ước chỉ cần ghé đít ngồi vào chiếc ghế này để ký tên, đóng dấu chừng nửa năm rồi chuyển đi bất cứ nơi nào, họ cũng sẵn lòng. Nhưng cơ may đó không tới tay họ. Người tốt số là ông. Một nhân vật biết người, biết ta, thừa khả năng giao tiếp, đến nỗi những kẻ khó tính đến đâu cũng không thể “bực mình” với ông được. Chưa bao giờ thấy cấp

trên cao hoành hoệ ông. Có thanh tra mấy lần, tưởng vỡ tổ, nhưng ông là kỹ sư hàn xì nên bịt lỗ mọi rất nhanh. Tất cả đều đề huề, vui vẻ. Ông cũng vui. Nhưng cấp cao hơn lại vui gấp bội, bởi họ không bị mất một nguồn thu nhập đáng kể, hợp pháp.

Thông thường, khi ông há mồm nhét vào cục cơm nếp thì đám nhân viên được vét những mẩu cặn cháo dính trong thành tô. Ông ăn “bifteck” thì nhân viên cũng có được những mẩu vụn bánh mì vung vãi trên bàn ăn. Rượu tràn ly. “Dô dô”. Bia ngập phòng. “Dô dô”. Đám nhân viên luôn hò la cùng ông, múa may một cách đồng cảm với ông.

Nhưng với cái đám nhân viên kia, ông luôn ngó chừng. Ông cứng rắn và mềm mỏng. Ông vỗ về kiểu an dân và nắn bóp thiệt mạnh rồi lại xuê xoa, hề hề, khiến ai trong cơ quan cũng nghĩ ông luôn quan tâm, luôn thương yêu mình hơn những kẻ khác.

Luân cũng nằm trong số suy nghĩ ấy, và anh cứ cung phục dịch cho ông Tần trong công việc ở cơ quan và ở cả nhà riêng một cách kín đáo. Có lúc anh tìm mua những con *vú nàng* với giá cắt cổ mang đến nhà ông Tần, tự tay chế biến, bung lên bàn:

- Anh chị dùng thử món này. Không những hiếm quý mà còn ngon hơn ốc hương, sò huyết. Ăn nhiều, bổ như canh yến huyết ... - Anh liếc nhìn vợ ông Tần, tay xoa xoa vào nhau – Chị thứ lỗi, em...

Cái kiểu nói lấp lửng khiến ông Tần nghĩ anh nhân viên là người trung thành nhất trong số mấy chục người dưới tay. Còn bà Tần nghĩ anh là người dễ thương, biết kính trọng người lớn. Những bữa ăn như vậy, anh ngồi gần như làm vùi, ăn ít gọi là để nhường cho cái miệng luôn động đậy và bàn tay cầm nĩa luôn động đậy. Anh gấp bỏ những món ăn thơm phức vào chén vợ chồng thủ trưởng, giục:

-Anh chị dùng nhiều vào, bổ lắm, mát... - Miệng nói, tay xoa xoa vào nhau.

Bữa ăn chấm dứt, anh đứng lên mang hộp tắm tới đưa tận tay, lại rót nước đặt trước mặt hai người rồi thu dọn tất cả mâm chén, mang xuống bếp, tự tay rửa sạch.

Đúng là loại trí thức mẫn cán từ công chuyện cơ quan tới chuyện riêng tư, ông Tần ngẫm nghĩ. Tay này khá. Bà Tần lơ mơ trong đầu. Đồng tử hai người dần ra, mép họ cũng dần ra

và đều có ý nghĩ chung: thời buổi này hiếm có con người nào được như vậy.

Ông bà Tần rất hài lòng.

Luân nghĩ bước đầu mình đã thành công khi dần chiếm được cảm tình của ông bà Tần. Quan trọng nhất là bà Tần. Luân khẽ hạ chào ông bà và không quên kèm theo lời chúc ngủ ngon giấc.

Anh nắm bàn tay hâm hấp mồ hôi của sếp. Anh nghiêng người chào bà Tần theo cung cách của con nhà quý tộc và bước ra cổng.

Luân dắt xe ra một đoạn khá xa mới nổ máy. Xe lướt êm như chiếc thuyền trôi trên mặt sông không gợn sóng.

Một lúc khá lâu, sau khi cạy hết bọn nơi chân răng, bà Tần nghiêng người về phía chồng, nhận xét:

- Tay này được đấy. Nó có chức vụ gì chưa?

Ông Tần bung ly nước uống một ngụm nhỏ, giữ một lúc trong miệng trước khi nuốt đánh ực, nói:

- Sao bà hay thọc chân tay vào chuyện cơ quan lắm vậy?

- Thì em cũng hỏi vậy. Lĩnh của anh đến nhà đông nhưng không ai bằng thằng này. Nó làm công việc chắc khá?

- Chuyện đó bà khỏi cần hỏi.

- Em chỉ nhận xét thôi.

Ông câu:

- Ủ, khá nhất trong đám.

- Vậy chắc nó cũng được phân công vào một chức vụ nho nhỏ nào đó? – Bà ồm ờ.

- Tất nhiên. Trưởng phòng kế hoạch. Tôi cũng đang cân nhắc đề bạt nó lên phó để giúp tôi.

Những lỗ hồng đã ong trưỡng phình lên như những hang động lung linh. Bức tranh chép “quán cà phê đêm” của Van Gogh ngập màn đêm và ánh sáng lơ mờ. Giò lan vũ nữ nhảy múa tung tăng như nàng trinh nữ trên thảm cỏ mượt mà. Gian phòng lộng lẫy, xoay vòng, dang đôi tay dịu cô bay lượn trên không trung. Tiếng nhạc từ các hang động vắng vắng, róc rách tiếng suối reo trong trẻo. Cô miên man và chìm ngộp trong âm thanh và sắc màu đó. Cô đã hoá thân thành nàng trinh nữ ở một xứ sở nào đó với những ly rượu vang trắng nhập từ Pháp. Cô không còn nhớ mình đã uống bao nhiêu, bởi ông Tần luôn rót, luôn mời và luôn miệng khen cô xinh đẹp khả ái... Tất cả

những thứ đó đã đẩy tít cô lên cao và không còn biết mình đang ở đâu, Luân ngồi chỗ nào trong đám nhân viên tín cẩn nhất của ông Tần. Minh đang đánh đu sự cọt nhả thấp kém sao? Còn Luân đang ở đâu, sao không thấy anh đưa lời đỡ vợ? Cô đưa tay, chơi với rồi vụt bay lên cao, cao tít tận miền trắng đục không có thời gian và không gian tục tần trần giới. Cô chìm vào giấc mộng thật dài không hình dạng, được bao bọc bằng lớp bọt khí trong suốt thủy tinh. Cô không còn nhìn thấy Luân, chồng cô; không thấy ông Tần cùng những người ngồi quanh chiếc bàn rộng lúc trước. Những bông hồng trên bàn ăn, muống, nĩa, dao và chiếc khăn bàn trắng tinh như lông con thiên nga đang bơi lội trong hồ nước trong xanh... Tất cả, phút chốc đều biến thành lớp bọt khí trôi nổi, bênh bồng khắp cả bầu trời bao la vô tận vô cùng. Cô thấy thân thể mình nhẹ tênh, những cảm giác rung rinh lênh bênh, có lúc như những khoái cảm nhói lên rồi rời rạc rụng một chỗ nào đó, hoang vắng. Cứ thế mà cô bay lượn. Cứ thế mà cô chao cánh giữa lớp bọt khí nhẹ tênh không trọng lực.

Bầu trời thì bao la, mênh mông. Đôi cánh thì mỏng và có giới hạn nhất định. Chao lượn mãi cũng sẽ mỏi. Cô mỏi thiệt. Cô tỉnh hẳn. Mờ mắt ra, thao láo ngó trần nhà có chùm đèn trên cao không sáng. Chỉ có ánh sáng màu xanh nhạt lơ mờ hắt ra từ một góc nào đó. Chùm đèn trên cao và màu sáng xanh kia không phải nơi nhà cô. Chiếc giường cô đang nằm cũng lạ hoắc. Chiếc gối lạ hoắc. Cả mùi nước hoa ngai ngái đã thừa cũng từ xứ nào ám vào người cô. Cô tỉnh hẳn, như thể vừa từ cõi mộng du bước về, vội vàng đưa tay chụp lên ngực. Bộ ngực trần trụi hần hển thở như tiếng thở thoi thóp của kẻ chết đuối vừa vớt lên. Cô đưa vội bàn tay xuống xa dưới kia, chỗ bụng. Cúc áo lật tung. Cô xê dịch bàn tay. Cô hốt hoảng: cái gì thế này? Tự hỏi trong đầu và vùng ngồi dậy. Đầu óc nặng trĩu trịch như đeo đá tảng. Cô ngã sụp xuống, mắt mờ thao láo, không dám tin vào những gì mình vừa ngó thấy, vừa nhận ra. Luân bỏ đi đâu? Ông Tần đi đâu? Những người ngồi lúc này giờ ly xung tụng thủ trưởng với cơ man từ ngữ hoa mỹ nịnh nọt, giờ chạy trốn hóc xó nào? Sao bỏ mình cô nằm giữa nơi đi bọm xa lạ này?

Cô lấy hết sức ngồi dậy. Toàn thân ê ẩm. Cô nghe tiếng nước chảy trong phòng tắm. Lúc sau ông Tần bước ra. Cô há hốc miệng, trố mắt nhìn ông như nhìn một con quái vật, như một

tên đao phủ có bộ mặt ông thầy tu. Ông vẫn ăn vận như lúc ngồi nơi bàn tiệc. Có khác là chiếc cà vạt trễ xuống, áo quần xộc xệch... Cô trần trối ngó ông với nỗi run sợ hoảng loạn. Ông lên tiếng trước khi vừa nhìn thấy cô ngồi chết trên trên giường:

- Cô không sao chứ? Cô làm tôi sợ hết hồn.

Cô òa khóc. Hai vai run bần bật:

- Sao tôi ở đây? Tại sao ông đưa tôi tới đây? Luân đi đâu? Họ đâu cả rồi?

- Cô bình tĩnh. Lúc ở nhà hàng, Luân nói chạy đi đâu đó có chút việc quan trọng. Tôi chờ tới khi mọi người ra về nhưng Luân không đến, trong khi cô thì say quá sức. Tôi gọi điện. Điện thoại bận liên tục nên đành phải đưa cô về. Nhưng cửa thì khoá cứng. Tôi để cô nằm trên vỉa hè à? Đành phải đưa cô tới đây, chờ Luân. Nhưng cái thằng ôn dịch đó không rõ làm gì ở đâu gọi mãi không xong. Giờ thì cô tỉnh lại rồi. Tôi đưa cô về. Không có gì xảy ra cả!

Ông Tần nhon nhon bản mặt dày cộp lớp mỡ heo, nói một thôi một hồi dài. Cô la lên:

- Các người là một lũ đồn mạt, một bọn dê hèn!

- Cô đừng có quá lời. Trước lúc chồng cô đưa đi dự liên hoan, nó không nói gì với cô sao?

- Nói gì cái lũ đi bọm các người, rất một lũ cặn bã dưới đáy xã hội!

- Vậy là lỗi của Luân. Liên hoan mừng chồng cô lên chức đó. Tôi đề bạt và trên ký quyết định bổ nhiệm sáng nay và chúng ta liên hoan mừng...

Cô gào lên:

- Ra thế. Rất sòng phẳng. Một cuộc buôn bán sòng phẳng – Cô ghen ngào, uất ức mà không mở ra lời nào tệ mạt hơn để ném vào mặt bọn người dê tiện và kẻ đứng gần cô nhất lúc này.

Giá như cô chết được. Chết ngay tức khắc có lẽ sẽ nhẹ nhàng hơn nhiều. Cô bật dậy, loạng choạng chạy ra khỏi phòng như một con diêm mặt hạn. Cô lao đi trong đêm tối, giữa đường phố khuya khoắt. Cô cầm đầu chạy mà không biết mình chạy đi đâu. Những giọt nước mắt tủi nhục chạy theo cô. Gió thổi tung mái tóc rối bù cùng cô chạy như thê phía sau là lũ kẻ cướp tay vấy máu đang truy đuổi.

# NGƯỜI TỬ TÙ

Truyện vừa của KHUẤT ĐẦU  
(tiếp theo và hết)

11



Quạ đã tới!

Quạ! Quạ!

Quạ réo tên mình như một sự tôn xưng thậm ngu ngốc.

Những con quạ đen trộm cắp lão liên, thoát ra thoát vào các xóm làng, rình bắt gà con.

Những con quạ, lòng sục bạo tàn như những tên thổ phi, chui rúc vào các tổ chim hiền lành bố mẹ không biết chống đỡ, đập vỡ những quả trứng nâng niu, vật chết những chim non mới nở.

Những con quạ đói khát, luôn luôn đói khát, thường khi vẫn bị chim sáo và chèo bẻo đuổi đánh xác xơ.

Những con quạ đêm đêm kêu thét trên mái nhà những người đang hấp hối.

Những con quạ trong buổi chiều đã tới, những tên khôn kiếp từ khắp nơi đã nghe ra trong gió mùi tử khí, như cá mập đánh hơi mùi máu trong ngàn dặm biển xa.

Quạ! Quạ!

Xếp lại những đôi cánh đen nham hiểm, chúng dừng lại trên những mỏm đá nâu, nhìn xuống cái xác thối rữa với tất cả nôn

nao còn cào, khiến cổ họng chúng bệnh ra và từ đó thoát ra tiếng quạ quạ khàn đục. Chúng vẫn gọi tên mình kêu hãnh, nồng nhiệt, như thể trên đời này chỉ có quạ là xứng đáng được tụng ca.

Quạ, quạ!

A, cái bữa tiệc phơi mở nồng nàn kia, chờ đợi gì nữa mà chúng mình không nhập tiệc! Hãy sà xuống, vợ con ta, anh em ta, bạn bè ta, hãy sà xuống như những lần bắt trộm gà con. Chúng mình có những chiếc mỏ sắc như dao kéo. Chúng mình biết cách làm cho thịt người chết và ngay cả người sống phải rớt rơi, chạy tuốt vào bụng.

Nào hãy reo lên để ca ngợi vận hên.

Quạ, quạ!

Quạ muôn năm!

Những con quạ bản thủ liên sà xuống thấp. Đôi cánh đen của chúng che rợp một góc trời.

Quạ muôn năm!

Quạ muôn năm!

Quạ bay đầy trời.

Quạ bay như quân cuồng khấu công thành.

Quạ kêu vang trời như một bài ca ai điệu.

Quạ muôn năm và muôn năm quạ!

Người tù nhìn bầy quạ đang bay lượn trên đầu như những kẻ đồng bóng chạy đàn. Anh có cảm giác như mình đang gặp lại đời sống xô bồ, ồn ào, quen thuộc sau nhiều ngày xa cách. Anh chờ đợi chúng tới gần với ít nhiều tò mò, thích thú. Anh nghĩ, ít ra chúng mày vẫn sinh động hơn những núi non xụ mạt và cũng dễ thân quen hơn là những con dòi.

Anh ngửa mặt nhìn lên trời, vui vẻ bảo chúng:

Thì xuống đây xem nào, làm gì mà ồn lên như thế.

Anh nghe giọng nói mình khó khăn sau nhiều ngày câm lặng. Một giọng nói mệt nhọc, nhiều lúc ngã quỵ như một người ốm yếu phải leo lên dốc. Có lẽ, từ đây nhờ chúng mà anh được nói, được cười. Dù rất ghét những ai tự ca ngợi mình, nhưng cái tiếng quạ quạ vẫn làm cho anh cảm thấy vui tai. Nó vẫn dễ nghe hơn là tiếng vang khô khốc của đá lăn trên đá.

Quạ quạ!

Muôn năm quạ!

Thì mặc xác chúng mày, muốn bao nhiêu năm mà chẳng được!

Nhưng lũ quạ hôi tanh vẫn chưa đáp lời anh. Chúng hãy còn bay như diều vô giương oai. Chúng đang thét gào như quát bảo: này, cái thằng người như con sâu róm kia, rồi cũng sẽ làm mồi cho bọn tao đây, quạ quạ!

Bầu trời bây giờ mù đục, các vách đá không còn chói chang nhưc óc. Người tù cảm thấy tự tin hơn vì ít ra anh cũng đã chống chọi được với cái buổi trưa khắc nghiệt nhất trong đời. Từ đây, với đêm tối sắp đến, mọi sự chắc sẽ dễ chịu hơn, anh tin là như vậy.

Đột nhiên, hết sức lặng lẽ, lũ quạ đáp xuống bên anh. Chúng nhìn anh như lũ trẻ nhìn một người đàn ông xa lạ đang mang trên lưng một thùng quà. Không hiểu ông ta sẽ tung hê hết cho chúng mình hay bày trò phỉnh gạt?

Người tù nhìn lũ quạ nhích tới bằng những bước chân rón rén. Gần, thật gần. Những cái mỏ cong như câu liêm, sắc như mỏ chim ưng kia rúc vào cái xác trên lưng, chỉ trong chớp mắt là sẽ chẳng còn gì. Không còn lưng lẳng tay chân, không còn thịt da hôi thối, không còn dòi. Ừ, không còn dòi, đó là điều anh mong đợi nhất.

Và một khi, cái xác lãnh tụ không còn đeo bám trên lưng anh nữa, như một sự toàn trị gớm ghiếc, anh cũng sẽ không còn thù, không còn xích, anh sẽ nhẹ tênh với tự do bát ngát, tự do đứng ngồi, tự do tới lui và tự do chết. Thật không ngờ cái lũ dơ bẩn kia lại có thể đem đến tự do cho anh. Với tự do thênh thang, anh sẽ cố leo lên những mỏm đá cao kia, sẽ nhìn lại cây cối, ruộng đồng, cửa nhà phố quận. Anh sẽ hét lên thật to hai tiếng tự do, dù biết rằng sau đó anh sẽ chết. Cái ý nghĩ chết tự do, tức là làm chủ cái chết, khiến anh cảm thấy ít ra, mình vẫn còn là một con người chứ không phải con dòi.

Anh nhìn lũ quạ bằng cái nhìn mời gọi thơn thỏ. Anh ngoắc tay nói với chúng: lại đây, lại chia giúp cái của nợ này. Thịt da lãnh tụ là ngon lắm đây! Càng béo càng thối, càng thối càng ngon, phải không nào? Một vài con như hiểu được xích lại gần.

Chúng nghiêng đầu ngấm ngấm, lựa chọn chỗ nào là thơm ngon nhất.

Quạ quạ, cho thiệt phải hôn?

Ừ, anh nói, lại gần chút nữa, đậu trên lưng tao đây. Này, ăn thử một con dòi để biết nó mê tơi như thế nào.

Anh nhặt một con dòi đang bò trên bụng, búng về phía con quạ đứng gần nhất. Những cái đầu đen chụm lại như ruồi. Một cái cổ giương cao bạnh ra và anh trông thấy con dòi sáng trắng biến mất trong cái miệng đỏ như máu. Vừa kinh tởm nhưng cũng vừa thích thú, anh lại nhặt những con dòi đang bò lúc nhúc trên mình, ném cho chúng.

Lại giãy xéo tranh nhau, lại kêu quạ quạ như bảo nữa nữa!

Vui quá, chúng mày ăn như người ta nhai bánh trắng trước khi vào tiệc. Thì đây, cái bữa tiệc ê hề đang bày sẵn trên lưng tao đây. Còn ngại ngần gì nữa mà không chịu nhảy phóc lên, hãy xoi một bữa no kênh cho bỏ những ngày đói khát.

Nhưng lũ quạ chưa đủ tin nên chưa dám nhảy lên. Cái máu trộm cắp khiến chúng lúc nào cũng dè chừng cảnh giắc. Tổ tiên chúng đã bao nhiêu lần sụp bẫy, chỉ vì những chú gà con ngơ ngác đang kêu chim chirp dưới những tấm lưới nguy trang.

Người tù nghĩ ra một cách mời gọi khác. Anh quay lưng về phía chúng, chìa cái xác tênh hênh nhầy nhụa máu mủ. Thơm ngon quá phải không? Ăn hết đi, ăn hết rồi cút khỏi mắt tao! Nhưng lũ quạ tỉnh ranh lùi lại. Khó tin quá. Lũ người đầu có dễ cho không như thế. Sự nghi ngờ khiến chúng bay toáng lên.

Không dụ được lũ quạ khiến anh ngồi chổng chơ lảng xẹt. Chẳng lẽ chúng chỉ ăn dòi? Đợi cho cái xác kia biến thành những con dòi, để thật mềm, thật ngọt rồi mới chịu ăn như những kẻ cầu kỳ biết đến bao giờ. Chừng đó thì chính anh cũng đã rã mục ra rồi!

Nhưng anh lầm, lũ quạ không chỉ muốn ăn dòi mà còn muốn móc mắt anh ra. Chúng lại kêu quạ quạ như để tăng thêm can đảm, đáp xuống sau lưng anh. Những con dòi tuy béo núc nhưng chẳng thấm vào đâu so với tính ăn bản của chúng. Một vài con chỉ làm cho chúng thêm khát, háo hức, cuồng điên hơn mà thôi. Chúng không ngớt reo quạ quạ như găm gù dọa nạt.

Người tù cảm thấy rờn rợn như đang nghe tiếng quát tháo trầm thống của thần chết. Chỉ có hăn mới có ngôn ngữ và giọng điệu

âm ào như thể. Chưa từng gặp nhau, nhưng anh cảm thấy hấn đang đến thật gần, như thể hấn quanh quất đâu đây. Không còn nghi ngờ gì nữa, lũ quạ hôi hám kia chính là đạo quân tiên phong của hấn.

Anh đang tư lự, dùng dằng thì đột ngột như một con sóng đen, lũ quạ ào tới. Chúng lao vào người anh những cú đâm ô nhục, còn hơn lúc bị khảo tra trong ngục đá. Chúng chen lấn, giẫm đạp, gào la. Chúng thọc sâu những cái mỏ gọng kềm, rúc vào mớ thịt dềnh lên như bùn lỏng. Chúng vừa kêu quạ quạ vừa hôi hả nuốt ồng ọc. Chúng trùm kín cả cái xác và người tù như một nấm mồ đen.

Anh chết ngộp trong nấm mồ nồng tanh dơ bẩn đó. Chính anh cũng bị quạp lấy, róc rĩa. Thịt da anh đã không ngớt kêu than. Anh lẫn lộn, quẩn quai như con sâu giữa bầy kiến dữ. Dù vậy, trí óc anh vẫn rần ròi sáng suốt. Anh biết mình phải chết nhưng không thể chết trong những cái mỏ hôi thối của loài ác diệu. Cho dù cái kịch bản hành hạ này đã được lũ quỷ quyền uy dàn dựng, anh không thể nằm im đợi chết. Anh vẫn là một con người, trước cái chết dù bất cứ hình thức nào, cũng không thể đầu hàng vâng phục. Không thể để lũ quái diệu này muốn cắn, muốn xé, muốn nhai, muốn nuốt gì cũng được.

Anh dùng mảnh chống chọi. Trong mớ cánh đen thui, anh quor tay chộp được một cánh, rồi hai cánh. Anh ghì chặt, nghiền răng, siết cổ. Con quạ chết không kịp ngáp. Một con, rồi một con nữa, anh bóp chết thật hả hê.

Tưởng chừng như thể lũ quạ sẽ bay vù lên, nhưng không, chúng vẫn trơ lì cắn mổ. Chồng chết, mặc. Vợ chết, mặc. Con cái chết, mặc. Ăn cái đã. Ăn cho bằng được miếng thịt chua rệu ngon lành kia. Ăn như thể biết đây là dịp may hiếm có vì mấy khi được ăn thịt lành tỵ.

Ăn, ăn nữa. Gãy cổ cũng cứ ăn, rã cánh cũng cứ ăn, lòi họng vẫn cứ ăn. Ăn cái đã rồi ra sao thì ra. Mau lên anh em ơi, quạ quạ.

Lũ quạ lại đè anh xuống sát đất.

Lại giành giật từng chút thịt da.

Lại theo kịch bản của lũ quỷ người làm nhục anh như con vật.

Nín thở, để dành hơi, anh cố sức tung mình lên như cái cây mạnh mẽ xé đất mọc lên. Nổi tai ương lạ mặt, nổi cực hình chó đẻ, nổi bi thảm thần sầu, anh đập bằng tất cả. Anh đéch thềm chịu đựng. Giờ là lúc tung hê hết thầy, còn một phút, một giây là còn chịu chơi giết chó. Anh chộp ngay một con, kéo căng cái cổ nó ra, đưa lên miệng, cắn. Anh cắn với tất cả hồn cầm. Anh cảm thấy một nỗi khoái cảm man rợ trào lên ngực. Anh nghe máu nóng hồi hồi của nó chảy qua cổ họng.

A, ha ha, ta cũng biết uống máu, ta cũng tàn bạo man rợ có thua gì chúng bay đâu!

Quả là anh đang khát, mà máu chẳng phải là nước sao? Một thứ nước màu đỏ làm cho anh ngất ngây như say rượu. Anh ném cái xác cạn kiệt về phía những con quạ đang tức bực nhìn anh. Ăn đi, ăn đi, đồ khốn. Anh mắng mỏ, rượt đuổi, nhưng chúng vẫn không chịu bay đi, chỉ nhích xa hơn một chút. Đợi chờ.

Anh lợm giọng nhìn những miếng thịt tím chất, những mảng tóc nhầy nhụa bị bứt ra khỏi sọ, những khúc ruột nhàu nhò, những lồng xương rơi rụng. Khi ngồi trên đỉnh cao quyền lực, có lúc nào lạnh tự nghĩ tới cái kết cuộc bản thiêu này không? Dĩ nhiên, đã chết thì ai cũng phải mục rữa, nhưng tanh bảnh tẻ bẹ bầy hầy như thế này quả là điều không ai muốn. Chết không có gì đáng sợ, chỉ sợ là sau khi chết.

Lũ quạ lại kêu tên mình như vỗ ngực xưng ta đây thách thức. Trong bọn, một số no nê đâm ra đủ dờn làm anh ngứa mắt. Anh nhặt cây gậy ném về phía chúng, nhưng nhanh hơn, chúng nhảy sang một bên tránh được. Chúng lại kêu quạ như chế nhạo. Trong khi đó mặt trời ném những tia sáng mãnh liệt vào cái xác bị cào xé tan hoang. Ngực bị khoét để lộ trái tim sứt mẻ tả tơi. Bụng trống hoác, chẳng còn chút gì là gan ruột của một con người.

Người tù dĩ nhiên không trông thấy được cái xác phơi mở trên lưng anh, nhưng nhìn những gì rơi vãi trên mặt đất đỏ, anh cũng đoán được là chẳng còn hình tượng gì của một con người đã từng được xưng tụng như thánh sống. Vẫn chỉ là một đồng thịt, dù mau hay lâu, cũng bị thối rữa thể thối.

Vậy thì một con người, cái điều đáng nói, ấy là nếu không làm được điều gì tốt đẹp thì cũng đừng nên làm điều gì xấu xa. Quan trọng chính là không làm điều gì xấu.

Lũ quạ bỗng dung bay đi, bỏ lại những cái xác của đồng bọn. Mặt trời đang thụt xuống sau lưng những mồm núi. Bóng đêm từ các hốc hang lặng lẽ trườn ra chiếm lĩnh. Mặt đất bắt đầu chớm lạnh, rồi lạnh và sau cùng là lạnh ngắt. Giờ là lúc người tù phải đối mặt với đêm tối mênh mông và cô đơn cùng tột. Anh mệt mỏi định nằm xuống nhưng cái xác méo mó chông chênh không cho anh nằm ngửa. Anh ngồi ôm gối, gục đầu vào hai cánh tay. Ngủ, ước gì ngủ được một chút. Bao lâu nay anh chỉ có mê một chữ không biết đến ngủ ngon một giấc là gì.

Yên lặng quá. Tiếng đá lăn càng làm cho sự yên lặng rõ rệt hơn. Lũ quạ thế mà cũng được việc. Có chúng đầu sao cũng đỡ buồn. Nghe chúng ca mãi bài ca quạ quạ cũng chán. Nhưng đánh nhau với chúng thì thật sợng tay. Chúng đi đâu nhĩ, đi đón thần chết sao? A, lúc này chính là lúc thuận tiện nhất để thần chết đến. Thì cứ đến đi, mi cũng là một lãnh tụ ưa rình rang, lúc nào cũng có thuộc hạ xun xoe. Ta thích đối mặt với mi một cách ngang ngửa.

Vào lúc đêm lên thật sự, người tù nằm co quắp trên đất lạnh. Hồn ma của lãnh tụ đến xem cái xác của chính mình, khóc rống lên một tiếng, rồi bỏ đi.

## 12

Và, giữa hai người đã thân nhau như tay với chân, như cành với cội, đã hòa hợp tuyệt hảo như giữa đêm và ngày để thu xếp ôn nhu đời sống thuận hòa. Một nguồn nước ấm của tuổi thơ chảy bỗng qua đỉnh thời gian, lướt qua dặm ngàn quá khứ, để rồi reo vui đổ vào hiện tại, sáng ngời và đẹp như một cái thác dưới ánh trăng. Hai người đã trở thành hai nhạc công thuần thục dưới sự điều khiển tài tình của ngôi sao chiếu mệnh, trong một hòa tấu khúc đơn giản mà vĩ đại, hòa tấu khúc bao la của tình nghĩa vợ chồng.

Họ có một ngôi nhà nhỏ, nhỏ và vụng như tổ chim cu, do bàn

tay chỉ biết cầm gươm của người cha bị rượt đuổi đến tận cùng trời cuối đất, dựng nên.

Một lần nọ gục ngã dưới chân đồi, với vết thương trí mạng, ông đã được một người đàn bà không đẹp chở che, chăm sóc. Khi vết thương đã lên da thì cũng là lúc ông nhận ra rằng, đây là nơi chốn ông có thể vui chôn những giấc mộng hải hồ.

Tưởng chừng sẽ chết già ở đây cùng với vợ con, nhưng khi bà vừa mang trong mình giọt máu đầu tiên của ông, thì kẻ thù đã tìm đến. Ông bị bắt phải đào huyết cho chính mình, rồi họ tiễn ông đi vào lòng đất bằng chính đai cuốc ông vừa đào. Công việc còn lại dành cho người vợ là đắp thành mộ cùng với nước mắt.

Đứa bé không hề biết mặt cha và cũng chỉ nhớ mang máng khuôn mặt mẹ mình, khi bà cũng ra đi quá sớm lúc bé mới lên năm. Ở tuổi đó, chú chưa biết gì đến săn thú, làm rẫy. Chú chỉ biết đi thả diều, tắm suối và nghe ngẩn ngẩn cười trên lưng bò. Nhưng hết thầy những người lân tuất đã chìa tay ra đón chú. Chẳng những họ nuôi chú lớn lên, mà sau đó, còn dạy cho chú biết cày bừa, chỉ cho chú biết ủ giống, biết bẫy con chồn con sóc và chú học khá nhanh.

Một lúc nào không hay, khi trở thành một thanh niên rắn rỏi, chú đã biết tự chăm sóc mùa màng bằng lòng yêu thương và đôi tay khéo léo. Chú thường bảo với cô bạn nhỏ của chú rằng, nếu không yêu đất, không yêu lúa bắp cỏ cây, thì nên bỏ cả mà đi làm phu đường rầy. Nếu tôi làm một cách lười nhác, hờ hững, thì tôi chẳng những phụ người mà còn phụ đất. Khi bỏ một lưỡi cuốc vào đất hay chạy một đường cày, tôi nghe như có tiếng rên nho nhỏ. Đất cũng biết đau kia đây, nhưng đất sẵn sàng chịu đau cho ta được mùa. Nàng không hiểu những lời chú nói, nhưng nàng thích cái vẻ nâng niu cây trái cỏ hoa của chú.

Họ có một tuổi thơ bên nhau cũng bình thường như mọi đứa trẻ ruộng rẫy khác. Ngoài chuyện bẫy thú bắt cá, chuyện tắm suối tắm sông, họ có những bí mật riêng tư chỉ có hai người biết.

Họ thường đuổi nhau trên đồi rồi nằm dài nghe chính mình và ngọn đồi cùng thờ. Không ai tin được, nhưng họ tin ngọn đồi

có một trái tim không lờ. Họ úp mặt lên đất, nghiêng tai lắng nghe từng nhịp đập của nó vang dội trong ngực mình. Hai người không bao giờ nhận ra trái đồi cùng đập giống nhau, nhưng họ tin một cách chắc chắn họ sẽ sống cùng nhau.

Thì đúng là không có niềm tin nào đơn sơ và chắc chắn như thế. Bây giờ họ đang sống như hai con chim trống và mái trong tổ chim cu. Họ sống một đời nghèo mà vui. Chàng cây xới còn nằng thì gieo hạt, hái quả. Chàng đi săn bằng cách đặt bẫy và làm thịt con mồi, còn nàng thì nấu nướng để bạn bè đánh chén. Đêm hai người ngủ bên nhau như hai trẻ mồ côi nghèo khó. Thỉnh thoảng họ làm công việc của lũ chim trống và mái để đẻ trứng nở con. Họ không ham hố ngấu nghiến mà từ tốn dịu dàng, như thể họ ngại động đến thỉnh không, đất trời cây cỏ. Họ kính cẩn đợi chờ như lúc làm mùa gieo hạt. Họ tin tưởng rất nghiêm túc rằng, họ đang lao tác cho những mùa vàng và họ trông chờ đứa bé sinh ra như chờ hạt giống nảy mầm.

Thường khi, sau những vụ làm mùa được gọi là lên đồng, họ bày mâm cỗ để tạ ơn đất trời, tạ ơn mưa nắng, tạ ơn gió và sương đã chăm sóc cho con cái họ là hoa màu tốt tươi. Họ vui vẻ mà thành kính. Họ trái lòng mình ra như chiếu trái trên cỏ cho đất trời trông thấy. Đối với họ, đất trời như mẹ cha. Cha là mặt trời nghiêm cần mạnh mẽ, mẹ là mặt trăng nhân ái hiền từ, bằng hữu là xa gần tinh tú. Họ sống mà chẳng biết hận thù đang vây bủa, những buộc ràng của phe này phái nọ, những tòn mún nhỏ nhen, những tị hiềm ganh ghét, đến cả những biên cương đầm máu tranh giành. Họ cứ tưởng cuộc sống là nối tiếp những bờ vui. Họ không ngờ có một ngày, những kẻ thù dai dẳng của người cha, đã như những con quạ đen xộc vào tổ chim cu của họ.

Đó là một ngày tháng ba lúa vừa gặt xong, bắp đỗ cũng đã hái. Lặn trong bóng chiều, tiếng con chim hít cô vẫn tha thiết gọi hồn người cô đói khát trở về với đồng vàng lúa chín. Vợ chồng đang bày mâm cỗ tạ ơn đất trời, thì một bọn người có đủ xe pháo, đèn thộp cổ người chồng như xách tai một con thỏ. Không cần biết tới người vợ bụng mang dạ chửa đang nằm lẩn trên đất kêu gào thảm thiết, bọn họ trói quặp hai tay người chồng đem đi, sau khi đã ném vào lều một mồi lửa.

Đôi khi, hay nhiều khi, sự ngầy thơ bình dị được trả giá như thế. Sinh ra đã khó khăn rồi, sống còn khó khăn hơn nữa. Bởi vì sống đâu chỉ có sẵn bần, hái lượm như xưa. Sống, còn là nhà cửa ruộng vườn, là mảnh đất cật rồn chôn nhau, là tự do thức ngủ, là đi lại nói cười, là kiếm tìm tri thức... Nhưng dưới bóng mặt trời này, ai bảo với anh là có quyền được sống. Anh chỉ có mỗi một quyền là được chết, còn họ có quyền được giết, anh không biết vậy sao?

### 13

Đã qua rồi một đêm lạnh tím ruột gan, qua rồi một đêm tim óc tưởng chừng đông cứng. Cái xác đã bớt mùi hôi. Nhưng bánh và nước đã không còn. Lũ quạ đã giẫm đạp cho nát tan.

Tuy vậy, đêm đã lại giúp anh tươi tỉnh. Anh tin là mình có thể chịu đựng thêm một ngày dài nữa. Mình cũng gan cóc tía đây chứ, anh nghĩ, không gan mà sống được đến giờ này sao!

Trên cao kia, lũ quạ bắt đầu một ngày mới với tiếng chào nhau quạ quạ đến đỉnh tai điếc óc. Chúng rạch nát bầu trời bằng những đôi cánh đen. Chúng lượn vòng từ cao xuống thấp, rồi lại từ thấp lên cao. Chúng gầm ghè khoe mẽ, làm như thể bộ cánh đen ấy là cực kỳ bánh chọe, giàu sang và quý phái. Sau cái nghi thức đáng ghét của thần chết, chúng sà thấp sát đầu anh.

Chúng tham lam phóng thẳng những cái mỏ nhọn vào người, cắn xé bất cứ thứ gì cắn xé được, ngay cả thịt da anh, quần áo anh. Sau một đêm, những miếng thịt chua rệu đã không còn trong những cái diều dơ bẩn. Chúng đang đói, rất háo ăn. Chúng muốn ăn ngay cả anh. Nhưng lần này, anh không cho phép chúng hỗn hào như thế. Sức trẻ và hơi đêm mát lạnh đã giúp anh đứng lên được. Trong tay anh lại có cây gậy. Anh bậm môi đứng thủ thế như một hiệp sĩ.

Anh vùng gậy lên. Lũ quạ bất ngờ thấy anh có vũ khí liền bay ra xa. Quạ quạ! Cái thằng người chết tiệt, cái gã toi đâm, mày chọc giận bọn tao hả, quạ quạ!

Không phải vài trăm con mà có cả ngàn con. Dường như bao

nhieu quạ ở khắp vùng đều kéo về đây. Và vì đông nghịt như thế, nên chẳng gây, chẳng gươm nào làm cho chúng sợ. Chúng lại bay lượn trên đầu như cả một đám mây đen. Chúng khiến anh dù có sắp chết cũng không thể đứng đó mà nhìn. Ở chúng, có một vẻ gì vừa ti tiện, vừa xác lão làm anh kinh tởm. Thà anh chết rục trong một vũng bùn nào đó, chứ không thể chết dưới những đôi cánh bẩn thỉu và trong những cái mỏ hôi hám của chúng.

Quạ quạ!

Chúng lại lao tới tấp vào người anh. Bụi đỏ tung lên mù mịt. Anh không nhìn thấy gì, chỉ biết vùng đại cây gây lên, quơ ngang quơ dọc như một kiếm sĩ mù. Chúng nhiều đến nỗi, dù quơ lung tung như thế, nhưng đầu gây lần nào anh cũng đánh trúng. Anh khoái chí reo lên: trúng này! Và trúng thật, cây gây đã tìm đúng ngực kẻ thù. Một tiếng bịch phát ra, một xác quạ rơi xuống. Một con. Hai con. Nhiều quá, đến cả chục con. Nhưng lũ quạ không vì thấy đồng loại chết mà hoảng sợ. Trái lại, chúng hăng máu hơn, lì lợm hơn, đâm bổ vào anh như một bầy sói.

Anh bị xô ngã, cây gây tuốt khỏi tay. Hàng trăm cái mỏ tranh nhau xé những miếng thịt da lớn. Chúng kéo những khúc ruột còn sót lại đêm qua, gặm cạp lột sột vào những xương, những gân. Thế rồi, chúng lôi ra được trái tim, đúng là trái tim của lãnh tụ, to, đen, tơ tốt như trái bóng làm bằng giẻ rách mà lũ trẻ con chân đất nhà quê thường chơi. Chúng cũng giành nhau trong bụi mù như lũ trẻ, nhưng để nuốt chứ không phải đá vào gôn.

Anh ngồi gục đầu, úp mặt trên hai đầu gối, cố sức giữ kín ngực mình, để mặc chúng muốn cắn muốn xé gì cũng được. Cả cái xác lãnh tụ trên lưng anh, chỉ trong chốc lát đã nằm trong những cái điều hôi thối. Phải chăng đó là cách chôn dấu những sai lầm ngu si đáng xấu hổ?

Bọn chúng no nê, đắc thắng, kêu quạ quạ bay lên những mỏm đá. Chúng đứng rìa lông cho nhau, đú đờn, chờ đợi một bữa tiệc khác.

Cái lòng chảo đỏ như máu, giờ nhor nhóp với những xác quạ

đen, những khúc xương trắng, những thừng những xích. Thôi thế cũng được. Chẳng còn dòi, chẳng còn thịt da mục rữa, cứ mỗi bước đi là kêu nhóc nhách. Chỉ còn mỗi mình anh với nỗi trống không. Và đây là tự do, một tự do vô cùng bi thiết. Anh sẽ cố tìm đến một hốc hang, sẽ giấu mình trong đó. Chỉ có bóng tối và anh, chỉ có cái nhà mô vĩnh cửu là đá. Anh không việc gì phải dấu chôn trong những cái điều hồi hám.

Anh đứng lên, cảm thấy người trở nên nhẹ và rộng. Anh lão đảo, ngật ngừ. Anh như đứa trẻ tập đi, xệnh xạng, ngã lên ngã xuống. Nhưng mà vui. Anh thấy cái gì cũng mới, cũng ngộ.

Cả một bộ xương của lãnh tụ được lũ chim tháo tung ra vung vãi. Đây là xương sọ với hai hốc mắt đen và hàm răng giả, trước kia chứa đầy những mưu mô, những lọc lừa, những biến lộn, những tham vọng cuồng điên, giờ nằm lán lóc như một cái bình vỡ cũ bỏ lại bên đường. Và đây là xương ức, xương sườn, cả xương bánh chè, xương háng, xương hông như cột kèo, mè rui của một ngôi nhà, đổ sụm xuống. Chẳng khác gì xương súc vật sau những cơn đại dịch.

Anh trông thấy nàng chạy quanh đồi một mình. Đôi móng nàng như hai quả dưa hấu. Nàng chạy và chạy mãi, miệng không ngớt gọi tên anh như một lời cầu đảo. Nàng vẫn tươi trẻ ngọt ngào. Xương chân của nàng thật rắn chắc. Anh nhớ là mình cũng mạnh khỏe tốt tươi như thế. Anh đã từng là con hoẵng, con nai. Nếu nàng biết được anh sắp bị tháo tung ra như thế kia, chắc nàng sẽ đau xót vô cùng. Nhất định là nàng sẽ nhặt nhanh không bỏ sót một chút nào, một sợi tóc cũng không. Nàng sẽ lau rửa bằng nước mắt, sẽ bọc trong chiếc áo tắm mồ hôi. Nàng sẽ mang anh theo bên mình như đang mang đứa con trong bụng.

Anh thấy nàng đỏ áy trong bóng chiều và trong sắc đỏ của lửa. Nàng ngồi ở chỗ hai người thường ngồi. Ở đó, anh và nàng vẫn thường nhìn cái bóng nặng lặng im lướt qua bãi cỏ. Đó là lúc hai người nhìn rõ bước đi của thời gian. Phải nói là chạy vì quá nhanh. Rồi đêm xuống bình yên như để cho thời gian nghỉ ngơi. Cũng có thể là thời gian ngừng lại để cho hai người yêu nhau.

Người tù đã đi được nhiều bước. Không còn xiên xẹo ngã

nghiêng, anh đi bằng những bước chậm và chắc. Chiếc gậy giúp anh tựa vào để khỏi bị ngã. Anh đếm đủ năm mươi bước thì dừng lại để thở. Không còn mùi xác chết, anh cảm thấy không khí ở đây tuy nóng nhưng rất trong lành. Núi trước mặt anh gần hơn. Những khe sâu, những hẻm kín đã dần dần hiện ra. Anh bồi hồi như thể đó là một góc của nhà anh. Một cảm giác mát dịu giúp anh tin rằng, chắc chắn mình sẽ tới được nơi đó. Hơn lúc nào hết, cái hóc hẻm đó giờ đây là chốn thường trú của thiên đường. Phải tới đó thôi, lũ quạ đã bắt đầu gào la đòi anh bỏ lại xác thân cho chúng.

Một giờ!

Rồi thêm nhiều giờ!

Sau cùng là đến cuối ngày với một hoàng hôn khô róc.

Dù bị khát cháy cổ, dù bị lũ quạ liên tục tấn công, khiến vai áo anh bị xé rách, thịt da anh bị cào xước, những giọt máu hiểm hoi đã rơi xuống, nhưng anh cũng đã tới được nơi muốn tới. Núi đón anh vào khe như con gà mái xòe cánh ra cho đàn con trốn núp. Từ trong hốc hang này, lũ quạ dường như đã lạc mất phương hướng.

Phải nói là anh lết tới thì đúng hơn. Tay anh tươm máu. Nhưng anh đã tới được cái nhà mờ kín đáo của mình. Có thể gọi đó là một kỳ công. Chưa khi nào trong đời, anh vượt qua được một thử thách nghiệt ngã, cam go như thế. Anh rất vui, dù biết rằng mình chỉ có thể sống thêm được một vài giờ nữa. Anh có thể nhịn đói chứ không thể nhịn khát. Lúc này ước gì có một cơn mưa.

Anh sai mình nằm dài trên đất, mơ hồ nghe tiếng quạ kêu như tiếng kinh cầu hồn.

## 14

Có một lúc người tù nhìn mặt được cái chết. Nó khác hẳn với những gì anh đã nghĩ tới và tưởng tượng ra. Nó không phải là con quỷ nhập tràng với hai chiếc răng nanh luôn nhô máu. Nó cũng không phải là một yêu nữ xoa tóc, đêm đêm chui vào giường để hút hết tinh lực của những anh chàng đại gái. Nó không mang đôi cánh đen dài lướt phượt với lưỡi hái trong tay. Nó cũng không nhe hàm răng trắng nhồn mà không một tiếng cười.

Nó không phải vậy.

Nó như anh!

Nó cũng buồn rầu mỗi một, cũng đơn độc bi thiết như bị bỏ rơi. Cặp mắt nó đen, sâu thẳm, nhưng không như hai hốc mắt của đầu lâu, mà sâu êm đến nỗi người ta có thể bình yên chui tuột vào đó.

Bằng cách nào? Từ lòng đất chui lên, từ trong các hốc đá bò ra, hay từ trời cao đáp xuống?

Anh không rõ. Anh chỉ thấy nó ở bên mình, gần gũi thân quen, như đã từng chung sống với nhau dưới một mái nhà.

Hắn ngồi xồm trên đất, hai bàn tay với những ngón dài và nhỏ, ôm lấy hai đầu gối tựa cằm lên, tai hơi vênh như sẵn sàng lắng nghe những lời khóc than xin xỏ. Hắn chỉ nhìn, không nói. Hắn ân cần một cách tinh tế. Hắn như cha đạo đứng trước con chiên trong giờ phút lâm chung.

Khi nhìn thấy hắn, anh ngạc nhiên đến độ muốn kêu lên. Anh nhìn hắn từ đầu đến chân với cái nhìn thô bạo. Anh như muốn sờ nắn xem hắn có thật không. Anh muốn vỗ vai, nhắc nhở hắn lên. Anh không tin hắn giống mình. Nhưng khi nhìn thấy cái nụ cười hơi diều cợt, hơi lạnh lẽo buồn rầu của hắn xuyên lướt qua tim óc, thì anh tin là hắn có thật. Hắn chỉ khác anh cái hơi lạnh đặc biệt chỉ có hắn mới toát ra được.

Đúng là y như một con người. Hắn giống anh như hai anh em song sinh. Nhưng cái hơi lạnh ấy lại làm cho hắn không phải người, cũng không phải cái bóng, lại càng không phải là một ảo ảnh.

Hắn ngồi gọn gàng, nhỏ nhắn, với một dáng vẻ hết sức dễ thương, y như một cô gái vừa rụt rè vừa tình tứ, đang ngồi bên cạnh chàng trai yêu dấu của lòng mình. Hai bàn chân hắn ngập sâu trong bụi đỏ và đôi móng hắn chạm đất khít khao.

Rõ ràng là như thế, nhưng cũng thật lạ lùng là hắn như đang có vẻ lúng lợ. Hắn như đang ngồi giữa khoảng không, nhìn anh với cái nhìn kiên nhẫn của kẻ biết cách đợi chờ.

Đột nhiên, anh cảm thấy run sợ. Anh thực sự bối rối trước cái

nhìn của hắn, như con chuột bắt gặp cái nhìn của con mèo. Anh thôi không dám nhìn hắn. Cái hơi lạnh kỳ lạ không ngớt tuôn ra từ đôi mắt đẹp của hắn, như hai luồng nhân điện trong mắt người thôi miên. Nó làm cho bao nhiêu xương cốt của anh như sắp tan ra. Anh giống như con sứa với trái tim thoi thóp sắp tan chảy dưới ánh mặt trời..

Ôi, cái chết cũng lại là một tên sai dịch nữa sao? Ta trông người quen thuộc như anh em bè bạn. Người nữ lòng nào hành hạ ta thêm nữa. Một cách hào phóng, nhân hậu, xin người hãy mau thọc tay vào ngực ta, nắm lấy trái tim dai dẳng trung thành. Nắm lấy nó và mang đi. Ta chỉ còn có ngân ấy để lấy vé vào vương quốc của người. Xin hãy nhanh tay lên, ta mệt mỏi quá rồi.

Nhưng khi hắn nâng bàn tay xương xẩu của hắn lên, định đặt vào phía bên trái ngực anh, nơi trái tim nhỏ bé nhưng dũng mãnh đang cố thủ, thì đột nhiên anh cảm thấy mình tội tệ thấp hèn, sao lại có thể mời mọc cho không như thế. Nếu trái tim là đứa con, thì anh là người cha khốn nạn. Nếu là người tình thì anh là kẻ bạc tình hèn hạ. Anh đã từng muốn chơi ngang ngửa với hắn kia mà. Chưa đánh nhau với hắn một trận mà đã đầu hàng sao?

Anh đặt tay lên ngực mình, quyết không cho bàn tay bẩn thỉu của hắn chạm vào. Anh ngẩng cao đầu thách đố. Nhưng cái chết rất khôn ngoan và lịch lãm. Hắn đã đoán trước phản ứng của anh, nên bằng một cử chỉ thân mật, hắn đặt tay lên vai anh, vỗ vỗ. Tức khắc, hắn làm dịu ngay cơn hốt hoảng của anh. Và, bằng cái nhìn của một người tình hứa hẹn sẽ hiến dâng thể xác nhưng chưa phải lúc này, hắn đứng dậy cáo từ. Đôi môi mỏng của hắn bỗng trở nên ẩm áp với một nụ cười tuyệt diệu. Cho đến khi hắn mờ dần rồi tan loãng, anh hãy còn ngẩn ngơ. Anh vẫn chưa tin được cái chết sao lại dịu dàng, dễ yêu mà cũng dễ ghét như thế.

Đã hai ngày không có một giọt nước, cái chết đem anh đi lúc nào mà chẳng được. Nó chỉ muốn ốm ờ đùa chơi một chút vậy thôi. Nó như một cô gái lọc lừa, ngả ngớn với anh tình nhân già. Ầ ừa bàn tay mân mê khắp nơi, bàn tay với những ngón

mê đắm như thuốc phiện, lần mò đến cái nơi thiết yếu nhất, và một cách lả lơi cợt nhả, một cách như thử cho vui vầy thôi, một cách nũng nịu ngọt ngào, rút lấy cái bóp phổi, rồi lấy tập sét bảo ký cho à một ngân phiếu bằng cả một cuộc đời. Vậy nên, khi cái chết đông đánh bỏ đi, anh cảm thấy cô độc hơn bao giờ. Anh đang sống, dù chỉ trong chớp mắt tâm trạng của một người bị tình phụ, nhưng không giận nàng mà chỉ giận mình.

Anh nhìn cái hốc đá với cái nhìn ngạc nhiên. Cả cái lòng chảo đồ sộ ngoài kia như mới thấy lần đầu, chứ không phải đã sống và đã chết cùng với nó từng phút từng giờ. Không biết là lần thứ bao nhiêu, anh muốn biết vì sao lại bị đẩy ải đến nơi đây, vì sao phải chịu một cực hình có lẽ từ xưa đến nay, chưa có ai phải chịu như anh. Và vì sao, yêu lấy ngọn đồi và ruộng rẫy, chung lưng đấu cật với xóm giềng lân tuất lại là một trọng tội? Cho đến giây phút cuối cùng chạm mặt với cái chết, anh vẫn còn ảm ức.

Thực ra, cái chết kéo dài này là để cho cha anh, nhưng lúc ấy bọn họ chưa kịp nghĩ ra. Mặc dù đã trốn chạy đến tận chân trời góc bể, nhưng cái án tích phản động vẫn đuổi theo mãi đời ông. Đánh rắn phải đánh đứt nọc. Nhỏ cô phải nhỏ tận gốc. Chẳng những nhỏ mà còn làm cho tận mạt điều đứng mới thôi. Anh là cái giá phải trả luôn cả gốc lẫn lá, cho nỗi khiếp sợ và căm giận của bọn họ.

Giờ đây, cái chết đúng là một sự giải thoát. Nhưng cái cách tiếp cận của hắn làm cho anh khó chịu. Hiển nhiên, cái chết sẽ trở lại trong đêm nay. Anh biết chắc như thế vì cái nhìn hứa hẹn của hắn. Hắn sẽ tới không như người bạn nữa. Hắn sẽ tới, có lẽ, như một con buôn. Hắn sẽ mua lấy thân thể anh, đập vỡ tất cả xương thịt, chỉ để lấy một trái tim rực sáng như người ta lấy ngọc ở những con trai.

Anh bỗng trở nên khúc mắc, ngại ngùng. Anh cảm thấy rõ rệt là cùng lúc vừa mong hắn tới, lại vừa mong hắn bận gì đó không tới. Anh nửa muốn được giải thoát vì những khổ đau nhục nhã hết chịu đựng nổi, nửa hãy còn bịn rịn không muốn rời xa cuộc sống. Anh hãy còn xúc động khi nghe trái tim vẫn

đập bồi hồi trong lồng ngực. Trái tim trĩu trĩu tội nghiệp vẫn thoi thóp lên tiếng đòi được sống, cho dù là sống trong cuộc lưu đày.

Người tù nhìn xuống cái thân thể quanh hiu, nghèo nàn của mình. Nó giống như một chiếc áo tồi tàn sấp bở lại trên trần gian. Những tay, những chân, những môi, những miệng, xác xơ như thế này còn giữ lại cho ai! Anh bây giờ như một cây bị tước trụi lá, như một hải đảo trên một cái biển chết không còn nước. Anh trở ra với nỗi vô duyên thừa thãi. Chỉ có lũ quạ đen là thực sự chờ mong anh với tất cả thèm thuồng.

Đêm đã đầy tràn, nhưng cái chết nhông nhảnh vẫn chưa chịu đến. Hắn vẫn còn dạo chơi đầu đó trên những mòm đá đen. Hắn bắt anh phải chờ như thuyền đợi con nước lên.

Anh thoi thóp chờ!

Và trong nỗi mong đợi hắt hiu, hình ảnh nàng hiện ra trong trí anh như một dấu chấm than tội nghiệp.

Sau cùng, thì hắn cũng đến. Hắn mang theo một cái bọc đen ngòm. Hắn đến sát bên anh như một bác sĩ ân cần đến thăm con bệnh. Anh không còn đủ sức để chào mời hay đuổi xua. Anh để mặc hắn muốn làm gì thì làm.

Đầu tiên, hắn vuốt ve chân tay anh. Bàn tay quý quái của hắn chạm tới đâu là hơi lạnh tràn theo tới đó. Rồi hắn lôi từ trong bọc ra những thỏi đen dài mịn như than đước. Hắn nhẹ nhàng luồn vào hai chân anh. Rồi hai tay. Rồi bụng, ngực. Và sau cùng là đầu. Những thỏi đen khô rỗng hút nước nhanh như bọt biển. Anh cảm thấy cả người đen như đêm ba mươi. Hắn cũng đen. Chỉ có trái tim anh rực sáng và bất ngờ bay vọt ra khỏi bóng tối. Bay, bay vút lên trời cao với đường bay xanh biếc như sao băng.

## 15

Cơn bão học làm sang có sức mạnh của một ngọn lửa, nó đốt cháy những ngọn đồi xinh như ngực của thiếu nữ, thiêu rụi những cánh đồng đầm đìa lúa xanh con gái, thổi bay những tổ chim cu của dân nghèo ruộng rẫy. Bão không thổi tới từ biển Đông mênh mông sóng dậy mà từ những căn phòng mát lạnh

thơm tho. Thần gió là những người đi xe bóng lộn vào ra các công sở cấm tụ tập đông người, ở đó sâm banh chảy như suối để ăn mừng cho những kỳ công chiếm đoạt.

Một màu xanh nâng niu của cỏ không phải để cho trâu bò ngu si ngớ ngẩn mà để cho người, những kẻ bay lượn trên trời như chim từ những dinh thự lộng lẫy. Với áo quần giày vớ và mũ kiếng hàng hiệu, họ đi lại trên cỏ như những con đà điểu được chăm nuôi đài các, cầm những cây gậy thanh mảnh đánh những trái bóng trắng như tuyết

Một người mẹ trẻ sau một ngày cực nhọc đẩy xe chạy theo những người có cánh, trở về với đứa con nhỏ. Bé đang chơi một mình với cây sậy và trái bóng bằng đất sét.

Trời chạng vạng đẹp như trong thiên đường với màu cỏ xanh như rêu và nền trời tím biếc. Hai mẹ con ngồi ăn cơm trên một chiếc chiếu, cứ coi như là một chiếc thảm bay cho hợp với những giấc mơ của họ.

Một ngôi sao đẹp và buồn lặng lẽ mọc lên ở chân trời. Không phải ngôi sao của những chàng mục đồng, mà là ngôi sao của những người lưu lạc trên chính quê hương mình.

Bé nói, ngôi sao của cha đã mọc lên rồi kia mẹ. Cha là hoàng tử phải không? Người mẹ nhìn theo hướng chỉ của con bỗng nghe tim mình nhói lên. Bé vẫn còn muốn nói nhiều nữa, nhưng mẹ bảo ăn nhanh kéo tối.

Khi mẹ đưa bé đi ngủ thì ngôi sao cũng lặn mất.

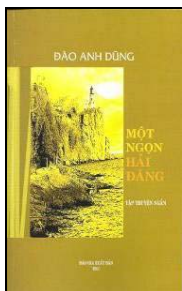
*Viết lần thứ nhất 1969*

*Viết lần thứ hai 2010*

## GIỚI THIỆU SÁCH

*Phụ trách: Phạm Văn Nhân*

*( LTS: Mục giới thiệu sách do anh Phạm Văn Nhân giới thiệu. Chúng tôi sẽ cố gắng đọc và rất trân trọng ở mỗi tác phẩm mà quý vị gửi tặng. Tuy nhiên vì trang báo có giới hạn, những tác phẩm trong và ngoài nước gửi đến chúng tôi nhận sớm sẽ giới thiệu sớm trong kỳ phát hành báo sớm nhất. Còn lại chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu sau trong những số kế tiếp)*



**MỘT NGỌN HẢI ĐĂNG** tập truyện ngắn của **Đào Anh Dũng** do Đào Gia xuất bản năm 2011. Sách dày 239 trang. Gồm 17 truyện ngắn. Giá bán 15 mỹ kim.

Với 17 truyện ngắn, nhà văn Đào Anh Dũng đã đưa độc giả đi từ truyện này đến truyện khác một cách thích thú. Thích thú với lối dựng truyện như kể chuyện cho người nghe. Những câu chuyện thật, với văn phong không cầu kỳ dễ đi vào lòng người, vừa chân thật, vừa cảm động, vừa nhân ái trong lối viết của Đào Anh Dũng.

Một nhà văn mới viết khoảng năm 2000, nhưng đã tạo nên một luồng gió mới trong lối dựng truyện.

Độc giả TQBT muốn có tập truyện ngắn Một Ngọn Hải Đăng xin liên lạc với tác giả qua địa chỉ e-mail: [daoanhdung.writer@gmail.com](mailto:daoanhdung.writer@gmail.com)



**Truyện ngắn 12 tác giả** do nhà xuất bản Thanh Niên phát hành. Tranh bìa Đinh Cường và Thân Trọng Minh. Thực hiện Nguyên Minh, Vương Chi Lan. Tháng 6- 2011.

12 tác giả gồm 6 tác giả trong nước: Nguyên Minh. Lữ Kiều. Khuất Đầu. Nguyễn Lệ Uyên. Sâm Thương. Trần Thị NgH. (\*).

6 tác giả ngoài nước: Phạm văn Nhân. Trần Hoài Thư. Lữ Quỳnh. Nguyễn Thị Ngọc Lan (Mỹ). Lê Bình An (Úc), Kiệt Tấn (Pháp). Theo lời nhà xuất bản: *họ là những nhà văn không còn trẻ đã có tác phẩm trên văn đàn miền Nam trước 1975. Sau thời điểm ấy, họ ngừng viết, cho đến giờ đây, họ cầm bút trở lại. Ba mươi sáu năm là độ lùi thời gian để họ nhìn lại mình, cũng để cho một thế hệ mới đọc giả nhìn họ.*

Còn trên tờ Tuổi Trẻ, phát hành ngày 29-7-2011: *Sự trở lại có phần tươi mát ấy vì thế cũng đủ để những người đọc cả mới lẫn cũ cảm thấy hứng thú để sẵn lòng “lang thang” cùng với những hoài niệm, những nỗi nhớ về quê hương, về ngày xưa, người xưa của các tác giả.*

Sách dày 198 trang. Có phần ghi tiểu sử ngắn gọn của từng tác giả. Sách bán trong nước 59.000VNĐ.

(\*) Nhà văn Trần thị NgH. hiện định cư ở Pháp, không phải ở VN như trong phần tiểu sử đã ghi (chủ thích của Tòa soạn TQBT)



**CHỖN XƯA** tập văn của Nguyễn Minh. Ý Thức xuất bản 2011. Sách dày 222 trang kể luôn phần Bạn Bè Nhìn Về Nguyễn Minh. Không ghi giá bán.

Chốn Xưa là một tập sách Nguyễn Minh ghi lại sự việc hình thành nên một tạp chí Ý Thức cùng với cơ sở in, nhà xuất bản. Ngay từ những ngày đầu khó khăn của một nhóm bạn thân, yêu văn chương chữ nghĩa, mà anh là một trong những người đã sáng lập nên một tạp chí văn học một thời trước 1975 (Ý Thức). Sau đó là những tình bạn, những mảnh đời vụn vặt, nổi trôi giữa dòng đời khô lụi. Nhưng, trong tâm thức của anh và của bạn bè đã quyết tâm dựng lại Ý Thức hôm nay.

Bên cạnh đó là những bài viết về anh qua những người bạn một thời nhìn về Nguyễn Minh, gồm Lữ Kiều. Trần Nhật Tân. Khuất Đầu. Nguyễn Lệ Uyên. Phạm văn Nhân. Trần Hoài Thư. Với Chốn Xưa sẽ giúp cho những nhà nghiên cứu văn học miền Nam có thêm nhiều dữ kiện để tìm hiểu thêm rõ ràng hơn khi viết về một trong những tạp chí văn học một thời của miền Nam trước 1975.



**Từ hải & ẩn sĩ** tập truyện ngắn và tản văn của **Hiếu Tân**. Nhà xuất bản Văn Học phát hành năm 2011. Tranh bìa Đinh Cường. Sách dày 134 trang. Giá bán 50.000 VNĐ. Sách được chia làm hai phần. Phần 1: Những truyện ngắn. Phần 2: Tiểu luận.

Hiếu Tân là một cây bút quen thuộc trên <http://www.vanchuongviet.org/>, một tờ báo mạng trong nước. Với lối viết sắc bén cộng với những nhận định chính xác, những bài viết và dịch thuật của ông đã gây được cảm tình và tiếng vang trong lòng độc giả. Không những: Từ Hải & Ân Sĩ mà còn những bài viết trên [vanchuongviet.org](http://www.vanchuongviet.org), một tờ báo mạng quy tụ nhiều cây viết trong và ngoài nước. Tác giả Hiếu Tân là một cây viết thường xuyên trên tờ báo mạng này.



**TRỊNH CÔNG SƠN - ÁNH NÉN VÀ BẠN BÈ** gồm nhiều người viết. Do Hội Nhà Văn xuất bản, năm 2011. Sách dày 274 trang. Giá bán 59.000 VNĐ.

*Trịnh Công Sơn - Ánh Nén Và Bạn Bè* là một tập sách gồm nhiều người viết, viết về một nhạc sĩ tài hoa. Với một tấm lòng thương mến mỗi khi nhắc đến ông.

Mười năm qua, kể từ ngày ông đi vào cõi vĩnh hằng, những ca khúc của ông vẫn vang lên giữa lòng phố thị, cũng như những làng mạc xa xôi hẻo lánh. Những ca khúc như những lời thì thầm về tình yêu, về thân phận con người, về khát vọng của dân tộc. Không hẳn ngày hôm nay mà còn trước năm 1975, những ca khúc của họ Trịnh vẫn đòi hỏi sống mãi. Do đó không chỉ có bạn bè của ông ghi lại qua tập sách *Trịnh Công Sơn - Ánh Nén và Bạn Bè* mà còn có nhiều người hơn nữa dành rất nhiều cảm tình sau mười năm ông nằm xuống. Những tên tuổi nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, nhạc sĩ đã góp bài viết về nhạc sĩ họ Trịnh này để tạo nên một “Trịnh Công Sơn - Ánh Nén và Bạn Bè”

Một nhạc sĩ đi vào lòng dân tộc. Đáng trân trọng. Trịnh Công Sơn 10 năm sau ngày ông nằm xuống.

# GIỮA TOÀ SOẠN VÀ THÂN HỮU

## Nhắn tin chung:

\* TQBT số 49 có chủ đề chính là NHỮNG MÙA GIÁNG SINH cùng KỶ NIỆM TQBT 11 tuổi.

Trân trọng mời quý thân hữu đóng góp bài vở. Thời hạn chót nhận bài là cuối tháng 10-2011.

\* Được sự đồng bảo trợ của nhà thơ Nguyễn Thanh Châu và tạp chí Thư Quán Bản Thảo, thi phẩm **Trước Sau** của Võ Chân Cầm được trình làng vào tháng 9 -2011, dành tặng bạn đọc hải ngoại. Bút hiệu Võ Chân Cầm rất quen thuộc với văn chương miền Nam trước 1975. Thi phẩm dày 170 trang, in hoàn toàn bằng loại giấy tốt. Quý bạn nào muốn có tập thơ tặng này, xin liên lạc về địa chỉ:

**NGUYỄN THANH CHÂU**

2617.W.OCOTILLO. Rd.UNIT 1

PHOENIX, AZ85017, USA

Email: [chauthanhnguyen@netzero.net](mailto:chauthanhnguyen@netzero.net)

\* Quý Ông TVC, LVC, TDH và Bà QV: Xin thành thật cảm ơn quý bạn. Chúng tôi đã gửi sách báo tặng đến địa chỉ của quý bạn theo như yêu cầu. Đừng bận tâm đến tiền bạc trả ơn. Nếu cảm thấy áy náy cứ tùy tâm bỏ vào bì thư tem cước phí.

## Thư của Ông Thanh Tâm (CA):

*...Tình cờ hôm nay tôi đọc tờ báo SAIGON TIMES, có đăng bài viết về Nhà Thơ Hoài Khanh. Tôi rất vui, Vì bản thân tôi đã ái mộ Thơ Của Nhà Thơ Hoài Khanh Từ thập niên 70 , nhưng rất tiếc tôi không có được trọn bài thơ BẾN CẦU (Ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng...) của Nhà Thơ Hoài Khanh mà tôi rất yêu thích từ mấy thập niên qua. Vậy nay nếu được xin Ông vui lòng cho tôi xin bài thơ ấy và một vài bài thơ khác của Nhà Thơ Hoài Khanh được không? Thành thật cảm ơn ông. Kính chúc ông và quý quyến an lạc....*

**Trả lời:** Chúng tôi đã gửi tặng ông gói sách gồm 3 thi phẩm của nhà thơ Hoài Khanh (Thân Phận, Lục Bát và Hương Sắc Mong Manh) do Thư Ấn Quán tái bản và xuất bản cùng tạp chí Thư Quán Bản Thảo số 34 chủ đề nhà thơ Hoài Khanh. Xin đừng bận tâm đến ơn nợ phải trả. Được thấy ông vui là chúng tôi vui rồi. Trân trọng.

**Thư của nhà văn Lê Sa (VN)**

*... Một hôm nơi đồng vắng bên chòi rẫy, có nhóm bạn cũ đến thăm, quanh ly rượu nhạt, họ cùng nhắc đến anh, một Trần Hoài Thư thưở nào...*

*...Trời ơi!*

*Hóa ra anh vẫn còn sống, Trần Hoài Thư Trần Quý Sách vẫn còn sống, anh Luân Hoán vẫn còn sống, và ai ai nữa, Nguyên Minh vẫn còn sống và tôi...tôi vẫn còn sống đây sao ?!*

*(thư ngày 15-8-2011 từ Phan Rang)*

**Trả lời:** Cảm ơn về lá thư viết tay từ một chòi rẫy ở Phan Rang, Mong anh xem TQBT sẽ là chỗ để chúng ta tái hợp sau những tháng năm nghiệt ngã...

Bài "Một đời trắng" của anh đọc rất thích. Nhất là cảnh anh tả ông ngoại bắt trắng bỏ vào thau để "vừa lòng" đứa cháu . Tôi xin được bỏ vào Phần Sống và Viết để thích hợp với nội dung hơn. Trân trọng. (THT)



